

| STT  | Mã xếp<br>giá | Nhan đề                                                                                                                                   | Số<br>lượng | Tác giả             | Phân loại | Giá tiền |
|------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|-----------|----------|
| 2105 | 100073952     | - Hệ thống kế toán hành chính - sự nghiệp 101 sơ đồ hướng dẫn hạch toán và chuyển sổ kế toán                                              | 5           | Đặng Văn Thanh      | 657       | 36400    |
| 37   | 100000737     | - 6 nền tảng của tình yêu - Wallin David                                                                                                  | 1           | Goldbart Stephen    | -1777     | 20,000   |
| 89   | 100001850     | - 125 sơ đồ kế toán lập và phân tích báo cáo tài chính                                                                                    | 2           | Bùi Văn Dương       | - 6572    | 22,000   |
| 91   | 100001865     | - 16 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính cho doanh nghiệp Được biên soạn trên cơ sở tham khảo các văn bản pháp quy mới nhất về kế toán | 8           | Võ Văn Nhị          | - 6571    | 36,400   |
| 133  | 100003768     | - 100 Tình huống giao tiếp tiếng Anh hiện đại 4500 Câu giao tiếp Anh - Việt                                                               | 1           | Ninh Hùng           | - 422     | 16,000   |
| 172  | 100007053     | - AutoCad 2000 Ứng dụng tin học phổ thông - Nguyễn Văn Hùng                                                                               | 2           | Lưu Triều Nguyên    | - 00668   | 112,000  |
| 387  | 100016587     | - 10 ngày học kế toán - Hoàng Huy Thông                                                                                                   | 2           | Lý Thị Minh Châu    | - 65704   | 39,000   |
| 426  | 100019527     | - 62 tình huống giao tiếp tiếng Anh qua tranh                                                                                             | 3           |                     | - 42216   | 20,000   |
| 431  | 100019734     | - 101 trò chơi đồ từ                                                                                                                      | 1           | Mccallum GeorgeP.   | - 428     | 18,000   |
| 482  | 100023740     | - 100 trăm bài tập tiếng Anh hữu ích = - One Hundred Useful Exercises In English - Nguyễn Trung Tánh                                      | 1           | Millington WardJohn | - 425     | 24,000   |
| 486  | 100023837     | - 595 câu hỏi và bài tập kỹ thuật điện                                                                                                    | 10          | Ngô Ngọc Thọ        | - 62131   | 19,200   |
| 540  | 100026157     | - 100 Câu hỏi - đáp về tự học ngoại ngữ                                                                                                   | 5           | Nguyễn Huy Côn      | - 42207   | 22,000   |
| 544  | 100026243     | - 44 tình huống thực hành đàm thoại tiếng Anh                                                                                             | 1           |                     | - 4228    | 36,000   |
| 550  | 100026429     | - Autocad 2000 Giải quyết các lỗi thường gặp                                                                                              | 1           | Nhóm tác giả Elicom | - 00668   | 104,000  |
| 601  | 100029092     | - 10 phút học máy tính mỗi ngày Đồ họa máy tính Khởi động và làm việc trong Coreldraw                                                     | 1           | Lê Quang Liêm       | - 00668   | 15,500   |
| 611  | 100029247     | - Access 2002 cho người mới bắt đầu                                                                                                       | 4           | Lê Minh Hiếu        | - 0057406 | 24,500   |
| 690  | 100030373     | - 120 mẫu chuyện vui Anh ViệtT2 = - 120 English-Vietnamese humorous stories - Nguyễn Thiện Văn                                            | 1           | Lương Vĩnh Kim      | - 422     | 15,000   |
| 709  | 100030996     | - Bách thuật giao tiếp                                                                                                                    | 1           | Nghiêm Việt Anh     | - 1771    | 37,000   |
| 735  | 100031971     | - 14 Truyền ngắn hiện đại Trung Quốc - Lê Bầu                                                                                             | 2           | Nhiều Tác giả       | - 8951301 | 36,000   |
| 754  | 100032540     | - Bài giảng kinh tế lượng                                                                                                                 | 6           | Nguyễn Quang Dong   | - 330     | 30,000   |
| 757  | 100032590     | - 100 bài tập luyện thi trắc nghiệm Tiếng Anh = - 100 comprehension level tests English                                                   | 2           | Trần Anh Thơ        | - 4212    | 38,000   |
| 803  | 100033666     | - 129 bài tập excel ứng dụng trong khoa học kỹ thuật                                                                                      | 4           | Trần Phú Thành      | - 00515   | 40,000   |
| 849  | 100035790     | - 300 câu dùng cho sát hạch, cấp giấy phép lái xe dùng cho xe cơ giới đường bộ                                                            | 1           | Lubrano Michele     | - 3430946 | 15,000   |
| 987  | 100037940     | - 210 bài tập ngữ pháp và đọc hiểu điền từ môn tiếng Anh Luyện thi tú tài cao đẳng-đại học                                                | 1           | Võ Nguyễn Xuân Tùng | - 42207   | 33,000   |
| 988  | 100038211     | - 360 động từ bất quy tắc & cách dùng các thì trong tiếng Anh                                                                             | 2           | Trần Minh Đức       | - 425     | 6,000    |
| 992  | 100038278     | - American streamline Connections - Nguyễn Thành Yển                                                                                      | 3           | Harms Henry R       | - 422     | 10,000   |
| 1002 | 100038433     | - 170 bài luận mẫu tiếng Anh mới nhất = - More English essays                                                                             | 1           | Phan Anh Hiền       | - 422     | 33,500   |
| 1008 | 100038525     | - American streamline Destination - Viney Peter                                                                                           | 1           | Harms Henry R       | - 422     | 16,000   |



|      |           |                                                                                                                                                        |    |                      |           |         |
|------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|-----------|---------|
| 1539 | 100047374 | - 101 câu hỏi về người ngoài trái đất                                                                                                                  | 4  | Trương Khánh Cải     | - 550     | 32,000  |
| 1573 | 100048545 | - Autocad 2000 Giải quyết các lỗi thường gặp T1                                                                                                        | 2  | Nhóm tác giả Elicom  | - 00668   | 104,000 |
| 1605 | 100048850 | - 100 câu hỏi và giải đáp về nghĩa vụ lao động công ích                                                                                                | 4  | Vũ Trọng Hách        | - 343013  | 25,000  |
| 1864 | 100053148 | - American literature                                                                                                                                  | 3  | Đinh Thị Minh Hiền   | - 810     | 13,500  |
| 2078 | 100055668 | - Bạc và đệm lót - Đỗ Tấn Dân                                                                                                                          | 1  | Chung Thế Quang      | - 66923   | 26,000  |
| 2081 | 100055723 | - 306 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp                                                                                                                       | 4  | Võ Văn Nhị           | - 6571    | 125,000 |
| 2125 | 100056533 | - 246 Cách gấp khăn ăn                                                                                                                                 | 2  | Kỳ Thanh             | - 6427    | 49,000  |
| 2279 | 100060760 | - An toàn điện                                                                                                                                         | 1  | Phan Thị Thu Vân     | - 62086   | 15,500  |
| 2442 | 100065298 | - Ăn thực dưỡng sinh Phòng bệnh bằng cách ăn uống đúng phép                                                                                            | 1  | Bùi Quốc Châu        | - 6415    | 10,000  |
| 2521 | 100066820 | - Bài giảng cơ sở lý thuyết hóa học - Lê Khánh An                                                                                                      | 1  | Bùi Thanh Huệ        | - 5412    | 30,000  |
| 2522 | 100066861 | - 2000 câu hỏi trắc nghiệm hóa học hữu cơ T1                                                                                                           | 1  | Ninh Ngọc Thanh      | - 547     | 45,000  |
| 2842 | 100073774 | - Adobe after effects chinh phục đỉnh cao - Kỹ xảo truyền hình dựng phim với sự trợ giúp của máy tính sách - Quang Long, Quang Long                    | 3  | Quang Huy            | - 00668   | 60,000  |
| 2926 | 100075773 | - Adobe photoshop 90 ghép và xử lý ảnh cũ - Ánh Tuyết, Quang Long, Quang Huy                                                                           | 3  | Ánh tuyết            | - 00668   | 60,000  |
| 2961 | 100077896 | - Atlas đồ gá ( Dùng cho sinh viên cơ khí thuộc các hệ đào tạo)                                                                                        | 3  | Trần Văn Địch        | - 621902  | 40,000  |
| 3359 | 100089646 | - American headway 1 Student book - John Liz                                                                                                           | 33 |                      | - 42207   |         |
| 3368 | 100090296 | - American headway 1 Wordkbook - John Liz                                                                                                              | 3  |                      | - 42207   |         |
| 3362 | 100089909 | - American headway 2 Wordbook - John Liz                                                                                                               | 3  |                      | - 42207   |         |
| 3365 | 100090147 | - American headway 2 Student book - John Liz                                                                                                           | 33 |                      | - 42207   |         |
| 3590 | 100093203 | - Audio và video số                                                                                                                                    | 2  | Đỗ Hoàng Tiến        | - 621388  | 47,000  |
| 3694 | 100093992 | - ANSYS và mô phỏng số trong công nghiệp bằng phần tử hữu hạn Giáo trình dùng cho các trường Đại học,Cao đẳngthuộc các hệ đào tạo - Nguyễn Trọng Giảng | 4  | Nguyễn Việt Hùng     | - 530     | 40,000  |
| 4027 | 100099617 | - Access 2003- tham khảo nhanh                                                                                                                         | 5  | Dương Thị Thùy Trang | - 0057406 | 7,500   |
| 4080 | 100100045 | - Ánh sáng màu sắc và công cụ xử lý ảnh                                                                                                                | 5  | Nguyễn Văn Lương     | - 00668   | 8,500   |
| 4444 | 100104265 | - 21Bài tập thực hành căn bản trong word 2007 Hướng dẫn sử dụng Microsoft office 2007 - Lê Quốc Bảo Anh                                                | 1  | Lê Quốc Bảo Anh      | -515      | 42,000  |
| 4445 | 100104299 | - 7 bài thực hành nâng cao trong Excel 2007 - Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office 2007 - Lê Quốc Bảo Anh                                                | 1  | Lê Quốc Bảo Anh      | - 00515   | 22,000  |
| 4495 | 100104792 | - 333 Sơ đồ kế toán áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp (Kể cả doanh nghiệp vừa và nhỏ)                                                             | 1  | Võ Văn Nhị           | - 6571    | 97,000  |
| 4498 | 100104834 | - 15 tiêu chuẩn căn bản giúp nắm vững các quy luật về thị trường chứng khoán và quy chế hoạt động công ty chứng khoán                                  | 1  | Đỗ Duy Việt          | - 33264   | 50,000  |
| 4573 | 100105787 | - An toàn thông tin Mạng máy tính, truyền tin số và truyền dữ liệu - Phạm Minh Việt                                                                    | 1  | Thái Hồng Nhị        | - 0058    | 32,000  |
| 4604 | 100106149 | - 101 thuật toán và chương trình bài toán khoa học kỹ thuật và kinh tế bằng ngôn ngữ C - Lê Đình Anh                                                   | 1  | Lê Văn Doanh         | - 005133  | 30,000  |
| 4848 | 100109354 | - Bài giảng kinh tế vĩ mô                                                                                                                              | 1  | Nguyễn Văn Ngọc      | - 339     | 75,000  |



|       |           |                                                                                                                                           |     |                  |            |         |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------------------|------------|---------|
| 4868  | 100109532 | - 100 thủ thuật cao cấp với công cụ tìm kiếm google - Hồng Phúc                                                                           | 1   | Nguyễn Ngọc Tuấn | - 00467    | 60,000  |
| 4895  | 100109826 | - 95 bài toán và giải pháp gỡ rối Java ẩn bản dành cho sinh viên - học sinh                                                               | 1   | Nguyễn Nam Thuận | - 005133   | 42,000  |
| 4968  | 100110558 | - 250 bài tập kỹ thuật điện tử - Thái Vĩnh Hiền                                                                                           | 1   | Nguyễn Thanh Trà | - 621381   | 23,500  |
| 4984  | 100110721 | - Ăng ten thông minh giải pháp cho thông tin di động trong tương lai                                                                      | 1   | Nguyễn Mạnh Hải  | - 6213824  | 13,000  |
| 5023  | 100111132 | - 261 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa - Lê Thị Tuyết Nhung                                                                          | 1   | Hà Thị Ngọc Hà   | - 6571     | 100,000 |
| 5097  | 100111839 | - 47 bài thực hành xử lý văn bản kiến thức căn bản về máy tính cho thư ký văn phòng                                                       | 1   | Đình Quang Hai   | - 00515    | 56,000  |
| 5181  | 100112749 | - Bác là Hồ Chí Minh - Lê Kim Dung                                                                                                        | 1   | Nguyễn Chí Thắng | - 3355271  | 16,500  |
| 5286  | 100114977 | - 100 chiến thuật tiếp thị du kích miễn phí                                                                                               | 1   | Hương Huy        | - 65881    | 33,000  |
| 5297  | 100115088 | - 6 sigma dành cho nhà quản lý                                                                                                            | 1   | Hương Huy        | - 658      | 34,000  |
| 5321  | 100115326 | - 26 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính doanh nghiệp Đã sửa đổi bổ sung theo QĐ 152006QĐ-BTC ban hành ngày 20-3-2006 của Bộ Tài Chính | 16  |                  | - 6571     |         |
| 5331  | 100115434 | - 351 tình huống kế toán tài chính - Nguyễn Xuân Hưng                                                                                     | 1   |                  | - 65746    |         |
| 5335  | 100115472 | - 22 chuẩn mực kế toán và kế toán tài chính cho doanh nghiệp Được biên soạn trên cơ sở tham khảo các văn bản pháp quy mới nhất về kế toán | 1   |                  | - 6571     |         |
| 5337  | 100115501 | - 6 sigma chiến lược đối với các nhà vô địch                                                                                              | 11  |                  | - 658001   |         |
| 5405  | 100116499 | - Advances in natural sciences                                                                                                            | 1   |                  | - 505      |         |
| 7405  | 100126691 | - Bài giảng lịch sử triết học                                                                                                             | 50  |                  | - 180      |         |
| 8120  | 100127766 | - 101 chiêu thức tiếp thị nhanh, rẻ và đơn giản nhưng cực kỳ hiệu quả                                                                     | 10  |                  | - 65881    |         |
| 8164  | 100127853 | - 8 bước thành công kinh doanh ngày nay                                                                                                   | 5   |                  | - 658001   |         |
| 8410  | 100128344 | - 81 sơ đồ kế toán và lập báo cáo tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp - Bùi Văn Dương, Lê Tuấn, Nguyễn Văn Hồng                         | 10  |                  | - 6571     |         |
| 8875  | 100130119 | - Anh văn chuyên ngành kế toán                                                                                                            | 9   |                  | - 657      |         |
| 9201  | 100132673 | - Bài giảng điện tử công xuất - dùng cho hệ Cao đẳng & Đại học - Trần Văn Hùng, Phạm Hữu Lộc                                              | 99  |                  | - 62138152 |         |
| 14497 | 100189536 | - Bài giảng học phần Luật kinh doanh - Cao Thùy Dương                                                                                     |     |                  | - 34307    |         |
| 14553 | 100189836 | - Bài giảng hình học họa hình - Vũ Hoàng Thái                                                                                             | 2   |                  | - 516023   |         |
| 15731 | 100196765 | - 170 bài luận mẫu tiếng Anh mới nhất = - More English essays - Phan Anh Hiền                                                             | 1   |                  | - 422      |         |
| 15747 | 100198615 | - 12 chủ điểm căn bản về phép chấm câu & lỗi thường gặp trong tiếng anh - Đoàn Kim Quang                                                  | 1   |                  | - 425      |         |
| 10653 | 100141224 | - Bài giảng thẩm định dự án đầu tư - Phạm Xuân Giang                                                                                      | 20  |                  | - 3326     |         |
| 584   | 100028835 | - Bã tắm                                                                                                                                  | 1   | Nhiều Tác giả    | - 89592301 | 36,000  |
| 4994  | 100110811 | - Bài luyện tập sử dụng Windows, Ms Word, Ms Excel dùng cho học sinh học chương trình nghề phổ thông - Huỳnh Kim Sen                      | 1   | Nguyễn Quang Bắc | - 00515    | 16,000  |
| 13175 | 100160613 | - Bài giảng vật lý 1 cơ - nhiệt - Nguyễn Hữu Thọ                                                                                          | 50  |                  | - 531      |         |
| 10393 | 100139774 | - Bài tập - bài giải nghiệp vụ ngân hàng thương mại - tín dụng ngân hàng - Phan Thị Cúc [và những người khác]                             | 100 |                  | - 3321     |         |
| 4437  | 100104195 | - Bài tập & bài giải Kế toán chi phí giá thành                                                                                            | 2   | Phan Đức Dũng    | - 657      | 48,500  |
| 4909  | 100109965 | - Bài tập & và bài giải thanh toán quốc tế - Phan Chung Thủy                                                                              | 1   | Nguyễn Minh Kiều | - 33245    | 36,500  |



|       |           |                                                                                                                                     |    |                      |            |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|------------|--------|
| 392   | 100017165 | - Bài tập bổ trợ ngữ pháp tiếng anh lớp 10                                                                                          | 1  | Trần Bá Kiểm         | - 42207    | 12,000 |
| 2316  | 100061648 | - Bài tập chi tiết máy - Võ Trần Khúc Nhã                                                                                           | 6  | Nitriportric S.N.    | - 62182    | 95,000 |
| 3068  | 100082351 | - Bài tập cơ học kết cấu                                                                                                            | 1  | Nguyễn Tài Trung     | - 531      | 38,000 |
| 160   | 100006538 | - Bài tập cơ học lý thuyết                                                                                                          | 1  | Moon Hwang Up        | - 531      | 11,500 |
| 1631  | 100050733 | - Bài tập cơ học T1 - Tĩnh học và động học - Nguyễn Nhật Lệ                                                                         | 2  |                      | - 5311     |        |
| 2998  | 100079349 | - Bài tập cơ học ứng dụng - Nguyễn Văn Vượng                                                                                        | 6  | Nguyễn Nhật Lệ       | - 620105   | 21,400 |
| 4581  | 100105854 | - Bài tập cơ sở kỹ thuật nhiệt - Đặng Quốc Phú                                                                                      | 2  | Phạm Lê Dân          | - 621402   | 17,000 |
| 4594  | 100106005 | - Bài tập cơ học T2 - Động lực học - Lê Doãn Hồng                                                                                   | 3  | Đỗ Sanh              | - 5311     | 18,500 |
| 2260  | 100060356 | - Bài tập cơ sở tự động                                                                                                             | 1  | Lương Văn Lăng       | - 629801   | 7,500  |
| 3000  | 100079402 | - Bài tập cung cấp điện                                                                                                             | 2  | Trần Quang Khánh     | - 621319   | 75,000 |
| 14557 | 100189856 | - Bài tập cung cấp nhiệt - Nguyễn Công Hân, Trương Ngọc Tuấn                                                                        | 2  |                      | - 621402   |        |
| 592   | 100028996 | - Bài tập dao động kỹ thuật                                                                                                         | 1  | Nguyễn Văn Khang     | - 6203     | 23,000 |
| 1763  | 100052629 | - Bài tập đàn hồi ứng dụng - Nguyễn Nhật Thăng                                                                                      | 1  | Nhữ Phương Mai       | - 53138    | 16,800 |
| 2202  | 100059053 | - Bài tập điều khiển tự động                                                                                                        | 1  | Nguyễn Thị Phương Hà | - 629801   | 16,500 |
| 2282  | 100060847 | - Bài tập hóa hữu cơ Dành cho sinh viên ngành hóa các trường đại học và cao đẳng - Trần Văn Thanh                                   | 1  |                      | - 547      |        |
| 2915  | 100074616 | - Bài tập dao động kỹ thuật - Nguyễn Nhật Lệ                                                                                        | 1  | Nguyễn Văn Khang     | - 6203     | 27,000 |
| 1039  | 100039008 | - Bài tập hóa kỹ thuật                                                                                                              | 1  | Phạm Việt Hùng       | - 661      | 38,000 |
| 6705  | 100125990 | - Bài tập hóa lý                                                                                                                    | 30 |                      | - 5413     |        |
| 14607 | 100190106 | - Bài tập hóa lý - Dịch từ tiếng Nga - E V Kiêlepva, G S Caretnhicôp, I V Cudooriasôp Lê Cộng Hòa, Diệp Văn Lâm, Đào Quý Chiệu dịch | 2  |                      | - 5413     |        |
| 85    | 100001794 | - Bài tập kế toán đại cương - Vũ Thị Thu Hằng                                                                                       | 1  | Nguyễn Việt          | - 657042   | 12,000 |
| 2965  | 100078060 | - Bài tập hóa sinh - Lê Ngọc Tú                                                                                                     | 2  | Nguyễn Thị Thịnh     | - 574192   | 23,000 |
| 4417  | 100103974 | - Bài tập kế toán đại cương                                                                                                         | 1  |                      | - 657042   | 17,000 |
| 4903  | 100109895 | - Bài tập kinh tế học vĩ mô chương trình cơ sở                                                                                      | 1  | Nguyễn Ái Đoàn       | - 339      | 22,000 |
| 5095  | 100111799 | - Bài tập kinh tế học - Hồ Đình Bảo                                                                                                 | 1  | Beeg David           | - 33001    | 85,000 |
| 5764  | 100120312 | - Bài tập kế toán quản trị - Đặng Kim Cương                                                                                         | 10 |                      | - 6571     |        |
| 1835  | 100053029 | - Bài tập kỹ thuật điện tử - Nguyễn Việt Nguyên                                                                                     | 8  | Đỗ Xuân Thụ          | - 621381   | 10,400 |
| 2146  | 100057211 | - Bài tập kỹ thuật điện cao áp                                                                                                      | 3  | Hồ Văn Nhật Chương   | - 62131922 | 16,500 |
| 4579  | 100105830 | - Bài tập kỹ thuật nhiệt                                                                                                            | 3  | Bùi Hải              | - 621402   | 17,000 |
| 4936  | 100110230 | - Bài tập kỹ thuật đo - Ninh Đức Tồn, Nguyễn Thị Cẩm Tú, Nguyễn Trọng Hùng                                                          | 2  | Ninh Đức Tồn         | - 62137    | 17,000 |
| 3678  | 100093869 | - Bài tập lập trình C                                                                                                               | 5  | Hoàng Trung Sơn      | - 005133   | 78,000 |
| 1848  | 100053098 | - Bài tập lập trình cơ sở                                                                                                           | 2  | Nguyễn Hữu Ngự       | - 005133   | 16,000 |
| 3660  | 100093670 | - Bài tập lập trình Pascal Bài tập giải sẵn, đề thi Olympic tin học sinh viên - Hoàng Ngọc Bắc                                      | 1  | Hoàng Trung Sơn      | - 005133   | 68,000 |
| 14599 | 100190066 | - Bài tập lý thuyết cháy - Đỗ Văn Thắng, Trương Ngọc Tuấn dịch                                                                      | 2  |                      | - 6626     |        |



|       |           |                                                                                                                                                                                              |    |                     |             |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|-------------|--------|
| 480   | 100023716 | - Bài tập nghe nói tiếng Anh (Trình độ A, B, C)                                                                                                                                              | 1  | Lê Văn Sự           | - 4215      | 18,000 |
| 1883  | 100053255 | - Bài tập nâng cao tiếng anh                                                                                                                                                                 | 4  | Vũ Thọ              | - 425       | 8,500  |
| 2484  | 100066446 | - Bài tập lý thuyết mạch - Đoàn Minh Định                                                                                                                                                    | 3  | Đỗ Huy Giác         | - 62138132  | 32,000 |
| 273   | 100011410 | - Bài tập ngôn ngữ lập trình Pascal                                                                                                                                                          | 5  | Quách Tuấn Ngọc     | - 005133    | 20,000 |
| 1753  | 100052537 | - Bài tập ngữ pháp tiếng Anh căn bản = - Basic English Grammar                                                                                                                               | 2  | Lê Dũng             | - 425       | 14,200 |
| 8796  | 100129926 | - Bài tập nguyên lý kế toán                                                                                                                                                                  | 22 |                     | - 65704     |        |
| 1729  | 100052305 | - Bài tập ngữ pháp tiếng Anh nâng cao Trung học phổ thông = - Advanced English Grammar Exercises - Đỗ Văn Thảo                                                                               |    | Thái Hoàng Nguyên   | - 425       | 20,500 |
| 1337  | 100042822 | - Bài tập nguyên lý máy                                                                                                                                                                      | 10 | Tạ Ngọc Hải         | - 621811    | 25,000 |
| 5046  | 100111363 | - Bài tập nguyên lý kế toán & kế toán tài chính - Võ Văn Nhị                                                                                                                                 | 1  | Võ Văn Nhị          | - 65704     | 22,000 |
| 5285  | 100114970 | - Bài tập nguyên lý kế toán & kế toán tài chính                                                                                                                                              | 1  | Võ Văn Nhị          | - 65704     | 22,000 |
| 14471 | 100189406 | - Bài tập nhà máy nhiệt điện - Nguyễn Công Hân, Trương Ngọc Tuấn                                                                                                                             | 2  |                     | - 621312 43 |        |
| 3040  | 100080867 | - Bài tập sức bền vật liệu - Nguyễn Cẩm Thuý                                                                                                                                                 | 1  | Nguyễn Xuân Lựu     | - 6201121   | 32,000 |
| 4702  | 100107320 | - Bài tập sức bền vật liệu                                                                                                                                                                   | 1  | Bùi Trọng Lựu       | - 6201121   | 38,000 |
| 4888  | 100109737 | - Bài tập phương trình vi phân tóm tắt lý thuyết, bài giải mẫu, bài tập và hướng dẫn giải - Trần Văn Nhung                                                                                   | 1  | Nguyễn Thế Hoàn     | - 5153      | 35,000 |
| 284   | 100011506 | - Bài tập sức bền vật liệu - Nguyễn Văn Vượng                                                                                                                                                | 1  |                     | - 6201121   |        |
| 820   | 100034197 | - Bài tập thực hành excel 2000 - Võ Văn Viện                                                                                                                                                 | 4  | Võ Văn Viện         | - 00515     | 40,000 |
| 1619  | 100049022 | - Bài tập thực hành Painter 3D - Phạm Quang Huân                                                                                                                                             | 4  | Phạm Quang Huy      | - 00668     | 45,000 |
| 2927  | 100075809 | - Bài tập thực hành Mastercam lập trình gia công khuôn với Lathe & Router có CD kèm theo sách - Phạm Quang                                                                                   | 2  | Trần Tường Thụy     | - 621902    | 70,000 |
| 2929  | 100075846 | - Bài tập thực hành vẽ 3D và gia công khuôn với Inventor 10 và ProEngineer Wildfire - Thế giới CAD-CAM - Quang Huy, Hoàng Dũng, Tường Thụy                                                   | 1  | Quang Huy           | - 621902    | 60,000 |
| 393   | 100017166 | - Bài tập tiếng Anh bổ sung - Tôn nữ Phương Chi                                                                                                                                              | 1  | Vĩnh Bá             | - 42207     | 11,000 |
| 578   | 100028242 | - Bài tập tiếng anh                                                                                                                                                                          | 1  | Nguyễn Đức Hùng     | - 425       | 13,000 |
| 4933  | 100110209 | - Bài tập tin học đại cương turbo pascal - Tô Văn Nam                                                                                                                                        | 1  | Tô Văn Nam          | - 0050202   | 14,100 |
| 14507 | 100189586 | - Bài tập tính toán kỹ thuật lạnh - Nguyễn Đức Lợi                                                                                                                                           | 2  |                     | - 62156     |        |
| 14513 | 100189616 | - Bài tập trắc nghiệm kỹ thuật nhiệt - Hà Mạnh Thu                                                                                                                                           | 2  |                     | - 621402    |        |
| 942   | 100037316 | - Bài tập trắc nghiệm văn phạm tiếng Anh Ôn thi tú tài, luyện thi đại học = - English grammar tests                                                                                          | 1  | Võ Nguyễn Xuân Tùng | - 425       | 30,000 |
| 15261 | 100194323 | - Bài tập ứng dụng hệ thống thông tin tài chính ngân hàng - Bao gồm bài tập và bài giải hướng dẫn bằng các công cụ hệ thống thông tin quản lý - Phan Thị Cúc, Trần Duy Vũ Ngọc Lan           | 50 |                     | - 332       |        |
| 5301  | 100115123 | - Bài tập và bài giải Kế toán chi phí                                                                                                                                                        | 21 |                     | - 65742     |        |
| 8070  | 100127653 | - Bài tập và bài giải kế toán hợp nhất kinh doanh & Hợp nhất báo cáo tài chính                                                                                                               | 15 |                     | - 6577      |        |
| 4440  | 100104218 | - Bài tập và bài giải nguyên lý kế toán Dùng cho sinh viên Trung học , Cao đẳng ,Đại học các trường khối ngành kinh tế, tài chính, thương mại, ngoại thương ,ngân hàng ,quản trị kinh doanh, | 1  | Phan Đức Dũng       | - 65704     | 46,500 |



|       |           |                                                                                                              |    |                   |           |         |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|-----------|---------|
| 5231  | 100114143 | - Bài tập vật lý - Tập 2, - Điện - Từ                                                                        | 40 | Nguyễn Hữu Thọ    | - 538     | 23,000  |
| 4596  | 100106088 | - Bài tập vật lý đại cương - T1 Cơ - Nhiệt - Nguyễn Tung                                                     | 2  | Lương Duyên Bình  | - 530     | 10,400  |
| 4580  | 100105842 | - Bài tập vật lý đại cương T3 - Quang học - Vật lý lượng tử - Lê Văn Nghĩa                                   | 1  | Lương Duyên Bình  | - 535     | 112,000 |
| 4584  | 100105869 | - Bài tập vật lý đại cương T2 - Điện - Dao động - Sóng - Nguyễn Quang Sính                                   | 2  | Lương Duyên Bình  | - 530     | 8,400   |
| 5234  | 100114211 | - Bài tập vật lý -T1 Cơ - Nhiệt                                                                              | 10 | Nguyễn Hữu Thọ    | - 530     | 14,000  |
| 4692  | 100107186 | - Bài tập về kỹ thuật cơ khí T2 - Nguyễn Văn Tuấn                                                            | 1  | Trần Hữu Quế      | - 6042    | 21,000  |
| 12094 | 100150054 | - Bài tập về kỹ thuật - dùng cho hệ Cao đẳng - Nguyễn Thị My                                                 | 51 |                   | - 6042    |         |
| 4586  | 100105906 | - Bài tập xác suất và thống kê                                                                               | 2  | Đinh Văn Gắng     | - 519     | 19,900  |
| 4971  | 100110582 | - Bài tập xác suất                                                                                           | 1  | Đặng Hùng Thắng   | - 5192    | 9,200   |
| 4669  | 100106847 | - Bản vẽ xây dựng Tiêu chuẩn quốc tế - Nguyễn Văn Tuấn                                                       | 3  | Trần Hữu Quế      | - 6921    | 33,000  |
| 16037 | 100200148 | - Bán dẫn hữu cơ polyme - Công nghệ chế tạo, tính chất và ứng dụng - Nguyễn Đức Nghĩa                        | 1  |                   | - 660     |         |
| 32    | 100000683 | - Bảng động từ bất qui tắc tiếng Anh = - The table of the irregular verbs in English                         | 1  | Nguyễn Hồng Sao   | - 425     | 4,000   |
| 7515  | 100126801 | - Bảng phụ lục trị số dung sai - lắp ghép TCVN 2244-99_ TCVN2245-99                                          | 80 |                   | - 621815  |         |
| 111   | 100002574 | - Bảng tài chính                                                                                             | 1  | Nguyễn Văn Thuận  | - 336     | 2,000   |
| 13148 | 100160377 | - Báo cáo hội nghị khoa học lần thứ 3 = - The 3rd scientific conference - Đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh | 3  |                   | - 600     |         |
| 5296  | 100115078 | - Báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị Áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam                            | 16 | Võ Văn Nhị        | - 6571    | 66,000  |
| 2439  | 100065142 | - Bảo dưỡng và thử nghiệm thiết bị trong hệ thống điện - Nguyễn Đình Thiên                                   | 3  | Lê Văn Doanh      | - 6213193 | 42,000  |
| 2963  | 100077950 | - Bảo dưỡng và thử nghiệm thiết bị điện trong hệ thống điện                                                  | 1  | Lê Văn Doanh      | - 6213    | 49,000  |
| 1351  | 100043251 | - Bảo mật trong Windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng Windows server 2003                                    | 2  | Minh Mẫn          | - 00543   | 28,000  |
| 3015  | 100079845 | - Bảo mật và tối ưu Linux Red Hat - Hồng Phúc                                                                | 1  | Nguyễn Ngọc Tuấn  | - 00543   | 83,000  |
| 4130  | 100100436 | - Bảo mật windows                                                                                            | 3  | Lương Bảo Khánh   | - 00543   | 7,500   |
| 3077  | 100082636 | - Bảo quản chế biến nông sản sản phẩm sau thu hoạch                                                          | 2  |                   | - 664028  | 14,000  |
| 361   | 100013507 | - Bảo quản rau quả tươi và bán chế phẩm - Trần Quang Bình                                                    | 1  | Hà Văn Thuyết     | - 6648    | 14,000  |
| 2490  | 100066517 | - Bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch                                                                | 1  | Trần Minh Tâm     | - 664028  | 38,000  |
| 4821  | 100108617 | - Bảo toàn năng lượng sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả trong công nghiệp - Nguyễn Thế Bảo               | 1  | Nguyễn Xuân Phú   | - 621042  | 65,000  |
| 607   | 100029163 | - Bảo trì & sửa chữa thiết kế lắp đặt điện nhà - Lê Ngọc Cương                                               | 8  | Leê Ngọc Cương    | - 6213192 | 30,000  |
| 3974  | 100099228 | - Bảo vệ an toàn máy tính                                                                                    | 5  | Nguyễn Công Minh  | - 0041    | 9,500   |
| 193   | 100009240 | - Bảo vệ các hệ thống điện                                                                                   | 7  | Trần Đình Long    | - 6213191 | 41,000  |
| 3876  | 100098560 | - Bảo vệ máy tính tường lửa                                                                                  | 3  | Nguyễn Văn Khoa   | - 0041    | 7,500   |
| 1040  | 100039046 | - Bảo vệ môi trường để đất nước phát triển bền vững                                                          | 1  | Winsby Roger M.   | - 628     | 45,000  |
| 2996  | 100079191 | - Bảo vệ môi trường trong công nghiệp bột giấy và giấy                                                       | 1  | Doãn Thái Hòa     | - 6285    | 24,000  |
| 4706  | 100107344 | - Bảo vệ role và tự động hóa hệ thống điện                                                                   | 1  | Trần Quang Khánh  | - 6213191 | 42,000  |
| 2293  | 100060972 | - Bảo vệ role và tự động hóa trong hệ thống điện                                                             | 1  | Nguyễn Hoàng Việt | - 6213191 | 39,500  |
| 1354  | 100043288 | - Bắt đầu với windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng windows server 2003                                      | 4  | Minh Mẫn          | - 00543   | 30,000  |
| 527   | 100025826 | - Bến ngòi Tiểu thuyết                                                                                       | 1  | Trần Cao Đàm      | - 895923  | 9,000   |



|       |           |                                                                                                                           |    |                   |            |         |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|------------|---------|
| 15784 | 100198912 | - Bệnh nghiện ma túy những vấn đề y học và xã hội học - Hà Thị Lãm                                                        | 12 |                   | - 616863 2 |         |
| 385   | 100016568 | - Bí quyết dịch câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt                                                                          | 1  | Tứ Anh            | - 422      | 7,300   |
| 780   | 100033436 | - Bí quyết học từ vựng tiếng Anh                                                                                          | 10 | Phan Hà           | - 42281    | 7,300   |
| 1881  | 100053253 | - Bí quyết làm bài tập chuyển đổi cấu trúc câu trong tiếng Anh - Lê Nguyễn Minh Thọ                                       | 3  | Song Phúc         | - 422      | 7,200   |
| 1840  | 100053036 | - Bí quyết làm bài thi toefl                                                                                              | 1  | Phan Hà           | - 42207    | 6,700   |
| 1831  | 100053002 | - Bí quyết luyện đọc tiếng anh                                                                                            | 3  | Phan Hà           | - 42207    | 7,300   |
| 55    | 100000886 | - Bí quyết luyện viết tiếng Anh                                                                                           | 6  | Phan Hà           | - 42207    | 5,000   |
| 2374  | 100063841 | - Bí quyết pha chế sinh tố và nước ép trái cây = - Fruit & Vegetable Juices The Most Complete & Practical Book            | 1  |                   | - 66363    | 68,000  |
| 4539  | 100105242 | - Bí quyết thành công trên thị trường chứng khoán                                                                         | 1  | Kiên Cường        | - 33264    | 25,000  |
| 1415  | 100044321 | - Bí quyết vực dậy một doanh nghiệp Sổ tay người quản lý - Minh Đức                                                       | 4  | Dunlap Albrt J.   | - 3389     | 25,000  |
| 14595 | 100190044 | - Biến dạng tạo hình vật liệu bột và compozit hạt - Trần Văn Dũng                                                         | 2  |                   | - 62011    |         |
| 1050  | 100039110 | - Biến đổi, xuất và nhập các đối tượng trong CorelDraw 11                                                                 | 1  | Lê Bá An          | - 00668    | 24,000  |
| 4065  | 100099964 | - BIOS Tăng tốc hệ thống chỉ với 7500đ                                                                                    | 3  | Đinh Phan Chí Tâm | - 00464    | 7,500   |
| 4329  | 100101919 | - Blog                                                                                                                    | 5  | Nguyễn Công Minh  | - 004693   | 7,500   |
| 14567 | 100189906 | - Bộ điều khiển logic khả trình PLC và ứng dụng - Nguyễn Văn Khang                                                        | 2  |                   | - 6298     |         |
| 4945  | 100110322 | - Bộ định mức, đơn giá đo kiểm chất lượng dịch vụ và sản phẩm viễn thông                                                  | 1  |                   | - 384041   | 25,000  |
| 4855  | 100109410 | - Bộ luật hình sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam                                                             | 1  |                   | - 345      | 15,500  |
| 4468  | 100104514 | - Bộ luật lao động của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007 - Thanh Thảo | 1  | Quốc Cường        | - 34401    | 32,000  |
| 4978  | 100110643 | - Bộ luật lao động của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và 151 câu hỏi đáp                                         | 1  | Hoàng Hoa Sơn     | - 34401    | 48,000  |
| 2696  | 100070750 | - Bộ sách thiết kế và chế tạo robot T1 - Tìm hiểu về robot và robocon - Nguyễn Duy Linh                                   | 1  | Nguyễn Hạnh       | - 629892   | 10,500  |
| 1493  | 100046084 | - Bộ sách thiết kế và chế tạo robot T2 - Tìm hiểu về xe tự hành - Nguyễn Duy Linh                                         | 1  | Nguyễn Hạnh       | - 629892   | 10,500  |
| 4904  | 100109925 | - Bộ vi xử lý thiết kế bằng máy tính các hệ thống kỹ thuật số T4                                                          | 1  | Nguyễn Minh Đức   | - 0056     | 20,000  |
| 3594  | 100093212 | - Bơm, quạt, máy nén Giáo trình dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng kỹ thuật                                  | 9  | Nguyễn Văn May    | - 62165    | 58,000  |
| 5151  | 100112474 | - Bốn lần hôn nhân - Nguyễn Kim Hanh                                                                                      | 1  | Trương Hội Lai    | - 9232     | 110,000 |
| 716   | 100031283 | - Bù công suất phản kháng lưới cung cấp và phân phối điện - Huỳnh Bá Minh                                                 | 5  | Phan Đăng Khải    | - 621319   | 31,000  |
| 1098  | 100039526 | - Business and agriculture division comp 121 information systems II (SCN) course manual 2003                              | 1  |                   | - 3801     | 24,900  |
| 4670  | 100106907 | - C++ và lập trình hướng đối tượng                                                                                        | 1  | Phạm Văn Át       | - 5133     | 53,000  |
| 4128  | 100100427 | - Cá nhân hóa Windows XP                                                                                                  | 3  | Trần Khánh Phong  | - 00543    | 7,500   |
| 483   | 100023761 | - Các bài luận mẫu hay nhất = - 136 Best model essays - Nandy Milon                                                       | 1  | Lê Hiền Thảo      | - 422      | 18,000  |
| 2268  | 100060518 | - Các bài toán tính ngắn mạch và bảo vệ rơle trong hệ thống điện                                                          | 1  | Nguyễn Hoàng Việt | - 6213191  | 29,000  |
| 3666  | 100093762 | - Các bộ cảm biến trong kỹ thuật đo lường và điều khiển - Đào Văn Tân                                                     | 1  | Lê Văn Doanh      | - 629892   | 73,000  |
| 28    | 100000630 | - Các cách dùng thiết yếu trong Anh ngữ                                                                                   | 1  | Ninh Hùng         | - 425      | 16,000  |
| 5182  | 100112763 | - Các công cụ khai thác trong Windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng Windows server 2003                                   | 1  | Minh Mẫn          | - 00543    | 30,500  |



|       |           |                                                                                                                                                                  |    |                      |             |        |
|-------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|-------------|--------|
| 8367  | 100128265 | - Các công cụ phân tích tài chính - Vũ Thị Bích Quỳnh                                                                                                            | 10 |                      | - 65815     |        |
| 5163  | 100112586 | - Các công cụ quản lý trong Windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng Windows server 2003                                                                            | 1  | Minh Mẫn             | - 00543     | 27,000 |
| 2483  | 100066444 | - Các đơn pha chế và hoá chất tổng hợp dùng trong sinh hoạt - Hoàng Trọng Yên                                                                                    | 1  | Từ Văn Mặc           | - 661       | 17,000 |
| 51    | 100000877 | - Các động từ tiếng Anh = An aide - memoire of using verbs and irregular verbs in English - Đỗ Quang Vĩnh                                                        | 1  | Nguyễn Xuân Khánh    | - 425       | 6,000  |
| 5304  | 100115159 | - Các hợp đồng thương mại thông dụng                                                                                                                             | 21 |                      | - 34308     |        |
| 4411  | 100103930 | - Các lệnh hiệu chỉnh và sao chép đối tượng hai chiều trong AutoCAD 2007 bản vẽ hai chiều                                                                        | 2  | Thu Trọng            | - 00668     | 12,000 |
| 5055  | 100111439 | - Các mạch điện bộ trigger đếm số T1                                                                                                                             | 6  | Nguyễn Minh Đức      | - 621381    | 20,000 |
| 5082  | 100111665 | - Các mạch của bộ khuếch đại dùng bóng hiệu ứng trường                                                                                                           | 1  | Nguyễn Minh Đức      | - 621381535 | 20,000 |
| 2141  | 100057023 | - Các mạch định thời và bộ nhớ bán dẫn T3                                                                                                                        | 5  | Nguyễn Minh Đức      | - 62138132  | 19,000 |
| 1373  | 100043516 | - Các máy điện và máy biến thế Nguyên lý hoạt động và ứng dụng thực tiễn - Karnas Joseph                                                                         | 3  | Lê Ngọc Cương        | - 6213121   | 59,000 |
| 1057  | 100039160 | - Các máy gia công vật liệu rắn và dero T1                                                                                                                       | 1  | Hồ Lê Viên           | - 621902    | 40,000 |
| 990   | 100038236 | - Các máy in và máy tính notebook - Những điều cốt yếu mà người sử dụng máy vi tính cần biết                                                                     | 1  | Nguyễn Thế Hùng      | - 00477     | 15,000 |
| 2375  | 100063852 | - Các món ăn cho người bệnh tiểu đường - Phạm Đình Hoà                                                                                                           | 1  | Finsand Jane Mây     | - 641563 14 | 18,000 |
| 4956  | 100110437 | - Các mô hình xác suất và ứng dụng phần 1 xích markov và ứng dụng                                                                                                | 1  | Nguyễn Duy Tiến      | - 519       | 16,500 |
| 3833  | 100095415 | - Các phụ thuộc logic trong cơ sở dữ liệu - Nguyễn Xuân Huy                                                                                                      | 5  | Nguyễn Xuân Huy      | - 00574     | 40,000 |
| 4426  | 100104081 | - Các phương pháp đúc đặc biệt - Nguyễn Hữu Dũng                                                                                                                 | 1  | Nguyễn Hữu Dũng      | - 6712      | 45,000 |
| 15916 | 100199596 | - Các phương pháp gia công đặc biệt - Nguyễn Dân                                                                                                                 | 60 |                      | - 671       |        |
| 2212  | 100059233 | - Các phương pháp gia công kim loại - Thái Thị Thu Hà                                                                                                            | 1  | Đặng Văn Nghìn       | - 671       | 38,000 |
| 2712  | 100071443 | - Các phương pháp hiện đại trong nghiên cứu tính toán thiết kế kỹ thuật điện - Lê Văn Doanh                                                                      | 2  | Đặng Văn Đào         | - 62131     | 31,000 |
| 454   | 100022353 | - Các phương pháp hóa phân tích                                                                                                                                  | 1  |                      | - 543       |        |
| 2159  | 100057866 | - Các phương pháp thí nghiệm hiện trường trong địa kỹ thuật - Đậu Văn Ngo                                                                                        | 1  | Nguyễn Mạnh Thủy     | - 6241      | 10,000 |
| 3031  | 100080476 | - Các phương pháp phân tích hữu cơ                                                                                                                               | 1  | Nguyễn Đức Huệ       | - 547       | 70,000 |
| 14565 | 100189896 | - Các quá trình công nghệ cơ bản trong sản xuất thực phẩm - Lê Ngọc Thụy                                                                                         | 2  |                      | - 664024    |        |
| 1031  | 100038939 | - Các quá trình công nghệ trong chế biến nông sản thực phẩm                                                                                                      | 1  | Trần Minh Tâm        | - 664028    | 21,500 |
| 9401  | 100133853 | - Các quá trình và thiết bị truyền khối - trong công nghiệp thực phẩm, hóa chất và môi trường - Trung tâm máy thiết bị Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh | 30 |                      | - 6602      |        |
| 4830  | 100109163 | - Các thiết bị điện sử dụng trong nhà bếp và nhà tắm T3                                                                                                          | 2  | Nguyễn Minh Đức      | - 62131042  | 14,000 |
| 5175  | 100112711 | - Các tác vụ quản lý trong windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng Windows Server 2003                                                                             | 1  | Minh Mẫn             | - 00543     | 30,000 |
| 4060  | 100099889 | - Các thủ thuật mạng trong windows XP                                                                                                                            | 5  | Nguyễn Thị Hữu Chung | - 00465     | 10,500 |
| 4916  | 100110021 | - Các tiêu chuẩn ngành - Viễn thông song ngữ Việt - Anh                                                                                                          | 1  |                      | - 621382    | 55,000 |
| 4962  | 100110493 | - Các tiêu chuẩn ngành - Viễn thông                                                                                                                              | 1  |                      | - 621382    | 13,000 |
| 1371  | 100043486 | - Các tính năng mới trong Access 2003                                                                                                                            | 5  | Ngọc Tuấn            | - 0057406   | 24,000 |



|      |           |                                                                                                                                       |    |                        |            |         |
|------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------|------------|---------|
| 1614 | 100048949 | - Các tính năng mới, phím tắt trong Word 2003                                                                                         | 1  | Hồ Tấn Mẫn             | - 00515    | 24,000  |
| 5269 | 100114816 | - Các văn bản pháp luật về thuế của nước CHXHCN Việt Nam = - The legal documents of the social republic of Vietnam in relation to tax | 1  |                        | - 3436     | 50,000  |
| 508  | 100024438 | - Cách dùng các thì trong tiếng Anh = - The use of tenses in English                                                                  | 2  | Lê Dũng                | - 425      | 7,000   |
| 2526 | 100066937 | - Cách dùng động từ ghép trong tiếng Anh = - English phrasal verbs in use with key and mini dictionary - O'Dell Felicity              | 4  | McCarthy Micheal       | - 425      | 26,000  |
| 50   | 100000869 | - Cách dùng giới từ = - Effective use of prepositions - Nguyễn Thanh Chương                                                           | 1  | Nguyễn Xuân Khánh      | - 425      | 5,000   |
| 3097 | 100083674 | - Cách sống khỏe Phương thức sống lành mạnh - Nguyễn Duy Chiêm                                                                        | 1  | Dương Bình Huy         | - 6137     | 19,500  |
| 4127 | 100100423 | - Cài đặt & sử dụng các phần mềm tiện ích                                                                                             | 3  | Phan Châu Phúc Sinh    | - 005713   | 7,500   |
| 5061 | 100111513 | - Cài đặt mạng máy tính tại nhà = - Build your own PC home network - Trương Văn Thiện                                                 | 1  | Hoàng Thanh            | - 0046     | 15,000  |
| 4158 | 100100615 | - Cài đặt một số phần mềm và phần cứng thông dụng                                                                                     | 3  | Huỳnh Thanh Hiền       | - 0053     | 7,500   |
| 4126 | 100100421 | - Cài đặt nhiều hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng                                                                                 | 3  | Trương Thái Thủy       | - 0053     | 7,500   |
| 8622 | 100128799 | - Cẩm biến và ứng dụng - Vật lý-linh kiện -mạch điện ứng dụng - Dương Minh Trí                                                        | 5  |                        | - 62138104 |         |
| 4493 | 100104768 | - Cẩm biến và ứng dụng Vật lý-linh kiện -mạch điện ứng dụng                                                                           | 1  | Dương Minh Trí         | - 62138104 | 69,000  |
| 61   | 100000913 | - Cẩm nang Anh văn thương mại Tiếng Anh trong kế toán = English for accounting                                                        | 1  | Lê Minh Cẩn            | - 422      | 25,000  |
| 689  | 100030343 | - Cẩm nang bạn gái - Phượng Anh                                                                                                       | 1  | Trần Nga               | - 155333   | 19,000  |
| 7974 | 100127413 | - Cẩm nang dành cho chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ                                                                                       | 15 |                        | - 658001   |         |
| 4406 | 100103889 | - Cẩm nang địa chỉ Internet quốc tế                                                                                                   | 1  | Nguyễn Sanh Phúc       | - 00467    | 30,000  |
| 5156 | 100112523 | - Cẩm nang giúp bạn thành công trong các kỳ thi Tiếng Anh                                                                             | 1  | Nguyễn Tấn Lực         | - 425      | 31,500  |
| 60   | 100000906 | - Cẩm nang hội thoại tiếng Anh thông dụng - Nguyễn Hoàng Nhật Tích                                                                    | 1  | Nguyễn Hoàng Thu Trang | - 42216    | 22,500  |
| 8871 | 100130099 | - Cẩm nang hỏi và đáp dành cho cán bộ cấp ủy Đảng                                                                                     | 1  |                        | - 33551    |         |
| 1497 | 100046130 | - Cẩm nang hướng dẫn sửa chữa các vật dụng gia đình                                                                                   | 1  | Minh Dũng              | - 6437     | 42,000  |
| 2330 | 100062084 | - Cẩm nang kỹ thuật đa ngành dành cho kỹ sư - Trương Huy Hoàng                                                                        | 1  | Đàm Xuân Hiệp          | - 603      | 350,000 |
| 4515 | 100104990 | - Cẩm nang nghiệp vụ dành cho kế toán trưởng doanh nghiệp chế độ quản lý tài chính kế toán, thuế mới                                  | 1  | Hoàng Anh              | - 6571     | 195,000 |
| 4941 | 100110266 | - Cẩm nang người thợ điện                                                                                                             | 1  | Nguyễn Trọng Đức       | - 62131    | 65,000  |
| 3863 | 100098453 | - Cẩm nang soạn thảo văn bản Word                                                                                                     | 1  | Quách Lượm             | - 00515    | 7,500   |
| 4405 | 100103878 | - Cẩm nang quản lý tài chính,kế toán, thuế dành cho các đơn vị hành chính sự nghiệp                                                   | 3  |                        | - 343034   | 30,000  |
| 1051 | 100039114 | - Cẩm nang sử dụng các dịch vụ Internet T1 - Nguyễn Hùng                                                                              | 4  | Nguyễn Đức Toàn        | - 0062     | 60,000  |
| 2365 | 100063732 | - Cẩm nang sửa chữa dàn âm thanh trên xe hơi                                                                                          | 1  | Trần Đức Lợi           | - 6292549  | 48,000  |
| 1572 | 100048535 | - Cẩm nang thiết kế Website                                                                                                           | 4  |                        | - 004693   | 49,500  |
| 5007 | 100110966 | - Cẩm nang thị trường chứng khoán                                                                                                     | 1  | Phương trà             | - 33265    | 35,000  |
| 639  | 100029563 | - Cẩm nang xử lý sự cố điện - điện tử - Nguyễn Trọng Thắng                                                                            | 1  | Trần Văn Nam           | - 6213     | 45,000  |
| 703  | 100030793 | - Cẩm nang tra cứu và thay thế vi mạch (IC) = - Modern IC DATA & substitution manual                                                  | 1  | Nguyễn Đức Ánh         | - 62138153 | 34,000  |



|       |           |                                                                                                               |     |                      |             |         |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-------------|---------|
| 5267  | 100114792 | - Cẩm nang tổ chức và quản trị hành chính văn phòng                                                           | 1   | Hồ Ngọc Cẩn          | - 65137     | 75,000  |
| 2362  | 100063684 | - Cẩm nang xử lý sự cố điện - điện tử - Trần Văn Nam, Nguyễn Trọng Thắng                                      | 2   | Trần Văn Nam         | - 6213      | 50,000  |
| 1365  | 100043400 | - Căn bản mạch logic                                                                                          | 4   | Đỗ Thanh Hiền        | - 62138159  | 60,000  |
| 2409  | 100064324 | - Căn bản UNIX = - Just enough UNIX - Nguyễn Phúc Trường Sinh                                                 | 1   | K.Andersen Paul      | - 00543     | 40,000  |
| 5338  | 100115504 | - Cạnh tranh giành khách hàng và chiến thắng bằng giá trị Những chiến lược đột phá nhằm thống lĩnh thị trường | 16  |                      | - 658001    |         |
| 3712  | 100094131 | - Cấu tạo hệ thống truyền lực ô tô con                                                                        | 2   | Nguyễn Khắc Trai     | - 62923     | 28,000  |
| 2564  | 100067896 | - Cấu tạo nguyên tử và liên kết hoá học T2                                                                    | 1   | Đào Đình Thúc        | - 54124     | 35,000  |
| 2424  | 100064826 | - Cấu tạo và lý thuyết ô tô, máy kéo                                                                          | 2   | Dương Văn Đức        | - 62925     | 52,000  |
| 2273  | 100060561 | - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                                                                              | 1   | Nguyễn Trung Trực    | - 0051      | 27,000  |
| 3034  | 100080605 | - Cấu tạo, sửa chữa và bảo dưỡng động cơ ô tô                                                                 | 2   | Ngô Viết Khánh       | - 62928     | 46,000  |
| 4963  | 100110495 | - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật cẩm nang cho người lập trình - Bùi Thế Duy                                   | 1   | Hồ Sỹ Đàm            | - 0051      | 22,400  |
| 5092  | 100111776 | - Cấu trúc dữ liệu và thuật toán                                                                              | 1   | Hoàng Nghĩa Tý       | - 00573     | 37,000  |
| 389   | 100016890 | - Cấu trúc máy tính - Công nghệ xử lý thông tin - Moon Hwang Up                                               | 2   | Lee Kye Ho           | - 0041      | 18,000  |
| 554   | 100026642 | - Cấu trúc máy tính - Moon Hwang Up                                                                           | 1   | Lee Kye Ho           | - 0041      | 57,400  |
| 9151  | 100132373 | - Cấu trúc máy tính - sử dụng cho hệ Cao đẳng - Nguyễn Thanh Đăng                                             | 50  |                      | - 0041      |         |
| 484   | 100023763 | - Cấu trúc máy vi tính                                                                                        | 4   | Trần Quang Vinh      | - 0041      | 19,400  |
| 3081  | 100082705 | - Cấu trúc máy tính (Dùng trong các trường THCN)                                                              | 1   | Phó Đức Toàn         | - 0041      | 23,000  |
| 4770  | 100108124 | - Cấu trúc máy vi tính & thiết bị ngoại vi                                                                    | 2   | Nguyễn Nam Trung     | - 0041      | 89,000  |
| 5854  | 100124734 | - Cây chè và kỹ thuật chế biến                                                                                | 100 |                      | - 63372     |         |
| 1388  | 100043722 | - Cây chè Việt Nam Sản xuất - chế biến - tiêu thụ                                                             | 1   | Phạm Thị Đào         | - 63372     | 25,000  |
| 1443  | 100044720 | - Chẩn đoán hồng học và sửa chữa thiết bị điện tử dân dụng khi không có sơ đồ                                 | 8   | Trần Vũ Việt         | - 62138833  | 42,000  |
| 2126  | 100056628 | - Chế biến nước giải khát trong gia đình                                                                      | 1   | Ngọc Linh            | - 6648      | 19,000  |
| 2432  | 100064978 | - Chất độc trong thực phẩm - Nguyễn Thị Thìn                                                                  | 1   | Eichler Wolfdietrich | - 664096    | 29,000  |
| 8303  | 100128133 | - Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa                                                                      | 5   |                      | - 6571      |         |
| 5282  | 100114937 | - Chế độ kế toán doanh nghiệp Q1 Hệ thống tài khoản kế toán                                                   | 16  |                      | - 6571      | 90,000  |
| 5320  | 100115319 | - Chế độ kế toán doanh nghiệp Q2 Báo cáo tài chính, chứng từ kế toán, sơ đồ kế toán                           | 21  |                      | - 6571      |         |
| 7932  | 100127340 | - Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam Song ngữ Việt -Anh = - Vietnamese accounting policy for enterprises    | 10  |                      | - 6571      |         |
| 4548  | 100105346 | - Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa & nhỏ mới                                                                   | 1   | Quốc Cường           | - 6571      | 125,000 |
| 4416  | 100103969 | - Chế độ kế toán mới doanh nghiệp & hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam                        | 1   | Vũ Duy Khang         | - 6571      | 165,000 |
| 615   | 100029310 | - Chỉ dẫn cho người thợ hàn xây dựng - Ghixin P                                                               | 1   | Xokolov I            | - 690       | 25,000  |
| 4387  | 100103652 | - Chế độ kế toán ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước                                                      | 1   |                      | - 6571      | 78,500  |
| 4565  | 100105696 | - Chi tiết cơ cấu chính xác                                                                                   | 2   | Nguyễn Trọng Hùng    | - 621 80287 | 29,500  |
| 14579 | 100189966 | - Chi tiết cơ cấu chính xác - Tập 1 - Nguyễn Trọng Hùng                                                       | 1   |                      | - 621 80287 |         |



|       |           |                                                                                                                                              |    |                      |             |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|-------------|--------|
| 14597 | 100190056 | - Chi tiết cơ cấu chính xác - Tập 2, - Độ chính xác cơ cấu - Nguyễn Trọng Hùng                                                               | 2  |                      | - 621 80287 |        |
| 4638  | 100106515 | - Chi tiết máy T1                                                                                                                            | 9  | Nguyễn Trọng Hiệp    | - 62182     | 26,500 |
| 1226  | 100041899 | - Chi tiết máy T2                                                                                                                            | 11 | Nguyễn Trọng Hiệp    | - 62182     | 13,300 |
| 279   | 100011434 | - Chi tiết máy T2- Kỹ thuật cơ khí = Mechanical element Series II- Mechanical Technology                                                     | 6  | Yoo Byung Seok       | - 62182     | 16,000 |
| 1533  | 100047034 | - Chiếc ngai vàng Tiểu thuyết                                                                                                                | 1  | Ngô Văn Phú          | - 895923    | 25,500 |
| 4487  | 100104724 | - Chiến lược và chính sách kinh doanh - Phạm Văn Nam                                                                                         | 1  | Nguyễn Thị Liên Diệp | - 658834    | 45,000 |
| 5153  | 100112494 | - Chiến sĩ mậu thân                                                                                                                          | 1  | Thanh Giang          | - 895928    | 21,000 |
| 3884  | 100098601 | - Chỉnh sửa ảnh chân dung với Photoshop                                                                                                      | 19 | Trần Nguyên Nhã      | - 00668     | 8,500  |
| 2213  | 100059266 | - Chính trị Dừng trong các trường trung học chuyên nghiệp                                                                                    | 20 |                      | - 3201      | 12,000 |
| 14585 | 100189996 | - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Đề cương bài giảng dùng cho trường Đại học Bách khoa Hà Nội - Khoa Mác - Lênin Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | 2  |                      | - 320531    |        |
| 5180  | 100112748 | - Chủ tịch Hồ Chí Minh với nền văn hóa Việt Nam                                                                                              | 1  | Lê xuân Vũ           | - 33550     | 28,000 |
| 1448  | 100044765 | - Chúng em tập thiết kế lắp ráp mạch vô tuyến điện tử                                                                                        | 1  | Nguyễn Đắc Thắng     | - 62138133  | 20,000 |
| 5031  | 100111221 | - Chứng khoán đầu tư và quản lý                                                                                                              | 1  | Nguyễn Đô            | - 33265     | 30,000 |
| 15745 | 100198337 | - Chuẩn kiến thức về đặt câu tiếng anh = - Sentence building - Lê Văn Sự                                                                     | 1  |                      | - 425       |        |
| 4457  | 100104397 | - Chứng khoán và đầu tư chứng khoán                                                                                                          | 2  | Hoàng lê Minh        | - 33265     | 24,000 |
| 365   | 100014529 | - Chương trình đào tạo nghề gỗ -hàn- rèn                                                                                                     | 1  |                      | - 67133     |        |
| 511   | 100024547 | - Chuồng bò trong tháng mùa sương                                                                                                            | 1  | Phạm Tú châu         | - 895105301 | 41,000 |
| 662   | 100029967 | - Chương trình luyện thi chứng chỉ CPe Themes for proficiency with key                                                                       | 1  | Robinson Carole      | - 425       | 28,000 |
| 5263  | 100114750 | - Chứng khoán và thị trường chứng khoán (cơ hội đầu tư thành công)                                                                           | 1  | Lê Thành Kính        | - 33265     | 43,000 |
| 5252  | 100114421 | - Chuyên đề cơ nhiệt                                                                                                                         | 40 | Nguyễn Hữu Thọ       | - 531       | 23,000 |
| 4140  | 100100517 | - Chuyên đề thiết kế đồ họa                                                                                                                  | 6  |                      | - 00668     | 7,500  |
| 13173 | 100160544 | - Chuyện doanh nhân - Tập 2, - Giá trị từ những bài học kinh doanh                                                                           | 2  |                      | - 923       |        |
| 13168 | 100160508 | - Chuyện doanh nhân - Tập 3, - Khám phá những bí quyết kinh doanh                                                                            | 5  |                      | - 923       |        |
| 4924  | 100110122 | - Chuyển mạch mềm và ứng dụng trong mạng viễn thông thế hệ sau                                                                               | 1  | Dương Văn Thành      | - 621382    | 35,000 |
| 5197  | 100112906 | - Chuyện Lý Liên Anh Thái giám sùng ái của Từ Hy Thái Hậu                                                                                    | 1  | Trương Hiếu Hiệu     | - 895148    | 19,000 |
| 4023  | 100099581 | - Cơ bản về bo mạch chủ - cài đặt cơ bản cho bo mạch chủ                                                                                     | 6  | Phan Lê Anh Quân     | - 0041      | 7,500  |
| 2437  | 100065115 | - Cơ cấu trong kỹ thuật Cơ cấu điện, cơ cấu thủy lực và khí nén - Võ Trần Khúc Nhã                                                           | 1  | Arens William F.     | - 62131     | 95,000 |
| 2960  | 100077874 | - Cơ điện tử Hệ thống trong chế tạo máy - Võ Thị Ry                                                                                          | 1  | Trương Hữu Chí       | - 621815    | 24,000 |
| 2975  | 100078218 | - Cơ điện tử, các phần tử cơ bản - Võ Thị Ry                                                                                                 | 1  | Trương Hữu Chí       | - 621815    | 22,000 |
| 4812  | 100108539 | - Cơ học chất lỏng ứng dụng                                                                                                                  | 1  | Phạm Văn Thể         | - 532       | 32,000 |
| 14485 | 100189476 | - Cơ học giải tích - Đỗ Sanh                                                                                                                 | 2  |                      | - 531       |        |
| 14593 | 100190036 | - Cơ học thủy khí ứng dụng - Lương Ngọc Lợi                                                                                                  | 2  |                      | - 620106    |        |



|      |           |                                                                                                                                                                            |    |                   |            |        |
|------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|------------|--------|
| 3514 | 100092492 | - Cơ học ứng dụng Phần lý thuyết giáo trình cho sinh viên các trường Đại học Kỹ thuật đã được hội đồng duyệt sách trường Đại học Bách khoa Hà Nội duyệt - Nguyễn Văn Vượng | 5  | Đỗ Sanh           | - 531      | 42,000 |
| 9301 | 100133273 | - Cơ lưu chất - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh Trung tâm máy thiết bị                                                                                           | 50 |                   | - 620106   |        |
| 3591 | 100093205 | - Cơ sở công nghệ chế tạo máy - Lê Văn Vĩnh                                                                                                                                | 2  | Nguyễn Trọng Bình | - 621815   | 64,000 |
| 3725 | 100094212 | - Cơ sở công nghệ vi điện tử và vi hệ thống                                                                                                                                | 2  | Nguyễn Nam Trung  | - 621381   | 18,000 |
| 732  | 100031640 | - Co sở của khoa học máy tính (Ấn bản C) T1 - Ullman Jeffrey D                                                                                                             | 1  | Aho Alfred V      | - 004      | 42,000 |
| 730  | 100031638 | - Co sở của khoa học máy tính (Ấn bản C) T2 - Ullman Jeffrey D                                                                                                             | 2  | Aho Alfred V      | - 004      | 42,000 |
| 733  | 100031642 | - Co sở của khoa học máy tính (Ấn bản C) T3 - Ullman Jeffrey D                                                                                                             | 1  | Aho Alfred V      | - 004      | 42,000 |
| 2907 | 100074558 | - Cơ sở di truyền phân tử và kỹ thuật gen                                                                                                                                  | 1  | Khuất Hữu Thanh   | - 5751     | 28,000 |
| 1852 | 100053118 | - Cơ sở đồ họa máy tính - Lê Đình Lương                                                                                                                                    | 4  | Mạnh Linh         | - 00668    | 13,500 |
| 181  | 100008522 | - Cơ sở đồ họa máy tính - Vũ Hải Quân                                                                                                                                      | 1  | Hoàng Kiêm        | - 0066     | 20,000 |
| 4668 | 100106834 | - Cơ sở dữ liệu Giáo trình - Hoàng Đức Hải                                                                                                                                 | 1  | Phuong Lan        | - 00574    | 35,000 |
| 4727 | 100107605 | - Cơ sở đồ họa máy vi tính                                                                                                                                                 | 1  | Phan Hữu Phúc     | - 00668    | 18,800 |
| 504  | 100024315 | - Cơ sở hạch toán môi trường doanh nghiệp = - Basic of corporate Environmental Accounting                                                                                  | 4  | Nguyễn Chí Quang  | - 6572     | 19,000 |
| 2262 | 100060429 | - Cơ sở khoan và khai thác dầu khí                                                                                                                                         | 1  | Lê Phước Hào      | - 6655     | 29,000 |
| 2875 | 100074010 | - Cơ sở hóa học và kỹ thuật xử lý nước                                                                                                                                     | 1  | Lê Văn Các        | - 628351   | 35,000 |
| 2964 | 100077965 | - Cơ sở hóa học gỗ và xenluloza                                                                                                                                            | 1  | Hồ Sỹ Tráng       | - 547001   | 39,000 |
| 4751 | 100107857 | - Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình - Hoàng Minh Sơn                                                                                                                     | 1  | Hoàng Minh Sơn    | - 62989    | 91,000 |
| 3703 | 100094076 | - Cơ sở kỹ thuật điện - Hoàng Hữu Thiện                                                                                                                                    | 4  | Nguyễn Việt Hùng  | - 62131    | 40,000 |
| 4570 | 100105764 | - Cơ sở kỹ thuật điều hòa không khí - Nguyễn Trung                                                                                                                         | 3  | Hà Đăng Trung     | - 69793    | 53,000 |
| 4612 | 100106235 | - Cơ sở kỹ thuật đo lường điện tử - Nguyễn Ngọc Văn                                                                                                                        | 1  | Vũ Quý Điềm       | - 62138154 | 85,000 |
| 394  | 100017207 | - Cơ sở kỹ thuật Laser - Nguyễn Minh Hiền                                                                                                                                  | 4  | Trần Đức Hân      | - 6213816  | 19,000 |
| 4621 | 100106342 | - Cơ sở kỹ thuật nhiệt - Đặng Quốc Phú                                                                                                                                     | 4  | Phạm Lê Dân       | - 621402   | 14,500 |
| 1112 | 100039827 | - Cơ sở kỹ thuật siêu âm - Trần Anh Vũ                                                                                                                                     | 4  | Nguyễn Đức Thuận  | - 62138415 | 56,000 |
| 1863 | 100053145 | - Cơ sở lập trình phổ thông                                                                                                                                                | 2  | Nguyễn Quang Tấn  | - 0051     | 22,300 |
| 4873 | 100109582 | - Cơ sở kỹ thuật siêu cao tần                                                                                                                                              | 1  | Kiều Khắc Lâu     | - 621384   | 33,000 |
| 340  | 100012413 | - Cơ sở lý thuyết điều khiển tự động                                                                                                                                       | 3  |                   | - 6293812  |        |
| 3055 | 100081557 | - Cơ sở lý thuyết hóa học P1- Cấu tạo chất (Dùng cho các trường đại học kỹ thuật)                                                                                          | 2  | Nguyễn Đình Chi   | - 5402     | 9,500  |
| 4768 | 100108108 | - Cơ sở lý thuyết hóa học Phần bài tập                                                                                                                                     | 2  | Lê Mậu Quyền      | - 5412     | 14,000 |
| 1069 | 100039289 | - Cơ sở lý thuyết mạch điện                                                                                                                                                | 6  | Thân Ngọc Hoàn    | - 62138132 | 36,000 |
| 376  | 100016241 | - Cơ sở lý thuyết mạch Q1 Cơ sở kỹ thuật điện T2 Mô hình mạch, chế độ xác lập ở mạch phi tuyến tính - Phạm Khắc Chương                                                     | 2  | Nguyễn Bình Thành | - 62138132 | 30,000 |
| 375  | 100016236 | - Cơ sở lý thuyết mạch Q2 Cơ sở kỹ thuật điện T3 Mạch phi tuyến, Quá trình quá độ mạch thông số rải - Nguyễn Thế Thắng                                                     | 1  | Nguyễn Bình Thành | - 62138132 | 30,000 |
| 3735 | 100094295 | - Cơ sở lý thuyết truyền tin - Nguyễn Thúy Anh                                                                                                                             | 2  | Trần Trung Dũng   | - 621382   | 35,500 |
| 4790 | 100108340 | - Cơ sở Matlab và ứng dụng - Ngô Hữu Tinh                                                                                                                                  | 2  | Lê Tấn Hùng       | - 005133   | 35,000 |
| 4811 | 100108537 | - Cơ sở lý thuyết truyền tin T1 - Nguyễn Tuấn Anh                                                                                                                          | 1  | Đặng Văn chuyết   | - 621382   | 36,000 |



|       |           |                                                                                                               |    |                      |           |         |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|-----------|---------|
| 632   | 100029497 | - Cơ sở nghiên cứu và sáng tạo Robot - Trần Thế San                                                           | 1  | Nguyễn Tiến Dũng     | - 629892  | 50,000  |
| 2959  | 100077859 | - Cơ sở máy công cụ                                                                                           | 1  | Phạm Văn Hùng        | - 621815  | 49,000  |
| 3041  | 100080891 | - Cơ sở sinh học vi sinh vật T2                                                                               | 1  | Nguyễn Thành Đạt     | - 57129   | 34,500  |
| 3042  | 100080894 | - Cơ sở sinh học vi sinh vật T1                                                                               | 1  | Nguyễn Thành Đạt     | - 57129   | 37,000  |
| 349   | 100012760 | - Cơ sở thiết kế máy và chi tiết máy                                                                          | 4  | Trịnh Chất           | - 621815  | 25,000  |
| 2258  | 100060304 | - Cơ sở tự động                                                                                               | 1  | Lương Văn Lăng       | - 629801  | 17,000  |
| 2986  | 100078816 | - Cơ sở tự động hóa trong ngành cơ khí                                                                        | 1  | Nguyễn Phương        | - 629892  | 53,000  |
| 3039  | 100080769 | - Cơ sở vật lý chất rắn                                                                                       | 1  | Đào Trần Cao         | - 5315    | 35,500  |
| 3838  | 100095498 | - Cơ sở vật lý hạt cơ bản                                                                                     | 1  | Hoàng Ngọc Long      | - 5315    | 70,000  |
| 4644  | 100106578 | - Cơ sở thiết kế máy và chi tiết máy Sách được dùng làm giáo trình cho sinh viên đại học và cao đẳng kỹ thuật | 1  | Trịnh Chất           | - 621815  | 48,000  |
| 4703  | 100107330 | - Cơ sở văn hóa Việt Nam                                                                                      | 1  | Trần Quốc Vượng      | - 306     | 17,400  |
| 16039 | 100200168 | - Cơ sở thủy sinh học= - Fundamentals of hydrobiology - Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải                         | 1  |                      | - 5776    |         |
| 9051  | 100131773 | - Cơ sở viễn thông - sử dụng cho hệ Đại học - Cao đẳng - Lý Tú Nga, Bùi Thư Cao, Phạm Ngọc Dũng               | 50 |                      | - 621382  |         |
| 2184  | 100058407 | - Cơ ứng dụng T2 - Trương Tích Thiện                                                                          | 1  | Ngô Kiều Nhi         | - 620105  | 20,000  |
| 2277  | 100060637 | - Cơ ứng dụng - Trương Tích Thiện                                                                             | 1  | Đặng Vũ Ngoạn        | - 620105  | 21,000  |
| 2922  | 100075510 | - Cơ ứng dụng trong kỹ thuật                                                                                  | 4  |                      | - 620105  |         |
| 4095  | 100100153 | - Công cụ hack máy tính và crack phần mềm                                                                     | 5  | Vũ Đình Cường        | - 00465   | 10,500  |
| 5408  | 100116519 | - Communications in physics                                                                                   | 1  |                      | - 53005   |         |
| 3659  | 100093668 | - Công cụ phân tích Wavelet và ứng dụng trong Matlabdùng cho sinh viên ngành CNTT và ĐTVT - Hà Trần Đức       | 1  | Nguyễn Hoàng Hải     | - 005133  | 72,000  |
| 4293  | 100101619 | - Công nghệ ADSL và những ứng dụng trong mạng Lan - Bùi Thị Như Quỳnh                                         | 3  | Đỗ Tuấn Phong        | - 00465   | 7,500   |
| 14535 | 100189736 | - Công nghệ bôi trơn - Nguyễn Xuân Toàn                                                                       | 2  |                      | - 62189   |         |
| 14591 | 100190028 | - Công nghệ cán kim loại - Cán thép hình - Đỗ Hữu Nhơn, Đỗ Thành Dũng, Phan Văn Hạ                            | 2  |                      | - 67132   |         |
| 2091  | 100055876 | - Công nghệ chế biến dầu mỏ                                                                                   | 4  | Lê Văn Hiếu          | - 6655028 | 26,000  |
| 3617  | 100093406 | - Công nghệ chế biến dầu mỏ Giáo trình dùng cho sinh viên các trường ĐH Bách khoa và các trường khác          | 2  | Lê Văn Hiếu          | - 6655028 | 34,000  |
| 1204  | 100041579 | - Công nghệ chế biến khí thiên nhiên và khí dầu mỏ - Volcốp Hp                                                | 1  | Berlin Ma.           | - 6655    | 31,500  |
| 2116  | 100056189 | - Công nghệ chế biến khí tự nhiên và khí đồng hành                                                            | 3  | Nguyễn Thị Minh Hiền | - 6655    | 35,500  |
| 663   | 100030100 | - Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm sữa - Hà Mỹ Hương                                                    | 1  | Lê Thị Liên Thanh    | - 66364   | 15,000  |
| 1086  | 100039476 | - Công nghệ chế tạo bánh răng Dùng cho giảng dạy, nghiên cứu và sản xuất                                      | 4  | Vũ Quốc Việt         | - 6218    | 40,000  |
| 4799  | 100108428 | - Công nghệ chế tạo máy Giáo trình cho sinh viên cơ khí các trường đại học khối kỹ thuật - Trần Văn Địch      | 4  | Đỗ Đức Túy           | - 621815  | 112,000 |
| 4403  | 100103837 | - Công nghệ chế tạo phôi - Nguyễn Tiến Đào                                                                    | 1  | Nguyễn Tiến Đào      | - 6218    | 41,000  |



|       |           |                                                                                                 |    |                       |            |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------|------------|--------|
| 4521  | 100105085 | - Công nghệ CNC giáo trình dùng cho sinh viên cơ khí các trường đại học thuộc các hệ đào tạo    | 3  | Trần Văn Địch         | - 621815   | 43,000 |
| 14533 | 100189726 | - Công nghệ dập tạo hình khối - Phạm Văn Nghệ[và những người khác]                              | 2  |                       | - 6218     |        |
| 14569 | 100189920 | - Công nghệ dập thủy tĩnh - Phạm Văn Nghệ                                                       | 2  |                       | - 6713     |        |
| 2234  | 100059730 | - Công nghệ dệt kim - phần đan ngang                                                            | 2  | Huỳnh Văn Trí         | - 677028   | 16,500 |
| 2238  | 100059791 | - Công nghệ gen - Cao Cường                                                                     | 1  | Đoàn Thị Thanh Loan   | - 6606     | 37,500 |
| 2239  | 100059808 | - Công nghệ dệt thoi                                                                            | 1  | Huỳnh Văn Trí         | - 677028   | 18,500 |
| 2971  | 100078155 | - Công nghệ gia công chi tiết quang                                                             | 2  | Nguyễn Thị Ngọc Lan   | - 6213     | 24,000 |
| 3615  | 100093385 | - Công nghệ lò hơi và mạng nhiệt - Nguyễn Công Hân                                              | 5  | Phạm Lê Dân           | - 62151    | 38,000 |
| 4471  | 100104527 | - Công nghệ hàn điện nóng chảy T2 Ứng dụng Giáo trình cho sinh viên cơ khí thuộc các hệ đào tạo | 1  | Ngô Lê Thông          | - 671521   | 50,000 |
| 3619  | 100093420 | - Công nghệ mạ điện                                                                             | 4  | Trần Minh Hoàng       | - 671732   | 30,000 |
| 2278  | 100060644 | - Công nghệ mở ứng dụng - Lê Phước Hào                                                          | 1  | Huỳnh Thanh Sơn       | - 6655     | 13,000 |
| 2468  | 100066182 | - Công nghệ môi trường T1 Xử lý nước                                                            | 1  | Hoàng Văn Huệ         | - 62816    | 52,000 |
| 2993  | 100079172 | - Công nghệ phần mềm                                                                            | 1  | Lê Đức Trung          | - 0053     | 42,000 |
| 4700  | 100107294 | - Công nghệ phun phủ và ứng dụng Giáo trình cho sinh viên ngành hàn và ngành cơ khí             | 2  | Nguyễn Văn Thông      | - 67173    | 36,000 |
| 2243  | 100059897 | - Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa và thức uống T1 Công nghệ sản xuất các sản phẩm từ sữa | 1  | Lê Văn Việt Mẫn       | - 641371   | 16,500 |
| 14559 | 100189866 | - Công nghệ sản xuất phân bón vô cơ - La Văn Bình, Trần Thị Hiền                                | 2  |                       | - 66862    |        |
| 2977  | 100078400 | - Công nghệ sản xuất và kiểm tra cồn etylic - Nguyễn Thanh Hằng                                 | 2  | Nguyễn Đình Thương    | - 662669   | 28,000 |
| 14571 | 100189926 | - Công nghệ sản xuất vật liệu chịu lửa - Nguyễn Đăng Hùng                                       | 2  |                       | - 669042   |        |
| 2256  | 100060272 | - Công nghệ sinh học môi trường T1 - Công nghệ xử lý nước thải - Nguyễn Đức Lợi                 | 1  | Nguyễn Thị Thùy Dương | - 6281     | 26,500 |
| 3020  | 100080088 | - Công nghệ thiết bị điện                                                                       | 2  | Nguyễn Văn Tuệ        | - 62131042 | 30,000 |
| 3524  | 100092592 | - Công nghệ vật liệu - Nguyễn Anh Dũng                                                          | 3  | Nguyễn Văn Thái       | - 669042   | 52,000 |
| 2251  | 100060147 | - Công nghệ vật liệu mới                                                                        | 1  | Nguyễn Văn Dán        | - 669042   | 15,000 |
| 16171 | 100201004 | - Công nghệ vi điện tử - Phạm Trần Bích Thuận                                                   | 60 |                       | - 621381   |        |
| 131   | 100003587 | - Công nghiệp và thơ Tập thơ công đoàn công nghiệp Việt Nam chào mừng 70 năm công đoàn Việt Nam | 1  |                       | - 895921   | 12,000 |
| 702   | 100030684 | - Công nghệ xử lý nước thải bằng biện pháp sinh học                                             | 1  | Lương Đức Phẩm        | - 628351   | 35,700 |
| 2185  | 100058464 | - Công nghệ vi sinh T2 - Vi sinh vật học công nghiệp                                            | 1  | Đoàn Thị Thanh Loan   | - 576      | 34,000 |
| 2297  | 100061098 | - Công nghệ vi sinh vật T1- Cơ sở vi sinh vật công nghiệp                                       | 1  | Đoàn Thị Thanh Loan   | - 576      | 15,500 |



|       |           |                                                                                                                                                                  |    |                    |           |         |
|-------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|-----------|---------|
| 2426  | 100064839 | - Công trình thu nước trạm bơm cấp thoát nước                                                                                                                    | 1  | Lê Dung            | - 6281    | 34,000  |
| 3057  | 100081610 | - Công trình năng lượng khí sinh vật Biogas                                                                                                                      | 1  | Nguyễn Duy Thiện   | - 5714    | 27,000  |
| 4852  | 100109382 | - Công thức kỳ diệu chinh phục thị trường chứng khoán - Vũ Việt Hằng                                                                                             | 1  | Greenblatt Joel    | - 33265   | 35,000  |
| 3929  | 100098860 | - Cpac Imagingpro Bí quyết dành cho thợ xử lý ảnh chuyên nghiệp                                                                                                  | 5  | Trần Nguyên Nhã    | - 0066    | 15,500  |
| 4635  | 100106496 | - Cung cấp điện - Nguyễn Bội Khuê                                                                                                                                | 2  | Nguyễn Xuân Phú    | - 621319  | 145,000 |
| 542   | 100026215 | - Cùng nhau học vẽ CorelDRAW - Nguyễn Chí Mỹ                                                                                                                     | 2  | Nguyễn Hạnh        | - 00668   | 9,000   |
| 654   | 100029894 | - Cùng nhau viết phần mềm dạy tin học - Nguyễn Duy Linh                                                                                                          | 5  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 688   | 100030327 | - Cùng nhau viết phần mềm môn địa lý - Nguyễn Chí Hiếu                                                                                                           | 3  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 655   | 100029897 | - Cùng nhau viết phần mềm môn kỹ thuật - Nguyễn Chí Hiếu                                                                                                         | 3  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 684   | 100030317 | - Cùng nhau viết phần mềm môn lịch sử - Nguyễn Chí Hiếu                                                                                                          | 8  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 883   | 100036415 | - Cùng nhau viết phần mềm môn sinh học - Nguyễn Duy Linh                                                                                                         | 5  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 1592  | 100048707 | - Cùng nhau viết phần mềm môn lịch sử - Nguyễn Duy Linh                                                                                                          | 1  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 658   | 100029902 | - Cùng nhau viết phần mềm môn Tiếng Anh - Nguyễn Hải Linh                                                                                                        | 3  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 881   | 100036413 | - Cùng nhau viết phần mềm môn Vật lý - Trần Thị Thanh Nguyên                                                                                                     | 3  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 884   | 100036417 | - Cùng nhau viết phần mềm môn Toán học - Trần Thị Thanh Nguyên                                                                                                   | 1  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 685   | 100030319 | - Cùng nhau viết phần mềm Văn học - Nguyễn Chí Hiếu                                                                                                              | 4  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 184   | 100008961 | - Đàn hồi ứng dụng = Applied elasticity                                                                                                                          | 1  | Đỗ Kiến Quốc       | - 53138   |         |
| 546   | 100026374 | - Đàm thoại tiếng anh trình độ sơ cấp                                                                                                                            | 1  | Nguyễn Thành Yên   | - 42216   | 16,000  |
| 1576  | 100048562 | - Đàm thoại Nhật -Hoa-Anh-Việt                                                                                                                                   | 1  | Lê Xuân Tùng       | - 421524  | 21,000  |
| 1596  | 100048735 | - Cùng nhau viết phần mềm Văn học - Nguyễn Duy Bảo                                                                                                               | 1  | Nguyễn Hạnh        | - 0051    | 9,500   |
| 3038  | 100080647 | - Đa dạng sinh học và tài nguyên di truyền thực vật                                                                                                              | 1  | Nguyễn Nghĩa Thìn  | - 58135   | 33,500  |
| 4779  | 100108230 | - Đại số đại cương                                                                                                                                               | 1  | Dương Quốc Việt    | - 512     | 20,000  |
| 4782  | 100108241 | - Đại số tuyến tính - Nguyễn Cảnh Lương                                                                                                                          | 1  | Dương Quốc Việt    | - 512     | 23,000  |
| 5145  | 100112402 | - Đại cương lịch sử văn hóa Trung Quốc - Lương Duy Thứ                                                                                                           | 1  | Ngô Vinh Chính     | - 951     | 110,000 |
| 5161  | 100112567 | - Cuộc chiến tranh chống Mỹ của Việt Nam                                                                                                                         | 1  | Trương Lợi Hoa     | - 9597055 | 12,000  |
| 2888  | 100074155 | - Đánh giá độ tin cậy trong hệ thống điện                                                                                                                        | 2  | Nguyễn Hoàng Việt  | - 6213    | 20,000  |
| 3029  | 100080446 | - Đánh giá hao mòn và độ tin cậy của chi tiết và kết cấu trên đầu máy Diesel Sách chuyên khảo                                                                    | 2  | Đỗ Đức Tuấn        | - 6292506 | 30,000  |
| 3754  | 100094620 | - Dao động kỹ thuật                                                                                                                                              | 2  | Nguyễn Văn Khang   | - 6203    | 39,000  |
| 5164  | 100112594 | - Danh nhân Hà Nội                                                                                                                                               | 1  | Trần Quốc Việt     | - 923     | 41,000  |
| 1633  | 100050792 | - Đất và môi trường - Trần Cẩm Vân                                                                                                                               | 1  | Lê Văn Khoa        | - 628     | 18,400  |
| 4964  | 100110514 | - Đầu tư chứng khoán nhất định thành công - Nguyễn Công Minh                                                                                                     | 1  | Nguyễn Bảo Hoa     | - 33265   | 57,000  |
| 13048 | 100155754 | - Đầu tư kinh doanh bất động sản - dùng cho sinh viên ngành kinh tế, tài chính ngân hàng, quản trị kinh doanh, đầu tư bất động sản - Phan Thị Cúc, Nguyễn Văn Xa | 50 |                    | - 3326324 |         |
| 465   | 100023240 | - Để thành công trong giao tiếp hằng ngày 101bí quyết phỏng vấn thành công - Quốc Hùng                                                                           | 1  | Khánh Chi          | - 1523    | 10,000  |
| 737   | 100032067 | - Để hiểu biết đàn ông Những tính chất căn bản                                                                                                                   | 1  | Badinter Elisabeth | - 155332  | 28,000  |
| 1534  | 100047081 | - Để có một gia đình hạnh phúc                                                                                                                                   | 1  | Đỗ Xuân Viên       | - 173     | 27,000  |



|       |           |                                                                                                                                                 |    |                      |            |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|------------|--------|
| 2261  | 100060378 | - Địa chất thủy văn các bồn chứa dầu khí                                                                                                        | 1  | Nguyễn Việt Kỳ       | - 6655     | 8,500  |
| 2298  | 100061142 | - Địa hóa dầu khí - Nguyễn Việt Kỳ                                                                                                              | 1  | Hoàng Đình Tiến      | - 6655     | 21,500 |
| 4835  | 100109234 | - Đề thành công trên thị trường chứng khoán - Những "lật chơi" người trong cuộc nhận ra ở tây âu - Nguyễn Văn Tiến Ích                          | 1  | Nguyễn Văn Tiến Ích  | - 33265    | 30,000 |
| 5087  | 100111723 | - Đề viết hay làm văn PTTH giáo án điện tử dành cho các môn ngữ văn và các môn khoa học xã hội tiểu học - trung học cơ sở - trung học phổ thông | 1  | Hoàng Đức Huy        | - 3713     | 25,000 |
| 5155  | 100112515 | - Di truyền học thái độ xử sự và tội phạm = - Genetique, comportements, delinquance - Lê Tuấn                                                   | 1  | Doubinine N          | - 364      | 38,000 |
| 5179  | 100112743 | - Đề ngữ ngon hơn                                                                                                                               | 1  | Lý Thuần Vĩ          | - 61684    | 31,500 |
| 15744 | 100198305 | - Developing skills for the TOEFL IBT intermediate - Paul Edmunds, Nancie McKinnon                                                              | 1  |                      | - 428      |        |
| 8885  | 100130194 | - Địa lý kinh tế Việt Nam                                                                                                                       | 1  |                      | - 3309     |        |
| 16050 | 100200278 | - Địa mạo bờ biển Việt Nam - Lê Xuân Hồng, Lê Thị Kim Thoa                                                                                      | 1  |                      | - 55145    |        |
| 14463 | 100189366 | - Dịch văn bản hoa học kỹ thuật sang tiếng AnhĐào Hồng Thu dịch                                                                                 | 2  |                      | - 425      |        |
| 956   | 100037569 | - Dịch văn bản khoa học và kỹ thuật sang tiếng Anh                                                                                              | 1  | Pumpyanski           | - 422      | 35,000 |
| 5080  | 100111649 | - Diễn biến thị trường chứng khoán tại Việt Nam - Võ Thanh Long                                                                                 | 1  | Nguyễn Quang Hải     | - 33265    | 22,500 |
| 206   | 100009546 | - Điện cơ sở T1 - Kỹ thuật điện = - Basic electricity-Series V1 - Electrical Technology                                                         | 16 | Choi Yong Sik        | - 62131    | 10,500 |
| 2187  | 100058518 | - Điện công nghiệp                                                                                                                              | 2  | Nguyễn Văn Tuệ       | - 6213192  | 55,000 |
| 13295 | 100161518 | - Điện học đại cương - Dùng cho sinh viên Đại học-Cao đẳng khối ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                             | 50 |                      | - 537      |        |
| 583   | 100028738 | - Điện kỹ thuật                                                                                                                                 | 5  |                      | - 62131    | 15,000 |
| 4953  | 100110410 | - Điện học và điện tử ứng dụng phổ thông                                                                                                        | 1  | Nguyễn Văn Tuệ       | - 6213     | 36,000 |
| 2189  | 100058680 | - Điện kỹ thuật Cao đẳng                                                                                                                        | 60 | Ngô Ngọc Thọ         | - 62131    | 9,500  |
| 2744  | 100072590 | - Điện kỹ thuật Chuyên điện                                                                                                                     | 64 | Ngô Ngọc Thọ         | - 62131    | 11,500 |
| 2083  | 100055765 | - Điện kỹ thuật T2 (Tài liệu tham khảo dùng cho đào tạo công nhân kỹ thuật nghề điện)                                                           | 3  | Nguyễn Viêết Hải     | - 62131    | 10,000 |
| 2120  | 100056344 | - Điện kỹ thuật TI (Tài liệu tham khảo dùng cho đào tạo công nhân kỹ thuật nghề điện)                                                           | 8  | Nguyễn Viêết Hải     | - 62131    | 15,000 |
| 2644  | 100069554 | - Điện kỹ thuật Trung cấp chuyên điện                                                                                                           | 63 | Ngô Ngọc Thọ         | - 62131    | 10,500 |
| 4289  | 100101527 | - Điện thoại thông minh Sự hoàn hảo của công nghệ không dây                                                                                     | 3  | Lê Nguyễn Thanh Bình | - 0063     | 7,500  |
| 642   | 100029680 | - Điện tử căn bản Tài liệu dùng cho người học nghề                                                                                              | 6  | Phan Tấn Uẩn         | - 621381   | 21,000 |
| 270   | 100011253 | - Điện tử cơ sở Kỹ thuật điện tử = Basic electronics Electrical Technology                                                                      | 2  | Son Hong Doo         | - 621381   | 18,700 |
|       |           | Bài giảng điện tử công suất                                                                                                                     | 49 |                      |            |        |
| 1107  | 100039756 | - Điện tử công suất - Nguyễn Mạnh Hùng                                                                                                          | 1  |                      | - 6213815  |        |
| 4481  | 100104663 | - Điện tử công nghiệp và cảm biến                                                                                                               | 1  | Nguyễn Tấn Phước     | - 621381   | 16,000 |
| 4744  | 100107783 | - Điện tử công suất - Trần Trọng Minh                                                                                                           | 1  | Võ Minh Chính        | - 6213815  | 54,000 |
| 3544  | 100092816 | - Điện tử công suất Bài tập - Bài giải - Ứng dụng                                                                                               | 3  | Nguyễn Bính          | - 62138152 | 24,000 |
| 3520  | 100092575 | - Điện tử công suất Lý thuyết - thiết kế - ứng dụng T1 - Trần Văn Thịnh                                                                         | 1  | Lê Văn Doanh         | - 6213815  | 92,500 |



|       |           |                                                                                                                                                        |    |                    |            |        |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------|--------|
| 4396  | 100103749 | - Điện tử công suất Lý thuyết - Thiết kế - Mô phỏng - Ứng dụng - Tập II - Lê Văn Doanh, Trần Văn Thịnh, Nguyễn Thế Công                                | 1  | Lê Văn Doanh       | - 6213815  | 83,000 |
| 3672  | 100093806 | - Điện tử công suất T2 - Trần Văn Thịnh                                                                                                                | 4  | Lê Văn Doanh       | - 6213815  | 67,000 |
| 1397  | 100043874 | - Điện tử dịch vụ và sửa chữa = - Electronic servicing and repair                                                                                      | 10 | Lê Ngọc Cương      | - 62138833 | 40,000 |
| 1524  | 100046588 | - Điện tử học lý thú                                                                                                                                   | 5  | Xêđôy E.           | - 621381   | 44,000 |
| 1817  | 100052917 | - Điện tử điện động học 2                                                                                                                              | 1  | Phan Hà            | - 5375     | 7,300  |
| 468   | 100023407 | - Điện tử ứng dụng cảm nang tra cứu IC -TV màu và monitor T3 - Trương Trọng Tuấn                                                                       | 1  | Đỗ Thanh Hải       | - 62138804 | 70,000 |
| 469   | 100023410 | - Điện tử ứng dụng Cảm nang tra cứu IC TV màu và monitor - Trương Trọng Tuấn                                                                           | 1  | Trần Quốc Tuấn     | - 62138804 | 70,000 |
| 608   | 100029179 | - Điện tử ứng dụng cảm nang tra cứu IC -TV màu và monitor T1 - Trương Trọng Tuấn                                                                       | 1  | Đỗ Thanh Hải       | - 62138804 | 70,000 |
| 609   | 100029183 | - Điện tử ứng dụng cảm nang tra cứu IC -TV màu và monitor T2 - Trương Trọng Tuấn                                                                       | 1  | Đỗ Thanh Hải       | - 62138804 | 70,000 |
| 743   | 100032382 | - Điện tử ứng dụng cảm nang tra cứu IC -TV màu và monitor T4 - Trương Trọng Tuấn                                                                       | 1  | Đỗ Thanh Hải       | - 62138804 | 70,000 |
| 774   | 100033199 | - Điện tử ứng dụng cảm nang tra cứu IC -TV màu và monitor T5 - Trương Trọng Tuấn                                                                       | 1  | Đỗ Thanh Hải       | - 62138804 | 70,000 |
| 819   | 100034196 | - Điện tử ứng dụng trong công nghiệp                                                                                                                   | 1  | Nguyễn Tấn Phước   | - 62138159 | 18,000 |
| 4896  | 100109828 | - Điện tử tương tự - Nguyễn Quốc Cường                                                                                                                 | 1  | Nguyễn Trinh Đường | - 62138132 | 34,000 |
| 953   | 100037524 | - Điện tử ứng dụng trong sinh hoạt hàng ngày Kiến thức phổ thông                                                                                       | 4  | Phan Thanh Lộc     | - 62138152 | 18,000 |
| 636   | 100029547 | - Điện và điện cơ                                                                                                                                      | 6  | Ngọc Tuấn          | - 62131    | 24,500 |
| 3046  | 100081181 | - Điện và từ                                                                                                                                           | 3  | Tôn Tích Ái        | - 62131    | 46,000 |
| 4652  | 100106657 | - Điều chỉnh tự động truyền động điện - Dương Văn Nghi                                                                                                 | 1  | Bùi Quốc Khánh     | - 6298043  | 61,000 |
| 534   | 100026028 | - Điều hòa không khí                                                                                                                                   | 2  | Trần Ngọc Chấn     | - 69793    | 79,000 |
| 1456  | 100045702 | - Điều khiển động cơ xoay chiều cấp từ biến tần bán dẫn - Đoàn Quang Vinh                                                                              | 4  | Nguyễn Văn Liễn    | - 62143    | 38,000 |
| 516   | 100025320 | - Điều khiển học kinh tế                                                                                                                               | 3  | Bùi Minh Trí       | - 33001    | 24,000 |
| 265   | 100010887 | - Điều khiển PLC T 3 Kỹ thuật điện tử                                                                                                                  | 1  |                    | - 621381   |        |
| 634   | 100029524 | - Điều khiển tự động và đo lường                                                                                                                       | 1  | Lê Tông            | - 629832   | 25,000 |
| 2447  | 100065511 | - Điều khiển logic và ứng dụng T1                                                                                                                      | 1  | Nguyễn Trọng Thuần | - 6298312  | 32,000 |
| 3539  | 100092756 | - Điều khiển logic và ứng dụng                                                                                                                         | 1  | Nguyễn Trọng Thuần | - 6298312  | 32,000 |
| 4554  | 100105394 | - Điều khiển logic các thiết bị điện-điện tử - Võ Trí An                                                                                               | 1  | Võ Trí An          | - 621381   | 72,000 |
| 5140  | 100112337 | - Định dạng dữ liệu và làm việc với form, công thức trong Excel 2003                                                                                   | 1  | Hồ Tấn Mẫn         | - 00515    | 26,500 |
| 13164 | 100160482 | - Định hướng nghề nghiệp và việc làm                                                                                                                   | 1  |                    | - 370113   |        |
| 828   | 100034381 | - Định mức dự toán chuyên ngành xây lắp đường dây tải điện                                                                                             | 3  |                    | - 62131933 | 19,000 |
| 830   | 100034386 | - Định mức dự toán chuyên ngành lắp đặt trạm biến áp                                                                                                   | 1  |                    | - 621313   | 16,000 |
| 829   | 100034384 | - Định mức dự toán và đơn giá xây dựng cơ bản chuyên ngành lắp đặt, thử nghiệm - hiệu chỉnh thiết bị và đường dây thông tin điện lực - Trịnh Hùng Thám | 1  | Đặng Ngọc Dinh     | - 6213192  | 16,000 |
| 2276  | 100060625 | - Đồ án thiết kế công nghệ và thiết bị luyện kim - Lê Văn Lữ                                                                                           | 1  | Nguyễn Thanh Nam   | - 6698028  | 22,500 |
| 11584 | 100146944 | - Đo điện - điện tử - Lý Tú Nga                                                                                                                        | 50 |                    | - 62137    |        |



|       |           |                                                                                                          |    |                    |            |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------|--------|
| 3669  | 100093797 | - Đồ gá cơ khí & tự động hóa Giáo trình dành cho sinh viên cơ khí các trường khối kỹ thuật - Lê Văn Tiến | 2  | Trần Văn Địch      | - 621902   | 24,000 |
| 2981  | 100078568 | - Đồ gá cơ khí hóa và tự động hóa - Trần Văn Địch                                                        | 3  | Lê Văn Tiến        | - 621902   | 24,000 |
| 3655  | 100093650 | - Đồ gá Giáo trình dành cho sinh viên cơ khí thuộc các hệ đào tạo                                        | 2  | Trần Văn Địch      | - 621902   | 32,000 |
| 4559  | 100105454 | - Đồ gá gia công cơ khí tiện, phay, bào, mài - Nguyễn Ngọc Đào                                           | 1  | Hồ Viết Bình       | - 621902   | 45,000 |
| 605   | 100029155 | - Đồ họa máy tính Xử lý ảnh, text và in ấn trong corelDraw                                               | 2  | Lê Quang Liêm      | - 00668    | 15,500 |
| 487   | 100023880 | - Đồ họa vi tính - Hoàng Đức Hải                                                                         | 4  | Nguyễn Quốc Cường  | - 00667    | 25,000 |
| 14519 | 100189656 | - Đồ thị môn kỹ thuật nhiệt - Hà Mạnh Thu                                                                | 2  |                    | - 621402   |        |
| 2547  | 100067225 | - Độ tin cậy trong thiết kế chế tạo máy và hệ cơ khí                                                     | 6  | Nguyễn Doãn ý      | - 621815   | 50,000 |
| 4538  | 100105239 | - Đồ thị và các thuật toán                                                                               | 1  | Hoàng Chí Thành    | - 5115     | 18,000 |
| 2284  | 100060866 | - Độ tin cậy trong thiết kế kỹ thuật                                                                     | 1  | Nguyễn Hữu Lộc     | - 621815   | 23,500 |
| 5294  | 100115059 | - Doanh nghiệp tư nhân làm thế nào để thoát khỏi mô hình "gia đình trị"                                  | 1  |                    | - 658      | 80,000 |
| 15778 | 100198838 | - Doanh nhân đất Việt - Tập 1                                                                            | 6  |                    | - 923      |        |
| 588   | 100028921 | - Động cơ điện không đồng bộ ba pha và một pha công suất nhỏ Đặt điểm - Tính toán - Ứng dụng             | 5  | Trần Khánh Hà      | - 621462   | 23,000 |
| 710   | 100031014 | - Đồi uyên ương                                                                                          | 1  | Hoàng Xuân Việt    | - 1581     | 21,000 |
| 3663  | 100093729 | - Động cơ đốt trong Giáo trình cho sinh viên cơ khí                                                      | 4  | Phạm Minh Tuấn     | - 62143    | 28,000 |
| 1419  | 100044366 | - Động cơ đốt trong phương tiện giao thông T1                                                            | 3  | Nguyễn Thanh Lương | - 62143    | 45,000 |
| 449   | 100020826 | - Động lực học cơ sở                                                                                     | 1  | Yoo Byung Seok     | - 62928    | 27,500 |
| 2387  | 100064001 | - Dòng lệnh Windows - Hồng Phúc                                                                          | 1  | Nguyễn Ngọc Tuấn   | - 00543    | 53,000 |
| 2985  | 100078757 | - Động học các quá trình xúc tác sinh học                                                                | 1  |                    | - 574      | 31,000 |
| 288   | 100011668 | - Động lực học cơ sở T1 - Kỹ thuật sửa chữa ô tô = Basic dynamics Series I- Automobile Repair Technology | 2  | Yoo Byung Seok     | - 62928    | 27,500 |
| 65    | 100001033 | - Động từ tiếng Anh và cách dùng = English verbs and how to use them                                     | 1  | Trần Sỹ Long       | - 425      | 14,000 |
| 2296  | 100061070 | - Động lực học kết cấu cơ khí                                                                            | 1  | Nguyễn Tuấn Kiệt   | - 53111    | 21,000 |
| 4673  | 100106983 | - Động lực học máy Giáo trình dành cho sinh viên cơ khí các trường đại học                               | 1  | Đỗ Sanh            | - 621815   | 22,000 |
| 5191  | 100112845 | - Động Lực Tiềm Tàng 15 điểm đột phá giúp nhà quản lý tăng cường năng lực                                | 1  | Phương Lược        | - 658001   | 68,000 |
| 4148  | 100100563 | - Download giải pháp tăng tốc                                                                            | 5  | Cao Trần Nghĩa     | - 00466    | 9,500  |
| 17250 | 100206384 | - Du lịch sinh thái = Ecotourism - Lê Huy Bá chủ biên [và những người khác]                              | 60 |                    | - 915597   |        |
| 446   | 100020808 | - Dụng cụ điện                                                                                           | 1  | Choi Yong Sik      | - 6213104  | 64,700 |
| 2388  | 100064051 | - Dưa mắm Việt Nam                                                                                       | 1  | Quỳnh Hương        | - 6415     | 14,000 |
| 4923  | 100110105 | - Dụng cụ bán dẫn và vi mạch - dùng cho sinh viên ngành khoa học tự nhiên - Lê Xuân Thế                  | 1  | Lê Xuân Thế        | - 62138152 | 18,500 |
| 6483  | 100125768 | - Dụng cụ đo                                                                                             | 30 |                    | - 6602813  |        |
| 4303  | 100101682 | - Dựng phim với Windows Movie Maker                                                                      | 5  | Phan Thị Diệu      | - 00668    | 7,500  |
| 1690  | 100051694 | - Dung sai và lắp ghép                                                                                   | 3  | Đinh Đức Tôn       | - 621815   | 16,600 |



|       |           |                                                                                                         |    |                         |            |        |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|------------|--------|
| 4438  | 100104201 | - Dung sai lắp ghép và chuỗi kích thước - Hà Văn Vui                                                    | 1  | Hà Văn Vui              | - 621815   | 62,000 |
| 2723  | 100071837 | - Elementary learner's dictionary                                                                       | 1  | Crawley Angela          | - 423      | 110    |
| 10823 | 100142254 | - English for Accounting = - Tiếng anh chuyên ngành kế toán                                             | 50 |                         | - 657      |        |
| 16651 | 100203384 | - English for automobile engineering elementary - Nguyen Thi My Dung                                    | 60 |                         | - 6292     |        |
| 10673 | 100141354 | - English for banking and finance coursebook - Phan Thi Cuc, Ho Nguyet Thanh                            | 50 |                         | - 332      |        |
| 12145 | 100150354 | - English for mechanical engineering - Nguyen Thi My Dung                                               | 50 |                         | - 6218     |        |
| 15241 | 100194095 | - English for specialized chemistry - Le Thi Thanh Huong                                                | 20 |                         | - 540      |        |
| 3099  | 100084235 | - English grammar in use                                                                                | 60 | Murphy raymond          | - 425      | 13,000 |
| 1853  | 100053122 | - English literature                                                                                    | 4  | Nguyễn Chí Trung        | - 422      |        |
| 836   | 100035275 | - Excel 20002002 hướng dẫn sử dụng các ứng dụng trong quản lý tài chính - kế toán - vật tư              | 2  | Hoàng Hồng              | - 00515    | 50,000 |
| 14491 | 100189506 | - EXERGI và phương pháp phân tích exergi - Bùi Hải                                                      | 2  |                         | - 621402   |        |
| 8570  | 100128653 | - Financial accounting Song ngữ Anh - Việt - Vũ Thu Hằng                                                | 15 |                         | - 65742    |        |
| 8555  | 100128630 | - Financial accounting Vietnamese - Vũ Thu Hằng                                                         | 15 |                         | - 657      |        |
| 3857  | 100098377 | - FireFox                                                                                               | 3  | Nguyễn Thành Công       | - 005      | 7,500  |
| 5293  | 100115049 | - Financial accounting( Vietnamese) - Vũ Thu Hằng                                                       | 1  | Trần Văn Thao           | - 657      | 80,000 |
| 12948 | 100155154 | - Fundamentals of microelectronics                                                                      | 50 |                         | - 621381   |        |
| 1862  | 100053143 | - Galileo Galilei                                                                                       | 2  | Kì Bân                  | - 925      | 7,000  |
| 2354  | 100063535 | - FX-TRN-BEG-E Sổ tay hướng dẫn sử dụng                                                                 | 1  | Khoa điện- Bộ môn cơ sở | - 629895   | 25,000 |
| 2994  | 100079180 | - Gia công cơ khí T2 - Lưu Quang Huy                                                                    | 3  | Nguyễn Trọng Bình       | - 67153    | 21,000 |
| 1439  | 100044664 | - Gia công tia lửa điện CNC                                                                             | 1  | Vũ Trọng Dung           | - 621902   | 23,000 |
| 3045  | 100081104 | - Gia công tia lửa điện CNC Giáo trình dùng cho sinh viên, kỹ sư và học viên cao học các ngành kỹ thuật | 1  | Vũ Trọng Dung           | - 621902   | 26,000 |
| 4878  | 100109642 | - Gia công tia lửa điện CNC \$h[Tài liệu điện tử] - Vũ Hoài Ân                                          | 1  | Vũ Hoài Ân              | - 621902   | 30,000 |
| 2402  | 100064232 | - Gia công tinh bề mặt chi tiết máy Dùng cho giảng dạy, nghiên cứu và sản xuất                          | 6  | Trần Văn Địch           | - 62182    | 32,000 |
| 1545  | 100047597 | - Giải oan Tập truyện ngắn                                                                              | 1  | Nguyễn Ngọc Chụ         | - 89592301 | 22,000 |
| 1761  | 100052618 | - Giải một bài toán trên máy tính như thế nào T1- Tiếp cận thuật toán                                   | 1  | Hoàng Kiếm              | - 005131   | 19,000 |
| 2332  | 100062103 | - Giải bài tập Streamline English departures                                                            | 1  | Nguyễn Thuần Hậu        | - 422      | 11,000 |
| 2444  | 100065347 | - Giải phẫu tạo hình                                                                                    | 1  | Lương Xuân Nhị          | - 611      | 16,000 |
| 2934  | 100075994 | - Gia công trên máy CNC với ProEngineer Wildfire - Hoàng Dũng, Quang Huy, Tường Thụy                    | 1  | Quang Huy               | - 621902   | 60,000 |
| 3112  | 100084338 | - Gia công trên máy CNC với CIMATRON - Tường Thụy, Quang Huy, Hoàng Dũng                                | 1  | Quang Huy               | - 621902   | 60,000 |
| 4491  | 100104749 | - Giải tích - những bài tập nâng cao                                                                    | 1  | Tô Văn Ban              | - 515      | 39,600 |
| 5069  | 100111547 | - Giải tích số                                                                                          | 1  | Lê Trọng Vinh           | - 515      | 14,000 |
| 5265  | 100114779 | - Gia nhập WTO cơ hội vàng trong đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán                           | 1  | Lê Thành Kính           | - 33265    | 72,000 |
| 16044 | 100200218 | - Giảm dao động bằng thiết bị tiêu tán năng lượng - Nguyễn Đông Anh, Lê Đức Việt                        | 1  |                         | - 53132    |        |
| 8803  | 100129992 | - Giao diện người - máy (HMI) - Lập trình với S7 và WinCC                                               | 3  |                         | - 62989    |        |



|       |           |                                                                                                                                 |     |                    |            |         |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------------|------------|---------|
| 16047 | 100200248 | - Giao diện người - máy - Đặng Văn Đức, Nguyễn Thị Phương Trà                                                                   | 1   |                    | - 005      |         |
| 15311 | 100194623 | - Giáo trình Adobe photoshop - Khoa học và kỹ thuật máy tính Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh                                 | 60  |                    | - 00668    |         |
| 1716  | 100052215 | - Giáo trình bảo trì và quản lý phòng máy tính                                                                                  | 1   | Phạm Văn Liêm      | - 00422    | 11,500  |
| 1928  | 100053576 | - Giáo trình an toàn lao động Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                       | 1   | Nguyễn Tiến Đạt    | - 62086    | 14,500  |
| 4467  | 100104502 | - Giáo trình bảng tính điện tử Excel Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp                                              | 1   | Phạm Đức Thắng     | - 00515    | 20,000  |
| 13595 | 100166301 | - Giáo trình các phương pháp gia công mới và tiên tiến - Đinh Văn Đệ, Nguyễn Văn Hải, Huỳnh Văn Quang                           | 100 |                    | - 67153    |         |
| 3052  | 100081505 | - Giáo trình các phương pháp số                                                                                                 | 1   | Hoàng Xuân Huân    | - 531      | 23,800  |
| 14489 | 100189496 | - Giáo trình các phương pháp tối ưu lý thuyết và thuật toán - Nguyễn Thị Bạch Kim                                               | 2   |                    | - 5151     |         |
| 1695  | 100051972 | - Giáo trình cài đặt và điều hành mạng máy tính                                                                                 | 5   | Nguyễn Vũ Sơn      | - 00469    | 12,000  |
| 4414  | 100103955 | - Giáo trình cài đặt và điều hành mạng máy tính sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                     | 1   | Nguyễn Vũ Sơn      | - 00469    | 120,000 |
| 4724  | 100107583 | - Giáo trình cảm biến - Nguyễn Đức Chiến                                                                                        | 2   | Phan Quốc Phô      | - 62138104 | 43,000  |
| 156   | 100006380 | - Giáo trình căn bản về mạng - Điều hành và quản trị - Nguyễn Văn Hoài                                                          | 4   | Nguyễn Tiến Quang  | - 0062     | 43,000  |
| 355   | 100013336 | - Giáo trình cấp thoát nước                                                                                                     | 1   | Hoàng Huệ          | - 6281     | 16,000  |
| 2421  | 100064752 | - Giáo trình cấp nước                                                                                                           | 1   |                    | - 6281     | 32,000  |
| 2425  | 100064837 | - Giáo trình cấp thoát nước Dùng cho học sinh chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp trong các trường THXD - Vũ Đình Dịu | 1   | Nguyễn Trọng Miên  | - 6281     | 16,000  |
| 2496  | 100066626 | - Giáo trình cấp thoát nước trong nhà - Nguyễn Đình Hải                                                                         | 1   | Trần Thị Mai       | - 6281     | 30,000  |
| 2534  | 100067027 | - Giáo trình cắt may căn bản Giáo trình Cao đẳng Sư phạm                                                                        | 1   | Nguyễn Thị Cẩm Vân | - 64632    | 25,000  |
| 1733  | 100052392 | - Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật                                                                                     | 4   | Đỗ Xuân Lôi        | - 0051     | 14,000  |
| 3060  | 100081811 | - Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                              | 2   | Đỗ Xuân Lôi        | - 0051     | 14,000  |
| 1739  | 100052449 | - Giáo trình cấu trúc máy vi tính và vi xử lý - Phạm Thanh Liêm                                                                 | 1   | Lê Hải Sâm         | - 0056     | 11,000  |
| 8858  | 100130052 | - Giáo trình chi tiết máy                                                                                                       | 8   |                    | - 62182    |         |
| 3084  | 100082851 | - Giáo trình chi tiết máy - Nguyễn Văn Yên                                                                                      | 1   | Nguyễn Văn Yên     | - 62182    | 50,000  |
| 5065  | 100111532 | - Giáo trình chính trị Dùng trong các trường trung cấp chuyên nghiệp hệ tuyển sinh tốt nghiệp phổ thông trung học               | 51  |                    | - 3201     | 23,500  |
| 1303  | 100042303 | - Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học - Nguyễn Đức Bách                                                                        | 11  | Đỗ Nguyên Phương   | - 320531   | 17,500  |
| 8641  | 100129095 | - Giáo trình chung cất dầu thô                                                                                                  | 20  |                    | - 6655028  |         |
| 424   | 100019473 | - Giáo trình chuyên ngành kỹ thuật số Mạch logic                                                                                | 4   | VN Guide           | - 00456    | 43,000  |
| 2242  | 100059875 | - Giáo trình cơ học máy                                                                                                         | 10  |                    | - 6218     |         |
| 3063  | 100081947 | - Giáo trình cơ học kỹ thuật (Dùng cho các trường trung học chuyên nghiệp)                                                      | 1   | Đậu Thế Như        | - 620105   | 23,500  |
| 16531 | 100202804 | - Giáo trình cơ kỹ thuật - dùng cho hệ Trung cấp - Nguyễn Thị Ân                                                                | 60  |                    | - 620105   |         |



|       |           |                                                                                                                          |    |                    |           |        |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|-----------|--------|
| 2549  | 100067569 | - Giáo trình cơ kỹ thuật Dựng trong các trường THCN - Nguyễn Thị Thạch                                                   | 3  | Nguyễn Quang Tuyền | - 620105  | 25,000 |
| 1791  | 100052782 | - Giáo trình cơ kỹ thuật Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Phan Hữu Phúc                     | 4  | Đỗ Sanh            | - 620105  | 27,300 |
| 11894 | 100148854 | - Giáo trình cơ lý thuyết - dùng cho hệ Cao đẳng - Nguyễn Thị Ân                                                         | 50 |                    | - 531     |        |
| 4459  | 100104425 | - Giáo trình cơ sở dữ liệu quan hệ - Dựng trong các trường trung học chuyên nghiệp - Phạm Đức Nhiệm                      | 1  | Phạm Đức Nhiệm     | - 00574   | 13,000 |
| 4893  | 100109810 | - Giáo trình cơ sở dữ liệu Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                   | 1  | Tô Văn Nam         | - 00574   | 11,500 |
| 1923  | 100053553 | - Giáo trình cơ sở kỹ thuật cắt gọt kim loại Máy và dụng cụ cắt gọt kim loại - Phạm vi ứng dụng - Bùi Quý Lực            | 2  | Nguyễn Tiến Lưỡng  | - 67153   | 22,000 |
| 1343  | 100043004 | - Giáo trình cơ sở kỹ thuật điện Dựng cho các trường công nhân bưu điện - Hệ 18 tháng - Nguyễn Hồng Hải                  | 2  | Ngô Phú Ngọc       | - 62131   | 16,000 |
| 2460  | 100065945 | - Giáo trình cơ sở kỹ thuật môi trường Dựng trong các trường THCN                                                        | 2  | Hoàng Đình Thu     | - 628     | 12,000 |
| 613   | 100029280 | - Giáo trình cơ sở lý hóa quá trình phát triển và dập tắt đám cháy                                                       | 1  | Đinh Ngọc Tuấn     | - 628925  | 30,000 |
| 8755  | 100129656 | - Giáo trình công nghệ chế biến khí                                                                                      | 20 |                    | - 6655    |        |
| 1061  | 100039208 | - Giáo trình công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                               | 1  | Lâm Xuân Thanh     | - 641371  | 25,000 |
| 3071  | 100082423 | - Giáo trình công nghệ chế tạo máy Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Nguyễn Thanh Mai        | 2  | Phí Trọng Hào      | - 621815  | 24,000 |
| 1645  | 100051168 | - Giáo trình công nghệ sản xuất đường Sử dụng cho hệ trung cấp và cao đẳng                                               | 2  |                    | - 664122  | 8,000  |
| 4887  | 100109728 | - Giáo trình công nghệ kỹ thuật hàn                                                                                      | 1  |                    | - 67152   | 28,000 |
| 1760  | 100052556 | - Giáo trình corelDraw                                                                                                   | 9  | Nguyễn Phú Quảng   | - 00668   | 15,000 |
| 4740  | 100107731 | - Giáo trình công nghệ xử lý nước thải - Ngô Thị Nga                                                                     | 1  | Trần Văn Nhân      | - 6283    | 45,000 |
| 14791 | 100191475 | - Giáo trình corelDRAW - Khoa học và kỹ thuật máy tính Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh                                | 50 |                    | - 00668   |        |
| 1915  | 100053485 | - Giáo trình cung cấp điện Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                   | 12 | Ngô Hồng Quang     | - 621319  | 17,600 |
| 14477 | 100189436 | - Giáo trình đại cương sở hữu trí tuệ và khai thác thông tin sáng chế - Phan Quốc Nguyên[và những người khác]            | 2  |                    | - 600     |        |
| 2162  | 100057892 | - Giáo trình địa chất dầu khí                                                                                            | 1  | Nguyễn Việt Kỳ     | - 6655    | 17,500 |
| 2563  | 100067876 | - Giáo trình đánh máy vi tính Dựng trong các trường THCN                                                                 | 1  | Lê Đạt             | - 004     | 10,000 |
| 4464  | 100104473 | - Giáo trình đại số tuyến tính và hình học giải tích T1 Dựng cho sinh viên các ngành Toán học, Cơ học, Toán tin ứng dụng | 1  | Trần Trọng Huệ     | - 512     | 21,500 |
| 4536  | 100105223 | - Giáo trình đại số tuyến tính và hình học giải tích T2 Dựng cho sinh viên các ngành toán học, cơ học, toán tin ứng dụng | 1  | Trần Trọng Huệ     | - 512     | 23,500 |
| 2160  | 100057871 | - Giáo trình địa vật lý đại cương                                                                                        | 2  | Nguyễn Đức Tiến    | - 6221    | 11,500 |
| 1797  | 100052834 | - Giáo trình điện dân dụng và công nghiệp Sách dùng cho các trường đào tạo trung học chuyên nghiệp                       | 15 | Vũ Văn Tầm         | - 6213192 | 16,400 |
| 370   | 100015662 | - Giáo trình điện kỹ thuật Dựng cho hệ trung cấp ngành điện và điện tử                                                   | 4  | Ngô Ngọc Thọ       | - 62131   | 20,000 |



|       |           |                                                                                                                                                                                                                                |    |                  |            |        |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------|------------|--------|
| 1709  | 100052110 | - Giáo trình điện tử công nghiệp                                                                                                                                                                                               | 15 | Vũ Quang Hồi     | - 621381   | 25,000 |
| 1952  | 100053887 | - Giáo trình điện tử công suất Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                                                                                                                     | 5  | Trần Trọng Minh  | - 62138152 | 16,700 |
| 1896  | 100053443 | - Giáo trình điện tử dân dụng Dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Thái Vĩnh Hiến                                                                                                                          | 28 | Nguyễn Thanh Trà | - 621381   | 17,300 |
| 2502  | 100066693 | - Giáo trình điện tử dân dụng Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Thái Vĩnh Hiến                                                                                                                     | 4  | Nguyễn Thanh Trà | - 621381   | 17,300 |
| 503   | 100024271 | - Giáo trình điện tử kĩ thuật - Mạch điện tử T1                                                                                                                                                                                | 5  | Nguyễn Tấn Phước | - 62138132 | 18,000 |
| 502   | 100024267 | - Giáo trình điện tử kỹ thuật - Mạch điện tử T2                                                                                                                                                                                | 5  | Nguyễn Tấn Phước | - 62138132 | 18,000 |
| 719   | 100031435 | - Giáo trình điện tử kỹ thuật Linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                | 1  | Nguyễn Tấn Phước | - 621381   | 22,000 |
| 2524  | 100066919 | - Giáo trình dinh dưỡng Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp                                                                                                                                                          | 2  | Đổng Ngọc Đức    | - 6132     | 10,000 |
| 4748  | 100107837 | - Giáo trình đo lường các đại lượng điện và không điện                                                                                                                                                                         | 3  | Nguyễn Văn Hòa   | - 62180287 | 15,500 |
| 938   | 100037074 | - Giáo trình dung sai đo lường                                                                                                                                                                                                 | 5  |                  | - 621815   | 20,000 |
| 3011  | 100079777 | - Giáo trình đo lường điện và cảm biến đo lường Sách dùng cho các trường Cao đẳng - Hoàng Sỹ Hồng                                                                                                                              | 1  |                  | - 62138154 |        |
| 4910  | 100109968 | - Giáo trình đo lường điện và cảm biến đo lường - Biên soạn theo chương trình khung môn học đo lường điện và cảm biến đo lường do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành - Nguyễn Văn Hòa, Bùi Đăng Thánh, Hoàng Sỹ Hồng              | 1  | Nguyễn Văn Hòa   | - 62138154 | 39,500 |
| 5852  | 100121281 | - Giáo trình đo lường điện nghề sửa chữa thiết bị điện công nghiệp - Trần Thị Hoa                                                                                                                                              | 1  |                  | - 62137    |        |
| 12044 | 100149754 | - Giáo trình dung sai lắp ghép - Nguyễn Dân, Nguyễn Hữu Thường                                                                                                                                                                 | 50 |                  | - 621815   |        |
| 561   | 100027178 | - Giáo trình dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường                                                                                                                                                                            | 4  | Ninh Đức Tồn     | - 621815   | 17,600 |
| 1     | 100109402 | - Giáo trình dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Nguyễn Thị Xuân Bảy                                                                                          | 1  | Ninh Đức Tồn     | - 621815   | 17,600 |
| 12798 | 100154254 | - Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam - dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang chủ biên [ và những người khác] | 50 |                  | - 33552    |        |
| 3069  | 100082358 | - Giáo trình gia công cơ khí (dùng trong các trường THCN) - Nguyễn Đắc Lê                                                                                                                                                      | 2  | Nguyễn Thế Công  | - 67153    | 48,000 |
| 52    | 100000882 | - Giáo trình giản lược Anh văn căn bản kinh tế - tài chính = - A concise course of basic English economics and finance                                                                                                         | 1  | Phạm Vũ Định     | - 4228     | 9,000  |
| 1732  | 100052381 | - Giáo trình hệ các chương trình ứng dụng (Windows, Word, Excel)                                                                                                                                                               | 1  | Tô Văn Nam       | - 00515    | 13,500 |
| 4456  | 100104389 | - Giáo trình hệ điều hành - Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp - Phạm Thanh Bình, Phạm Trường Sinh                                                                                                                  | 1  | Phạm Thanh Bình  | - 00543    | 18,000 |
| 4996  | 100110843 | - Giáo trình hệ các chương trình ứng dụng (Windows, Word, Excel) - Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Tô Văn Nam                                                                                    | 1  | Tô Văn Nam       | - 00515    | 13,500 |
| 11133 | 100144086 | - Giáo trình hệ thống thông tin kế toán - 1, - Kế toán Excel - Hoàng Đor, Trần Duy Vũ Ngọc Lan                                                                                                                                 | 30 |                  | - 65784    |        |
| 11163 | 100144274 | - Giáo trình hệ thống thông tin kế toán - 2, - Kế toán Access & phần mềm kế toán SSP - Hoàng Đor, Trần Duy Vũ Ngọc Lan, Nguyễn Thanh Bình                                                                                      | 50 |                  | - 65784    |        |



|       |           |                                                                                                                                                                                    |     |                      |            |        |
|-------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|------------|--------|
| 3327  | 100088541 | - Giáo trình hệ thống thông tin kế toán Phần 1 kế toán trên Excel - Nguyễn Thị Ngọc Bích                                                                                           | 20  | Trần Duy Vũ Ngọc Lan | - 65784    | 15,000 |
| 8901  | 100130873 | - Giáo trình hóa học 1 - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh Khoa Công nghệ Hóa học                                                                                          | 50  |                      | - 541      |        |
| 7545  | 100126831 | - Giáo trình hóa học đại cương - Lê Thị Thanh Hương                                                                                                                                | 30  |                      | - 541      |        |
| 2611  | 100069227 | - Giáo trình hóa học đại cương Dùng cho sinh viên trường Đại học Công nghiệp TPHCM                                                                                                 | 2   | Nguyễn Khương        | - 541      | 10,000 |
| 14047 | 100182576 | - Giáo trình hóa hữu cơ - Nghề sản xuất các sản phẩm lọc dầu                                                                                                                       | 150 |                      | - 547      |        |
| 6748  | 100126033 | - Giáo trình Hóa lý 1 - Nguyễn Trọng Tăng                                                                                                                                          | 30  |                      | - 5413     |        |
| 8838  | 100130032 | - Giáo trình hoá phân tích                                                                                                                                                         | 10  |                      | - 543      |        |
| 9682  | 100135623 | - Giáo trình hóa phân tích                                                                                                                                                         | 50  |                      | - 543      |        |
| 3177  | 100087885 | - Giáo trình kế toán chi phí - Nguyễn Việt Hưng                                                                                                                                    | 29  | Trần Phước           | - 657      | 24,000 |
| 1968  | 100054490 | - Giáo trình kế toán doanh nghiệp 1 - Nguyễn Thanh Huyền                                                                                                                           | 25  | Nguyễn Minh Tuấn     | - 6571     | 15,000 |
| 4899  | 100109865 | - Giáo trình kế toán doanh nghiệp 1 dùng cho hệ cao đẳng kế toán                                                                                                                   | 1   |                      | - 6571     | 48,000 |
| 5060  | 100111505 | - Giáo trình kế toán doanh nghiệp Lý thuyết - bài tập mẫu & bài giải                                                                                                               | 1   | Nguyễn Văn Công      | - 6571     | 40,000 |
| 5441  | 100116731 | - Giáo trình kế toán Excel                                                                                                                                                         | 20  |                      | - 00515    |        |
| 2724  | 100072041 | - Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp - Nguyễn Thị Minh Nguyệt                                                                                                                 | 4   | Nguyễn Minh Tuấn     | - 6571     | 16,000 |
| 2582  | 100068591 | - Giáo trình kế toán máy Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp                                                                                                             | 6   | Nguyễn Văn Tân       | - 00515    | 14,500 |
| 11213 | 100144544 | - Giáo trình kế toán ngân hàng - Đoàn Văn Đính                                                                                                                                     | 50  |                      | - 65783    |        |
| 5662  | 100117925 | - Giáo trình kế toán ngân hàng - Nguyễn Văn Kiên                                                                                                                                   | 20  |                      | - 65783    |        |
| 539   | 100026139 | - Giáo trình kế toán ngân sách nhà nước                                                                                                                                            | 10  | Trần Thị Phương Nga  | - 657835   | 32,000 |
| 3414  | 100091386 | - Giáo trình kế toán nhà nước - Nguyễn Thị Thuý Hạnh                                                                                                                               | 45  | Phan Thị Cúc         | - 6571     | 30,000 |
| 811   | 100033981 | - Giáo trình kế toán quản trị                                                                                                                                                      | 2   | Nguyễn Minh Phương   | - 6571     | 30,000 |
| 1436  | 100044581 | - Giáo trình kế toán quốc tế - Nguyễn Thị Đông                                                                                                                                     | 1   | Nguyễn Minh Phương   | - 6574     | 36,000 |
| 5604  | 100117619 | - Giáo trình kế toán quốc tế - International Accounting - Huỳnh Tấn Dũng                                                                                                           | 20  |                      | - 6574     |        |
| 4999  | 100110861 | - Giáo trình kế toán tài chính - Trương Thị Thủy                                                                                                                                   | 1   | Ngô Thế Chi          | - 65746    | 80,000 |
| 5287  | 100114979 | - Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp - T1 - Trần Phước Lập                                                                                                                  | 1   | Trần Phước           | - 6571     | 78,000 |
| 11043 | 100143524 | - Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp - Tập 1 - đã bổ sung theo thông tư 1612007TT-BTC ngày 31122007 của Bộ Tài chính - Trần Phước                                           | 20  |                      | - 6571     |        |
| 11063 | 100143642 | - Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp - Tập 2 - đã bổ sung theo quyết định 152006 QĐ-BTC ngày 20032006 và thông tư 1612007TT-BTC ngày 31122007 của Bộ Tài chính - Trần Phước | 20  |                      | - 6571     |        |
| 1552  | 100047759 | - Giáo trình khí cụ điện Dùng cho hệ cao đẳng - Đinh Thị Thanh Thảo                                                                                                                | 8   | Ngô Đình Tiến        | - 62131042 | 20,000 |
| 895   | 100036605 | - Giáo trình kĩ thuật sấy nông sản thực phẩm                                                                                                                                       | 1   | Nguyễn Văn May       | - 6640288  | 20,000 |
| 10923 | 100142834 | - Giáo trình kiểm toán - 1 - Trần Phước, Huỳnh Tấn Dũng, Nguyễn Thanh Sang                                                                                                         | 20  |                      | - 658151   |        |



|       |           |                                                                                                                                       |    |                    |            |        |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------|--------|
| 10943 | 100143004 | - Giáo trình kiểm toán - 2 - Trần Phước, Nguyễn Ngọc Phương Ngân, Huỳnh Tấn Dũng                                                      | 50 |                    | - 658151   |        |
| 3242  | 100088136 | - Giáo trình kiểm toán - Nguyễn Thanh Sang                                                                                            | 30 | Trần Phước         | - 658151   | 23,000 |
| 948   | 100037492 | - Giáo trình kinh doanh quốc tế - Bùi Tuệ Quỳnh                                                                                       | 2  | Hà Văn Hội         | - 3371     | 50,000 |
| 2082  | 100055736 | - Giáo trình kiến trúc máy vi tính                                                                                                    | 1  | Vũ Chấn Hưng       | - 0041     | 23,000 |
| 4631  | 100106458 | - Giáo trình kinh tế chất thải                                                                                                        | 1  | Nguyễn Đình Hương  | - 628      | 46,000 |
| 4979  | 100110649 | - Giáo trình kinh tế chính trị dùng trong các trường, lớp trung học kinh tế                                                           | 1  |                    | - 3354     | 20,000 |
| 1316  | 100042592 | - Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin - Nguyễn Thị Thanh Huyền                                                                   | 13 | Nguyễn Văn Hào     | - 3354     | 17,500 |
| 7198  | 100126484 | - Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin Dùng cho các khối ngành không chuyên Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường ĐH, CĐ | 50 |                    | - 3354     |        |
| 7291  | 100126577 | - Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin Dùng cho các khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng   | 50 |                    | - 3354     |        |
| 5455  | 100116782 | - Giáo trình kinh tế học - Nguyễn Minh Tuấn và [những người khác]                                                                     | 50 |                    | - 33001    |        |
| 2267  | 100060501 | - Giáo trình kỹ thuật chiếu sáng Dùng cho sinh viên các ngành điện - điện tử                                                          | 2  | Dương Lan Hương    | - 62132    | 9,500  |
| 4884  | 100109687 | - Giáo trình kinh tế và quản trị doanh nghiệp - Hoàng Văn Hải                                                                         | 1  | Ngô Xuân Bình      | - 6582     | 16,000 |
| 195   | 100009275 | - Giáo trình kỹ thuật điện cao áp T1 - Kỹ thuật cách điện                                                                             | 1  | Hoàng Việt         | - 62131937 | 27,000 |
| 1930  | 100053658 | - Giáo trình kỹ thuật điện Dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Lê Văn Doanh                                      | 13 | Đặng Văn Đào       | - 62131    | 14,500 |
| 4892  | 100109808 | - Giáo trình kỹ thuật điều khiển động cơ điện Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                             | 1  | Vũ Quang Hồi       | - 621462   | 12,600 |
| 14547 | 100189796 | - Giáo trình kỹ thuật lạnh - Trọn bộ - Nguyễn Đức Lợi                                                                                 | 2  |                    | - 62156    |        |
| 569   | 100027823 | - Giáo trình kỹ thuật mạch điện tử                                                                                                    | 6  | Đặng Văn Chuyết    | - 62138132 | 21,400 |
| 1842  | 100053066 | - Giáo trình kỹ thuật mạch điện tử - Bỏ Quốc Bảo                                                                                      | 23 | Đặng Văn Chuyết    | - 62138132 | 21,400 |
| 2300  | 100061271 | - Giáo trình kỹ thuật mạch điện tử sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Nguyễn Thị Phước Vân                 | 2  | Đặng Văn Chuyết    | - 62138132 | 21,400 |
| 4450  | 100104324 | - Giáo trình kỹ thuật ngoại thương                                                                                                    | 1  | Đoàn Thị Hồng Vân  | - 3821     | 70,000 |
| 5014  | 100111048 | - Giáo trình kỹ thuật nghiệp vụ giao dịch ngoại thương Vũ Hữu Tửu                                                                     | 1  | Vũ Hữu tửu         | - 382      | 41,000 |
| 1957  | 100053949 | - Giáo trình kỹ thuật số Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                                  | 27 | Nguyễn Việt Nguyên | - 62138159 | 19,500 |
| 3059  | 100081707 | - Giáo trình kỹ thuật sửa chữa ô tô                                                                                                   | 1  | Hoàng Đình Long    | - 629287   | 35,500 |
| 4989  | 100110758 | - Giáo trình kỹ thuật số và mạch logic - Dùng trong các trường THCN - Chu Khắc Huy, Nguyễn Thị Thu Thủy                               | 1  | Chu Khắc Huy       | - 62138159 | 31,500 |
| 1793  | 100052821 | - Giáo trình kỹ thuật sửa chữa ô tô, máy nổ Sách dùng cho các trường đào tạo hệ Trung học chuyên nghiệp - Đỗ Xuân Kính                | 19 | Nguyễn Tất Tiến    | - 62928    | 36,600 |
| 1714  | 100052196 | - Giáo trình kỹ thuật xung - số                                                                                                       | 5  | Lương Ngọc Hải     | - 62138043 | 20,000 |
| 4569  | 100105755 | - Giáo trình kỹ thuật xung - số - Lương Ngọc Hải                                                                                      | 2  | Lương Ngọc Hải     | - 62138043 | 20,000 |
| 421   | 100018766 | - Giáo trình lập trình lý thuyết và bài tập C                                                                                         | 10 | Trần Anh Sơn       | - 005133   | 12,000 |



|       |           |                                                                                                                                                   |    |                    |            |        |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------|--------|
| 2558  | 100067778 | - Giáo trình lập trình hướng đối tượng với C++ Dùng trong các trường THCN                                                                         | 1  | Nguyễn Chí Trung   | - 005133   | 26,500 |
| 3061  | 100081845 | - Giáo trình lắp đặt và vận hành máy lạnh Dùng cho các trường THCN                                                                                | 1  | Trần Văn Lịch      | 621.56     | 35,000 |
| 1894  | 100053415 | - Giáo trình linh kiện điện tử và ứng dụng                                                                                                        | 19 | Nguyễn Viết Nguyên | - 62138152 | 20,000 |
| 149   | 100004933 | - Giáo trình Luật kinh tế                                                                                                                         | 3  | Nguyễn Minh Tuấn   | - 34307    | 12,000 |
| 10133 | 100138274 | - Giáo trình luật kinh tế - Nguyễn Minh Tuấn, Đặng Công Tráng, Nguyễn Thị Ngọc Bình                                                               | 50 |                    | - 34307    |        |
| 9783  | 100136173 | - Giáo trình lý thuyết & tính toán thiết kế hệ thống sấy - dành cho sinh viên hệ Đại học và Cao đẳng ngành Công nghệ Nhiệt Lạnh - Bùi Trung Thành | 50 |                    | - 62151    |        |
| 2151  | 100057414 | - Giáo trình lý thuyết automat và ngôn ngữ hình thức                                                                                              | 1  | Hồ Văn Quân        | - 005131   | 12,500 |
| 5086  | 100111720 | - Giáo trình lý thuyết chuyên môn nguội sửa chữa Tài liệu tham khảo dùng cho các trường Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề                       | 1  | Bùi Xuân Danh      | - 62149171 | 29,000 |
| 2613  | 100069259 | - Giáo trình lý thuyết cung cấp điện 1                                                                                                            | 12 | Võ Tấn Lộc         | - 621319   | 7,000  |
| 2812  | 100073510 | - Giáo trình lý thuyết Điện công nghệ - Nguyễn Ngọc Thiêm                                                                                         | 74 | Nguyễn Quân        | - 621319   | 11,000 |
| 2687  | 100069944 | - Giáo trình lý thuyết Khí cụ điện - Ninh Văn Tiến                                                                                                | 10 | Bạch Thanh Quý     | - 62131042 | 8,500  |
| 4404  | 100103847 | - Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán Dùng trong các trường Cao Đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp khối kinh tế - Hàn Thị Lan Thu                 | 1  | Phạm Thành Long    | - 65704    | 18,500 |
| 4907  | 100109946 | - Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán dùng trong các trường có đào tạo bậc trung học về kinh tế, tài chính, kế toán                            | 1  | Trần Ngọc Nghĩa    | - 65704    | 25,000 |
| 5081  | 100111651 | - Giáo trình lý thuyết kiểm toán - Nguyễn Viết Lợi                                                                                                | 1  | Đậu Ngọc Châu      | - 658151   | 30,000 |
| 2796  | 100073367 | - Giáo trình lý thuyết Kỹ thuật đo - Đinh Thị Thanh Thảo                                                                                          | 40 | Dương Hữu Phước    | - 62137    | 5,000  |
| 2758  | 100072738 | - Giáo trình Lý thuyết Mạch Lý thuyết mạch I                                                                                                      | 13 | Trương Công Đỉnh   | - 62138132 | 8,000  |
| 2771  | 100072845 | - Giáo trình lý thuyết mạch Lý thuyết mạch II - Võ Duy Anh                                                                                        | 41 | Nguyễn Mạnh Hùng   | - 62138132 | 7,000  |
| 2782  | 100072913 | - Giáo trình lý thuyết Máy điện 1 - Ngô Đình Tiến                                                                                                 | 9  | Nguyễn Minh Tâm    | - 62146    | 7,000  |
| 2806  | 100073453 | - Giáo trình lý thuyết Máy điện 2 - Ngô Đình Tiến                                                                                                 | 10 | Nguyễn Minh Tâm    | - 62146    | 6,500  |
| 2574  | 100068239 | - Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp                                                             | 2  | Phạm Thị Cúc       | - 643      | 32,500 |
| 4911  | 100109976 | - Giáo trình lý thuyết tài chính                                                                                                                  | 1  | Dương Đăng Chinh   | - 336      | 35,000 |
| 5750  | 100120201 | - Giáo trình lý thuyết tài chính - Tiền tệ - Phan Thị Cúc chủ biên[và những người khác]                                                           | 40 |                    | - 3324     |        |
| 11464 | 100146114 | - Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ - Phan Thị Cúc[và những người khác]                                                                    | 70 |                    | - 3324     |        |
| 38    | 100000837 | - Giáo trình lý thuyết thống kê                                                                                                                   | 1  | Nguyễn Phúc Sinh   | - 33001021 | 10,000 |
| 153   | 100006319 | - Giáo trình lý thuyết và bài tập Pascal - Hoàng Đức Hải                                                                                          | 3  | Nguyễn Đình Tê     | - 005133   | 82,000 |
| 495   | 100024079 | - Giáo trình lý thuyết và bài tập Pascal T-2 - Hoàng Đức Hải                                                                                      | 1  | Nguyễn Đình Quốc   | - 005133   | 70,000 |
| 2417  | 100064504 | - Giáo trình mã hoá thông tin Lý thuyết và ứng dụng - Nguyễn Đình Thúc                                                                            | 1  | Bùi Doãn Khanh     | - 004      | 18,000 |
| 2894  | 100074306 | - Giáo trình mạch điện tử kỹ thuật trong tự Chất bán dẫn, Diode và Transistor                                                                     | 1  | Nguyễn Hạnh        | - 62131042 | 30,000 |
| 3074  | 100082509 | - Giáo trình ma sát mòn bôi trơn Tribology                                                                                                        | 1  | Nguyễn Doãn Ý      | - 62189    | 50,000 |
| 5434  | 100116669 | - Giáo trình marketing căn bản - Nguyễn Minh Tuấn                                                                                                 | 50 |                    | - 65881    |        |
| 4869  | 100109539 | - Giáo trình marketing dịch vụ dùng cho sinh viên ngành quản trị kinh doanh buu chính, viễn thông                                                 | 2  | Nguyễn Thượng Thái | - 65881    | 57,000 |



|       |           |                                                                                                                                               |    |                        |            |        |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------|------------|--------|
| 15856 | 100199296 | - Giáo trình máy CNC và gia công nghệ gia công trên máy CNC - Nguyễn Quốc Hưng                                                                | 60 |                        | - 6218     |        |
| 558   | 100026979 | - Giáo trình máy điện                                                                                                                         | 1  | Đặng Văn Đào           | - 62146    | 14,800 |
| 1942  | 100053727 | - Giáo trình máy điện Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp - Nguyễn Hồng Thanh                                         | 10 | Đặng Văn Đào           | - 62146    | 14,800 |
| 2556  | 100067688 | - Giáo trình máy và thiết bị nông nghiệp T1 Máy nông nghiệp Dùng trong các trường THCN                                                        | 2  | Trần Đức Dũng          | - 631306   | 25,500 |
| 5047  | 100111364 | - Giáo trình máy tiện và gia công trên máy tiện                                                                                               | 1  | Nguyễn Viết Tiếp       | - 621942   | 24,500 |
| 2540  | 100067132 | - Giáo trình máy và thiết bị nông nghiệp T2 Cơ giới hóa chăn nuôi và thiết bị chế biến nông sản Dùng trong các trường Trung học chuyên nghiệp | 1  | Trần Đức Dũng          | - 631306   | 21,500 |
| 4439  | 100104207 | - Giáo trình Microsoft Excel 2003                                                                                                             | 1  | Phạm Thanh Minh        | - 00515    | 12,500 |
| 4519  | 100105036 | - Giáo trình Microsoft Access 2003 - Tập 2 - Nguyễn Thiện Tâm                                                                                 | 1  | Nguyễn Thiện Tâm       | - 0057406  | 20,000 |
| 4520  | 100105081 | - Giáo trình Microsoft Access 2003 T1                                                                                                         | 1  | Nguyễn Thiện Tâm       | - 0057406  | 20,000 |
| 4522  | 100105093 | - Giáo trình Microsoft Access 2003 - Tập 3 - Nguyễn Thiện Tâm                                                                                 | 1  | Nguyễn Thiện Tâm       | - 0057406  | 20,000 |
| 5071  | 100111560 | - Giáo trình Microsoft Office Access 2003 - Nguyễn Văn Hoài                                                                                   | 1  | Nguyễn Hữu Tiến        | - 0057406  | 85,000 |
| 9733  | 100135873 | - Giáo trình Microsoft Project - Nguyễn Minh Tuấn, Hà Trọng Quang                                                                             | 60 |                        | - 00515    |        |
| 4863  | 100109475 | - Giáo trình mô hình toán ứng dụng - Có hướng dẫn sử dụng phần mềm - Ngô Văn Thứ                                                              | 1  | Ngô Văn Thứ            | - 510      | 34,000 |
| 10443 | 100140041 | - Giáo trình môi trường học cơ bản - Lê Huy Bá                                                                                                | 60 |                        | - 628      |        |
| 2949  | 100077427 | - Giáo trình môn học Anh văn chuyên ngành may thời trang = - English for the fashion garment industry - Trần Anh Dũng                         | 5  | Võ Phước Tấn           | - 6463     | 20,000 |
| 2942  | 100077251 | - Giáo trình môn học Công nghệ may 2                                                                                                          | 5  | Võ Phước Tấn           | - 64632    | 16,000 |
| 2943  | 100077312 | - Giáo trình môn học Công nghệ may 5                                                                                                          | 1  | Võ Phước Tấn           | - 64632    | 21,000 |
| 5     | 100076910 | - Giáo trình môn học thiết kế thời trang trên máy tính = - Cad - Computer aided fashion design - Thiều Thanh Tân                              | 5  | Võ Phước Tấn           | - 6463     | 16,000 |
| 81    | 100001743 | - Giáo trình môn Kế toán doanh nghiệp                                                                                                         | 1  |                        | - 6571     |        |
| 2944  | 100077329 | - Giáo trình môn học thiết kế trang phục 1                                                                                                    | 1  | Võ Phước Tấn           | - 64632    | 21,000 |
| 94    | 100001874 | - Giáo trình môn nguyên lý kế toán                                                                                                            | 29 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | - 65704    | 17,000 |
| 13895 | 100168587 | - Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Phan Thị Cúc chủ biên [và những người khác]                                                     | 50 |                        | - 3321     |        |
| 4     | 100067005 | - Giáo trình ngôn ngữ lập trình C Dùng trong các trường Trung học chuyên nghiệp                                                               | 4  | Lê văn Huỳnh           | - 005133   | 38,500 |
| 1344  | 100043046 | - Giáo trình nguồn điện và điện lạnh (Dùng cho các trường công nhân bưu điện - Hệ 18 tháng) - Ngô xuân Huy                                    | 5  | Hoàng Ngọc Hội         | - 621312   | 16,500 |
| 13495 | 100165651 | - Giáo trình nguyên lý bảo hiểm - Phan Thị Cúc, Nguyễn Thị Kim Liên                                                                           | 50 |                        | - 368      |        |
| 10993 | 100143274 | - Giáo trình nguyên lý kế toán - lý thuyết, câu hỏi trắc nghiệm, bài tập & bài giải - Trần Phước                                              | 50 |                        | - 65704    |        |
| 8848  | 100130042 | - Giáo trình nguyên lý thống kê                                                                                                               | 10 |                        | - 33001021 |        |
| 5462  | 100116864 | - Giáo trình nguyên lý thống kê - Nguyễn Minh Tuấn, Hà Trọng Quang                                                                            | 49 |                        | - 33001021 |        |
| 11083 | 100143805 | - Giáo trình nguyên lý thống kê - Trần Phước [và những người khác]                                                                            | 50 |                        | - 33001021 |        |
| 3     | 100078559 | - Giáo trình nhập môn hệ điều hành - Lưu hành nội bộ - Lê Khắc Nhiên Ân, Hoàng Kiếm                                                           | 3  | Lê Khắc Nhiên Ân       | - 00543    | 28,000 |
| 4530  | 100105163 | - Giáo trình nhập môn ASP Có CD kèm theo sách - Phương Lan                                                                                    | 1  | Nguyễn Thiên Bằng      | - 004693   | 52,000 |



|       |           |                                                                                                                                                                                                                                |     |                    |             |        |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------------|-------------|--------|
| 1708  | 100052108 | - Giáo trình nhập môn tin học                                                                                                                                                                                                  | 14  | Tô Văn Nam         | - 0050202   | 14,000 |
| 4649  | 100106629 | - Giáo trình nhập môn tin học Dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                                                                                                                           | 2   | Tô Văn Nam         | - 0050202   | 14,000 |
| 2459  | 100065819 | - Giáo trình nhiên liệu dầu mỡ Dùng trong các trường THCN                                                                                                                                                                      | 1   | Trần văn Triệu     | - 665       | 18,500 |
| 2487  | 100066500 | - Giáo trình nhập môn UML                                                                                                                                                                                                      | 1   | Phạm Xuân Kiên     | - 0050202   | 69,000 |
| 12898 | 100154854 | - Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin - dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - Phạm Văn Sinh, Phạm Quang Phan chủ biên [và những người khác] | 50  |                    | - 3354      |        |
| 8678  | 100129279 | - Giáo trình phân tích bằng điện hóa                                                                                                                                                                                           | 20  |                    | - 5430872   |        |
| 8672  | 100129238 | - Giáo trình phân tích các sản phẩm lọc dầu                                                                                                                                                                                    | 20  |                    | - 66553     |        |
| 9883  | 100136773 | - Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh - Kèm theo bài tập & câu hỏi trắc nghiệm - Nguyễn Minh Tuấn, Đoàn Văn Huy, Trần Thị Huế Chi                                                                                        | 50  |                    | - 658       |        |
| 922   | 100036903 | - Giáo trình phân tích hoạt động kinh tế trong xí nghiệp công nghiệp                                                                                                                                                           | 10  | Phạm Tĩnh          | - 33012     | 18,000 |
| 1782  | 100052735 | - Giáo trình truyền động điện                                                                                                                                                                                                  | 1   | Bùi Đình Tiểu      | - 621462    | 18,500 |
| 1780  | 100052718 | - Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống                                                                                                                                                                                       | 1   | Tô Văn Nam         | - 0057406   | 12,500 |
| 4434  | 100104173 | - Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống thông tin                                                                                                                                                                             | 1   | Nguyễn Văn Vy      | - 0057406   | 21,500 |
| 4477  | 100104608 | - Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp                                                                                                                       | 1   | Phạm Minh Tuấn     | - 0057406   | 14,500 |
| 4942  | 100110288 | - Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp - Nguyễn Trọng Cơ, Ngô Thế Chi                                                                                                                                                   | 1   | Ngô Thế Chi        | - 658152    | 20,000 |
| 10553 | 100140654 | - Giáo trình phân tích và đầu tư chứng khoán - Phan Thị Cúc, Nguyễn Trung Trực, Từ Thị Hoàng Lan                                                                                                                               | 30  |                    | - 33265     |        |
| 1527  | 100046633 | - Giáo trình phân tích và thiết kế hướng đối tượng bằng UML                                                                                                                                                                    | 1   | Dương Anh Đức      | - 0050202   | 32,000 |
| 4420  | 100104028 | - Giáo trình pháp luật đại cương                                                                                                                                                                                               | 2   | Ngô Văn Tăng Phước | - 340597    | 44,500 |
| 4553  | 100105387 | - Giáo trình pháp luật kinh tế                                                                                                                                                                                                 | 1   | Ngô Văn Tăng Phước | - 343075 97 | 44,500 |
| 4961  | 100110475 | - Giáo trình phương pháp số - Dùng cho sinh viên ngành công nghệ thông tin - Phan Đăng Cầu, Phan Thị Hà                                                                                                                        | 1   | Phan Đăng Cầu      | - 005131    | 57,000 |
| 10033 | 100137674 | - Giáo trình phương pháp tính = - Computational mathematics bậc Đại học và Cao đẳng - Nguyễn Phú Vinh                                                                                                                          | 50  |                    | - 5114      |        |
| 1642  | 100051027 | - Giáo trình PLC mitsubishi programmable controllers - Trần Thị Thu Thủy                                                                                                                                                       | 32  | Lê Hoàng Vinh      | - 629892    | 18,000 |
| 6640  | 100125925 | - Giáo trình quá trình - thiết bị thủy cơ - vật liệu rời                                                                                                                                                                       | 30  |                    | - 6201      |        |
| 6552  | 100125837 | - Giáo trình Quá trình - thiết bị truyền nhiệt                                                                                                                                                                                 | 30  |                    | - 66402     |        |
| 14257 | 100188461 | - Giáo trình quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học - Tập 2 - Trung tâm máy và thiết bị Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh                                                                                       | 100 |                    | - 660284    |        |
| 14357 | 100188961 | - Giáo trình quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học - Tập 3 - Trung tâm máy và thiết bị Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh                                                                                       | 100 |                    | - 660284    |        |
| 406   | 100018319 | - Giáo trình quản lý học kinh tế quốc dân - Tập 1 - Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bru                                                                                                                                                 | 3   | Đỗ Hoàng Toàn      | - 330       | 32,500 |



|       |           |                                                                                                                                           |    |                   |            |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|------------|--------|
| 10333 | 100139427 | - Giáo trình quản lý môi trường cơ bản = - Textbook of basic enviromental management - Lê Huy Bá                                          | 60 |                   | - 628      |        |
| 5520  | 100117156 | - Giáo trình quản trị doanh nghiệp - Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Đình Tịnh                                                                     | 43 |                   | - 65802    |        |
| 5474  | 100116932 | - Giáo trình quản trị học - Nguyễn Minh Tuấn và [những người khác]                                                                        | 50 |                   | - 658      |        |
| 5610  | 100117653 | - Giáo trình quy hoạch tuyến tính                                                                                                         | 20 |                   | - 5198     |        |
| 5370  | 100115892 | - Giáo trình quy hoạch tuyến tính dùng cho bậc đại học và cao đẳng - Nguyễn Đình Tùng                                                     | 43 |                   | - 5198     |        |
| 3033  | 100080594 | - Giáo trình sinh lý thực vật ( Dùng trong các trường THCN ) - Nguyễn Thuận Châu                                                          | 1  | Nguyễn Kim Thanh  | - 580      | 39,000 |
| 8668  | 100129215 | - Giáo trình sơ đồ công nghệ và hoạt động của nhà máy lọc dầu điển hình nghề vận hành thiết bị hóa dầu                                    | 20 |                   | - 66553    |        |
| 4394  | 100103733 | - Giáo trình SQL Server 2000 - Trần Xuân Hải                                                                                              | 1  | Nguyễn Thiện Tâm  | - 00543    | 40,000 |
| 12998 | 100155454 | - Giáo trình sức bền vật liệu - dùng cho hệ Cao đẳng - Nguyễn Thị Ân                                                                      | 50 |                   | - 6201121  |        |
| 16591 | 100203084 | - Giáo trình sức bền vật liệu - dùng cho hệ Trung cấp - Nguyễn Thị Ân                                                                     | 60 |                   | - 6201121  |        |
| 16471 | 100202504 | - Giáo trình sức bền vật liệu - Nguyễn Thị Ân                                                                                             | 60 |                   | - 6201121  |        |
| 3417  | 100091395 | - Giáo trình tài chính công - Đoàn Văn Huy                                                                                                | 14 | Phan Thị Cúc      | - 33606    | 27,000 |
| 11494 | 100146324 | - Giáo trình tài chính doanh nghiệp - Phần 1 - Phan Thị Cúc [và những người khác]                                                         | 30 |                   | - 658152   |        |
| 13445 | 100165351 | - Giáo trình Tài chính doanh nghiệp - Phần 2 - Phan Thị Cúc [và những người khác]                                                         | 50 |                   | - 658152   |        |
| 17510 | 100211346 | - Giáo trình tài chính doanh nghiệp * - Phan Thị Cúc [và những người khác]                                                                | 50 |                   | - 658152   |        |
| 17460 | 100210946 | - Giáo trình tài chính doanh nghiệp ** - Phan Thị Cúc, Nguyễn Trung Trực, Đặng Thị Trường Giang                                           | 50 |                   | - 658152   |        |
| 14991 | 100192685 | - Giáo trình tài chính doanh nghiệp *** - Phan Thị Cúc [và những người khác]                                                              | 50 |                   | - 658152   |        |
| 3280  | 100088257 | - Giáo trình tài chính doanh nghiệp Tập 1 - Nguyễn Thị Đỗ Quyên                                                                           | 29 | Phan Thị Cúc      | - 658152   | 15,000 |
| 3265  | 100088214 | - Giáo trình tài chính doanh nghiệp Tập 2 - Nguyễn Thị Đỗ Quyên                                                                           | 19 | Phan Thị Cúc      | - 658152   | 25,000 |
| 10583 | 100140854 | - Giáo trình tài chính quốc tế - Phan Thị Cúc, Đoàn Văn Huy, Lê Đức Thắng                                                                 | 50 |                   | - 332042   |        |
| 3371  | 100091077 | - Giáo trình tài chính tiền tệ phần 1 Tiền tệ ( Dùng cho sinh viên bậc đại học chuyên ngành kế toán, tài chính ngân hàng ) - Phan Thị Cúc | 15 | Đoàn Văn Huy      | - 336      | 18,000 |
| 4527  | 100105126 | - Giáo trình thanh toán quốc tế trong du lịch                                                                                             | 1  | Trần Thị Minh Hòa | - 33245    | 46,500 |
| 8630  | 100129027 | - Giáo trình thí nghiệm chuyên ngành sản xuất các sản phẩm lọc dầu                                                                        | 20 |                   | - 6655     |        |
| 2820  | 100073536 | - Giáo trình thí nghiệm khí cụ điện - Văn Thị Kiều Nhi                                                                                    | 65 | Bạch Thanh Quý    | - 62131042 | 7,000  |
| 17410 | 100210746 | - Giáo trình thị trường chứng khoán - Bùi Kim Yến                                                                                         | 50 |                   | - 33265    |        |
| 3203  | 100088005 | - Giáo trình thị trường chứng khoán - Đoàn Văn Huy                                                                                        | 29 | Phan Thị Cúc      | - 33265    | 20,000 |
| 4409  | 100103916 | - Giáo trình thị trường chứng khoán Đã bổ sung, cập nhật theo Luật Chứng khoán năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007                   | 1  | Bùi Kim Yến       | - 33265    | 54,500 |
| 5710  | 100118098 | - Giáo trình thị trường tài chính - Phan Thị Cúc, Nguyễn Trung Trực                                                                       | 69 |                   | - 332      |        |
| 3076  | 100082549 | - Giáo trình thiết kế WEB phần 1 (Dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp)                                                          | 1  | Ngô Đăng Tiến     | - 004693   | 25,500 |
| 16890 | 100204584 | - Giáo trình thực hành các quá trình & thiết bị cơ học - Trung tâm máy - thiết bị Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh               | 60 |                   | - 6201     |        |



|       |           |                                                                                                                                              |    |                      |           |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|-----------|--------|
| 16770 | 100203984 | - Giáo trình thực hành các quá trình & thiết bị truyền khối - Trung tâm máy thiết bị Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh               | 60 |                      | - 6602    |        |
| 16830 | 100204284 | - Giáo trình thực hành các quá trình & thiết bị truyền nhiệt - Trung tâm máy - thiết bị Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh            | 60 |                      | - 66402   |        |
| 11364 | 100145544 | - Giáo trình thực hành chuyên ngành hoá dầu - Hệ Cao đẳng và trung cấp chuyên ngành phân tích và Hoá dầu - Lê Thị Thanh Hương                | 50 |                      | - 665     |        |
| 2688  | 100069947 | - Giáo trình thực hành điều khiển máy điện - Võ Thị Ánh Tuyết                                                                                | 60 | Huỳnh Công Hào       | - 62146   | 9,000  |
| 13995 | 100169187 | - Giáo trình thực hành hóa học đại cương - Hệ cao đẳng và trung cấp - Trường Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh Trung tâm Công nghệ hóa học  | 50 |                      | - 541     |        |
| 8823  | 100130017 | - Giáo trình thực hành hoá học đại cương Hệ cao đẳng và trung cấp                                                                            | 10 |                      | - 541     |        |
| 11313 | 100145244 | - Giáo trình thực hành hoá hữu cơ - Hệ Cao đẳng và Trung cấp - Lê Thị Thanh Hương                                                            | 51 |                      | - 547     |        |
| 10723 | 100141654 | - Giáo trình thực hành hoá lý - Lê Thị Thanh Hương                                                                                           | 50 |                      | - 5413    |        |
| 2069  | 100055188 | - Giáo trình thực hành hóa lý Hệ cao đẳng và trung cấp                                                                                       | 2  |                      | - 5413    | 6,000  |
| 8808  | 100130002 | - Giáo trình thực hành hóa vô cơ                                                                                                             | 10 |                      | - 546     |        |
| 9631  | 100135273 | - Giáo trình thực hành hóa vô cơ - hệ cao đẳng và trung cấp - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh Viện công nghệ sinh học và thực phẩm | 51 |                      | - 546     |        |
| 6527  | 100125812 | - Giáo trình thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm                                                                                             | 30 |                      | - 5421    |        |
| 13345 | 100161818 | - Giáo trình thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm - Đại học Công Nghiệp TP Hồ Chí Minh Trung tâm công nghệ hóa học                            | 50 |                      | - 5421    |        |
| 16711 | 100203684 | - Giáo trình thực hành kỹ thuật thực phẩm - Trung tâm máy và thiết bị Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh                              | 59 |                      | - 6640028 |        |
| 13745 | 100167687 | - Giáo trình thực hành Phân tích cơ sở - Hệ Cao đẳng và trung cấp - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh Trung tâm Công nghệ hóa học    | 50 |                      | - 543     |        |
| 2625  | 100069364 | - Giáo trình thực hành Quấn dây - sửa chữa động cơ ba pha - Phạm Thúy Ngọc                                                                   | 61 | Lê Hoàng Vinh        | - 62146   | 12,000 |
| 6489  | 100125774 | - Giáo trình thực hành quấn dây máy biến áp                                                                                                  | 30 |                      | - 62146   |        |
| 14891 | 100192085 | - Giáo trình thực hành sửa chữa máy và thiết bị lạnh - Lê Quang Liêm[và những người khác]                                                    | 50 |                      | - 62156   |        |
| 6448  | 100125733 | - Giáo trình thực hành thí nghiệm máy điện                                                                                                   | 30 |                      | - 62146   |        |
| 2601  | 100069055 | - Giáo trình thực hành vận hành máy điện - Nguyễn Thành Phúc                                                                                 | 40 | Võ Tấn Lộc           | - 621313  | 5,000  |
| 2917  | 100074646 | - Giáo trình thực tập sinh lý học người và động vật                                                                                          | 1  | Mai Văn Hưng         | - 612     | 39,000 |
| 8714  | 100129499 | - Giáo trình thực tập vận hành trên hệ thống mô phỏng thiết bị hóa dầu                                                                       | 20 |                      | - 6655028 |        |
| 4555  | 100105401 | - Giáo trình thuế Lý thuyết, bài tập và bài giải - Nguyễn Thị Mỹ Linh                                                                        | 1  | Phan Thị Cúc         | - 3362    | 98,000 |
| 5805  | 100120480 | - Giáo trình thuế Lý thuyết, bài tập và bài giải - Phan Thị Cúc, Trần Phước, Nguyễn Thị Mỹ Linh                                              | 30 |                      | - 3362    |        |
| 11834 | 100148544 | - Giáo trình thủy lực môi trường - Huỳnh Phú                                                                                                 | 60 |                      | - 62126   |        |
| 2575  | 100068327 | - Giáo trình tiếng anh chuyên ngành kỹ thuật phục vụ nhà hàng Dừng trong các trường trung học chuyên nghiệp = - English for restaurant staff | 5  | Nguyễn Thị Bích Ngọc | - 4228    | 45,000 |



|       |           |                                                                                                                                                                                   |    |                     |           |        |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|-----------|--------|
| 5186  | 100112790 | - Giáo trình Tiếng Hán hiện đại hán ngữ cơ sở dành cho sinh viên tiếng Hán                                                                                                        | 2  | Trần Thị Thanh Liêm | - 4951    | 27,000 |
| 8192  | 100127924 | - Giáo trình tín dụng - ngân hàng - Nguyễn Văn Kiên                                                                                                                               | 30 |                     | - 3327    |        |
| 10503 | 100140374 | - Giáo trình tín dụng - ngân hàng - Phan Thị Cúc, Đoàn Văn Huy, Nguyễn Văn Kiên                                                                                                   | 50 |                     | - 3327    |        |
| 3400  | 100091292 | - Giáo trình tín dụng ngân hàng - Nguyễn Thị Đỗ Quyên                                                                                                                             | 15 | Phan Thị Cúc        | - 3327    | 30,000 |
| 2990  | 100079025 | - Giáo trình tin học - tập 2 - Lê Khắc Thành, Hồ Sỹ Đàm                                                                                                                           | 1  | Hồ Sỹ Đàm           | - 0050202 | 18,500 |
| 3640  | 100093542 | - Giáo trình tin học chuyên ngành cơ học biến dạng và cán kim loại                                                                                                                | 2  | Phạm Văn Côi        | - 67132   | 28,000 |
| 1345  | 100043057 | - Giáo trình tin học cơ sở Dùng cho các trường công nhân bưu điện - Hệ 18 tháng - Phạm Thị Kim Dung                                                                               | 1  | Đỗ Xuân Trường      | - 0050202 | 26,000 |
| 4431  | 100104140 | - Giáo trình tin học cơ sở                                                                                                                                                        | 1  |                     | - 0050202 | 32,000 |
| 136   | 100004389 | - Giáo trình tin học đại cương - Chu Tất Bích San                                                                                                                                 | 4  | Hoàng Kiếm          | - 0050202 | 27,000 |
| 2509  | 100066757 | - Giáo trình tin học đại cương Dùng trong các trường Trung học chuyên nghiệp                                                                                                      | 7  | Nguyễn Gia Phúc     | - 0050202 | 26,500 |
| 170   | 100006847 | - Giáo trình tin học quản lý                                                                                                                                                      | 1  |                     | - 005     |        |
| 2989  | 100079013 | - Giáo trình tin học Tập 1 - Lê Khắc Thành                                                                                                                                        | 1  | Hồ Sỹ Đàm           | - 004     | 18,500 |
| 4967  | 100110533 | - Giáo trình tin học sách dùng cho các trường dạy nghề hệ 12 - 24 tháng - Nguyễn Hương Giang                                                                                      | 1  | Tiêu Kim Cương      | - 0050202 | 29,000 |
| 5639  | 100117770 | - Giáo trình tin học ứng dụng - Nguyễn Thanh Bình                                                                                                                                 | 20 |                     | - 00515   |        |
| 11263 | 100144844 | - Giáo trình tin học ứng dụng - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh Khoa Kế toán kiểm toán                                                                                  | 50 |                     | - 00515   |        |
| 488   | 100023911 | - Giáo trình tin học ứng dụng lý thuyết và bài tập Pascal - Hoàng Đức Hải                                                                                                         | 1  | Nguyễn Đình Quốc    | - 005133  | 41,000 |
| 4972  | 100110596 | - Giáo trình tin học văn phòng sách dùng cho hệ đào tạo cao đẳng - Đình Hùng                                                                                                      | 1  | Thạc Bình Cường     | - 00515   | 26,000 |
| 3468  | 100092045 | - Giáo trình toán cao cấp Bậc cao đẳng khối kỹ thuật và kinh tế                                                                                                                   | 8  | Nguyễn Phú Vinh     | - 510     | 12,500 |
| 2156  | 100057659 | - Giáo trình toán chuyên đề A23 (Bậc cao đẳng khối cơ khí và động lực) - Nguyễn Văn Thìn                                                                                          | 1  |                     | - 511     |        |
| 2323  | 100061865 | - Giáo trình toán chuyên đề A23 Bậc Cao đẳng khối Cơ khí và Động lực - Nguyễn Văn Thìn                                                                                            | 2  |                     | - 515     |        |
| 4977  | 100110628 | - Giáo trình toán chuyên ngành dùng cho sinh viên ngành điện tử - viễn thông                                                                                                      | 1  |                     | - 515     | 55,000 |
| 3386  | 100091173 | - Giáo trình Toán tài chính - Đoàn Văn Huy, Đặng Thị Trường Giang                                                                                                                 | 64 | Đoàn Văn Huy        | - 336     | 16,000 |
| 1723  | 100052255 | - Giáo trình toán ứng dụng trong tin học                                                                                                                                          | 5  | Bùi Minh Trí        | - 005131  | 23,500 |
| 1720  | 100052244 | - Giáo trình trang bị điện Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                                                                            | 4  | Nguyễn Văn Chất     | - 6218028 | 26,500 |
| 266   | 100011178 | - Giáo trình trang bị điện trong máy cắt kim loại                                                                                                                                 | 4  | Nguyễn Ngọc Cẩn     | - 621902  | 20,000 |
| 1208  | 100041769 | - Giáo trình triết học Mác - Lênin - Trần văn Thụy                                                                                                                                | 3  |                     | - 3354    |        |
| 7200  | 100126486 | - Giáo trình triết học Mác - Lênin Dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng                                                                                                        | 50 |                     | - 3354    |        |
| 2163  | 100057922 | - Giáo trình triết học Mác - Lênin Dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng - Trần văn Thụy                                                                                        | 19 | Nguyễn Hữu Vui      | - 3354    | 19,000 |
| 1776  | 100052697 | - Giáo trình truyền động điện                                                                                                                                                     | 3  | Bùi Đình Tiểu       | - 621462  | 18,500 |
| 1182  | 100041169 | - Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                                                                                                                 | 11 | Đặng Xuân Kỳ        | - 335502  | 36,000 |
| 12848 | 100154554 | - Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh - dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - Phạm Ngọc Anh chủ biên [và những người khác] | 50 |                     | - 335502  |        |
| 7020  | 100126305 | - Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh Dùng trong các trường đại học, cao đẳng                                                                                                         | 50 |                     | - 335502  |        |



|       |           |                                                                                                                                                     |    |                   |            |        |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|------------|--------|
| 2302  | 100061297 | - Giáo trình ứng dụng máy tính trong kỹ thuật hệ thống công nghiệp                                                                                  | 1  | Nguyễn Tuấn Anh   | - 005      | 13,000 |
| 2472  | 100066303 | - Giáo trình tuabin thủy lực - Bộ môn Thiết bị thủy năng Trường Đại học Thủy lợi                                                                    | 1  |                   | - 62126    | 35,000 |
| 497   | 100024149 | - Giáo trình ứng dụng tin học làm chủ Microsoft Windows 2000 Server - Hoàng Đức Hải                                                                 | 3  | Phạm Hoàng Dũng   | - 00543    | 98,000 |
| 3036  | 100080619 | - Giáo trình vận hành và sửa chữa thiết bị điện (Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp và dạy nghề)                           | 2  | Nguyễn Sỹ Đức     | - 621313   | 22,500 |
| 2334  | 100062134 | - Giáo trình vật liệu cơ khí                                                                                                                        | 1  | Lương Văn Quân    | - 669042   | 15,000 |
| 12246 | 100150954 | - Giáo trình vật liệu cơ khí - Châu Minh Quang                                                                                                      | 51 |                   | - 669042   |        |
| 3072  | 100082436 | - Giáo trình vật liệu cơ khí Dùng cho các trường trung học chuyên nghiệp                                                                            | 2  | Nguyễn Thị Yên    | - 669042   | 21,000 |
| 560   | 100027079 | - Giáo trình vật liệu công nghệ cơ khí Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                                  | 1  | Hoàng TÙNG        | - 669042   | 13,200 |
| 2553  | 100067647 | - Giáo trình vật liệu cơ khí Dùng trong các trường THCN                                                                                             | 1  |                   | - 669042   |        |
| 5070  | 100111559 | - Giáo trình vật liệu điện                                                                                                                          | 1  | Đỗ Hữu Thanh      | - 62130284 | 9,000  |
| 4642  | 100106558 | - Giáo trình vật liệu điện - Nguyễn Đình Thắng                                                                                                      | 2  | Nguyễn Đình Thắng | - 62130284 | 21,500 |
| 1696  | 100051983 | - Giáo trình vật liệu điện Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp và cao đẳng kỹ thuật                                         | 7  | Nguyễn Trung Tánh | - 62130284 | 21,500 |
| 1979  | 100054564 | - Giáo trình vật liệu và công nghệ cơ khí Sách dùng cho các trường đào tạo hệ trung học chuyên nghiệp                                               | 1  | Hoàng Tùng        | - 669042   | 13,200 |
| 13245 | 100161213 | - Giáo trình vật lý đại cương - 2, - Điện học - Nguyễn Hữu Thọ                                                                                      | 50 |                   | - 530      |        |
| 4676  | 100107002 | - Giáo trình vật lý điện tử                                                                                                                         | 1  | Phùng Hồ          | - 5375     | 45,000 |
| 12195 | 100150654 | - Giáo trình vẽ kỹ thuật - dùng cho hệ Cao đẳng không chuyên - Nguyễn Thị Mỹ                                                                        | 51 |                   | - 6042     |        |
| 3503  | 100092388 | - Giáo trình vẽ kỹ thuật T1                                                                                                                         | 40 | Hồ Ngọc Dũng Nam  | - 6042     | 9,500  |
| 3491  | 100092264 | - Giáo trình vẽ kỹ thuật T2                                                                                                                         | 34 | Hồ Ngọc Dũng Nam  | - 6042     | 9,500  |
| 1647  | 100051306 | - Giáo trình vi sinh thực phẩm Dành cho hệ cao đẳng và trung cấp                                                                                    | 2  |                   | - 576      | 5,000  |
| 2565  | 100067959 | - Giáo trình vi sinh - ký sinh trùng Đối tượng Điều dưỡng đa khoa Dùng trong các trường THCN                                                        | 1  | Nguyễn Thanh Hà   | - 57865    | 15,500 |
| 1650  | 100051433 | - Giáo trình vi sinh vật đại cương Sử dụng cho hệ trung cấp và cao đẳng                                                                             | 2  |                   | - 57401    | 6,000  |
| 4395  | 100103736 | - Giáo trình Visual Basicnet T2                                                                                                                     | 1  | Nguyễn Hữu Thiện  | - 005133   | 25,000 |
| 10283 | 100139174 | - Giáo trình xác suất - thống kê và ứng dụng - dùng cho bậc Đại học - Cao đẳng - Nguyễn Phú Vinh, Ngô Thành Phong                                   | 50 |                   | - 519      |        |
| 5349  | 100115627 | - Giáo trình xác suất - thống kê và ứng dụng Dùng cho bậc Đại học và Cao đẳng                                                                       | 43 |                   | - 519      |        |
| 14555 | 100189846 | - Giáo trình xác suất thống kê - Tổng Đình Quý                                                                                                      | 2  |                   | - 519      |        |
| 4938  | 100110242 | - Giáo trình xác suất và thống kê dùng cho sinh viên các ngành sinh học, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế và quản lý kinh tế, tâm lý - giáo dục học | 1  | Phạm Xuân Kiều    | - 519      | 24,500 |



|       |           |                                                                                                                                                                                                               |    |                     |            |         |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|---------|
| 5522  | 100117200 | - Giáo trình xử lý dữ liệu nghiên cứu với SPSS for windows - Nguyễn Minh Tuấn, Hà Trọng Quang                                                                                                                 | 40 |                     | - 00543    |         |
| 14197 | 100183081 | - Giáo trình xử lý ô nhiễm & thoái hóa môi trường đất - Nguyễn Thị Kiều Diễm                                                                                                                                  | 60 |                     | - 62855    |         |
| 8689  | 100129318 | - Giáo trình xử lý số liệu                                                                                                                                                                                    | 21 |                     | - 545      |         |
| 411   | 100018638 | - Giáo trình Lý thuyết mạch                                                                                                                                                                                   | 5  | Nguyễn Mạnh Hùng    | - 62138132 | 10,000  |
| 2557  | 100067756 | - Giáo trình xử lý văn bản (Word và powerpoint) Dùng trong các trường THCN                                                                                                                                    | 1  | Nguyễn Sơn Hải      | - 00515    | 21,000  |
| 132   | 100003664 | - Gió không thổi từ biển tiểu thuyết                                                                                                                                                                          | 1  | Chu Lai             | - 895923   | 10,000  |
| 5147  | 100112425 | - Giờ phút Điện Biên Phủ - Ngô Quang Vinh                                                                                                                                                                     | 1  | Raphael Jacques     | - 95970494 | 33,000  |
| 477   | 100023647 | - Giúp trí nhớ văn phạm Anh văn                                                                                                                                                                               | 2  | Lê Công Thương      | - 425      | 10,000  |
| 6     | 100000329 | - Giúp trí nhớ văn phạm Luyện thi chứng chỉ A, B tiếng Anh                                                                                                                                                    | 2  | Đặng Ngọc Dũng Tiến | - 425      | 10,000  |
| 135   | 100004301 | - Hào khí Đồng Nai                                                                                                                                                                                            | 1  | Ca Văn Chính        | - 895923   | 10,000  |
| 481   | 100023739 | - Grammar Practice For Elementary Students - Elsworth Steve                                                                                                                                                   | 1  | Walker Elaine       | - 42207    | 17,000  |
| 624   | 100029426 | - Giúp tự học lập trình với ngôn ngữ C                                                                                                                                                                        | 1  | Võ Văn Viện         | - 005133   | 55,000  |
| 1463  | 100045774 | - Hạt điều sản xuất và chế biến                                                                                                                                                                               | 1  | Phạm Đình Thanh     | - 664726   | 13,000  |
| 2874  | 100073982 | - Hấp thụ và trao đổi ion trong kỹ thuật xử lý nước và nước thải                                                                                                                                              | 1  | Lê Văn Các          | - 62816    | 35,000  |
| 4897  | 100109831 | - Hàm số biến số thực Cơ sở giải tích hiện đại - Nguyễn Hoàng                                                                                                                                                 | 1  | Nguyễn Định         | - 515      | 23,700  |
| 3562  | 100093028 | - Hệ mờ , mạng nơron và ứng dụng - Nguyễn Doãn Phước                                                                                                                                                          | 5  | Bùi Công Cường      | - 0046     | 40,000  |
| 3691  | 100093923 | - Hệ phi tuyến - Phan Xuân Minh                                                                                                                                                                               | 2  | Nguyễn Doãn Phước   | - 6298     | 18,500  |
| 3088  | 100083118 | - Hệ thống bài tập công nghệ may trang phục 5 - Huỳnh Văn Thúc                                                                                                                                                | 2  | Võ Phước Tấn        | - 64632    | 19,000  |
| 5339  | 100115517 | - Hệ thống bài tập và bài giải kế toán quản trị                                                                                                                                                               | 21 |                     | - 6571     |         |
| 3447  | 100091832 | - Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực giáo dục                                                                                                            | 1  |                     | - 34407    | 190,000 |
| 5340  | 100115528 | - Hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện 22 chuẩn mực kế toán                                                                                                                                               | 1  |                     | - 6571     |         |
| 5322  | 100115338 | - Hệ thống các văn bản tài chính, kế toán, thuế mới nhất về sắp xếp, đổi mới và cổ phần hóa doanh nghiệp                                                                                                      | 6  |                     | - 343      |         |
| 4901  | 100109877 | - Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm & bài tập - bài giải kế toán tài chính                                                                                                                                         | 1  | Nguyễn Văn Công     | - 65746    | 75,000  |
| 5085  | 100111701 | - Hệ thống cung cấp điện - Tập 1 - Trần Quang Khánh                                                                                                                                                           | 3  | Trần Quang Khánh    | - 621319   | 56,000  |
| 2881  | 100074074 | - Hệ thống cung cấp điện của xí nghiệp công nghiệp đô thị và nhà cao tầng - Nguyễn Mạnh Hoạch                                                                                                                 | 5  | Nguyễn Công Hiền    | - 6213191  | 67,000  |
| 4402  | 100103836 | - Hệ thống cung cấp điện - Tập 2 - Trần Quang Khánh                                                                                                                                                           | 1  | Trần Quang Khánh    | - 621319   | 52,000  |
| 4589  | 100105931 | - Hệ thống cung cấp nhiệt - Hoàng Văn Chước                                                                                                                                                                   | 3  | Hoàng Văn Chước     | - 621402   | 27,000  |
| 3080  | 100082695 | - Hệ thống điện và sơ đồ dây điện trong xe hơi Tiếng Anh kỹ thuật thực hành cho người sửa chữa xe hơi<br>= - Practical engineering English for Auto repairAutomotive electrical system and electrical diagram | 1  | Quang Huy           | - 6292549  | 95,000  |
| 3580  | 100093140 | - Hệ thống điều hòa không khí và thông gió - Vũ Xuân Hùng                                                                                                                                                     | 2  | Bùi Hải             | - 6979     | 68,500  |



|       |           |                                                                                                                                                                   |    |                    |            |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------|--------|
| 3709  | 100094118 | - Hệ thống điều khiển số trong công nghiệp                                                                                                                        | 5  | Bùi Quý Lực        | - 6298     | 34,000 |
| 4841  | 100109294 | - Hệ thống định vị toàn cầu và cách sử dụng máy định vị cầm tay                                                                                                   | 1  | Bùi Hữu Mạnh       | - 62138    | 28,000 |
| 13161 | 100160461 | - Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục Cao đẳng, Đại học và sau Đại học - Bộ giáo dục và Đào tạo                                                   | 1  |                    | - 34407    |        |
| 5306  | 100115181 | - Hệ thống kế toán doanh nghiệp chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán                                                                                            | 11 |                    | - 6571     |        |
| 93    | 100001868 | - Hệ thống kế toán hành chính - sự nghiệp 101 sơ đồ hướng dẫn hạch toán và chuyển sổ kế toán                                                                      | 13 | Đặng Văn Thanh     | - 6571     | 15,600 |
| 2859  | 100073904 | - Hệ thống kế toán hành chính - sự nghiệp áp dụng cho đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, đơn vị thực hiện khoán chi thi hành và đơn vị hành chính sự nghiệp khác | 13 | Bộ tài chính       | - 6571     | 36,400 |
| 2414  | 100064424 | - Hệ thống ống nước Lắp đặt - sửa chữa - bảo trì - Phạm Cao Hoàn                                                                                                  | 1  | Sun Set            | - 62815    | 20,000 |
| 2984  | 100078752 | - Hệ thống phun nhiên liệu và đánh lửa Cầm nang thực hành sửa chữa ô tô đời mới                                                                                   | 2  | Trung Minh         | - 62928    | 24,000 |
| 1525  | 100046596 | - Hệ thống sản xuất linh hoạt FMS và sản xuất tích hợp CIM                                                                                                        | 1  | Trần Văn Định      | - 6298     | 20,000 |
| 2132  | 100056817 | - Hệ thống số và mã các thiết bị bán dẫn T1                                                                                                                       | 5  | Nguyễn Minh Đức    | - 62138152 | 16,000 |
| 2477  | 100066316 | - Hệ thống thông tin kế toán - Nguyễn Thế Hưng                                                                                                                    | 5  | Nguyễn Phước Bỏ Ấn | - 65784    | 45,000 |
| 4951  | 100110371 | - Hệ thống thắng trên xe ô tô cấu tạo, nguyên tắc hoạt động, bảo dưỡng, sửa chữa - Châu Ngọc Thạch                                                                | 1  | Nguyễn Thành Trí   | - 629246   | 65,000 |
| 4533  | 100105190 | - Hệ thống thông tin kế toán Lý thuyết ,bài tập và bài giải                                                                                                       | 1  | Nguyễn Thế Hưng    | - 65784    | 46,500 |
| 9983  | 100137374 | - Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng - Phan Thị Cúc, Đoàn Văn Huy, Trần Duy Vũ Ngọc Lan                                                                       | 50 |                    | - 332      |        |
| 14474 | 100189417 | - Hệ thống thông tin y tế - Nguyễn Đức Thuận, Vũ Duy Hải, Trần Anh Vũ                                                                                             | 2  |                    | - 61028    |        |
| 2381  | 100063904 | - Hệ thống truyền lực Sách hướng dẫn sửa chữa, kiểm tra và bảo trì những hệ thống truyền lực - Đỗ Tấn Dân                                                         | 4  | Lưu Văn HY         | - 62928    | 35,000 |
| 2467  | 100066127 | - Hệ thống thủy lực trên máy công nghiệp                                                                                                                          | 1  | Nguyễn Thành Trí   | - 62126    | 30,000 |
| 1101  | 100039630 | - Hệ thống truyền lực sách hướng dẫn sửa chữa, kiểm tra và bảo trì những hệ thống truyền lực ở các phương tiện vận chuyển xe tải, xe buýt và ô tô - Đỗ Tấn Dân    | 2  | Lưu Văn Hy         | - 62928    | 35,000 |
| 5042  | 100111310 | - Hệ thống viễn thông - Phạm Minh Việt                                                                                                                            | 2  | Thái Hồng Nhị      | - 62138215 | 24,000 |
| 5261  | 100114731 | - Hệ thống văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng Đã sửa đổi, bổ sung đến Quý I năm 2007                                                                      | 1  |                    | - 34305    | 60,000 |
| 5266  | 100114783 | - Hệ thống văn bản pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                                                        | 1  |                    | - 3362     | 70,000 |
| 15491 | 100195623 | - Hệ thống viễn thông - Sử dụng cho bậc Đại học - Cao đẳng - Bùi Thư Cao[và những người khác]                                                                     | 60 |                    | - 62138215 |        |
| 34    | 100000694 | - Headway Advanced ( Student's book)                                                                                                                              | 2  | Soars Liz          | - 42207    | 24,000 |
| 758   | 100032606 | - Headway Intermediate( Student'book) - John Liz                                                                                                                  | 1  | Soars Liz          | - 42207    | 12,000 |
| 33    | 100000688 | - Headway Pre-Intermediate - Soars John                                                                                                                           | 1  | Soars Liz          | - 42207    | 20,000 |
| 769   | 100033007 | - Headway Pre-Intermediate - Student'book & workbook - John Liz                                                                                                   | 2  | Soars Liz          | - 42207    | 12,000 |
| 996   | 100038328 | - Headway Students't book Advanced - Soars Liz                                                                                                                    | 4  | Soars John         | - 42207    | 9,500  |



|       |           |                                                                                                                                                             |    |                        |           |         |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------|-----------|---------|
| 1068  | 100039281 | - Hiệu ứng 3D và xuất bản Web trong CorelDRAW 11 Các bước tắt sử dụng nhanh CorelDRAW 11                                                                    | 1  | Lê Bá An               | - 00668   | 16,500  |
| 3024  | 100080170 | - Hiện tượng cảm ứng điện từ động học và động lực học Điện trường và từ trường                                                                              | 1  | Phạm Thành Thông       | - 5376    | 54,000  |
| 3864  | 100098473 | - Hiệu ứng Photoshop                                                                                                                                        | 7  | Nguyễn Kim Hải         | - 00668   | 7,500   |
| 1560  | 100048239 | - Hoa cúc nâu                                                                                                                                               | 1  | Đặng Huy Hải Lâm       | - 895923  | 31,500  |
| 5160  | 100112559 | - Hồ Chí Minh Qua ký ức các nhân chứng lịch sử                                                                                                              | 1  | Đinh Chương            | - 3355271 | 46,500  |
| 14475 | 100189426 | - Hóa học đại cương - Dành cho các trường Đại học kỹ thuật - Nguyễn Khanh                                                                                   | 2  |                        | - 541     |         |
| 390   | 100016913 | - Hóa học dầu mỏ và khí                                                                                                                                     | 1  | Đinh Thị Ngọc          | - 6655    | 126,000 |
| 2090  | 100055847 | - Hóa học dầu mỏ và khí Giáo trình cho sinh viên trường Đại học Bách khoa và các trường khác                                                                | 4  | Đinh Thị Ngọc          | - 6655    | 27,000  |
| 429   | 100019705 | - Hóa học và đời sống T1 - Nguồn nước và chất lượng nước                                                                                                    | 1  | Nguyễn Văn Sang (dịch) | - 6133    | 11,000  |
| 2155  | 100057641 | - Hóa học hữu cơ                                                                                                                                            | 1  |                        | - 54701   |         |
| 2876  | 100074036 | - Hóa học môi trường                                                                                                                                        | 1  | Đặng kim Chi           | - 628     | 29,000  |
| 2988  | 100078895 | - Hoá học hữu cơ lý thuyết bài tập và câu hỏi trắc nghiệm Tập II                                                                                            | 1  | Nguyễn Đình Triệu      | - 547     | 46,400  |
| 3043  | 100081006 | - Hoá học hữu cơ lý thuyết bài tập và câu hỏi trắc nghiệm Tập I                                                                                             | 1  | Nguyễn Đình Triệu      | - 547     | 55,600  |
| 16042 | 100200198 | - Hóa học nano công nghệ nền và vật liệu nguồn - Nguyễn Đức Nghĩa                                                                                           | 1  |                        | - 660     |         |
| 9531  | 100134673 | - Hóa hữu cơ - Lê Thị Thanh Hương [và những người khác]                                                                                                     | 50 |                        | - 547     |         |
| 9481  | 100134373 | - Hóa lý 1 - Lê Thị Thanh Hương [và những người khác]                                                                                                       | 50 |                        | - 5413    |         |
| 8818  | 100130012 | - Hóa lý 2                                                                                                                                                  | 10 |                        | - 5413    |         |
| 9581  | 100134973 | - Hóa lý 2 - Lê Thị Thanh Hương [và những người khác]                                                                                                       | 50 |                        | - 5413    |         |
| 4829  | 100109144 | - Hóa lý cấu tạo phân tử và liên kết hóa học - Giáo trình dành cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các trường Đại học khối công nghệ, kỹ thuật | 1  | Nguyễn Văn Xuyên       | - 5413    | 38,000  |
| 14561 | 100189876 | - Hóa lý Polyme - Bùi Chương                                                                                                                                | 2  |                        | - 5413    |         |
| 13395 | 100162118 | - Hóa phân tích - Lê Thị Thanh Hương chủ biên [và những người khác]                                                                                         | 50 |                        | - 543     |         |
| 402   | 100017705 | - Hóa vô cơ                                                                                                                                                 | 1  |                        | - 546     |         |
| 2358  | 100063627 | - Hóa sinh                                                                                                                                                  | 1  | Nguyễn Hữu Chấn        | - 574192  | 81,000  |
| 2359  | 100063628 | - Hóa sinh học - Nguyễn Văn Đồng                                                                                                                            | 1  | Nguyễn Xuân Thắng      | - 574192  | 72,000  |
| 2902  | 100074493 | - Hóa sinh công nghiệp - Lê Doãn Diên                                                                                                                       | 1  | Lê Ngọc Tú             | - 66063   | 73,000  |
| 15141 | 100193525 | - Hóa vô cơ - Trung tâm công nghệ hóa học Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh                                                                         | 50 |                        | - 546     |         |
| 425   | 100019499 | - Học nhanh đàm thoại tiếng Anh bằng tranh                                                                                                                  | 1  |                        | - 42216   | 28,000  |
| 1073  | 100039306 | - Học máy vi tính từ đầu Bước đầu đến với máy vi tính                                                                                                       | 1  | Đức Hùng               | - 0050202 | 16,000  |
| 25    | 100000524 | - Học tốt ngữ pháp tiếng Anh - Khánh Quỳnh                                                                                                                  | 5  | Minh Lộc               | - 425     | 10,800  |
| 464   | 100023193 | - Hỏi đáp về bảo vệ môi trường                                                                                                                              | 1  |                        | - 628     | 42,000  |
| 531   | 100025967 | - Hỏi đáp tin học - Nguyễn Hạnh                                                                                                                             | 1  | Nguyễn Duy Linh        | - 0040202 | 11,000  |
| 614   | 100029290 | - Hỏi đáp tin học T4 - Nguyễn Hải Linh                                                                                                                      | 1  | Nguyễn Hạnh            | - 0040202 | 11,000  |



|       |           |                                                                                          |    |                    |             |        |
|-------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|-------------|--------|
| 635   | 100029533 | - Hồi đáp tin học T1 - Nguyễn Duy Linh                                                   | 1  | Nguyễn Hạnh        | - 0040202   | 11,000 |
| 13166 | 100160492 | - Hồi đáp về chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên                              | 1  |                    | - 34407     |        |
| 1395  | 100043863 | - Hồi đáp về Điện - Điện tử dân dụng                                                     | 5  | Bùi Văn yên        | - 62138132  | 26,000 |
| 2079  | 100055703 | - Hồi đáp về kỹ thuật điện hạ áp                                                         | 1  | Phạm Văn Khiết     | - 621313    | 52,000 |
| 5280  | 100114924 | - Hồi đáp về hiệp định thương mại Việt - Mỹ                                              | 1  | Lê Thành Châu      | - 337       | 38,000 |
| 5307  | 100115194 | - Hồi đáp về luật kinh tế tại Việt Nam - Nguyễn Thu Thảo                                 | 1  |                    | - 34307597  |        |
| 1070  | 100039294 | - Hồi đáp về máy biến áp và cách vận hành                                                | 6  | Lê Yên             | - 621313    | 37,500 |
| 513   | 100024672 | - Hồi ức của một Geisha                                                                  | 1  | Golden Arthur      | - 89563     | 68,000 |
| 2353  | 100063392 | - Hội thảo công nghệ mới trong tự động hoá                                               | 1  | Ngô Chon Thảo      | - 62989     | 15,000 |
| 2591  | 100068839 | - Hồi đáp về môi trường và sinh thái - Nguyễn Phương Nga                                 | 1  | Phan Nguyên Hồng   | - 628       | 8,300  |
| 5037  | 100111272 | - Hồi đáp về môn học chính trị - Nguyễn Đình Trình                                       | 1  | Lê Thế Lạng        | - 32001     | 14,000 |
| 5195  | 100112891 | - Huế - Triều Nguyễn một cái nhìn                                                        | 1  | Trần Đức Anh Sơn   | - 910959741 | 40,000 |
| 5277  | 100114882 | - Hồi đáp về thị trường chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành - Lý Thị Thu Hương | 1  | Lê Thành Châu      | - 33264     | 42,000 |
| 764   | 100032758 | - Hướng dẫn cách làm bài đọc hiểu luyện thi chứng chỉ quốc gia Tiếng Anh trình độ A      | 2  | Nguyễn Trùng Khánh | - 4211      | 13,500 |
| 751   | 100032458 | - Hướng dẫn cách làm bài đọc hiểu luyện thi chứng chỉ quốc gia Tiếng Anh trình độ B      | 3  | Nguyễn Trùng Khánh | - 4211      | 13,500 |
| 778   | 100033390 | - Hướng dẫn cách làm bài đọc hiểu luyện thi chứng chỉ quốc gia Tiếng Anh trình độ C      | 2  | Nguyễn Trùng Khánh | - 4211      | 15,000 |
| 4163  | 100100685 | - Hướng dẫn cách sử dụng các chương trình gửi nhận mail                                  | 3  | Ngô Vũ Thắng       | - 0050202   | 9,000  |
| 4955  | 100110428 | - Hướng dẫn cài đặt máy chủ DNS - Hoàng Minh Cường                                       | 1  | Phạm Việt Anh      | - 00465     | 26,000 |
| 7894  | 100127267 | - Hướng dẫn cài đặt Modem router ADSL - Đặng Quốc Anh                                    | 10 |                    | - 00467     |        |
| 4308  | 100101701 | - Hướng dẫn cài đặt và quản lý mạng                                                      | 3  | Phan Trung Kiên    | - 00465     | 12,000 |
| 4219  | 100101066 | - Hướng dẫn cài đặt và sử dụng dịch vụ trong Fedora Core 5                               | 5  | Trương Thanh Tú    | - 00543     | 8,500  |
| 4556  | 100105417 | - Hướng dẫn giải bài tập toán rời rạc                                                    | 1  | Đỗ Đức Giáo        | - 005131    | 38,500 |
| 14457 | 100189336 | - Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê - Tống Đình Quý                               | 2  |                    | - 519       |        |
| 4761  | 100107978 | - Hướng dẫn giải bài tập xác suất và thống kê toán                                       | 2  | Trần Thái Minh     | - 519       | 18,000 |
| 767   | 100032769 | - Hướng dẫn học Headway Elementary (Student's book & workbook) - Nguyễn Thành Yên        | 1  | Soars John         | - 42207     | 8,000  |
| 5026  | 100111161 | - Hướng dẫn học kinh tế chính trị Mác-Lênin                                              | 1  | Nguyễn Văn Kỳ      | - 3354      | 13,500 |
| 619   | 100029348 | - Hướng dẫn khắc phục sự cố máy tính                                                     | 5  | Châu Bá Hào        | - 0041      | 28,000 |
| 4460  | 100104428 | - Hướng dẫn lập bảng biểu trong word và excel                                            | 1  | Nguyễn Thị Trang   | - 00515     | 24,000 |
| 4516  | 100105015 | - Hướng dẫn kỹ thuật - mỹ thuật lắp đặt ống luồn dây cho hệ thống điện                   | 1  | Trần Thế San       | - 6213191   | 15,000 |
| 1092  | 100039507 | - Hướng dẫn lắp đặt điện dân dụng Sơ đồ đấu dây                                          | 6  | Lê Ngọc Cương      | - 6213192   | 35,000 |
| 595   | 100029020 | - Hướng dẫn lắp đặt sửa chữa nâng cấp mạng điện dân dụng - Nguyễn Trọng Thắng            | 3  | Trần Văn Nam       | - 6213192   | 32,000 |
| 4544  | 100105291 | - Hướng dẫn lập kế hoạch kinh doanh - Phan Kim Loan                                      | 2  | Dvid H.Bangs       | - 658001    | 48,000 |
| 1437  | 100044631 | - Hướng dẫn nâng cấp máy tính                                                            | 5  | Châu Bá Hào        | - 00416     | 32,000 |



|       |           |                                                                                                                                                       |   |                    |            |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------|------------|--------|
| 8872  | 100130105 | - Hướng dẫn mới nhất về công tác tư tưởng - văn hóa dành cho cán bộ, báo cáo viên tuyên giáo các cấp                                                  | 1 |                    | - 33551    |        |
| 8869  | 100130078 | - Hướng dẫn nghiệp vụ mới nhất dành cho cán bộ cấp ủy - Sách tham khảo dành cho các cán bộ làm công tác Đảng, cán bộ cấp ủy các cấp                   | 1 |                    | - 33551    |        |
| 13163 | 100160478 | - Hướng dẫn nghiên cứu thị trường lao động trong lĩnh vực giáo dục và dạy nghề - Hà Đức Ngọc                                                          | 1 |                    | - 3714     |        |
| 382   | 100016472 | - Hướng dẫn phòng chống virus trong tin học một cách hiệu quả - Các khái niệm cơ bản về Virus tin học Phân tích các kỹ thuật lây lan - Đậu Quang Tuấn | 4 | Nguyễn Viết Linh   | - 00516    | 15,000 |
| 4058  | 100099853 | - Hướng dẫn phục hồi hệ thống                                                                                                                         | 3 | Lương Bảo Khánh    | - 00543    | 7,500  |
| 4939  | 100110255 | - Hướng dẫn phòng và diệt vi rút máy tính                                                                                                             | 1 | Nguyễn Thành Cương | - 00516    | 28,000 |
| 2133  | 100056891 | - Hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động                                                                                                                  | 1 | Nguyễn Đức Dân     | - 6208     | 48,000 |
| 3062  | 100081887 | - Hướng dẫn quản trị mạng Microsoft Window Server 2003 - Nguyễn Công Sơn                                                                              | 1 | Hoàn Vũ            | - 00543    | 70,000 |
| 4483  | 100104675 | - Hướng dẫn sử dụng internet                                                                                                                          | 1 | Nguyễn Thành Cương | - 00467    | 25,000 |
| 4534  | 100105207 | - Hướng dẫn quản trị mạng microsoft windows server 2003 - Nguyễn Công Sơn, Hoàn Vũ                                                                    | 1 | lê Công Sơn        | - 00543    | 70,000 |
| 4543  | 100105290 | - Hướng dẫn sử dụng Microsoft Windows XP cho người mới bắt đầu - Đặng Quốc Thái, Tản Đình Đức, Nguyễn Hữu Tiên,                                       | 1 | Đặng Quốc Thái     | - 00543    | 42,000 |
| 4900  | 100109869 | - Hướng dẫn sử dụng Microsoft Outlook 2007 chương trình quản lý mail, nhận mail và quản lý thông tin cá nhân, cuộc họp - Lữ Đức Hào                   | 1 | Trần Việt An       | - 004692   | 62,000 |
| 4921  | 100110097 | - Hướng dẫn sử dụng các thiết bị điện trong gia đình                                                                                                  | 1 | Anh Tú             | - 62131042 | 29,000 |
| 5309  | 100115218 | - Hướng dẫn soạn thảo và quản lý văn bản                                                                                                              | 1 |                    | - 6521     |        |
| 3851  | 100098330 | - Hướng dẫn sử dụng Norton Ghost 100                                                                                                                  |   | Tô Ngọc Tuyền      | - 00516    | 8,500  |
| 1485  | 100045968 | - Hướng dẫn sử dụng ProEngineer 2000i Vẽ 3 chiều và thiết kế khuôn mẫu - Phạm Quang                                                                   | 4 | Phương Thị Tươi    | 55000      |        |
| 4905  | 100109928 | - Hướng dẫn sử dụng PhotoshopCS2 - Đoàn Ngọc Đăng Linh                                                                                                | 1 | Nguyễn Thiên Sơn   | - 00668    | 18,000 |
| 519   | 100025454 | - Hướng dẫn sửa chữa nâng cấp mạng điện dân dụng - Nguyễn Trọng Thắng                                                                                 | 1 | Trần Văn Nam       | - 6213192  | 32,000 |
| 1027  | 100038856 | - Hướng dẫn sửa chữa xe Honda đời mới Hệ thống điện - Phạm văn Cảnh                                                                                   | 1 | Phạm Thanh Đường   | - 62968    | 31,000 |
| 2701  | 100071058 | - Hướng dẫn sửa chữa xe Honda đời mới Khung xe - Phạm văn Cảnh                                                                                        | 1 | Phạm Thanh Đường   | - 62968    | 47,000 |
| 2704  | 100071125 | - Hướng dẫn sửa chữa xe Honda đời mới Động cơ và bộ truyền lực - Phạm văn Cảnh                                                                        | 1 | Phạm Thanh Đường   | - 62968    | 40,000 |
| 4388  | 100103663 | - Hướng dẫn sử dụng vi tính dùng cho văn phòng và công sở Microsoft office 2003 - Tập 10, - Sử dụng Internet - Trần Phú Tài                           | 1 | Trần Phú Tài       | - 00467    | 26,000 |
| 4389  | 100103701 | - Hướng dẫn sử dụng vi tính dùng cho văn phòng và công sở microsoft office 2003 - Tập 3, - Sử dụng bảng tính Excel 2003 - Trần Phú Tài, Trần Hân      | 1 | Trần Phú Tài       | - 00515    | 24,500 |
| 4392  | 100103712 | - Hướng dẫn sử dụng vi tính dùng cho văn phòng và công sở Microsoft office 2003 - Tập 4, - Quản lý dữ liệu access 2003 - Trần Phú Tài, Trần Hân       | 1 | Trần Phú Tài       | - 0057406  | 26,000 |
| 4393  | 100103715 | - Hướng dẫn sử dụng vi tính dùng cho văn phòng và công sở Microsoft office 2003 T7 Ứng dụng Mail & Fax Outlook 2003 Có CD kèm theo sách               | 1 | Trần Phú Tài       | - 00575    | 25,000 |



|       |           |                                                                                                                                                   |   |                    |            |         |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--------------------|------------|---------|
| 4827  | 100108666 | - Hướng dẫn sửa chữa động cơ 1RZ, 2RZ, 2RZ-E ( Toyota Hitachi)                                                                                    | 1 | Võ Tấn Đông        | - 62925    | 60,000  |
| 5184  | 100112782 | - Hướng dẫn sử dụng Robohelp HTML Edition                                                                                                         | 1 | Trần Thanh Hải     | - 0062     | 18,000  |
| 2294  | 100060993 | - Hướng dẫn thí nghiệm vật liệu điện - điện tử                                                                                                    | 1 | Hồ Văn Nhật Chương | - 62131042 | 7,000   |
| 2488  | 100066515 | - Hướng dẫn thiết kế - lắp đặt mạng điện khu dân cư - Nguyễn Trọng Thắng                                                                          | 1 | Trần Văn Nam       | - 6213192  | 36,000  |
| 2552  | 100067627 | - Hướng dẫn thi chứng chỉ A môn tiếng Anh Biên soạn theo hướng dẫn thi của Bộ GD & ĐT                                                             | 1 | Trần Văn Hải       | - 425      | 11,000  |
| 4418  | 100104019 | - Hướng dẫn thiết kế - lắp ráp Robot từ các linh kiện thông dụng - Trần Thế Sang dịch, Nguyễn Ngọc Phương hiệu đính                               | 1 | Trần Thế San       | - 629892   | 34,000  |
| 4825  | 100108659 | - Hướng dẫn tham gia thị trường chứng khoán                                                                                                       | 1 | Trần Minh Kiệt     | - 33265    | 49,000  |
| 4883  | 100109667 | - Hướng dẫn sửa chữa xe Toyota Hiace - Tập 1, - phần gầm, điện và vỏ xe - Võ Tấn Đông                                                             | 1 | Võ Tấn Đông        | - 62928    | 75,000  |
| 4975  | 100110625 | - Hướng dẫn thiết kế bài giảng và tuyển tập các bài giảng hay nghề động lực - cơ khí - Cao Văn Sâm, Vũ Xuân Hùng                                  | 1 | Vũ Xuân Hùng       | - 6292     | 45,000  |
| 5032  | 100111229 | - Hướng dẫn thiết kế bài giảng và tuyển tập các bài giảng hay nghề điện - điện tử - Dương Đức Lân, Cao Văn Sâm, Vũ Xuân Hùng                      | 1 | Vũ Xuân Hùng       | - 6213     | 45,000  |
| 14483 | 100189466 | - Hướng dẫn thí nghiệm kỹ thuật đo - dùng cho sinh viên ngành cơ khí các trường Đại học và Cao đẳng kỹ thuật - Nguyễn Xuân Bảy, Nguyễn Thị Cẩm Tú | 1 |                    | - 62180287 |         |
| 14484 | 100189467 | - Hướng dẫn thí nghiệm kỹ thuật đo - dùng cho sinh viên ngành cơ khí các trường Đại học và Cao đẳng kỹ thuật - Nguyễn Xuân Bảy, Nguyễn Thị Cẩm Tú | 1 |                    | - 62180287 |         |
| 4630  | 100106445 | - Hướng dẫn thiết kế đồ án công nghệ chế tạo máy - Lưu Văn Nhang                                                                                  | 2 | Nguyễn Đức Lộc     | - 621815   | 64,000  |
| 2445  | 100065415 | - Hướng dẫn thiết kế đường dây tải điện                                                                                                           | 1 | Hoàng Hữu Thận     | - 6213192  | 42,000  |
| 2999  | 100079354 | - Hướng dẫn thiết kế hệ thống điều hòa không khí                                                                                                  | 5 | Nguyễn Đức Lợi     | - 69793    | 58,000  |
| 3533  | 100092714 | - Hướng dẫn thiết kế hệ thống lạnh                                                                                                                | 5 | Nguyễn Đức Lợi     | - 62156    | 59,000  |
| 2519  | 100066799 | - Hướng dẫn thiết kế lắp đặt mạng điện xí nghiệp - công nghiệp - Nguyễn Trọng Thắng                                                               | 1 | Trần Văn Nam       | - 6213192  | 35,000  |
| 8773  | 100129814 | - Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán đơn vị sự nghiệp công lập, bài tập và lập báo cáo tài chính                                                  | 3 |                    | - 6571     |         |
| 4898  | 100109848 | - Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới                                                                                                          | 3 | Võ Văn Nhị         | - 6577     | 86,000  |
| 4952  | 100110403 | - Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, bài tập và lập báo cáo tài chính - Nghiêm Mạnh Hùng                                    | 1 | Lê Thị Tuyết Nhung | - 6571     | 175,000 |
| 87    | 100001812 | - Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới - Đặng Kim Cương                                                                                         | 3 | Phạm Văn Dược      | - 6577     | 40,000  |
| 182   | 100008526 | - Hướng dẫn thực hành Corel Draw 8 - Dùng cho cả PC lẫn Macintosh Hướng dẫn từng bước để nắm vững các tín - Nguyễn Văn Hoài                       | 3 | Nguyễn Tiến Quang  | - 00668    | 50,000  |
| 430   | 100019717 | - Hướng dẫn thực hành Corel Draww 8 Xem - Thực hành - Ứng dụng - Nguyễn Văn Hoài                                                                  | 1 | Nguyễn Tiến Quang  | - 00668    | 100,000 |
| 4454  | 100104375 | - Hướng dẫn thực hành ghi chép tài khoản kế toán và sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp - Trần Phú Tài                                             | 1 | Bùi Văn Dương      | - 6571     | 65,000  |
| 4466  | 100104493 | - Hướng dẫn thực hành ghi chép tài khoản kế toán và sơ đồ kế toán doanh nghiệp - Trần Phú Tài                                                     | 1 | Bùi Văn Dương      | - 6571     | 100,000 |



|       |           |                                                                                                                                                                       |    |                     |           |         |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|-----------|---------|
| 4474  | 100104576 | - Hướng dẫn thực hành hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính, sơ đồ kế toán công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp, tư nhân và công ty hợp danh | 1  | Bùi Văn Dương       | - 6572    | 125,000 |
| 5853  | 100124259 | - Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Ban hành theo quyết định 482006QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính                               | 20 |                     | - 6571    |         |
| 537   | 100026115 | - Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Trần văn Việt                                                                                                 | 2  | Võ Văn Nhị          | - 6571    | 94,000  |
| 5323  | 100115345 | - Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp, ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán lập báo cáo tài chính doanh nghiệp                                              | 1  |                     | - 6572    |         |
| 5341  | 100115532 | - Hướng dẫn thực hành kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp và sự nghiệp có thu - Trần Thị Duyên                                                                        | 1  |                     | - 6571    |         |
| 8476  | 100128495 | - Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp áp dụng trong trường học                                                                                           | 15 |                     | - 6571    |         |
| 86    | 100001807 | - Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính - Nguyễn Xuân Hưng                                                                                                            | 2  | Võ Văn Nhị          | - 65704   | 25,000  |
| 648   | 100029806 | - Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính - Trần Anh Khoa                                                                                                               | 2  | Võ Văn Nhị          | - 65704   | 130,000 |
| 8304  | 100128134 | - Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính doanh nghiệp theo các hình thức kế toán                                   | 5  |                     | - 657     |         |
| 4537  | 100105227 | - Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính theo quyết định số 152006QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính - Võ Minh Hùng                                      | 1  | Bùi Văn Dương       | - 65704   | 178,000 |
| 8331  | 100128186 | - Hướng dẫn thực hành kế toán trên sổ kế toán - Lý Thị Bích Châu                                                                                                      | 15 |                     | - 6572    |         |
| 1005  | 100038461 | - Hướng dẫn thực hành Lắp đặt điện công nghiệp                                                                                                                        | 5  | Trần Duy Phụng      | - 6213192 | 31,000  |
| 2462  | 100066059 | - Hướng dẫn thực hành lắp đặt điện                                                                                                                                    | 1  | Ngọc Thạch          | - 6213192 | 30,000  |
| 5326  | 100115382 | - Hướng dẫn thực hành sổ sách kế toán - lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế GTGT trên Excel - Nguyễn Ngọc Hiến                                                      | 21 |                     | - 6572    |         |
| 383   | 100016485 | - Hướng dẫn thực hành Thiết kế lắp đặt điện nhà                                                                                                                       | 3  | Trần Duy Phụng      | - 6213192 |         |
| 2363  | 100063700 | - Hướng dẫn thực hành Thiết kế lắp đặt điện nhà                                                                                                                       | 2  | Trần Duy Phụng      | - 6213192 | 30,000  |
| 5075  | 100111613 | - Hướng dẫn thực hành viết lập trình trong Visual C# 2005 Express từ căn bản đến nâng cao                                                                             | 2  | Nguyễn Nam Thuận    | - 005133  | 49,000  |
| 8515  | 100128563 | - Hướng dẫn thực hành viết phần mềm kế toán trên Access - Nguyễn Ngọc Hiến                                                                                            | 20 |                     | - 657     |         |
| 2123  | 100056501 | - Hướng dẫn tự kiểm tra vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp - Nguyễn Đức Dẫn                                                                                        | 1  | Trần Thị Mỹ Trinh   | - 6208    | 35,000  |
| 5003  | 100110908 | - Hướng dẫn xây dựng và thuyết trình bằng Pwerpoint                                                                                                                   | 1  | Mai Anh             | - 00668   | 20,000  |
| 5005  | 100110932 | - Hướng dẫn thực hiện kế toán thuế doanh nghiệp                                                                                                                       | 1  | Nguyễn Phương Liên  | - 65746   | 105,000 |
| 5064  | 100111530 | - Hướng dẫn xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu bằng Access - Mai Anh                                                                                                   | 1  | Mai Anh             | - 0057406 | 25,000  |
| 14841 | 100191775 | - Infotech English for Computer users - Santiago, Eateras Remacha                                                                                                     | 50 |                     | - 00402   |         |
| 3988  | 100099294 | - Internet cho mọi người - Lê Ngọc Kim Khánh                                                                                                                          | 3  | Phan Đăng Duy Thịnh | - 00467   | 9,000   |
| 3896  | 100098672 | - ISA server 2004 Tường lửa siêu cấp                                                                                                                                  | 6  | Nguyễn Tấn Phát     | - 0062    | 13,000  |
| 1847  | 100053084 | - Isac Niuton                                                                                                                                                         | 2  | La Phạm Ý           | - 925     | 6,800   |
| 17190 | 100206084 | - ISE design entry fpga16000-9-wkb-rev1 introduction to VHDL lang11000-9-wkbf-rev1 - Khoa công nghệ Điện tử Trường Đại học công nghiệp TP Hồ Chí Minh                 | 60 |                     | - 621381  |         |



|      |           |                                                                                                                                               |    |                   |           |         |
|------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|-----------|---------|
| 2244 | 100059901 | - Kể chuyện thiên lôi và cách phòng tránh                                                                                                     | 1  | Phạm Cao Minh Tâm | - 36334   | 18,000  |
| 3126 | 100086057 | - Kể toán chi phí                                                                                                                             | 10 | Bùi Văn Trường    | - 65742   | 35,000  |
| 4879 | 100109647 | - Kể toán chi phí tóm tắt lý thuyết, bài tập, bài giải (toàn bộ bài giải)                                                                     | 1  | Bùi Văn Trường    | - 65742   | 40,500  |
| 5044 | 100111335 | - Kể toán công ty cổ phần và công ty chứng khoán                                                                                              | 22 | Võ Văn Nhị        | - 65792   | 66,000  |
| 84   | 100001785 | - Kể toán đại cương và tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp                                                                                | 3  | Lê Gia Lục        | - 657042  | 24,000  |
| 5271 | 100114837 | - Kể toán đại cương (lý thuyết và bài tập) - Phan Đức Dũng                                                                                    | 1  | Phạm gấp          | - 657042  | 66,000  |
| 4441 | 100104223 | - Kể toán dành cho chủ doanh nghiệp                                                                                                           | 1  | Võ Văn Nhị        | - 6571    | 41,000  |
| 8218 | 100127983 | - Kể toán dành cho giám đốc                                                                                                                   | 20 |                   | - 6571    |         |
| 76   | 100001690 | - Kể toán doanh nghiệp lý thuyết - bài tập mẫu và bài giải                                                                                    | 2  | Nguyễn văn Công   | - 65746   | 25,000  |
| 75   | 100001688 | - Kể toán doanh nghiệp lý thuyết - bài tập mẫu và bài giải - Đặng Thuý Hằng và nh ng khác                                                     | 1  | Nguyễn văn Công   | - 65746   | 25,000  |
| 4486 | 100104714 | - Kể toán doanh nghiệp nhỏ và vừa                                                                                                             | 2  | Võ Văn Nhị        | - 6571    | 86,000  |
| 8291 | 100128108 | - Kể toán doanh nghiệp xây lắp Áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam                                                                          | 15 |                   | - 6571    |         |
| 4401 | 100103833 | - Kể toán Mỹ Đối chiếu kế toán Việt Nam, lý thuyết, bài tập, bài giải                                                                         | 1  | Phan Đức Dũng     | - 65773   | 97,500  |
| 4430 | 100104116 | - Kể toán giá thành                                                                                                                           | 1  | Phan Đức Dũng     | - 657     | 47,500  |
| 4458 | 100104404 | - Kể toán mới đơn vị hành chính sự nghiệp chế độ tự chủ-tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính sử dụng mục lục ngân sách nhà nước | 1  | Vũ Duy Khang      | - 6571    | 298,000 |
| 4889 | 100109739 | - Kể toán kiểm toán                                                                                                                           | 1  | Phan Đức Dũng     | - 65745   | 62,000  |
| 4379 | 100103474 | - Kể toán ngân hàng - Nguyễn Đức Long                                                                                                         | 55 | Nguyễn Thị Loan   | - 65783   | 27,000  |
| 3352 | 100088971 | - Kể toán quản trị                                                                                                                            | 12 | Bùi Văn Trường    | - 6571    | 40,000  |
| 4505 | 100104881 | - Kể toán ngân sách nhà nước và kho bạc nhà nước - Lý thuyết và thực hành - Nguyễn Đức Thanh                                                  | 1  | Nguyễn Đức Thanh  | - 657835  | 56,000  |
| 5314 | 100115262 | - Kể toán quản trị - Đặng Kim Cương                                                                                                           | 21 |                   | - 6571    |         |
| 787  | 100033514 | - Kể toán quản trị - Đoàn Xuân Tiên                                                                                                           | 2  | Vương Đình Huệ    | - 6571    | 32,000  |
| 2455 | 100065758 | - Kể toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam - Trần Anh Hoa                                                                       | 5  | Đào Văn Tài       | - 6571597 | 39,000  |
| 5041 | 100111295 | - Kể toán quản trị - Võ Văn Nhị                                                                                                               | 1  | Huỳnh Lợi         | - 6571    | 66,000  |
| 4886 | 100109726 | - Kể toán quản trị doanh nghiệp                                                                                                               | 1  | Nguyễn Năng Phúc  | - 6571    | 96,000  |
| 5074 | 100111603 | - Kể toán quản trị doanh nghiệp bảo hiểm                                                                                                      | 1  | Hoàng Mạnh Cừ     | - 6571    | 25,000  |
| 8049 | 100127603 | - Kể toán quản trị Lý thuyết & bài tập - Đặng Kim Cương                                                                                       | 20 |                   | - 6571    |         |
| 80   | 100001711 | - Kể toán quản trị và phân tích kinh doanh - Đặng Kim Cương                                                                                   | 2  | Phạm Văn Dược     | - 6571    | 21,000  |
| 422  | 100019055 | - Kể toán quản trị và phân tích kinh doanh                                                                                                    | 1  | Phạm Văn Dược     | - 6571    | 22,000  |
| 73   | 100001680 | - Kể toán tài chính - Nguyễn Thị Ngọc Dung                                                                                                    | 2  | Võ Văn Nhị        | - 6571    | 63,000  |
| 786  | 100033510 | - Kể toán tài chính                                                                                                                           | 1  | Bùi Văn Dương     | - 65746   | 45,000  |
| 4448 | 100104310 | - Kể toán tài chính - Võ Minh Hùng                                                                                                            | 1  | Bùi Văn Dương     | - 65746   | 160,000 |
| 8309 | 100128143 | - Kể toán tài chính Đã sửa chữa theo QĐ 15QĐ-BTC ngày 2032006 - Nguyễn Xuân Hưng                                                              | 10 |                   | - 65746   |         |
| 4502 | 100104867 | - Kể toán tài chính Sách dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp khối ngành kinh tế - Nguyễn Xuân Hưng       | 17 | Võ Văn Nhị        | - 65746   | 130,000 |



|       |           |                                                                                                                                                                                               |    |                     |            |         |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|---------|
| 78    | 100001695 | - Kế toán thương mại dịch vụ                                                                                                                                                                  | 2  | C.Hopkins claude    | - 6571     | 30,000  |
| 810   | 100033944 | - Kế toán tài chính T1                                                                                                                                                                        | 1  | Bùi Văn Dương       | - 65746    | 45,000  |
| 4475  | 100104581 | - Kế toán tài chính đã sửa đổi, bổ sung toàn diện theo quyết định 152006QĐ-BTC, thông tư 202006TT-BTC, thông tư 212006TT-BTC, thông tư 132006TT-BTC (ban hành ngày 20032006 của bộ tài chính) | 1  | Phan Đức Dũng       | - 657      | 78,500  |
| 4499  | 100104835 | - Kế toán tài chính tóm tắt - Mai T Hoàng Minh                                                                                                                                                | 1  | Võ Văn Nhị          | - 65746    | 17,000  |
| 1022  | 100038823 | - Kế toán thương mại và dịch vụ                                                                                                                                                               | 5  | Hà Xuân Thạch       | - 6577     | 58,000  |
| 1425  | 100044455 | - Kế toán và thuế trong doanh nghiệp - Mai Thị Hoàng Minh                                                                                                                                     | 2  | Võ Văn Nhị          | - 65746    | 54,000  |
| 4400  | 100103805 | - Kế toán trưởng đơn vị hành chính sự nghiệp và những quy định mới về chế độ tài chính, chế độ tự chủ trong các cơ quan, đơn vị                                                               | 1  | Hoàng Anh           | - 6571     | 189,000 |
| 224   | 100009727 | - Kết cấu và tính toán động cơ đốt trong - Nguyễn Tất Tiến                                                                                                                                    | 6  | Nguyễn Đức Phú      | - 62143    | 39,500  |
| 2415  | 100064429 | - Khắc phục các lỗi thường gặp trong máy in laser và in phun màu                                                                                                                              | 1  | Lê Huỳnh            | - 00477    | 20,000  |
| 8530  | 100128587 | - Khách hàng - doanh nghiệp hợp tác cùng phát triển - Vũ Thu Phương                                                                                                                           | 20 |                     | - 658001   |         |
| 3989  | 100099298 | - Khai thác dữ liệu với Visual Basic 2005                                                                                                                                                     | 6  | Lê Hiếu Trục        | - 005133   | 7,500   |
| 4098  | 100100166 | - Khám phá các ứng dụng trên Windows Mobile 2005                                                                                                                                              | 5  | Nguyễn Thị Ngọc Huệ | - 00543    | 7,500   |
| 4096  | 100100159 | - Khám phá hệ điều hành Windows Vista                                                                                                                                                         | 5  | Nguyễn Ngọc Dược    | - 00543    | 7,500   |
| 3867  | 100098508 | - Khám phá Registry trong Windows XP                                                                                                                                                          | 3  | Huỳnh Thanh Hiền    | - 00543    | 8,500   |
| 1786  | 100052758 | - Khám phá thế giới Computer Em học vi tính bằng hình ảnh - Phạm Viết Dân                                                                                                                     | 5  | Nguyễn Duy Hạnh     | - 004      | 19,000  |
| 1541  | 100047394 | - Khi đàn ông nói dối - Hà Sơn Thanh Anh                                                                                                                                                      | 1  | Forwar              | - 155332   | 20,000  |
| 4598  | 100106109 | - Khí cụ điện lý thuyết kết cấu tính toán lựa chọn sử dụng - Tô Đăng                                                                                                                          | 1  | Nguyễn Xuân Phú     | - 62131042 | 100,000 |
| 4730  | 100107643 | - Khí cụ điện - Nguyễn Tiến Tôn                                                                                                                                                               | 1  | Phạm Văn Chới       | - 62131042 | 61,000  |
| 4762  | 100107986 | - Khí cụ - Thiết bị tiêu thụ điện hạ áp Kết cấu, sử dụng, sửa chữa                                                                                                                            | 1  | Nguyễn Xuân Phú     | - 62131042 | 50,000  |
| 16041 | 100200188 | - Khảo sát hàm số và các bài toán liên quan - Phan Huy Khải                                                                                                                                   | 1  |                     | - 515      |         |
| 3632  | 100093508 | - Khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động và một số vấn đề về môi trường                                                                                                                            | 5  | Nguyễn Thế Đạt      | - 331259   | 37,000  |
| 2     | 100189716 | - Khoa học và công nghệ vật liệu - La Văn Bình, Trần Thị Hiền, La Thái Hà                                                                                                                     | 2  |                     | - 669042   |         |
| 3721  | 100094200 | - Khoáng vật học Silicat - Huỳnh Đức Minh                                                                                                                                                     | 4  | Huỳnh Đức Minh      | - 620193   | 21,000  |
| 1781  | 100052727 | - Kỹ thuật audio-video - Thái Vĩnh Hiền                                                                                                                                                       | 4  | Nguyễn Thanh Trà    | - 62138833 | 32,600  |
| 1691  | 100051728 | - Kỹ thuật điện (Đã được hội đồng môn học Bộ giáo dục thông qua) - Lê Văn Doanh                                                                                                               | 2  | Đặng Văn Đào        | - 62131    | 17,000  |
| 4606  | 100106168 | - Kỹ thuật điện tử Đã được hội đồng môn học của Bộ giáo dục và đào tạo thông qua - Nguyễn Đức Thuận                                                                                           | 3  | Đỗ Xuân Thụ         | - 621381   | 32,000  |
| 4595  | 100106033 | - Kỹ thuật đo lường các đại lượng vật lý - Tập 2 - Phạm Thượng Hàn[và những người khác]                                                                                                       | 1  | Phạm Thượng Hàn     | - 5308     | 26,800  |
| 9101  | 100132073 | - Kỹ thuật số - sử dụng cho hệ Đại học - Phạm Thành Danh, Phạm Hữu Lộc                                                                                                                        | 50 |                     | - 62138159 |         |
| 4710  | 100107415 | - Kỹ thuật sơn                                                                                                                                                                                | 4  | Nguyễn Văn Lộc      | - 671734   | 25,500  |
| 321   | 100011977 | - Kiểm tra ô tô T3- Kỹ thuật sửa chữa ô tô = Automobile inspection Series III- Automobile Repair Technology                                                                                   | 9  | Han Sang Don        | - 62928    | 10,000  |
| 4497  | 100104813 | - Kiểm toán lý thuyết và thực hành                                                                                                                                                            | 1  | Phan Trung Kiên     | - 658151   | 88,000  |



|       |           |                                                                                                    |    |                      |            |         |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|------------|---------|
| 4850  | 100109368 | - Kiểm tra việc gia công máy và gia công nguội - AM Makhanco Võ Trần Khúc Nhã dịch                 | 2  | Makhanco A.M         | - 67153    | 37,000  |
| 4419  | 100104022 | - Kinh doanh quốc tế = - International Business - Radebaugh Lee H                                  | 1  | D.Daniesl John       | - 3371     | 130,000 |
| 4931  | 100110198 | - Kiến thức cơ bản để đầu tư chứng khoán - Nguyễn Quang Hải                                        | 1  | Võ Thanh Long        | - 33265    | 21,000  |
| 3852  | 100098341 | - Kinh nghiệm sử dụng windows XP và một số phần mềm thông dụng                                     | 3  | Nguyễn Đình Tú       | - 00543    | 7,500   |
| 959   | 100037612 | - Kinh tế học đại cương                                                                            | 3  | Nguyễn Ái Đoàn       | - 330      | 24,000  |
| 4427  | 100104090 | - Kinh tế đối ngoại những nguyên lý và vận dụng tại Việt Nam                                       | 1  | Hà Thị Ngọc Oanh     | - 3371     | 54,000  |
| 5096  | 100111824 | - Kinh tế học - Trần Phú Thuyết                                                                    | 1  | Beeg David           | - 33001    | 85,000  |
| 4997  | 100110848 | - Kinh tế học vi mô giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế                | 2  |                      | - 339      | 22,000  |
| 5073  | 100111602 | - Kinh tế học vĩ mô                                                                                | 1  | Nguyễn Văn Dân       | - 339      | 25,000  |
| 1342  | 100042979 | - Kinh tế internet - Hồ Khánh Lâm                                                                  | 1  | Nguyễn Ngô Việt      | - 00469    | 52,500  |
| 1893  | 100053317 | - Kinh tế học vĩ mô Giáo trình dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế - Trần Thọ Đạt | 1  | Vũ Đình Bách         | - 339      | 12,200  |
| 4906  | 100109934 | - Kinh tế học vĩ mô Giáo trình dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh tế                | 1  |                      | - 339      | 17,000  |
| 507   | 100024424 | - Kinh tế lượng bài tập và hướng dẫn thực hànhMFIT3 - Nguyễn Quang Dong                            | 2  | Nguyễn Lệ Huyền      | - 330      | 9,500   |
| 4853  | 100109390 | - Kinh tế và phân tích hoạt động kinh doanh thương mại - Võ Thanh Thu, Ngô Thị Hải Xuân            | 1  | Võ Thanh Thu         | - 3801     | 36,000  |
| 5463  | 100116866 | - Kinh tế vĩ mô - Nguyễn Minh Ái, Trần Nguyễn Minh Ái                                              | 50 |                      | - 339      |         |
| 100   | 100002202 | - Kinh tế vi mô - Trần Bá Thọ                                                                      | 3  | Lê Bảo Lâm           | - 339      | 22,000  |
| 756   | 100032550 | - Kinh tế vĩ mô = - Macroeconomics                                                                 | 2  | Mankiww N. Gregory   | - 339      | 50,000  |
| 129   | 100003121 | - Kinh tế vi mô câu hỏi trắc nghiệm và bài tập                                                     | 2  | Cao Thúy Xiêm        | - 339      | 18,500  |
| 5045  | 100111338 | - Kinh tế vi mô lý thuyết, bài tập và bài giải                                                     | 1  | Trương Thị Hạnh      | - 339      | 32,500  |
| 3918  | 100098792 | - Kỹ thuật Boot room                                                                               | 3  | Vương Phúc           | - 00465    | 7,500   |
| 4472  | 100104535 | - Kỹ năng sử dụng Internet một cách nhanh chóng và có hiệu quả                                     | 1  | Đậu Quang Tuấn       | - 00467    | 45,000  |
| 16049 | 100200268 | - Ký sinh trùng ở động vật gặm nhấm Việt Nam - Nguyễn Thị Lê chủ biên [và những người khác]        | 1  |                      | - 59165    |         |
| 712   | 100031020 | - Kỹ thuật cắt may thông dụng                                                                      | 1  | Triệu Thị Chơi       | - 64632    | 43,000  |
| 2377  | 100063878 | - Kỹ thuật chế biến các món trộn & nước rau quả - Tiểu Quỳnh                                       | 1  | Hoàng Hoài Linh      | - 641863   |         |
| 2478  | 100066331 | - Kỹ thuật chế biến 999 món ăn á âu                                                                | 1  | Lê Thanh Xuân        | - 641      | 70,000  |
| 2     | 100046165 | - Kỹ thuật chế biến Gỗ xuất khẩu - T1 Gỗ cao su - Nguyễn Trọng Nhân                                | 2  | Phạm Ngọc Nam        | - 694      | 6,500   |
| 3664  | 100093741 | - Kỹ thuật chiếu sáng Những khái niệm cơ sở, thiết kế chiếu sáng                                   | 2  | Vandeplanque Patrick | - 62132    | 18,000  |
| 235   | 100009779 | - Kỹ thuật điện ( T1) Kỹ thuật điện = Electrical Engineering - Series 1                            | 10 | Choi Young Sik       | - 62131    | 9,500   |
| 2152  | 100057435 | - Kỹ thuật điện                                                                                    | 1  | Nguyễn Kim Đính      | - 62131    | 15,500  |
| 309   | 100011774 | - Kỹ thuật điện ô tô - Ca Lê Mạnh                                                                  | 1  | Trần Khắc Tuấn       | - 629254   | 23,000  |
| 2270  | 100060544 | - Kỹ thuật điện 1 - Tôn Thất Cảnh Hưng                                                             | 1  | Nguyễn Chu Hùng      | - 62131    | 24,500  |
| 2295  | 100061009 | - Kỹ thuật điện cao áp T1 Kỹ thuật cách điện                                                       | 1  | Hoàng Việt           | - 62131042 | 21,000  |
| 4653  | 100106664 | - Kỹ thuật điện tử số                                                                              | 1  | Đặng Văn Chuyết      | - 62138159 | 22,000  |



|       |           |                                                                                                                                         |    |                     |            |        |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|--------|
| 4688  | 100107159 | - Kỹ thuật điện Lý thuyết, bài tập có đáp số, bài tập giải sẵn, bài tập trắc nghiệm - Lê Văn Doanh                                      | 1  | Đặng Văn Đào        | - 62131    | 45,000 |
| 4859  | 100109447 | - Kỹ thuật điện tử số - Nguyễn Kim Giao                                                                                                 | 1  | Nguyễn Kim Giao     | - 62138159 | 42,500 |
| 4934  | 100110218 | - Kỹ thuật điện tử                                                                                                                      | 1  | Đỗ Xuân Thụ         | - 621381   | 32,000 |
| 4759  | 100107948 | - Kỹ thuật điện tử ứng dụng - Nguyễn Vũ Sơn                                                                                             | 2  | Nguyễn Vũ Sơn       | - 62138159 | 17,500 |
| 391   | 100016954 | - Kỹ thuật điều khiển (t3) = Control Engineering - Series III Kỹ thuật điện                                                             | 1  | Choi Yong Sik       | - 629895   | 18,000 |
| 2292  | 100060943 | - Kỹ thuật điều khiển tự động T2                                                                                                        | 1  | Nguyễn Ngọc Cẩn     | - 629832   | 20,000 |
| 4511  | 100104941 | - Kỹ thuật điều khiển chất lượng dịch vụ viễn thông - Trần Quang Huy                                                                    | 1  | Trần Quang Huy      | - 621382   | 69,000 |
| 4476  | 100104602 | - Kỹ thuật điều khiển, điều chỉnh và lập trình khai thác máy công cụ CNC Cơ sở tự động hóa máy công cụ                                  | 3  | Tạ Văn Liêm         | - 62138159 | 45,000 |
| 461   | 100022838 | - Kỹ thuật đo                                                                                                                           | 1  |                     | - 62137    |        |
| 6093  | 100125378 | - Kỹ thuật đo - Ninh Văn Tiến                                                                                                           | 30 |                     | - 62137    |        |
| 1411  | 100044293 | - Kỹ thuật đo - T1 Đo Điện                                                                                                              | 5  | Nguyễn Ngọc Tân     | - 62137    | 18,500 |
| 2336  | 100062333 | - Kỹ thuật đo Giáo trình lý thuyết - Đinh Thị Thanh Thảo                                                                                | 10 | Dương Hữu Phước     | - 62137    | 5,000  |
| 3728  | 100094251 | - Kỹ thuật đồ họa - Huỳnh Quyết Thắng                                                                                                   | 2  | Lê Tấn Hùng         | - 0066     | 43,000 |
| 9351  | 100133573 | - Kỹ thuật đo lường - trong công nghệ hóa học thực phẩm & môi trường - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh Trung tâm máy thiết bị | 50 |                     | - 660281   |        |
| 14603 | 100190086 | - Kỹ thuật đo lường tự động điều khiển - Phạm Văn Tuấn[và những người khác]                                                             | 2  |                     | - 629801   |        |
| 2240  | 100059834 | - Kỹ thuật đo lường và dụng cụ đo trong công nghệ hóa học                                                                               | 1  | Lê Phan Hoàng Chiêu | - 6602813  | 16,000 |
| 4014  | 100099479 | - Kỹ thuật ghép hình                                                                                                                    | 15 | Vương Thành Chung   | - 00668    | 9,500  |
| 362   | 100014057 | - Kỹ thuật gieo trồng chế biến chè và cà phê - Vũ Khắc Nhượng                                                                           | 1  | Bùi Thế Đạt         | - 6337     | 7,000  |
| 835   | 100035140 | - Kỹ thuật gò cơ bản                                                                                                                    | 1  |                     | - 67133    |        |
| 2299  | 100061223 | - Kỹ thuật Hàn -Đắp -Vá nhựa tổng hợp - Đỗ Tấn Dân                                                                                      | 1  | Nguyễn Phước Hậu    | - 668415   | 9,500  |
| 4917  | 100110049 | - Kỹ thuật ghép nối máy vi tính                                                                                                         | 1  | Nguyễn Mạnh Giang   | - 0046     | 46,500 |
| 14601 | 100190074 | - Kỹ thuật hóa học đại cương - Nguyễn Thị Diệu Vân                                                                                      | 2  |                     | - 541      |        |
| 351   | 100012841 | - Kỹ thuật keo dán - Phạm Lê Dũng                                                                                                       | 2  | Nguyễn Quốc Tín     | - 6683     | 12,000 |
| 4791  | 100108353 | - Kỹ thuật lạnh cơ sở - Nguyễn Đức Lợi, Phạm Văn Tùy                                                                                    | 3  | Nguyễn Đức Lợi      | - 62156    | 48,500 |
| 5211  | 100113377 | - Kỹ thuật lạnh đại cương - Lê Quang Liêm                                                                                               | 10 | Trần Đức Ba         | - 62156    | 60,000 |
| 1636  | 100050935 | - Kỹ thuật lạnh ứng dụng - Phạm Văn Lợi                                                                                                 | 5  | Nguyễn Danh Lam     | - 62156    | 36,400 |
| 3635  | 100093523 | - Kỹ thuật lập trình C++                                                                                                                | 4  | Đặng Quế Vinh       | - 005133   | 40,000 |
| 4508  | 100104923 | - Kỹ thuật lập kế hoạch kinh doanh = - Business Planing Techniques                                                                      | 1  | Dương Hữu Hạnh      | - 658001   | 45,000 |
| 4733  | 100107671 | - Kỹ thuật lập trình C Cơ sở và nâng cao                                                                                                | 1  | Phạm Văn Ất         | - 005133   | 55,000 |
| 4926  | 100110147 | - Kỹ thuật lắp ráp, sửa chữa và bảo quản máy tính                                                                                       | 1  | Phạm Thanh Liêm     | - 0041     | 17,000 |



|       |           |                                                                                                                                                          |    |                  |            |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------|------------|--------|
| 5012  | 100111028 | - Kỹ thuật lắp đặt và vận hành trạm biến áp - Sách dùng cho học sinh, sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng và đại học khối kỹ thuật                  | 1  | Phan Đăng Khải   | - 621313   | 19,000 |
| 4735  | 100107683 | - Kỹ thuật lập trình C++ Cơ sở và nâng cao                                                                                                               | 1  | Phạm Văn Ất      | - 005133   | 55,000 |
| 14505 | 100189576 | - Kỹ thuật mạ lên nền nhựa - Mai Thanh Tùng                                                                                                              | 2  |                  | - 67173    |        |
| 822   | 100034206 | - Kỹ thuật mạch điện tử phi tuyến - Trần Công Nhượng                                                                                                     | 4  | Phạm Minh Việt   | - 62138132 | 30,500 |
| 4793  | 100108368 | - Kỹ thuật mạch điện tử                                                                                                                                  | 1  | Phạm Minh Hà     | - 62138132 | 58,000 |
| 151   | 100005350 | - Kỹ thuật môi trường - Trần Đức Hạ                                                                                                                      | 1  | Tăng Văn Đoàn    | - 628      | 12,500 |
| 308   | 100011765 | - Kỹ thuật mới xe gắn máy                                                                                                                                | 1  | Từ Văn Sơn       | - 62928    | 27,000 |
| 2203  | 100059086 | - Kỹ thuật nâng vận chuyển - Nguyễn Xuân Thiệp                                                                                                           | 1  | Huỳnh Văn Hoàng  | - 62187    | 15,000 |
| 2207  | 100059141 | - Kỹ thuật nâng chuyển T2 - Máy vận chuyển liên tục - Nguyễn Danh Sơn                                                                                    | 1  | Nguyễn Hồng Ngân | - 621877   | 26,000 |
| 2714  | 100071482 | - Kỹ thuật môi trường - Dương Đức Hồng                                                                                                                   | 1  | Hoàng Kim Cơ     | - 6284     | 70,000 |
| 2076  | 100055630 | - Kỹ thuật nghề điện Lưu trữ năng lượng trên mạch điện tử                                                                                                | 2  | Đặng Hồng Quang  | - 62138132 | 18,000 |
| 2708  | 100071266 | - Kỹ thuật nhiệt - Nguyễn Thị Loan                                                                                                                       | 2  |                  | - 621402   |        |
| 4453  | 100104368 | - Kỹ thuật nghiên cứu thị trường xuất khẩu = - Export Market Research Techniques                                                                         | 1  | Dương Hữu Hạnh   | - 3826     | 63,000 |
| 4805  | 100108469 | - Kỹ thuật nhiệt - Trần Thế Sơn                                                                                                                          | 5  | Bùi Hải          | - 621402   | 35,000 |
| 3765  | 100094693 | - Kỹ thuật nhiệt Giáo trình dành cho sinh viên ngành Công trình                                                                                          | 2  | Trịnh Văn Quang  | - 621402   | 28,500 |
| 245   | 100010350 | - Kỹ thuật nhiệt luyện kim - Lê Xuân Khuông                                                                                                              | 1  | Hoàng Kim Cơ     | - 6699     | 30,600 |
| 4860  | 100109461 | - Kỹ thuật nối dây điện nhà                                                                                                                              | 2  | Trần Duy Phụng   | - 6213192  | 12,000 |
| 1078  | 100039358 | - Kỹ thuật phân tích thu hồi kim loại quý tinh khiết Vàng- Bạc- Bạch kim                                                                                 | 1  | Nguyễn Khương    | - 6692     | 17,000 |
| 4721  | 100107568 | - Kỹ thuật phản ứng                                                                                                                                      | 2  | Ngô Thị Nga      | - 660284   | 36,000 |
| 2408  | 100064297 | - Kỹ thuật robot                                                                                                                                         | 1  | Đào Văn Hiệp     | - 629892   | 30,000 |
| 4826  | 100108663 | - Kỹ thuật quản lý chất lượng cơ bản - Tài liệu dùng cho các trường Trung học chuyên nghiệp và Đại học - Hà Xuân Quang, Trần Xuân Ngọc                   | 1  | Hà Xuân Quang    | - 658562   | 14,000 |
| 15551 | 100195923 | - Kỹ thuật robot - Sử dụng cho hệ Đại học - Trần Hữu Toàn, Bùi Thư Cao                                                                                   | 60 |                  | - 629892   |        |
| 2200  | 100059019 | - Kỹ thuật sản xuất vật liệu gốm sứ                                                                                                                      | 2  | Đỗ Quang Minh    | - 6665     | 24,000 |
| 4798  | 100108422 | - Kỹ thuật số                                                                                                                                            | 2  | Nguyễn Thúy Vân  | - 62138159 | 43,000 |
| 3637  | 100093534 | - Kỹ thuật số thực hành - Huỳnh Đắc Thắng                                                                                                                | 3  | Nguyễn Đắc Thắng | - 62138159 | 43,000 |
| 328   | 100011998 | - Kỹ thuật sơn trong sửa chữa ô tô = Painting Repair Series III- Automobile Repair Technology                                                            | 7  |                  | - 62928    | 15,200 |
| 5034  | 100111257 | - Kỹ thuật sơn                                                                                                                                           | 1  | Nguyễn Văn Lộc   | - 671734   | 25,500 |
| 947   | 100037480 | - Kỹ thuật sửa chữa - bảo trì máy Fax                                                                                                                    | 6  | Văn Thanh Huy    | - 00476    | 37,000 |
| 451   | 100020840 | - Kỹ thuật sửa chữa điện và sơn ô tô - Hoàng Vĩnh Sinh                                                                                                   | 3  | Hàn Sang Don     | - 629254   | 33,800 |
| 2936  | 100076523 | - Lưới điện và hệ thống điện T3 Các thông số của đường dây Đường dây dài siêu cao áp và hệ thống tải điện Tính toán cơ học đường dây tải điện trên không | 1  | Trần Bách        | - 6213192  | 42,000 |
| 2937  | 100076627 | - Kỹ thuật sửa chữa ô tô và động cơ nổ hiện đại T2 Động cơ Diesel                                                                                        | 1  | Nguyễn Oanh      | - 62928    | 25,000 |
| 2983  | 100078673 | - Kỹ thuật sửa chữa ô tô và động cơ nổ hiện đại Khung gầm bộ ô tô                                                                                        | 1  | Nguyễn Oanh      | - 62928    | 30,000 |
| 4985  | 100110730 | - Kỹ thuật sửa chữa hệ thống điện trên ô tô - Nguyễn Thành Trí                                                                                           | 1  | Châu Ngọc Thạch  | - 629254   | 65,000 |
| 4992  | 100110767 | - Kỹ thuật sửa chữa máy công cụ - Lưu Văn Nhang                                                                                                          | 1  | Lưu Văn Nhang    | - 621815   | 32,000 |



|       |           |                                                                                                       |    |                         |            |         |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|------------|---------|
| 5020  | 100111102 | - Kỹ thuật sửa chữa ô tô và động cơ nổ hiện đại - Tập 3 - Trang bị điện ô tô - Nguyễn Oanh            | 1  | Nguyễn Oanh             | - 62928    | 23,000  |
| 5057  | 100111457 | - Kỹ thuật sửa chữa ô tô và động cơ nổ hiện đại - Tập 2 - Động cơ Diesel - Nguyễn Oanh                | 1  | Nguyễn Oanh             | - 62928    | 34,000  |
| 3018  | 100079938 | - Kỹ thuật sửa chữa ô tô và động cơ nổ hiện đại T1 - Động cơ xăng                                     | 2  | Nguyễn Oanh             | - 62928    | 45,000  |
| 3006  | 100079623 | - Kỹ thuật sửa chữa ô tô và động cơ nổ hiện đại T3 - Trang bị điện ô tô                               | 1  | Nguyễn Oanh             | - 62928    | 35,000  |
| 5019  | 100111079 | - Kỹ thuật sửa chữa ô tô và động cơ nổ hiện đại T4 - Khung gầm bộ ô tô                                | 1  | Nguyễn Oanh             | - 62928    | 40,000  |
| 3085  | 100082898 | - Kỹ thuật sửa chữa xe gắn máy phân khối lớn - Văn Sơn                                                | 2  | Việt Trường             | - 629234   | 42,000  |
| 3023  | 100080155 | - Kỹ thuật sửa xe gắn máy 2 thì và 4 thì                                                              | 2  | Phạm Văn Liễn           | - 62928    | 40,000  |
| 470   | 100023421 | - Kỹ thuật sửa xe gắn máy hai thì và bốn thì                                                          | 2  | Phạm Văn Liễn           | - 62928    | 34,000  |
| 582   | 100028657 | - Kỹ thuật tiện - Tkhô I                                                                              | 2  | Đenegionuri P.          | - 671      | 50,000  |
| 2958  | 100077806 | - Kỹ thuật tiện                                                                                       | 1  | Trần Văn Địch           | - 671      | 39,000  |
| 1363  | 100043386 | - Kỹ thuật tiện thực hành                                                                             | 1  | Công Bình               | - 671      | 34,000  |
| 4006  | 100099433 | - Kỹ thuật trộn hình                                                                                  | 6  | Vương Thành Chung       | - 00668    | 9,500   |
| 366   | 100014849 | - Kỹ thuật truyền thanh                                                                               | 1  | Mai Thanh Thụ           | - 6213841  | 35,000  |
| 377   | 100016433 | - Kỹ thuật truyền thanh - Trần Cương Thiết                                                            | 4  | Trần Thủy Cung          | - 6213841  | 35,000  |
| 14741 | 100191175 | - Kỹ thuật truyền thanh - truyền hình - Phạm Hữu Lộc, Nguyễn Đức Hiệp                                 | 50 |                         | - 621388   |         |
| 857   | 100035953 | - Kỹ thuật và thiết bị xử lý chất thải bảo vệ môi trường - Tống Ngọc Tuấn                             | 1  | Hoàng Đức Liên          | - 628      | 19,600  |
| 2283  | 100060855 | - Kỹ thuật vệ sinh - An toàn lao động - Huỳnh Phan Tùng                                               | 1  | Đỗ Thị Ngọc Khánh       | - 62086    | 31,500  |
| 4803  | 100108448 | - Kỹ thuật truyền tin số và truyền dữ liệu - Phạm Minh Việt                                           | 1  | Thái Hồng Nhị           | - 621382   | 33,500  |
| 15061 | 100193085 | - Kỹ thuật vi xử lý - Phạm Hữu Lộc, Phạm Quang Trí                                                    | 50 |                         | - 0056     |         |
| 3916  | 100098788 | - Kỹ thuật xâm nhập & bảo mật mạng máy tính                                                           | 5  | Vũ Đình Cường           | - 00465    | 10,500  |
| 2335  | 100062276 | - Kỹ thuật xenlulô và giấy                                                                            | 1  | Nguyễn Thị Ngọc Bích    | - 676      | 34,000  |
| 3050  | 100081420 | - Kỹ thuật xử lý các sự cố thực tiễn của mạch thiết bị điện tử - Trung Minh                           | 2  | Trung Minh              | - 621381   | 55,000  |
| 12297 | 100151254 | - Kỹ thuật xung - sử dụng cho hệ Đại học - Nguyễn Thế Kỳ Sương, Phạm Hữu Lộc                          | 50 |                         | - 62138043 |         |
| 4174  | 100100744 | - Làm chủ mạng WIRELESS                                                                               | 5  | Phạm Trung Kiên         | - 00467    | 13,000  |
| 3968  | 100099131 | - Làm chủ máy tính cá nhân                                                                            | 3  | Nguyễn Ngọc Hải         | - 004      | 7,500   |
| 4325  | 100101813 | - Làm chủ Nero Express 7                                                                              | 3  | Võ Xuân Vỹ              | - 0053     | 7,500   |
| 4540  | 100105250 | - Làm chủ máy tính của bạn với Windows XP                                                             | 1  | Phạm Thế Thương         | - 004      | 22,500  |
| 3960  | 100099067 | - Làm chủ Registry                                                                                    | 3  | Nguyễn Hữu Phương Quang | - 00543    | 7,500   |
| 3890  | 100098631 | - Làm chủ thế giới âm nhạc                                                                            | 5  | Trần Đức Đăng Khoa      | - 0046     | 7,500   |
| 2396  | 100064157 | - Làm chủ windows server 2003 T2 - Hoàng Đức Hải                                                      | 2  | Phạm Hoàng Dũng         | - 00543    | 125,000 |
| 4484  | 100104679 | - Làm quen với AutoCAD 2007 bản vẽ hai chiều                                                          | 1  | Thu Trọng               | - 00668    | 12,000  |
| 4550  | 100105366 | - Làm mịn da với CleanSkin FX chỉnh sửa ảnh với Photoshop 90 - Thế giới đồ họa - Ánh Tuyết, Quang Huy | 1  | Ánh Tuyết               | - 00668    | 60,000  |



|       |           |                                                                                                                                  |    |                     |            |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|--------|
| 5010  | 100111007 | - Làm quen với AutoCAD 2007 bản vẽ hai chiều                                                                                     | 1  | Thu Trọng           | - 00668    | 36,000 |
| 4275  | 100101449 | - Làm quen với Linux                                                                                                             | 5  | Phan Đăng Duy Thịnh | - 00543    | 7,500  |
| 3859  | 100098412 | - Làm quen với SQL Server 2000                                                                                                   | 3  | Đào Thị Minh Nguyệt | - 00543    | 7,500  |
| 1839  | 100053034 | - Làm thế nào bổ sung vốn từ tiếng Anh                                                                                           | 3  | Mai Vi Phương       | - 42281    | 6,700  |
| 2124  | 100056529 | - Làm rượu vang trái cây ở gia đình                                                                                              | 1  | Vũ Công Hậu         | - 6648     | 12,000 |
| 5     | 100043897 | - Làm việc với Workbook, Worksheet và dữ liệu trong Excel 2003                                                                   | 5  | Hồ Tấn Mẫn          | - 00515    | 24,500 |
| 1512  | 100046213 | - Lắp đặt, sử dụng và bảo quản đồ gỗ gia dụng                                                                                    | 1  | Nguyễn Trọng Đa     | - 645      | 7,200  |
| 2413  | 100064379 | - Lập kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo thi công - Nguyễn Ngọc Thanh                                                                  | 1  | Nguyễn Đình Thám    | - 6925     | 30,000 |
| 4531  | 100105173 | - Lắp ráp, cài đặt & nâng cấp máy tính - Xuân Toại                                                                               | 1  | Zoellik Bill        | - 0041     | 48,000 |
| 1710  | 100052121 | - Lập trình bằng ngôn ngữ Assembly cho máy tính PC - IBM                                                                         | 3  | Nguyễn Mạnh Giang   | - 005133   | 29,700 |
| 16051 | 100200344 | - Lập trình C - sử dụng cho hệ Đại học - Phù Trần Tín                                                                            | 60 |                     | - 005133   |        |
| 3564  | 100093047 | - Lập trình hướng đối tượng sử dụng C++ - Nguyễn Thanh Thủy                                                                      | 4  | Lê Đăng Hưng        | - 005133   | 47,000 |
| 4485  | 100104700 | - Lập trình mạng trong Microsoft Windows - Nguyễn Ngọc Tuấn, Hồng Phúc                                                           | 1  | Nguyễn Ngọc Tuấn    | - 0062     | 89,000 |
| 3713  | 100094143 | - Lập trình Matlab và ứng dụng dành cho sinh viên khối khoa học và kỹ thuật - Nguyễn Việt Anh                                    | 1  | Nguyễn Hoàng Hải    | - 005133   | 50,000 |
| 4180  | 100100775 | - Lập trình Mobile Games bằng J2ME - Ngô Văn Khoa                                                                                | 5  | Nguyễn Hữu Mai      | - 005133   | 7,000  |
| 3736  | 100094302 | - Lập trình tính toán với Mathematica 4.0 T1                                                                                     | 1  | Lê Hùng Sơn         | - 005131   | 24,000 |
| 3919  | 100098800 | - Lập trình ứng dụng web bằng VBScript                                                                                           | 5  | Nguyễn Văn Khoa     | - 005133   | 11,000 |
| 3710  | 100094125 | - Lập trình ứng dụng Web Internet và mạng không dây T1 = - Internet and Wireless Programming - Vũ Đức Vượng                      | 2  | Huỳnh Quyết Thắng   | - 00469    | 36,000 |
| 3874  | 100098542 | - Lập trình ứng dụng web với JavaScript                                                                                          | 6  | Nguyễn Văn Khoa     | - 005133   | 7,500  |
| 714   | 100031198 | - Lập trình Windows với C#net                                                                                                    | 1  | Phương Lan          | - 005133   | 79,000 |
| 4588  | 100105925 | - Lí thuyết xác suất và thống kê                                                                                                 | 1  | Đinh Văn Gắng       | - 519      | 19,500 |
| 369   | 100015581 | - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Nguyễn An Ninh                                                                                | 10 | Mai Ngọc Cường      | - 33001    | 15,000 |
| 1611  | 100048901 | - Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam                                                                                                 | 1  |                     | - 33552    | 20,000 |
| 14543 | 100189776 | - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam - Đề cương bài giảng dùng cho sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội - Lương Thị Phương Thảo | 2  |                     | - 33552    |        |
| 747   | 100032396 | - Lifelines Elementary student' book & workbook                                                                                  | 4  | Hutchinson Tom      | - 4211     | 24,000 |
| 5172  | 100112670 | - Lịch sử một cuộc chiến tranh bản thù                                                                                           | 1  | Trần Trọng Trung    | - 95970494 | 74,000 |
| 7733  | 100127019 | - Lifelines Elementary student's book & workbook                                                                                 | 60 |                     | - 4211     |        |
| 738   | 100032295 | - Lifelines Intermediat student' book & workbook                                                                                 | 4  | Hutchinson Tom      | - 4211     | 24,000 |
| 1671  | 100051548 | - Lifelines Intermediate Student'book                                                                                            | 19 | Hutchinson Tom      | - 4211     | 8,000  |
| 1242  | 100041950 | - Lifelines Pre-Intermediate student' book                                                                                       | 27 | Hutchinson Tom      | - 4211     | 6,500  |
| 1651  | 100051458 | - Lifelines Pre-Intermediate Student's book                                                                                      | 20 | Hutchinson Tom      | - 4211     | 12,000 |



|       |           |                                                                                                                                                                                                                               |    |                   |             |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|-------------|--------|
| 1269  | 100042101 | - Lifelines Pre-Intermediate workbook                                                                                                                                                                                         | 59 | Hutchinson Tom    | - 4211      | 4,500  |
| 442   | 100020715 | - Linh kiện bán dẫn và vi điện tử                                                                                                                                                                                             | 6  | Võ Thạch Sơn      | - 62138152  | 21,000 |
| 16231 | 100201304 | - Linh kiện điện tử - Lê Thị Hồng Thắm                                                                                                                                                                                        | 60 |                   | - 62138152  |        |
| 262   | 100010857 | - Linh kiện điều khiển điện một chiều công nghiệp                                                                                                                                                                             | 14 | Nguyễn Tấn Phước  | - 621381    | 18,000 |
| 8611  | 100128756 | - Linh kiện quang điện tử                                                                                                                                                                                                     | 10 |                   | - 621381542 |        |
| 439   | 100020623 | - Linux Kernel tham khảo toàn diện - Nguyễn Hoàng Thanh Ly                                                                                                                                                                    | 4  | Đỗ Duy Việt       | - 00543     | 46,000 |
| 2450  | 100065706 | - Linux Giáo trình lý thuyết và thực hành T1 có CD kèm theo sách - Trần Tiến Dũng                                                                                                                                             | 1  | Nguyễn Minh Hoàng | - 00543     | 79,000 |
| 3522  | 100092584 | - Lò công nghiệp - Nguyễn Công Cẩn                                                                                                                                                                                            | 3  | Phạm Văn Trí      | - 6698      | 38,500 |
| 1885  | 100053259 | - Lời nói gián tiếp trong tiếng Anh                                                                                                                                                                                           | 8  | Ngọc Lam          | - 4215      | 6,700  |
| 13167 | 100160498 | - Lộ trình cắt giảm thuế quan các ngành hàng của Việt nam theo các cam kết quốc tế - Bộ công thương                                                                                                                           | 1  |                   | - 336206    |        |
| 1410  | 100044290 | - Lời nói trong văn hóa giao tiếp                                                                                                                                                                                             | 1  | Lê Xuân Vũ        | - 155       | 25,000 |
| 4842  | 100109296 | - Luật công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                    | 1  |                   | - 004       | 7,000  |
| 4843  | 100109304 | - Luật cạnh tranh                                                                                                                                                                                                             | 1  |                   | - 3430721   | 6,500  |
| 5039  | 100111279 | - Luật chứng khoán                                                                                                                                                                                                            | 1  |                   | - 343037    | 12,000 |
| 5288  | 100114990 | - Luật kế toán                                                                                                                                                                                                                | 1  |                   | - 343034597 | 6,500  |
| 5289  | 100115001 | - Luật doanh nghiệp nhà nước                                                                                                                                                                                                  | 1  |                   | - 34307     | 10,000 |
| 5310  | 100115226 | - Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành                                                                                                                                                                         | 1  |                   | - 34307     |        |
| 2430  | 100064965 | - Luật kế toán, luật thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành                                                                                                                                                               | 6  | Võ Văn Nhị        | - 34207     | 42,000 |
| 150   | 100004934 | - Luật khoa học và công nghệ                                                                                                                                                                                                  | 3  |                   | - 34308     |        |
| 5284  | 100114959 | - Luật kinh doanh bất động sản của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (có hiệu lực 01/01/2007)                                                                                                                                     | 1  |                   | - 34604     | 10,000 |
| 8886  | 100130195 | - Luật kinh tế                                                                                                                                                                                                                | 10 |                   | - 34307597  |        |
| 4845  | 100109313 | - Luật thương mại                                                                                                                                                                                                             | 7  |                   | - 34308     | 15,000 |
| 5329  | 100115405 | - Luật quản lý thuế (có hiệu lực 01-7-2007)                                                                                                                                                                                   | 1  |                   | - 34304     |        |
| 2694  | 100070537 | - Luật thương mại, luật hải quan và luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu                                                                                                                                                       | 2  |                   | - 34308     | 19,000 |
| 5298  | 100115105 | - Luật thương mại mới 2005 và các văn bản thi hành của nước CHXHCN Việt Nam (có hiệu lực 1-7-2006) = - The 2005 commercial law and the implementing legal documents of the 2005 commercial law the social republic of Vietnam | 1  |                   | - 34308     | 69,000 |
| 1764  | 100052645 | - Lược truyện 101 tác phẩm xuất sắc thế giới - Hoàng Trục                                                                                                                                                                     | 2  | Lưu Huy Khánh     | - 80195301  | 38,000 |
| 3665  | 100093749 | - Lưới điện và hệ thống điện - Tập 1 - Trần Bách                                                                                                                                                                              | 1  | Trần Bách         | - 6213192   | 49,000 |
| 4449  | 100104323 | - Lưới điện và hệ thống điện - Các thông số của đường dây Đường dây dài siêu cao áp và hệ thống tải điện Tính toán cơ học đường dây tải điện trên không - 3                                                                   | 2  | Trần Bách         | - 6213192   | 49,000 |
| 2908  | 100074564 | - Lưới điện và hệ thống điện T1                                                                                                                                                                                               | 3  | Trần Bách         | - 6213192   | 37,000 |



|       |           |                                                                                                                                                          |    |                     |            |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|--------|
| 2448  | 100065546 | - Lưới điện và hệ thống điện T2                                                                                                                          | 3  | Trần Bách           | - 6213192  | 35,500 |
| 2715  | 100071543 | - Lưới điện và hệ thống điện T3 Các thông số của đường dây Đường dây dài siêu cao áp và hệ thống tải điện Tính toán cơ học đường dây tải điện trên không | 1  | Trần Bách           | - 6213192  | 42,000 |
| 3873  | 100098535 | - Lưu trữ trực tuyến                                                                                                                                     | 3  | Lương Bảo Khánh     | - 0045     | 7,500  |
| 472   | 100023512 | - Luyện giới từ của bạn = - Practise Your Prepositions                                                                                                   | 1  | Nguyễn Thị Chi      | - 425      | 13,000 |
| 4390  | 100103703 | - Lưu trữ và điều hoà năng lượng trên mạch điện - Đặng Hồng Quang                                                                                        | 1  | Đặng Hồng Quang     | - 62138132 | 26,000 |
| 14493 | 100189516 | - Luyện kim loại quý hiếm - Đinh Phạm Thái                                                                                                               | 2  |                     | - 6692     |        |
| 66    | 100001085 | - Luyện thi chứng chỉ A tiếng Anh - Nguyễn Mạnh Hùng                                                                                                     | 1  | Phạm Duy Yên        | - 425      | 20,000 |
| 3016  | 100079848 | - Luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch tiếng Anh chuyên ngành khoa học kỹ thuật vật liệu (Việt - Anh) = - Basic English for Material Science and Engineering   | 1  | Châu Văn Trung      | - 62011    | 97,000 |
| 15748 | 100198628 | - Luyện nói tiếng Anh theo mẫu câu = - A course of spoken sentence patterns                                                                              | 1  |                     | - 4215     |        |
| 404   | 100018231 | - Luyện thi chứng chỉ A tiếng Anh môn đọc hiểu (Reading comprehension)                                                                                   | 2  | Nguyễn Tấn Lực      | - 425      | 17,000 |
| 1059  | 100039202 | - Luyện và tái chế vàng - Nguyễn Văn Khánh Hà                                                                                                            | 1  | Đinh Phạm Thái      | - 66922    | 28,000 |
| 3082  | 100082776 | - Lý sinh học                                                                                                                                            | 1  | Nguyễn Thị Kim Ngân | - 5714     | 18,800 |
| 1075  | 100039351 | - Lý thuyết automat và ngôn ngữ hình thức                                                                                                                | 5  | Trần Đức Quang      | - 005131   | 19,000 |
| 861   | 100036004 | - Lý thuyết biến dạng dẻo - Đinh Bá Trụ                                                                                                                  | 1  | Hà Minh Hùng        | - 620112   | 28,000 |
| 2531  | 100066995 | - Lý thuyết biến dạng dẻo kim loại                                                                                                                       | 1  | Nguyễn Tất Tiến     | - 620112   | 26,000 |
| 3032  | 100080588 | - Lý thuyết bôi trơn ướt - Bùi Văn Gôn                                                                                                                   | 1  | Nguyễn Anh Tuấn     | - 62189    | 16,000 |
| 4719  | 100107545 | - Lý thuyết các quá trình luyện kim - Trương Ngọc Thuận                                                                                                  | 2  | Bùi Văn Mưu         | - 66901    | 68,000 |
| 347   | 100012622 | - Lý thuyết cơ sở về động cơ T1- Kỹ thuật sửa chữa ô tô= Basic engineSeries I- Automobile Repair Technology                                              | 7  | Han Sang Don        | - 62925    | 25,500 |
| 4915  | 100110015 | - Lý thuyết cán - Nguyễn Trọng Giảng                                                                                                                     | 1  | Đào Minh Ngừng      | - 67132    | 38,500 |
| 3654  | 100093634 | - Lý thuyết đàn hồi                                                                                                                                      | 3  | Trương Tích Thiện   | - 53138    | 24,000 |
| 3526  | 100092617 | - lý thuyết đàn nhót                                                                                                                                     | 1  | Nguyễn Văn Vượng    | - 531      | 24,000 |
| 14527 | 100189696 | - Lý thuyết dập tạo hình - Nguyễn Minh Vũ, Nguyễn Tất Tiến, Nguyễn Đắc Trung                                                                             | 2  |                     | - 6713     |        |
| 2080  | 100055707 | - Lý thuyết điều khiển mờ - Nguyễn Doãn Phước                                                                                                            | 3  | Phan Xuân Minh      | - 6298312  | 27,000 |
| 3530  | 100092665 | - Lý thuyết điều khiển nâng cao                                                                                                                          | 1  | Nguyễn Doãn Phước   | - 629801   | 61,000 |
| 4593  | 100105995 | - Lý thuyết điều khiển tự động                                                                                                                           | 1  | Phạm Công Ngô       | - 629801   | 39,000 |
| 12447 | 100152154 | - Lý thuyết điều khiển tự động - sử dụng cho hệ Đại học - Trần Thị Hoàng Oanh                                                                            | 51 |                     | - 629801   |        |
| 339   | 100012408 | - Lý thuyết điều khiển tự động hiện đại Điều khiển tối ưu, điều khiển thích nghi                                                                         | 1  | Nguyễn Thương Ngô   | - 629801   | 23,000 |
| 3627  | 100093480 | - Lý thuyết điều khiển tự động thông thường và hiện đại Q1- Hệ tuyến tính                                                                                | 2  | Nguyễn Thương Ngô   | - 629801   | 49,000 |
| 3626  | 100093469 | - Lý thuyết điều khiển tự động thông thường và hiện đại Q2 - Hệ xung số                                                                                  | 3  | Nguyễn Thương Ngô   | - 629801   | 30,000 |



|       |           |                                                                                           |    |                    |            |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------|--------|
| 3628  | 100093490 | - Lý thuyết điều khiển tự động thông thường và hiện đại Q3 - Hệ phi tuyến - Hệ ngẫu nhiên | 3  | Nguyễn Thương Ngô  | - 629801   | 48,000 |
| 2709  | 100071328 | - Lý thuyết điều khiển tự động thông thường và hiện đại Q4 Hệ tối ưu - Hệ thích nghi      | 2  | Nguyễn Thương Ngô  | - 629801   | 37,000 |
| 448   | 100020818 | - Lý thuyết động cơ và sửa chữa động cơ ô tô                                              | 2  | Han Sang Don       | - 62925    | 53,300 |
| 1030  | 100038934 | - Lý thuyết điều khiển tuyến tính                                                         | 1  | Nguyễn Doãn Phước  | - 6298312  | 47,000 |
| 806   | 100033761 | - Lý thuyết hạch toán kế toán                                                             | 2  | Nguyễn Thị Đông    | - 65704    | 30,000 |
| 14526 | 100189687 | - Lý thuyết hệ nhiều hạt - Đỗ Trần Cát                                                    | 2  |                    | - 531      |        |
| 3759  | 100094658 | - Lý thuyết mã                                                                            | 2  | Nguyễn Thúy Vân    | - 5198     | 20,000 |
| 188   | 100009174 | - Lý thuyết mạch                                                                          | 4  |                    | - 62138132 |        |
| 202   | 100009432 | - Lý thuyết mạch - Phương Xuân Nhân                                                       | 4  | Hồ Anh Túy         | - 62138132 | 29,000 |
| 729   | 100031620 | - Lý thuyết mạch - Tín hiệu T1 - Nguyễn Văn Tách                                          | 3  | Đỗ Huy Giác        | - 62138223 | 30,000 |
| 2492  | 100066593 | - Lý thuyết mạch-tín hiệu T2 - Nguyễn Văn Tách                                            | 2  | Đỗ Huy Giác        | - 62138223 | 38,000 |
| 4654  | 100106675 | - Lý thuyết ô tô máy kéo - Nguyễn Hữu Cần                                                 | 3  | Dư Quốc Thịnh      | - 6292     | 43,000 |
| 4766  | 100108048 | - Lý thuyết mô hình toán kinh tế                                                          | 1  | Hoàng Đình Tuấn    | - 5198     | 35,000 |
| 1891  | 100053298 | - Lý thuyết ô tô Dùng cho học sinh trung học chuyên nghiệp                                | 2  | Nguyễn Nước        | - 629221   | 11,000 |
| 8018  | 100127524 | - Lý thuyết quản trị tài chính                                                            | 15 |                    | - 65815    |        |
| 103   | 100002544 | - Lý thuyết tài chính - Trần Hoàng Giang                                                  | 8  | Võ Hồng Đức        | - 336      | 10,000 |
| 8005  | 100127488 | - Lý thuyết tài chính công - Bùi Thị Mai Hoài                                             | 20 |                    | - 336      |        |
| 14521 | 100189666 | - Lý thuyết tạo hình bề mặt chi tiết quang - Nguyễn Trọng Hùng                            | 2  |                    | - 6218     |        |
| 14515 | 100189636 | - Lý thuyết tàu thủy - Lê Thanh Tùng, Lương Ngọc Lợi                                      | 2  |                    | - 62382    |        |
| 2954  | 100077627 | - Lý thuyết thiết kế sản phẩm công nghiệp                                                 | 2  | Nguyễn Viết Tiến   | - 621815   | 15,000 |
| 4948  | 100110334 | - Lý thuyết thông tin và mã hóa - Vũ Ngọc Phàn                                            | 1  | Vũ Ngọc Phàn       | - 004      | 49,000 |
| 5048  | 100111383 | - Lý thuyết trường điện từ                                                                | 2  | Kiều Khắc Lâu      | - 5387     | 16,000 |
| 16111 | 100200704 | - Lý thuyết trường điện từ - Võ Xuân Ân                                                   | 60 |                    | - 5387     |        |
| 1     | 100000013 | - Phương pháp cơ bản dịch Việt-Anh và ngữ pháp                                            | 1  | Nguyễn Thanh Lương | - 425      | 18,500 |
| 2     | 100000263 | - Văn phạm Anh ngữ - Longman English Grammar                                              | 1  | Alexander L.G      | - 425      | 30,000 |
| 12    | 100000399 | - Tiếng Anh cho nhân viên văn phòng - Minh Hằng                                           | 1  | Hoàng Phương       | - 4228     | 20,000 |
| 20    | 100000434 | - Tài liệu luyện thi chứng chỉ B Anh văn                                                  | 1  | Nguyễn Thị Tuyết   | - 422      | 20,000 |
| 22    | 100000459 | - Tài liệu luyện thi CCQG tiếng Anh - Môn Nói Trình độ B                                  | 1  | Nguyễn Trung Tánh  | - 422      | 14,000 |
| 23    | 100000463 | - Tài liệu luyện thi Chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh - Môn Đọc hiểu Trình độ A               | 1  | Nguyễn Trung Tánh  | - 422      | 15,000 |
| 24    | 100000468 | - Trắc nghiệm luyện thi chứng chỉ A tiếng Anh                                             | 1  | Nguyễn Trùng Khánh | - 422      | 19,000 |
| 31    | 100000673 | - Từ sách tiếng Anh chuyên dùng Tiếng Anh dùng cho tài xế                                 | 1  | Nguyễn Hữu Khải    | - 42216    | 11,000 |



|       |           |                                                                                                             |    |                       |            |        |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------|------------|--------|
| 36    | 100000719 | - Tâm sinh lý giới nữ                                                                                       | 1  | Châu Thị Hoàng Yến    | 155.133    | 21,000 |
| 53    | 100000883 | - Sử dụng từ trong tiếng Anh                                                                                | 1  | Phan Hà               | - 42581    | 6,500  |
| 54    | 100000884 | - Từ sách ngoại ngữ chuyên đề Một số qui luật về việc bỏ dấu trọng âm trong tiếng Anh                       | 1  | Phan Hà               | - 4221     | 6,000  |
| 57    | 100000897 | - Văn phạm Anh văn căn bản Các thì và giới từ trong tiếng Anh                                               | 1  | Nguyễn Sanh Phúc      | - 425      | 20,000 |
| 62    | 100000923 | - Tài liệu luyện thi CC B QG Tuyển tập đề thi trắc nghiệm tiếng Anh trình độ B                              | 1  | Trần Văn Diễm         | - 42207    | 15,000 |
| 63    | 100000928 | - Tài liệu luyện thi CCQG - Tuyển tập đề thi trắc nghiệm tiếng Anh Trình độ A                               | 1  | Trần Văn Diễm         | - 42207    | 11,500 |
| 64    | 100000939 | - Từ vựng tiếng Anh theo chủ điểm                                                                           | 1  | Võ Công Thương        | - 42281    | 14,000 |
| 67    | 100001107 | - Những lỗi thông thường trong Anh ngữ                                                                      | 1  | Nguyễn Văn Sâm        | - 425      | 10,000 |
| 70    | 100001127 | - The Oxford-Duden pictorial Chinese & English dictionary                                                   | 1  |                       | - 423      | 50,000 |
| 71    | 100001150 | - Streamline English Directions                                                                             | 1  | Viney Petè            | - 422      | 30,000 |
| 72    | 100001377 | - Vui học tiếng Anh Bóng đá dưới mắt phụ nữ = - Football through women's eyes                               | 1  | Trần Lệ Dung          | - 428      | 11,000 |
| 1017  | 100038552 | - Lý thuyết và bài tập lập trình Pascal 50-60 - 55 - 60                                                     | 5  | Nguyễn Thị Kiều Duyên | - 005133   | 20,000 |
| 2901  | 100074476 | - Lý thuyết truyền vận - Trịnh Văn Dũng                                                                     | 1  | Võ Thị Ngọc Tươi      | - 6602     | 25,000 |
| 4698  | 100107256 | - Lý thuyết và bài tập xử lý tín hiệu số                                                                    | 1  | Tổng Văn On           | - 62138223 | 24,000 |
| 501   | 100024257 | - Lý thuyết và thiết bị cháy                                                                                | 1  | Nguyễn Sĩ Mão         | - 6626     | 34,000 |
| 4423  | 100104064 | - Lý thuyết về kênh vô tuyến = - Theory of the Radio Channels                                               | 1  | Nguyễn Văn Đức        | - 62138    | 14,000 |
| 5083  | 100111677 | - Lý thuyết và các ứng dụng của kỹ thuật OFDM = - Theory and applications of the OFDM technique             | 1  | Nguyễn Văn Đức        | - 62138    | 15,000 |
| 4492  | 100104765 | - Mạch điện                                                                                                 | 3  | Nguyễn Khương         | - 671732   | 29,000 |
| 2900  | 100074443 | - Ma sát học - Phạm Văn Hùng                                                                                | 1  | Nguyễn Anh Tuấn       | - 62189    | 26,000 |
| 12548 | 100152754 | - Mạch điện - sử dụng cho hệ Đại học - Ngô Ngọc Thọ                                                         | 50 |                       | - 62138132 |        |
| 200   | 100009304 | - Mạch điện 1 - Lê Minh Cường                                                                               | 16 | Phạm Thị Cư           | - 62138132 | 24,000 |
| 1190  | 100041386 | - Mạch điện 2 - Lê Minh Cường                                                                               | 9  | Phạm Thị Cư           | - 62138132 | 21,000 |
| 4832  | 100109196 | - Mạch điện chọn lọc                                                                                        | 1  | Nguyễn Đức Ánh        | - 62138132 | 22,000 |
| 5088  | 100111740 | - Mạch điện công T2 Mạch điện tử ứng dụng dùng cho các trường dạy nghề và trung cấp kỹ thuật điện - điện tử | 6  | Nguyễn Minh Đức       | - 62138132 | 27,000 |
| 2291  | 100060912 | - Mạch điện II - Lê Minh Cường                                                                              | 4  | Phạm Thị Cư           | - 62138132 | 23,500 |
| 4935  | 100110222 | - Mạch điện gia đình những mạch điện ứng dụng mới                                                           | 1  | Đặng Hồng Quang       | - 62138132 | 22,000 |
| 2206  | 100059114 | - Mạch Điện tử 2                                                                                            | 1  | Lê Tiến Thường        | - 62138132 | 23,000 |
| 5029  | 100111195 | - Mạch điện lý thú                                                                                          | 1  | Nguyễn Đức Ánh        | - 62138132 | 20,000 |
| 5038  | 100111276 | - Mạch điện thực dụng                                                                                       | 1  | Nguyễn Đức Ánh        | - 62138132 | 23,000 |
| 9001  | 100131473 | - Mạch điện tử 2 - sử dụng cho hệ Đại học - Bùi Thư Cao, Phạm Hữu Lộc, Phan Tuấn Anh                        | 50 |                       | - 62138132 |        |
| 652   | 100029873 | - Mạch khuyết đại                                                                                           | 1  | VN Guide              | - 62138132 | 26,000 |
| 5030  | 100111199 | - Mạch điện ứng dụng                                                                                        | 1  | Nguyễn Đức Ánh        | - 62138152 | 23,000 |
| 2303  | 100061321 | - Mạch logic kỹ thuật số T2                                                                                 | 5  | Nguyễn Minh Đức       | - 62138159 | 42,000 |



|       |           |                                                                                                                                 |    |                     |            |         |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|---------|
| 2566  | 100068042 | - Mãi mãi tuổi hai mươi                                                                                                         | 4  | Nguyễn Văn Thạc     | - 920      | 35,000  |
| 939   | 100037263 | - Mãi mãi yêu thương - Liêu Quốc Nhĩ                                                                                            | 1  | Quỳnh Dao           | - 89513085 | 28,000  |
| 3581  | 100093157 | - Mạng cung cấp và phân phối điện                                                                                               | 2  | Bùi Ngọc Thư        | - 621319   | 137,000 |
| 3610  | 100093361 | - Mạng lưới điện - Tính chế độ xác lập của các mạng & hệ thống điện phức tạp                                                    | 4  | Nguyễn Văn Đạm      | - 6213192  | 25,000  |
| 3545  | 100092854 | - Mạng lưới điện Sách dùng làm giáo trình cho các trường đại học                                                                | 2  | Nguyễn Văn Đạm      | - 6213192  | 29,000  |
| 3945  | 100098983 | - Mạng máy tính                                                                                                                 | 5  | Nguyễn Tấn Phát     | - 00465    | 7,500   |
| 5006  | 100110954 | - Mạng máy tính - Đỗ Trung Kiên                                                                                                 | 1  | Ngọc văn An         | - 00465    | 25,500  |
| 2287  | 100060878 | - Mạng số liên kết dịch vụ ISDN - Phạm Hồng Liên                                                                                | 5  | Nguyễn Minh Hoàng   | - 621382   | 15,500  |
| 4912  | 100109988 | - Mạng phân phối nội dung - Kiến trúc, công nghệ và ứng dụng - Lê Ngọc Giao, Phan Hà Trung, Trần Trung Hiếu                     | 1  | Lê Ngọc Giao        | - 00465    | 39,000  |
| 5072  | 100111598 | - Mạng ngoại vi thiết kế thi công và quản lý - Vũ Hồng Sơn                                                                      | 1  | Bùi Thanh Giang     | - 621382   | 43,000  |
| 3732  | 100094283 | - Mạng truyền thông công nghiệp                                                                                                 | 2  | Hoàng Minh Sơn      | - 621382   | 34,000  |
| 4857  | 100109423 | - Mạng truyền dữ liệu - Vương Đạo Vy                                                                                            | 1  | Vương Đạo Vy        | - 00467    | 28,500  |
| 4988  | 100110753 | - Mạng thế hệ sau và tiến trình chuyển đổi - Ngô Mỹ Hạnh                                                                        | 1  | Ngô Mỹ Hạnh         | - 621382   | 30,000  |
| 12498 | 100152454 | - Mạng và truyền dữ liệu - sử dụng cho hệ Cao đẳng - Trần Ngọc Anh, Phù Trần Tín                                                | 50 |                     | - 0046     |         |
| 3541  | 100092789 | - Matlab and Simulink Dành cho kỹ sư điều khiển tự động                                                                         | 1  | Nguyễn Phùng Quang  | - 629895   | 67,000  |
| 4384  | 100103547 | - Marketing xuất nhập khẩuMarketing quốc tế                                                                                     | 1  | Đỗ Hữu Vinh         | - 65881    | 78,500  |
| 4436  | 100104186 | - Marketing căn bản - Đào Hoài Nam                                                                                              | 1  | Quách Thị Bửu Châu  | - 65881    | 30,500  |
| 4517  | 100105031 | - Marketing căn bản = - Marketing Essentials - Giang Văn Chiến                                                                  | 1  | Kotler Philip       | - 65881    | 96,000  |
| 5035  | 100111260 | - Mạng vô tuyến tùy biến - Nguyễn Hoàng Cẩm, Trịnh Quang                                                                        | 1  | Nguyễn Hoàng Cẩm    | - 621382   | 38,000  |
| 5281  | 100114928 | - Marketing công nghiệp - Hồ Thanh Lan                                                                                          | 1  | W.Haas Robert       | - 6588     | 54,000  |
| 5291  | 100115020 | - Marketing căn bản - Nguyễn Duy Tân                                                                                            | 1  | Trần Thị Ngọc Trang | - 65881    | 49,000  |
| 14045 | 100169743 | - Máy biến áp - Lý thuyết, vận hành, bảo dưỡng, thử nghiệm - Phạm Văn Bình, Lê Văn Doanh, Tôn Long Ngà                          | 1  |                     | - 621314   |         |
| 2711  | 100071337 | - Máy biến áp Lý thuyết, vận hành, bảo dưỡng, thử nghiệm - Lê Văn Doanh                                                         | 1  | Phan Văn Bình       | - 621313   | 72,000  |
| 3599  | 100093226 | - Máy biến áp Lý thuyết, vận hành, bảo dưỡng, thử nghiệmSách chào mừng 50 năm thành lập Đại học Bách khoa Hà Nội - Tôn Long Ngà | 2  | Phan Văn Bình       | - 621313   | 85,000  |
| 250   | 100010458 | - Máy công cụT2- Kỹ thuật cơ khí = Machine tool Series II- Mechanical technology                                                | 5  | Yoo Byung Seok      | - 621902   | 25,800  |
| 450   | 100020835 | - Máy công cụ                                                                                                                   | 1  | Yoo Byung Seok      | - 621815   | 27,500  |
| 2738  | 100072371 | - Máy búa và máy ép thủy lực - Đỗ Văn Phúc                                                                                      | 1  | Phạm Văn Nghệ       | - 62126    | 19,400  |
| 251   | 100010462 | - Máy đại cươngT1 - Kỹ thuật cơ khí = General Machining Series I - Mechanical Technology                                        | 5  | Yoo Byung Seok      | - 621902   | 20,000  |
| 274   | 100011414 | - Máy đại cươngT2 - Kỹ thuật cơ khí = General Machining Series I - Mechanical Technology                                        | 5  | Yoo Byung Seok      | - 621902   | 11,800  |



|       |           |                                                                                                                                   |    |                      |            |        |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|------------|--------|
| 4660  | 100106764 | - Máy điện 1 - Nguyễn Văn Sáu                                                                                                     | 3  | Vũ Gia Hanh          | - 62146    | 41,000 |
| 4685  | 100107111 | - Máy điện 2 - Nguyễn Văn Sáu                                                                                                     | 3  | Vũ Gia Hanh          | - 62146    | 31,000 |
| 338   | 100012356 | - Máy điều hoà nhiệt độ dân dụng                                                                                                  | 1  | Trần Khánh Hà        | - 69793    | 11,000 |
| 14523 | 100189676 | - Máy lạnh - Đinh Văn Hiền                                                                                                        | 2  |                      | - 62156    |        |
| 2257  | 100060290 | - Máy lạnh hấp thụ trong kỹ thuật điều hoà không khí                                                                              | 1  | Lê Chí Hiệp          | - 69793    | 29,000 |
| 3001  | 100079404 | - Máy lạnh và điều hoà không khí                                                                                                  | 1  | Nguyễn Văn May       | - 69793    | 45,000 |
| 4765  | 100108030 | - Máy móc và thiết bị công nghệ cao trong sản xuất cơ khí Robot và hệ thống công nghệ robot hóa Giáo trình cao học - ngành cơ khí | 1  | Tạ Duy Liêm          | - 629892   | 30,000 |
| 14537 | 100189746 | - Máy nén khí - Bùi Quốc Thái                                                                                                     | 2  |                      | - 6215     |        |
| 2150  | 100057385 | - Máy tính trong kinh doanh Giải quyết vấn đề trong quản lý - văn phòng                                                           | 1  | Nguyễn Thanh Hùng    | - 0050202  | 16,000 |
| 2280  | 100060801 | - Máy sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng                                                                                      | 1  | Nguyễn Hồng Ngân     | - 690028   | 13,000 |
| 2356  | 100063607 | - Máy thủy lực tua bin nước và máy bơm - Nguyễn Thượng Bằng                                                                       | 1  | Hoàng Đình Dũng      | - 62126    | 35,000 |
| 15976 | 100199896 | - Máy tính Vinacal Vn - 570MS - Dành cho toán sơ cấp, toán cao cấp, phương pháp tính, xác suất thống kê - Nguyễn Phú Vinh         | 60 |                      | - 510      |        |
| 2895  | 100074363 | - Máy và thiết bị in                                                                                                              | 2  | Nguyễn Văn Hạnh      | - 68162    | 38,000 |
| 4608  | 100106205 | - Máy và thiết bị lạnh Giáo trình cao đẳng và công nhân điện lạnh - Phạm Văn Tuy                                                  | 7  | Nguyễn Đức Lợi       | - 62156    | 33,500 |
| 2433  | 100064997 | - Máy và thiết bị nâng - Phạm Quang Dũng                                                                                          | 1  | Trương Quốc Thành    | - 62187    | 54,000 |
| 14501 | 100189556 | - Máy và thiết bị sản xuất thực phẩm - Lê Ngọc Thụy                                                                               | 2  |                      | - 664002 8 |        |
| 144   | 100004510 | - Máy vi tính T1 - Công nghệ xử lý thông tin = - Computer Series I - Information Processing Technology                            | 4  | Lee Kye Ho           | - 0050202  | 21,500 |
| 517   | 100025333 | - Máy và thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng                                                                                      | 1  | Trần Quang Quý       | - 690028   | 33,000 |
| 3940  | 100098922 | - Microsoft Excel 2003-Tham khảo nhanh                                                                                            | 5  | Hồ Nguyễn Thanh Thủy | - 00515    | 7,500  |
| 2419  | 100064630 | - Microsoft excel tuyển tập thủ thuật                                                                                             | 1  | Đoàn Khắc Độ         | - 00515    | 45,000 |
| 4349  | 100102160 | - Microsoft Exchange Server 2003                                                                                                  | 5  | Nguyễn Tấn Phát      | - 004692   | 9,500  |
| 4353  | 100102199 | - Microsoft Outlook-tham khảo nhanh                                                                                               | 5  | Hồng Minh Ngọc       | - 004692   | 14,000 |
| 3898  | 100098675 | - Microsoft Powerpoint-Tham khảo nhanh                                                                                            | 5  | Minh Hồng Ngọc       | - 00668    | 11,000 |
| 4261  | 100101371 | - Microsoft word 2003-tham khảo nhanh                                                                                             | 5  | Phan Thị Diệu        | - 00515    | 7,500  |
| 4980  | 100110650 | - Microsoft word 2003 cẩm nang tra cứu - Hoàng Gia Tuấn                                                                           | 1  | Hoàng Gia Tuấn       | - 00515    | 26,000 |
| 3037  | 100080634 | - Mô hình toán trong sinh học quần thể                                                                                            | 1  | Lưu Lan Hương        | - 571      | 33,800 |
| 4490  | 100104736 | - Mô hình hóa ba chiều với AutoCAD 2007-2008                                                                                      | 1  | Nguyễn Hữu Lộc       | - 00668    | 39,000 |
| 17010 | 100205184 | - Môi trường khí hậu thay đổi mối hiểm họa của toàn cầu - Lê Huy Bá, Nguyễn Thi Phú, Nguyễn Đức An                                | 60 |                      | - 6285     |        |
| 2153  | 100057609 | - Môi trường Môi trường học cơ bản - Fundamental Environmeny                                                                      | 1  | Lê Huy Bá            | - 628      | 50,000 |
| 14577 | 100189956 | - Môi trường trong gia công chất dẻo và composit - Trần Vĩnh Diệu, Trần Trung Lê                                                  | 2  |                      | - 6284     |        |



|       |           |                                                                                                                                      |    |                   |           |        |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|-----------|--------|
| 98    | 100002147 | - Một số điều cần biết về luật lệ hải quan hiện hành                                                                                 | 1  |                   | - 34307   |        |
| 388   | 100016664 | - Một vụ trộm Sách song ngữ Anh-Việt                                                                                                 | 1  |                   | - 427     | 16,000 |
| 610   | 100029220 | - Môi trường và sức khỏe                                                                                                             | 1  | Nguyễn Đức Khôi   | - 628     | 32,000 |
| 1521  | 100046511 | - Món ăn ngày thường & ngày lễ tết                                                                                                   | 1  |                   | - 66402   | 15,000 |
| 1536  | 100047247 | - Món chay Thượng Hải                                                                                                                | 1  | Lãnh Minh Đức     | - 641     | 30,000 |
| 1537  | 100047286 | - Món chay Thượng Hải 1                                                                                                              | 1  | La lai Diệu       | - 641     | 30,000 |
| 1538  | 100047315 | - Món rắn Quảng Đông                                                                                                                 | 1  | Diệp Quốc Cường   | - 641396  | 30,000 |
| 2005  | 100054684 | - Một số vấn đề chọn lọc trong môn tin học T1 - Lê Sĩ Quang                                                                          | 1  | Nguyễn Xuân Mi    | - 005131  | 20,000 |
| 2154  | 100057632 | - Môi trường và những vấn đề cần quan tâm                                                                                            | 1  |                   | - 628     | 32,000 |
| 2271  | 100060551 | - Môi trường trong xây dựng                                                                                                          | 1  | Nguyễn Khắc Cường | - 628     | 22,000 |
| 4108  | 100100229 | - Multimedia - công nghệ giải trí số                                                                                                 | 3  | Nguyễn Như Thi    | - 0061    | 7,500  |
| 1347  | 100043110 | - Nấm mốc và độc tố aflatoxin trong thức ăn chăn nuôi - Lê Thị Ngọc Diệp                                                             | 1  | Đậu Ngọc Hào      | - 6324    | 22,000 |
| 4510  | 100104934 | - Nắm vững Microsoft Windows XP Professional - Hoàng Đức Hải                                                                         | 1  | Phạm Hoàng Dũng   | - 00543   | 79,000 |
| 4838  | 100109269 | - Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước                                    | 1  | Phạm Thành Nghị   | - 6583    | 64,000 |
| 14609 | 100190116 | - Năng lượng cho thế kỷ 21 những thách thức và triển vọng - Hồ Sĩ Thoảng, Trần Mạnh Trí                                              | 2  |                   | - 33379   |        |
| 1060  | 100039206 | - Nền sản xuất CNC                                                                                                                   | 1  | Vũ Hoài Ân        | - 621902  | 18,000 |
| 4055  | 100099832 | - Nén tập tin tìm hiểu và ứng dụng                                                                                                   | 3  | Nguyễn Công Minh  | - 00476   | 8,500  |
| 742   | 100032364 | - New headway English course Elementary student's book                                                                               | 1  | Soars John        | - 42207   | 10,000 |
| 15746 | 100198439 | - New person to person - Communicative speaking and listening skills - Jack CRiachards David, Quốc Thảo                              | 1  |                   | - 4251    |        |
| 10083 | 100137974 | - Ngân hàng câu hỏi phương pháp tính = - Computational mathematics thi tự luận - tiểu luận bậc Đại học và Cao đẳng - Nguyễn Phú Vinh | 50 |                   | - 5114    |        |
| 16950 | 100204884 | - Ngân hàng câu hỏi toán cao cấp A1, A2, A3, C1, C2 dùng cho bậc Đại học và Cao đẳng - Nguyễn Phú Vinh                               | 60 |                   | - 510     |        |
| 7190  | 100126476 | - Ngân hàng câu hỏi toán cao cấp dùng cho bậc đại học và cao đẳng                                                                    | 30 |                   | - 510     |        |
| 3454  | 100091911 | - Ngân hàng câu hỏi xác suất thống kê                                                                                                | 40 | Nguyễn Phú Vinh   | - 519     | 18,000 |
| 2188  | 100058555 | - Ngân hàng đề thi điện kỹ thuật Cao đẳng                                                                                            | 8  |                   | - 62131   | 5,000  |
| 5324  | 100115359 | - Ngân hàng thương mại                                                                                                               | 4  |                   | - 3321    |        |
| 2962  | 100077925 | - Ngắn mạch trong hệ thống điện                                                                                                      | 1  | Lã Văn út         | - 6213191 | 29,000 |
| 4717  | 100107524 | - Ngắn mạch và đứt dây trong hệ thống điện Giáo trình dành cho sinh viên khối kỹ thuật của các trường đại học                        | 3  | Phạm Văn Hòa      | - 6213191 | 40,000 |
| 2210  | 100059210 | - Ngắn mạch và ổn định trong hệ thống điện - Phan Thị Thanh Bình                                                                     | 1  | Nguyễn Hoàng Việt | - 6213191 | 24,500 |
| 4925  | 100110139 | - Nghề điện dân dụng - Trần Mai Thu                                                                                                  | 1  | Phạm Văn Bình     | - 62131   | 19,000 |
| 5308  | 100115200 | - Nghề giám đốc kinh doanh                                                                                                           | 1  |                   | - 338092  |        |
| 2695  | 100070728 | - Nghề sửa chữa xe máy - Nguyễn Văn Dương                                                                                            | 3  | Phạm Đình Vượng   | - 62928   | 17,300 |



|      |           |                                                                                                 |    |                     |           |        |
|------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|-----------|--------|
| 813  | 100034017 | - Nghệ thuật làm chồng, làm rể, làm cha trong gia đình                                          | 1  | Dương Đình Thuận    | - 173     | 10,000 |
| 5273 | 100114854 | - Nghệ thuật kết nối với khách hàng - Phạm Thị Thu Thủy                                         | 1  | Trần Thị Hường      | - 658812  | 31,000 |
| 5327 | 100115386 | - Nghệ thuật quảng cáo - bí ẩn của sự thành công                                                | 1  |                     | - 6588    |        |
| 5328 | 100115403 | - Nghệ thuật quảng cáo                                                                          | 1  |                     | - 65882   |        |
| 2350 | 100062875 | - Nghệ thuật thời trang Donna Karan                                                             | 3  | Quốc Tuấn           | - 64634   | 25,000 |
| 2346 | 100062650 | - Nghệ thuật thời trang Lanvin                                                                  | 3  | Quốc Tuấn           | - 64632   | 25,000 |
| 171  | 100006853 | - Ngôn ngữ lập trình Autolisp T1 - Lập trình thiết kế với phần mềm Autocad - Nguyễn Thanh Trung | 1  | Nguyễn Hữu Lộc      | - 005133  | 33,000 |
| 551  | 100026450 | - Ngôn ngữ đàm thoại tiếng Anh hiện đại                                                         | 1  | Lê Huy Lâm          | - 42216   | 44,000 |
| 698  | 100030520 | - Ngôn ngữ của cử chỉ Ý nghĩa của cử chỉ trong giao tiếp                                        | 1  | Pease Allan         | - 1771    | 19,000 |
| 2470 | 100066251 | - Nghệ thuật trang điểm Phần I Nghệ thuật trang điểm (từ T1 đến T98)                            | 1  | Meredith Linda      | - 6467    | 47,000 |
| 4503 | 100104872 | - Nghiệp vụ ngân hàng trung ương = - Transaction of central bank - Nguyễn Đăng Đồn              | 1  | Nguyễn Đăng Đồn     | - 33211   | 35,000 |
| 4834 | 100109222 | - Nghiệp vụ thanh toán quốc tế sách chuyên khảo                                                 | 1  | Nguyễn Thị Thu Thảo | - 33245   | 42,000 |
| 4982 | 100110696 | - Nghiên cứu Marketing - Nguyễn Thị Bích Thủy                                                   | 1  | Lê Thế Giới         | - 6588    | 35,000 |
| 5188 | 100112829 | - Ngộ Tất Tổ một hành trình văn hóa                                                             | 1  | Hoài Việt           | - 895923  | 22,000 |
| 5318 | 100115299 | - Nghiệp vụ hành chính văn phòng                                                                | 1  |                     | - 6513741 |        |
| 878  | 100036390 | - Ngôn ngữ lập trình C và C++ Bài giảng, bài tập, lời giải mẫu                                  | 5  | Ngô Trung Việt      | - 005133  | 52,000 |
| 367  | 100014860 | - Ngôn ngữ lập trình C++ dành cho sinh viên - Bài tập                                           | 1  |                     | - 005133  |        |
| 4783 | 100108261 | - Ngôn ngữ lập trình Mathematica                                                                | 1  | Vũ Ngọc Tước        | - 005133  | 25,000 |
| 4954 | 100110416 | - Ngôn ngữ lập trình C++ và cấu trúc dữ liệu                                                    | 1  | Nguyễn Việt Hương   | - 005133  | 32,000 |
| 556  | 100026847 | - Ngôn ngữ lập trình Perl cho người mới học - Quốc Bình                                         | 4  | Lê Minh Trung       | - 005133  | 42,500 |
| 5015 | 100111058 | - Nguyên lý phần cứng và kỹ thuật ghép nối máy vi tính - Trần Quang Vinh                        | 2  | Trần Quang Vinh     | - 00421   | 23,500 |
| 5157 | 100112529 | - Ngữ pháp tiếng Pháp thực hành giới từ cách diễn đạt số, ngày và thời gian - Như Hào           | 1  | Lê Uyên             | - 445     | 11,500 |
| 5158 | 100112541 | - Ngữ pháp tiếng Pháp thực hành đại từ - Như Hào                                                | 1  | Lê Uyên             | - 445     | 11,500 |
| 5159 | 100112549 | - Ngữ pháp tiếng Pháp thực hành danh từ, mạo từ, tính từ, trạng từ - Như Hào                    | 1  | Lê Uyên             | - 445     | 16,000 |
| 5173 | 100112691 | - Người ta tự hỏi vì sao người ta căm ghét nước Mỹ? - Davies Merryl Wyn                         | 1  | SardarZiauddin      | - 30673   | 35,000 |
| 5177 | 100112730 | - Người đàn bà cầm bút                                                                          | 1  | Lê Minh             | - 89592   | 34,000 |
| 5196 | 100112895 | - Người và cảnh Hà Nội                                                                          | 1  | Hoàng Đạo Thúy      | - 9109    | 29,000 |
| 8873 | 100130114 | - Người đương thời - T 2 - Nhiều tác giả                                                        | 1  |                     | - 923     |        |
| 946  | 100037399 | - Nguyên liệu cho công nghiệp chế biến ở Thành Phố Hồ Chí Minh                                  | 4  | Trương Thị Minh Sâm | - 3384    | 21,000 |
| 5008 | 100110986 | - Nguyên lý động cơ đốt trong                                                                   | 5  | Nguyễn Tất Tiến     | - 62143   | 45,000 |
| 823  | 100034208 | - Nguyên lý gia công vật liệu - Trần Sỹ Tuý                                                     | 5  | Bành Tiến Long      | - 671     | 45,000 |
| 1165 | 100041066 | - Nguyên lý kế toán                                                                             | 19 | Nguyễn Việt         | - 65704   | 42,000 |
| 5290 | 100115012 | - Nguyên lý kế toán - Mai Thị Hoàng Minh                                                        | 1  | Võ Văn Nhị          | - 65704   | 42,000 |
| 15   | 100128392 | - Nguyên lý kế toán Mỹ                                                                          | 15 |                     | - 65704   |        |



|       |           |                                                                                                          |    |                     |            |         |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|---------|
| 8770  | 100129798 | - Nguyên lý kế toán tóm tắt lý thuyết, hệ thống bài tập và bài giải                                      | 2  |                     | - 65704    |         |
| 334   | 100012165 | - Nguyên lý máy - Tạ Khánh Lâm                                                                           | 4  | Đinh Gia Tường      | - 621811   | 22,000  |
| 4986  | 100110739 | - Nguyên lý kỹ thuật điện tử - Trần Quang Vinh, Chữ Văn An                                               | 1  | Trần Quang Vinh     | - 621381   | 34,500  |
| 4747  | 100107825 | - Nguyên lý máy T1 - Tạ Khánh Lâm                                                                        | 2  | Đinh Gia Tường      | - 621811   | 39,600  |
| 1368  | 100043405 | - Nguyên lý phòng chống nấm mốc và Mycotoxin                                                             | 1  | Bùi Xuân Đồng       | - 6324     | 24,000  |
| 4704  | 100107332 | - Nguyên lý máy T2 - Phan Văn Đồng                                                                       | 1  | Đinh Gia Tường      | - 621811   | 41,000  |
| 7848  | 100127199 | - Nguyên tắc tư duy lô - gic và phát triển cá nhân - Thúy Nga                                            | 20 |                     | - 153      |         |
| 701   | 100030577 | - Nhận dạng hệ thống điều khiển - Phan Xuân Minh                                                         | 3  | Nguyễn Doãn Phước   | - 6298     | 23,000  |
| 3013  | 100079819 | - Nhập môn công nghệ sinh học                                                                            | 1  | Phạm Thành Hồ       | - 574      | 29,300  |
| 3662  | 100093728 | - Nhập môn hệ điều hành linux - Đinh Lan Anh                                                             | 2  | Nguyễn Thanh Thủy   | - 00543    | 26,000  |
| 853   | 100035882 | - Nhập môn trí tuệ tính toán = - Computational Intelligence Introduction - Lê Linh Phong                 | 1  | Nguyễn Hoàng Phương | - 005131   | 40,000  |
| 4478  | 100104622 | - Nhập môn tài chính - tiền tệ - Vũ Thị Minh Hằng                                                        | 1  | Sử Đình Thành       | - 336      | 70,000  |
| 14503 | 100189566 | - Nhập môn về siêu dẫn - Vật liệu, tính chất và ứng dụng - Thân Đức Hiền                                 | 2  |                     | - 5376     |         |
| 2573  | 100068055 | - Nhật ký Đặng Thùy Trâm                                                                                 | 4  | Đặng Thùy Trâm      | - 920      | 43,000  |
| 3519  | 100092555 | - Nhập môn xử lý ảnh số - Lương Mạnh Bá, Nguyễn Thanh Thủy                                               | 1  | Lương Mạnh Bá       | - 006      | 57,000  |
| 4701  | 100107298 | - Nhiệt động kỹ thuật - Bùi Hải                                                                          | 4  | Phạm Lê Dân         | - 621402   | 50,000  |
| 718   | 100031367 | - Nhiệt động trong hóa kỹ thuật                                                                          | 1  | La Văn Bình         | - 5412     | 36,000  |
| 1132  | 100040067 | - Nhịp cầu doanh nghiệp Việt Nam - Liên hiệp Châu Âu = - The Vietnamese - European Union business bridge | 4  | Woodruff Robert B   | - 337      | 120,000 |
| 833   | 100034778 | - Những bài đọc tiếng Anh - Nguyễn Nữ Bồng Khanh                                                         | 1  | Hills Géral E.      | - 42252    | 10,000  |
| 7902  | 100127284 | - Những bài học doanh thương quốc tế                                                                     | 15 |                     | - 337      |         |
| 1077  | 100039355 | - Những bài toán ứng dụng thực tế kỹ thuật điện gia dụng và công nghiệp - Võ Trần Khúc Nhã               | 1  | Meludin C.          | - 62131    | 36,000  |
| 4991  | 100110766 | - Những bí quyết làm thay đổi cuộc đời bạn - Quế Quỳnh                                                   | 1  | Việt Phương         | - 152      | 35,000  |
| 3990  | 100099302 | - Những công cụ Multimedia cần thiết                                                                     | 5  | Phan Ái Việt        | - 0061     | 8,500   |
| 396   | 100017388 | - Những công nghệ viễn thông hiện đại                                                                    | 2  | Nhóm tác giả Elicom | -6213821   | 54,000  |
| 876   | 100036371 | - Những điều cần biết trong đề phòng và giải nhẹ tác hại của thiên tai                                   | 1  | Lê Thế Trung        | - 36334    | 10,000  |
| 1511  | 100046203 | - Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch                                                      | 7  | Trần Dân Tiên       | - 3355271  | 11,000  |
| 8870  | 100130083 | - Những điều cần biết về các quy định mới công tác kiểm tra kỷ luật của Đảng và Nhà nước                 | 1  |                     | - 33551    |         |
| 1091  | 100039490 | - Những ứng dụng mới nhất của Laser                                                                      | 4  | Ngụy Hữu Tâm        | - 6213816  | 42,000  |
| 2149  | 100057249 | - Những nghề hái ra tiền Chế biến thực phẩm - Lê Trọng Kháng                                             | 1  | Vĩnh Nam            | - 6415     | 30,000  |
| 2373  | 100063818 | - Những món ăn Việt Nam = - Vietnamese dishes                                                            | 1  | Nguyễn Thu Tâm,     | - 6415     | 42,000  |
| 5176  | 100112715 | - Những ngày Điện Biên Phủ hồi ký                                                                        | 1  | Nguyễn Trí Việt     | - 95970494 | 16,000  |
| 5192  | 100112864 | - Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa Văn minh Hy Lạp, La Mã - Đinh Trung Kiên                              | 1  | Đỗ Đình Hằng        | - 306      | 18,000  |



|       |           |                                                                                                                  |    |                   |            |         |
|-------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|------------|---------|
| 8772  | 100129812 | - Những quy định pháp luật về kiểm toán                                                                          | 1  |                   | - 343034   |         |
| 354   | 100013309 | - Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải T1- Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm                 | 1  | Trần Ngọc Chấn    | - 6285     | 32,500  |
| 524   | 100025742 | - Nữ sĩ Xuân Quỳnh cuộc đời để lại                                                                               | 1  | Ngân Hà           | - 89492109 | 38,000  |
| 3008  | 100079702 | - Ô tô thể hệ mới T1 - Điện lạnh ô tô                                                                            | 2  | Nguyễn Oanh       | - 629227   | 22,000  |
| 4686  | 100107135 | - Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải T2 - Cơ học về bụi và phương pháp xử lý bụi                                | 1  | Trần Ngọc Chấn    | - 62853    | 45,000  |
| 3009  | 100079732 | - Ô tô thể hệ mới T2 - Phun xăng điện tử FEI                                                                     | 2  | Nguyễn Oanh       | - 629227   | 40,000  |
| 14481 | 100189456 | - Ôn tập toán cao cấp - Dùng ôn thi cao học khối các trường khoa học công nghệ - Lê Trọng Vinh, Tổng<br>Đình Quỳ | 2  |                   | - 510      |         |
| 14551 | 100189826 | - Ống nhiệt và ứng dụng của ống nhiệt - Bùi Hải, Trần Văn Vang                                                   | 2  |                   | - 6214     |         |
| 1391  | 100043746 | - Ôtô - Máy kéo trong xây dựng - Nguyễn Ngọc Tiến                                                                | 3  | Lưu Phong Niên    | - 629      | 58,000  |
| 4822  | 100108622 | - Ôtô                                                                                                            | 1  | Dương Văn Đức     | - 629227   | 62,000  |
| 330   | 100012117 | - Ôtô xe máy 2000                                                                                                | 2  |                   | - 629227   |         |
| 17130 | 100205784 | - Oxford English for Electronics                                                                                 | 60 |                   | - 621381   |         |
| 9833  | 100136473 | - Oxford English for Electronics - Eric H Glendinning, John McEwan                                               | 50 |                   | - 621381   |         |
| 1454  | 100045675 | - Pan ô tô Kỹ thuật sửa chữa                                                                                     | 3  | Nguyễn Bá Luân    | - 629246   | 32,000  |
| 2716  | 100071640 | - Oxford porket English idioms - McMordie W                                                                      | 1  | Seidl Jennier     | - 425      | 94,000  |
| 2717  | 100071652 | - Oxford porket English grammar - Martinet V A                                                                   | 1  | Thomson J A       | - 425      | 75,000  |
| 2718  | 100071689 | - Oxford porket basic English usage                                                                              | 1  | Swan Michael      | - 425      | 122,000 |
| 2719  | 100071726 | - Oxford idioms dictionary for learners of English                                                               | 1  | Ashby Michael     | - 423      | 127,000 |
| 2721  | 100071780 | - Oxford paperback thesaurus                                                                                     | 1  | Waite Maurice     | - 423      | 137,000 |
| 1356  | 100043293 | - Phần cứng máy in và fax trong Windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng Windows server 2003                        | 4  | Minh Mẫn          | - 00543    | 26,500  |
| 3003  | 100079476 | - Phần điện Trong nhà máy điện và trạm biến áp - Phạm Văn Hòa                                                    | 5  | Đào Quang Thạch   | - 62131213 | 80,000  |
| 1445  | 100044739 | - Phân hữu cơ, phân vi sinh và phân ủ                                                                            | 1  | Nguyễn Thanh Hiền | - 66863    | 10,000  |
| 2471  | 100066252 | - Phân loại học thực vật                                                                                         | 1  | Hoàng Thị Sản     | - 580      | 20,000  |
| 5027  | 100111182 | - Phân phối điện và cáp điện                                                                                     | 1  | Bùi Ngọc Thu      | - 621319   | 19,000  |
| 7892  | 100127263 | - Phân tích các báo cáo tài chính Lý thuyết bài tập & bài giải - Đặng Kim Cương                                  | 20 |                   | - 336      |         |
| 3014  | 100079829 | - Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS - Chu Nguyễn Mộng Ngọc                                                   | 1  | Hoàng Trọng       | - 00543    | 70,000  |
| 14587 | 100190006 | - Phân tích dung dịch mạ điện - Trần Minh Hoàng biên dịch                                                        | 2  |                   | - 67173    |         |
| 3652  | 100093628 | - Phân tích hóa lý phương pháp phổ nghiệm nghiên cứu cấu trúc phân tử                                            | 1  | Từ Văn Mặc        | - 5413     | 26,000  |
| 7978  | 100127421 | - Phân tích hoạt động kinh doanh - Phạm Văn Dược                                                                 | 65 |                   | - 658152   |         |
| 3723  | 100094208 | - Phân tích mạch điện tử - Trịnh Đình Cường                                                                      | 2  | Đỗ Huy Giác       | - 62138132 | 18,000  |
| 5043  | 100111318 | - Phân tích hoạt động kinh doanh lý thuyết, bài tập và bài giải - Phan Đức Dũng                                  | 1  | Nguyễn Thị My     | - 658152   | 46,500  |
| 817   | 100034115 | - Phân tích thiết kế hệ thống trong lập trình                                                                    | 1  | Đinh Xuân Lâm     | - 005133   | 48,000  |
| 4891  | 100109788 | - Phân tích quản trị tài chính - Nguyễn Tấn Bình, Nguyễn Trần Huy                                                | 1  | Nguyễn Tấn Bình   | - 65815    | 58,000  |
| 16045 | 100200228 | - Phân tích nhiệt ứng dụng trong nghiên cứu vật liệu - Nguyễn Tiến Tài                                           | 1  |                   | - 62011    |         |



|       |           |                                                                                                                                                       |    |                     |            |         |
|-------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|---------|
| 14605 | 100190098 | - Phân tích truyền nhiệt hàn và ứng dụng - Nguyễn Thế Ninh                                                                                            | 2  |                     | - 621402   |         |
| 3698  | 100094030 | - Phân tích và giải mạch điện tử công suất - Dương Văn Nghi                                                                                           | 2  | Phạm Quốc Hải       | - 6213815  | 40,000  |
| 8874  | 100130118 | - Phân tích và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực hoạt động cho hệ thống SCADAEMS của các trung tâm điều độ lưới điện truyền tải - Nguyễn Thanh Long | 1  |                     | - 621319   |         |
| 4729  | 100107640 | - Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin                                                                                                            |    | Nguyễn Văn Ba       | - 0054     | 30,000  |
| 4731  | 100107645 | - Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin                                                                                                            | 1  | Nguyễn Văn Ba       | - 0054     | 30,000  |
| 599   | 100029067 | - Phân tích và thiết kế nguồn ổn định chuyển mạch T1 - Trương Trọng Tuấn                                                                              | 2  | Đỗ Thanh Hiền       | - 62138215 | 45,000  |
| 597   | 100029063 | - Phân tích và thiết kế nguồn ổn định chuyển mạch T2 - Trương Trọng Tuấn                                                                              | 3  | Đỗ Thanh Hiền       | - 62138215 | 45,000  |
| 3515  | 100092500 | - Phần tử tự động trong hệ thống điện - Nguyễn Hồng Thái                                                                                              | 2  | Nguyễn Hồng Thái    | - 6213191  | 69,000  |
| 3551  | 100092893 | - Phan ô tô Cơ sở khoa học và thành tựu mới                                                                                                           | 2  | Nguyễn Hữu Cẩn      | - 629246   | 16,000  |
| 5305  | 100115168 | - Pháp luật đại cương tái bản, có sửa đổi, bổ sung                                                                                                    | 11 |                     | - 340597   |         |
| 2722  | 100071826 | - Phrasal Verbs dictionary for learners of English                                                                                                    | 1  | Ashby Michael       | - 425      | 127,000 |
| 16040 | 100200178 | - Phát triển cây trồng chuyển gen ở Việt Nam - Lê Trần Bình                                                                                           | 1  |                     | - 6606     |         |
| 3579  | 100093137 | - Phát triển hệ thống thông tin Góc nhìn của người quản lí                                                                                            | 1  | Ngô Trung Việt      | - 00467    | 35,000  |
| 441   | 100020714 | - Phổ                                                                                                                                                 | 1  | Chu Lai             | - 895923   | 30,000  |
| 1532  | 100046892 | - Phổ cũ nhà xưa tiểu thuyết                                                                                                                          | 1  | Trần công Nghị      | - 895923   | 29,500  |
| 4944  | 100110316 | - Phổ cập tin học căn bản 2006 cho học sinh xử lý văn bản và đồ họa máy tính                                                                          | 1  | Nguyễn Huy Minh     | - 00515    | 60,000  |
| 5198  | 100112924 | - Phòng chữa bệnh béo Béo với bệnh tật và cách dự phòng                                                                                               | 1  | Lưu Diễm Kiều       | - 616      | 13,000  |
| 16043 | 100200208 | - Phát triển mô hình QSAR và QSPR - Dành cho học viên Cao học và nghiên cứu sinh ngành hóa học - Phạm Văn Tất                                         | 1  |                     | - 540      |         |
| 3096  | 100083669 | - Phòng chữa bệnh béo Chữa trị bệnh béo                                                                                                               | 2  | Lưu Diễm Kiều       | - 616      | 14,000  |
| 3972  | 100099224 | - Photoshop dành cho thợ xử lý ảnh                                                                                                                    | 3  | Nguyễn Như Thi      | - 00668    | 7,500   |
| 818   | 100034144 | - Phụ nữ phải tự tin                                                                                                                                  | 1  | Hoàng Bằng          | - 155633   | 30,000  |
| 2843  | 100073784 | - Phục chế ảnh với photoshop cs 90 Thế giới đồ họa có CD kèm theo sách - Hoàng Quang Long                                                             | 3  | Trần Tường Thụy     | - 00668    | 55,000  |
| 2376  | 100063868 | - Phương pháp chế biến nước ép trái cây                                                                                                               | 1  | Hoàng Hoài Linh     | - 66363    | 40,000  |
| 14573 | 100189936 | - Phương pháp đọc bản vẽ lắp và vẽ tách chi tiết - Phạm Văn Nhuận                                                                                     | 2  |                     | - 6042     |         |
| 285   | 100011545 | - Phương pháp khối hữu hạn ứng dụng trong các bài toán thủy khí động lực - Hoàng Đức Liên                                                             | 1  | Nguyễn Thanh Nam    | - 6212     | 18,000  |
| 357   | 100013465 | - Phương pháp giải toán hóa học hữu cơ                                                                                                                | 1  | Nguyễn Thanh Khuyến | - 547      | 35,000  |
| 5004  | 100110913 | - Phương pháp học tập siêu tốc - Hiền Thu                                                                                                             | 1  | Deporter Bobbi      | - 153      | 39,000  |
| 5200  | 100112952 | - Phương pháp giảm béo khoa học 10 phút thể dục mỗi ngày - Chính Thành                                                                                | 1  | Linh Mộc            | - 6137     | 18,000  |
| 5302  | 100115137 | - Phương pháp hoạch định chiến lược - Hương Huy                                                                                                       | 1  |                     | - 658      |         |
| 8132  | 100127785 | - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học                                                                                                                | 10 |                     | - 0014     |         |
| 5230  | 100113550 | - Phương pháp nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên ngành môi trường , sinh học và các ngành liên quan                                               | 10 | Lê Huy Bá           | - 00142    | 37,000  |
| 5264  | 100114769 | - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Hoàng Phúc                                                                                                   | 1  | Khải Minh           | - 0014     | 48,000  |



|       |           |                                                                                                                                   |    |                   |           |        |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|-----------|--------|
| 177   | 100007488 | - Phương pháp phân tích đất nước phân bón cây trồng - Cái Văn Tranh                                                               | 1  | Lê Văn Khoa       | - 6314    | 28,000 |
| 1197  | 100041498 | - Phương pháp phân tích hệ thống ứng dụng trong kỹ thuật dầu khí - Nguyễn Kiên Cường                                              | 1  | Lê Phước Hào      | - 6655    | 26,500 |
| 2208  | 100059146 | - Phương pháp phân tử hữu hạn trong cơ học                                                                                        | 1  | Nguyễn Lương Dũng | - 620105  | 8,500  |
| 2464  | 100066096 | - Phương pháp phân tử hữu hạn trong chất lỏng Chuyên khảo                                                                         | 1  | Nguyễn Thế Hùng   | - 620105  | 36,000 |
| 3592  | 100093207 | - Phương pháp phân tử hữu hạn và các ví dụ thực hành trên máy tính điện tử - Nguyễn Việt Hùng                                     | 2  | Trần Đức Trung    | - 6213912 | 27,000 |
| 5141  | 100112355 | - Phương pháp quản lý hiệu quả sản xuất Tiêu chuẩn quản lý chất lượng                                                             | 1  | Triệu Sơn         | - 658562  | 22,500 |
| 5165  | 100112603 | - Phương pháp quản lý hiệu quả sản xuất Quản lý giá thành & kiểm tra hiệu quả sản xuất                                            | 1  | Triệu Sơn         | - 6585    | 20,500 |
| 5166  | 100112614 | - Phương pháp quản lý hiệu quả sản xuất Mục tiêu quy hoạch & thiết kế sản xuất                                                    | 1  | Triệu Sơn         | - 6585    | 20,500 |
| 5174  | 100112702 | - Phương pháp quản lý hiệu quả sản xuất Phân tích công việc và thiết kế vị trí công tác                                           | 1  | Triệu Sơn         | - 6585    | 29,000 |
| 5178  | 100112732 | - Phương pháp quản lý hiệu quả kế hoạch doanh nghiệp                                                                              | 1  | Vương Dương       | - 65802   | 25,500 |
| 5262  | 100114744 | - Phương pháp phát triển năng lực cá nhân - Ngọc Trâm, Hoàng Nam                                                                  | 1  | Ngọc Trâm         | - 153     | 20,500 |
| 14641 | 100190585 | - Phương pháp sai phân hữu hạn ứng dụng trong cơ học lưu chất tính toán và truyền nhiệt - Nguyễn Thanh Hào                        | 50 |                   | - 6201    |        |
| 3558  | 100092946 | - Phương pháp số trong cơ học                                                                                                     | 2  | Đinh Văn Phong    | - 531     | 13,000 |
| 4026  | 100099616 | - Phương pháp tách hình trong Photoshop                                                                                           | 5  | Vương Thành Chung | - 00668   | 7,500  |
| 1205  | 100041607 | - Phương pháp thiết kế kỹ thuật                                                                                                   | 5  | Nguyễn Thanh Nam  | - 621815  | 22,500 |
| 3571  | 100093103 | - Phương pháp thiết kế xưởng mạ điện                                                                                              | 2  | Trần Minh Hoàng   | - 670423  | 12,000 |
| 863   | 100036155 | - Phương pháp tự học ngoại ngữ nhanh và hiệu quả                                                                                  | 1  | Phạm Văn Vĩnh     | - 42207   | 13,000 |
| 1191  | 100041391 | - Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm T1 - Các quá trình và thiết bị cơ học, Quyển 1 Khuấy - lắng lọc            | 1  |                   | - 6602    |        |
| 1206  | 100041655 | - Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học T4 - Kỹ thuật phản ứng                                                                  | 1  | Vũ bá Minh        | - 660284  | 26,000 |
| 2237  | 100059787 | - Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm Bài tập truyền nhiệt                                                       | 1  | Phạm Văn Bôn      | - 6602    | 13,500 |
| 2250  | 100060102 | - Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm T 5 - Quá trình và thiết bị truyền nhiệt - Q2 - Truyền nhiệt không ổn định | 1  | Phạm Văn Bôn      | - 6602    | 25,000 |
| 2253  | 100060189 | - Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học T14- Chung cất hỗn hợp nhiều cấu tử - Hoàng Minh Nam                              | 1  | Võ Thị Ngọc Tươi  | - 66402   | 14,000 |
| 2269  | 100060537 | - Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học và thực phẩm T4 Kỹ thuật phản ứng                                                       | 1  | Vũ Bá Minh        | - 660284  | 25,000 |
| 4785  | 100108317 | - Phương pháp xây dựng bề mặt cho CAD/CAM                                                                                         | 1  | Bùi Quý Lực       | - 0066    | 30,000 |
| 16048 | 100200258 | - Phương trình và bất phương trình đại số - Phan Huy Khải                                                                         | 1  |                   | - 51296   |        |
| 1207  | 100041669 | - Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học T2 - Cơ học vật liệu rời - Hoàng Minh Nam                                         | 2  | Vũ bá Minh        | - 6201    | 20,500 |
| 1188  | 100041269 | - Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học T13 - Kỹ thuật xử lý chất thải công nghiệp                                        | 1  | Nguyễn Văn Phước  | - 62854   | 24,000 |
| 1640  | 100050991 | - Quá trình và thiết bị truyền nhiệt                                                                                              | 2  | Nguyễn Công Tấn   | - 66402   | 5,000  |
| 6743  | 100126028 | - Quá trình và thiết bị truyền nhiệt - ứng dụng trong công nghiệp và môi trường                                                   | 30 |                   | - 66402   |        |
| 523   | 100025680 | - Quan âm thị kính                                                                                                                | 1  | Đoàn Trung Côn    | - 8951308 | 7,000  |



|       |           |                                                                                                           |    |                      |            |         |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|------------|---------|
| 2592  | 100068994 | - Quản dây động cơ một pha                                                                                | 59 | Bùi Thanh Quang      | - 62146    | 6,000   |
| 3116  | 100085927 | - Quản lý an toàn, sức khỏe, môi trường lao động và phòng chống cháy nổ ở doanh nghiệp                    | 29 |                      | - 331259   |         |
| 809   | 100033884 | - Quản lý chất thải nguy hại                                                                              | 1  | Nguyễn Đức Khiển     | - 6284     | 35,000  |
| 1352  | 100043261 | - Quản lý các dịch vụ mạng trong Windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng Windows server 2003                | 1  | Minh Mẫn             | - 00543    | 34,000  |
| 5001  | 100110896 | - Quản lý bưu chính lý thuyết và ứng dụng - Ao Thu Hoài                                                   | 1  | Nguyễn Hoài Anh      | - 38306    | 30,000  |
| 5199  | 100112938 | - Quản lý các máy in mạng và server từ xa trong Windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng Windows server 2003 | 1  | Minh Mẫn             | - 00543    | 28,500  |
| 8479  | 100128501 | - Quản lý chiến lược chuỗi cung ứng                                                                       | 15 |                      | - 658      |         |
| 1588  | 100048665 | - Quản lý đĩa và dữ liệu trong windows server 2003 Hướng dẫn sử dụng windows server 2003                  | 2  | Minh Mẫn             | - 00543    | 36,000  |
| 2935  | 100076437 | - Quản lý cơ sở dữ liệu tài chính với Microsoft Visual FoxPro 90 - Hồng Phúc                              | 1  | Nguyễn Ngọc Tuấn     | - 005133   | 102,000 |
| 5167  | 100112626 | - Quản lý cơ sở dữ liệu với Access 2003                                                                   | 1  | Ngọc Tuấn            | - 0057406  | 20,500  |
| 4429  | 100104110 | - Quản lý doanh nghiệp                                                                                    | 1  | Vũ Đình Quyền        | - 658      | 84,000  |
| 14589 | 100190016 | - Quản lý doanh nghiệp - Đỗ Văn Phúc                                                                      | 2  |                      | - 65802    |         |
| 440   | 100020669 | - Quản lý dữ liệu mạch điện-điện tử                                                                       | 1  | Hoàng Đặng           | - 62138132 | 12,500  |
| 3543  | 100092815 | - Quản lý dự án phần mềm                                                                                  | 1  | Thạc Bình Cường      | - 6584     | 46,000  |
| 518   | 100025412 | - Quản lý dữ liệu mạch điện-điện tử Q1 - Capture cis                                                      | 4  | Hoàng Đặng           | - 62138132 | 12,500  |
| 3114  | 100084961 | - Quản lý sản xuất ngành may công nghiệp Một cách tiếp cận từ thực tiễn                                   | 5  | Nguyễn Minh Hà       | - 6462     | 25,000  |
| 5068  | 100111546 | - Quản lý nhân lực của doanh nghiệp - Đỗ Văn Phúc                                                         | 1  | Đỗ Văn Phúc          | - 6583     | 36,000  |
| 5268  | 100114811 | - Quản lý hành chính văn phòng                                                                            | 1  | Võ Thành Vị          | - 65137    | 31,000  |
| 841   | 100035591 | - Quản lý và phát triển tài chính - tiền tệ - tín dụng - ngân hàng                                        | 5  | Ngô Văn Quế          | - 332      | 46,000  |
| 3075  | 100082522 | - Quản lý tài chính với Microsoft Money 2005 - Hồng Phúc                                                  | 1  | Nguyễn Ngọc Tuấn     | - 00515    | 57,000  |
| 4833  | 100109211 | - Quản lý tài chính công ở Việt Nam - Vũ Thị Nhài                                                         | 1  | Vũ Thị Nhài          | - 336006   | 65,000  |
| 5270  | 100114831 | - Quản lý thời gian quản lý                                                                               | 1  | Nguyễn Văn Hà        | - 6584     | 39,000  |
| 4328  | 100101839 | - Quản trị dịch vụ trong Windows server 2003                                                              | 3  | Quách Lược           | - 00543    | 7,500   |
| 4469  | 100104523 | - Quản trị chiến lược trong toàn cầu hóa kinh tế                                                          | 1  | Đào Duy Huân         | - 6588     | 42,000  |
| 4514  | 100104984 | - Quản trị chiến lược - Nguyễn Hoa Khôi, Đồng Thị Thanh Phương                                            | 1  | Nguyễn Khoa Khôi     | - 6588     | 20,000  |
| 1452  | 100044846 | - Quản trị kinh doanh                                                                                     |    | Nguyễn Ngọc Hiến     | - 658001   | 45,000  |
| 3550  | 100092883 | - Quản trị hệ thống Linux - Trương Diệu Linh                                                              | 1  | Nguyễn Thanh Thủy    | - 00543    | 33,000  |
| 4506  | 100104918 | - Quản trị học = - Management                                                                             | 1  | Nguyễn Thị Liên Diệp | - 658      | 45,000  |
| 4913  | 100109989 | - Quản trị dự án đầu tư và quản trị tài chính doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài                       | 1  | Đinh Trọng Thịnh     | - 658152   | 30,000  |
| 5303  | 100115147 | - Quản trị hành chính văn phòng                                                                           | 1  |                      | - 65137    |         |
| 4425  | 100104077 | - Quản trị Marketing - Phan Thăng                                                                         | 1  | Kotler Philip        | - 65881    | 230,000 |
| 4513  | 100104983 | - Quản trị kinh doanh - Trung Nguyên                                                                      | 1  | Nguyễn Thảo          | - 658001   | 79,000  |



|       |           |                                                                                                                          |    |                   |             |         |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|-------------|---------|
| 5325  | 100115374 | - Quản trị ngân hàng thương mại                                                                                          | 1  |                   | - 33212     |         |
| 17310 | 100208046 | - Quản trị ngân hàng thương mại - Phan Thị Cúc chủ biên [và những người khác]                                            | 50 |                   | - 33212     |         |
| 4428  | 100104106 | - Quản trị nguồn nhân lực - Vũ Trọng Hùng                                                                                | 1  | W.Boudreau John   | - 6583      | 150,000 |
| 4465  | 100104485 | - Quản trị nguồn nhân lực = - Human Resource Management                                                                  | 1  | Trần Kim Dung     | - 6583      | 50,000  |
| 7991  | 100127460 | - Quản trị nguồn nhân lực T2                                                                                             | 10 |                   | - 6583      |         |
| 4451  | 100104326 | - Quản trị sản xuất và tác nghiệp trong đổi mới và hội nhập - Phan Sơn                                                   | 1  | Đỗ Duy Việt       | - 6585      | 185,000 |
| 15611 | 100196223 | - Quang Điện tử - Sử dụng cho bậc Cao đẳng - Đại học - Phạm Ngọc Dũng[và những người khác]                               | 60 |                   | - 621381542 |         |
| 14468 | 100189387 | - Quặng kim loại và quá trình làm giàu - Trương Ngọc Thận                                                                | 2  |                   | - 62234     |         |
| 16046 | 100200238 | - Quặng hóa Antimon miền bắc Việt nam - Nguyễn Văn Bình                                                                  | 1  |                   | - 551       |         |
| 3743  | 100094360 | - Quy hoạch phát triển hệ thống điện                                                                                     | 10 | Nguyễn Lân Tráng  | - 6213191   | 62,000  |
| 13162 | 100160470 | - Quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường của hàng thủy sản nhập khẩu vào EU, - Bộ công thương               | 1  |                   | - 34308     |         |
| 3650  | 100093595 | - Quy hoạch toán học                                                                                                     | 2  | Bùi Minh Trí      | - 5196      | 79,000  |
| 2416  | 100064491 | - Quy trình phát triển phần mềm Rational unified process - Lâm Quang Vũ                                                  | 1  | Dương Anh Đức     | - 0053      | 32,000  |
| 2423  | 100064813 | - Red hat linux Bảo mật và tối ưu - Trần Tiến Dũng                                                                       | 1  | Trần Thạch Tùng   | - 00543     | 89,000  |
| 4422  | 100104052 | - Quyết định dự toán vốn đầu tư Phân tích kinh tế các dự án đầu tư - Smidt JR Seymour                                    | 1  | Bierman Hrold     | - 33012     | 85,000  |
| 4452  | 100104351 | - Quy trình thực hiện kế toán doanh nghiệp trong xu thế đổi mới, hội nhập và phát triển                                  | 1  |                   | - 6571      | 80,000  |
| 5091  | 100111756 | - Quy hoạch tuyển tính - Nguyễn Đình Hóa                                                                                 | 1  | Nguyễn Ngọc Thắng | - 5198      | 18,200  |
| 4010  | 100099458 | - Registry Phần cứng - Mạng - Bảo mật                                                                                    | 5  | Đinh Phan Chí Tâm | - 00465     | 7,500   |
| 471   | 100023504 | - Rèn luyện kỹ năng viết tiếng Anh - hoàng Văn Vân                                                                       | 1  | Nguyễn Thị Chi    | - 42207     | 13,000  |
| 2891  | 100074217 | - Robot công nghiệp                                                                                                      | 1  | Nguyễn Thiện Phúc | - 629892    | 40,000  |
| 5402  | 100116397 | - Robocon urom mầm những ước mơ                                                                                          | 1  |                   | - 629892    |         |
| 3616  | 100093399 | - Robot công nghiệp Giáo trình dùng cho sinh viên các trường kỹ thuật                                                    | 5  | Nguyễn Thiện Phúc | - 629892    | 48,000  |
| 3134  | 100087705 | - Robot giống người = - Humanoid Robots - Nguyễn Thiện Phúc                                                              | 50 | Nguyễn Thiện Phúc | - 629892    | 27,000  |
| 525   | 100025812 | - Rừng, Đàn bà, Điện loạn                                                                                                | 1  | Dournes Jacques   | - 895923    | 34,000  |
| 15796 | 100198996 | - S7 - 200 programmable controller - This mannual has the order number 6ES7298 - 8FA21 - 8BH0                            | 60 |                   | - 6298      |         |
| 1823  | 100052984 | - SacLơ Đacuyn                                                                                                           | 2  | Chung Kiên        | - 925       | 8,300   |
| 1462  | 100045768 | - Sản xuất và lắp ráp đường ống - Ngô Sĩ Lộc                                                                             | 1  | Nguyễn Tài Vượng  | - 62382     | 67,400  |
| 4729  | 100107640 | - Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin                                                                               | 1  | Nguyễn Văn Ba     | - 0054      | 30,000  |
| 4840  | 100109290 | - Sản xuất linh hoạt FMS & tích hợp CIM - Giáo trình dùng cho sinh viên và học viên cao học ngành cơ khí - Trần Văn Địch | 1  | Trần Văn Địch     | - 6298      | 30,000  |
| 5146  | 100112414 | - Sáng ngời Hồ Chí Minh những bài viết tâm đắc của các giáo sư, tiến sĩ, nhà nghiên cứu trong cả nước                    | 1  | Phan Văn Hoàng    | - 3355271   | 45,000  |



|       |           |                                                                                                                                                        |    |                            |            |         |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------|------------|---------|
| 3872  | 100098534 | - Sinh động bài thuyết trình cùng PowerPoint                                                                                                           | 3  | Trương Kim Huyền<br>Trần   | - 00503    | 7,500   |
| 2108  | 100056031 | - Sinh học đại cương T1 - Lê Quang Long                                                                                                                | 1  | Phan Cự Nhân               | - 571      | 40,000  |
| 2463  | 100066076 | - sinh học về các giống gia cầm ở Việt Nam - Phạm Văn Linh                                                                                             | 1  | Đào Đức Long               | - 6365     | 47,000  |
| 2987  | 100078831 | - Sinh học phân tử                                                                                                                                     | 1  | Võ Thị Thương Lan          | - 574      | 16,500  |
| 4729  | 100107640 | - Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin                                                                                                             | 1  | Nguyễn Văn Ba              | - 0054     | 30,000  |
| 14499 | 100189546 | - Sinh thái học môi trường - Trần Văn Nhân, Nguyễn Thị Lan Anh                                                                                         | 2  |                            | - 628      |         |
| 395   | 100017233 | - Sinh thái môi trường đất                                                                                                                             | 1  | Lê Ngọc Nam                | - 628      | 17,000  |
| 2882  | 100074076 | - Sinh thái môi trường ứng dụng = - Applied environmental ecology - Lâm Minh Triết                                                                     | 1  | Lê Huy Bá                  | - 628      | 100,000 |
| 3002  | 100079438 | - Sinh thái môi trường học cơ bản = - Fundamental environmental ecology - Lâm Minh Triết                                                               | 1  | Lê Huy Bá                  | - 628      | 100,000 |
| 2562  | 100067860 | - Sinh thái và môi trường trong dệt nhuộm                                                                                                              | 2  | Đặng Trần Phòng            | - 66730286 | 37,000  |
| 4507  | 100104920 | - Sơ đồ chân linh kiện bán dẫn                                                                                                                         | 2  | Dương Minh Trí             | - 62138152 | 86,000  |
| 2979  | 100078553 | - Sổ tay chế tạo máy thực hành hằng ngày                                                                                                               | 1  | Trần Thế Sang              | - 621815   | 39,000  |
| 4885  | 100109693 | - Sơ đồ hướng dẫn kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo quyết định số 482006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ tài chính | 1  | Lê Thị Hòa                 | - 6571     | 70,000  |
| 4750  | 100107856 | - Sổ tay Công nghệ chế tạo máy - Tập 2 - Nguyễn Đắc Lộc[và những người khác]                                                                           | 2  | Nguyễn Đắc Lộc             | - 621815   | 85,000  |
| 3559  | 100092962 | - Sổ tay công nghệ chế tạo máy T1 - Trần Xuân Việt                                                                                                     | 2  | Nguyễn Đắc Lộc             | - 621815   | 69,000  |
| 4772  | 100108155 | - Sổ tay công nghệ chế tạo máy - Tập 3 - Nguyễn Đắc Lộc chủ biên[và những người khác]                                                                  | 1  | Nguyễn Đắc Lộc             | - 621815   | 58,000  |
| 1648  | 100051349 | - Sổ tay công tác nữ công                                                                                                                              | 1  | Tổng liên đoàn lao<br>động | - 646      | 12,000  |
| 2394  | 100064082 | - Sổ tay dụng cụ cắt và dụng cụ phụ                                                                                                                    | 3  | Trần Văn Địch              | - 62192    | 52,000  |
| 3007  | 100079665 | - Sổ tay Công nghệ chế tạo máy T2 - Trần Xuân Việt                                                                                                     | 1  | Nguyễn Đắc Lộc             | - 621815   | 76,000  |
| 4865  | 100109486 | - Sổ tay dụng cụ cắt và dụng cụ phụ - Trần Văn Địch                                                                                                    | 1  | Trần Văn Địch              | - 62192    | 65,000  |
| 5033  | 100111253 | - Sổ tay dụng sai lắp ghép                                                                                                                             | 2  | Ninh Đức Tôn               | - 621815   | 32,000  |
| 3747  | 100094578 | - Sổ tay gia công cơ Dũa cho sinh viên cơ khí thuộc các hệ đào tạo - Trần Văn Địch                                                                     | 2  | Lưu Văn Nhạng              | - 671      | 72,000  |
| 4442  | 100104251 | - Sổ tay hàn - Công nghệ, thiết bị và định mức năng lượng, vật liệu hàn - Hoàng Tùng chủ biên[và những người khác]                                     | 1  | Nguyễn Thúc Hà             | - 67152    | 76,000  |
| 13165 | 100160487 | - Sổ tay giám sát và đánh giá lợi ích                                                                                                                  | 1  |                            | - 370113   |         |
| 8424  | 100128371 | - Sổ tay kiểm toán nội bộ Song ngữ Việt - Anh - Đặng Kim Cương                                                                                         | 15 |                            | - 658151   |         |
| 4529  | 100105157 | - Sổ tay lập trình CNC Thực hành lập trình gia công trên máy CNC - Nguyễn Ngọc Phương                                                                  | 1  | Trần Thế San               | - 621815   | 82,000  |
| 4769  | 100108116 | - Sổ tay lựa chọn và tra cứu thiết bị điện từ 0,4 đến 500 kv                                                                                           | 2  | Ngô Hồng Quang             | - 62131042 | 60,000  |
| 3757  | 100094641 | - Sổ tay mạ nhúng phun                                                                                                                                 | 4  | Nguyễn Đức Hùng            | - 67173    | 20,000  |
| 1756  | 100052543 | - Sổ tay người dạy tiếng Anh                                                                                                                           | 2  | Thái Hoàng Nguyên          | - 422      | 7,000   |
| 5414  | 100116562 | - Sổ tay Marketing                                                                                                                                     | 1  |                            | - 658      |         |
| 713   | 100031060 | - Sổ tay sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa xe gắn máy Trung Quốc - Nhật Bản                                                                               | 1  | Vương Tùng Đồng            | - 62928    | 95,000  |
| 1924  | 100053563 | - Sổ tay người dạy tiếng Anh Hướng dẫn phương pháp dạy theo chương trình tiếng Anh mới - Hồ Tấn                                                        | 5  | Tứ Anh                     | - 422      | 14,000  |



|       |           |                                                                                                                                                                          |    |                     |            |         |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|---------|
| 3680  | 100093874 | - Sổ tay thép thế giới - Trần văn Địch                                                                                                                                   | 2  | Phan Đăng Khải      | - 669142   | 31,000  |
| 1369  | 100043463 | - Sổ tay thiết kế tàu thủy                                                                                                                                               | 1  | Hồ Quang Long       | - 623812   | 60,000  |
| 4424  | 100104072 | - Sổ tay thiết kế cơ khí - Tập 2 - Hà Văn Vui, Nguyễn Chí Sáng                                                                                                           | 1  | Hà Văn Vui          | - 621815   | 95,000  |
| 4433  | 100104167 | - Sổ tay thiết kế cơ khí T3 - Nguyễn Chí Sáng                                                                                                                            | 1  | Hà Văn Vui          | - 621815   | 105,000 |
| 2093  | 100055958 | - Sổ tay thiết kế, chế tạo, lắp ráp đường ống công nghiệp                                                                                                                | 20 | Đoàn Xuân Sơn       | - 671832   | 36,000  |
| 580   | 100028578 | - Sổ tay thợ tiện - Zazerski E I                                                                                                                                         | 2  | Blumberg V.A        | - 671      | 50,000  |
| 1430  | 100044489 | - Sổ tay thực hành DVD                                                                                                                                                   | 4  | Lê Ngọc Cương       | - 62138932 | 25,000  |
| 3     | 100000318 | - Sổ tay tiếng Anh cho học sinh Sử dụng đúng động từ trong giao tiếp tiếng Anh hiện đại - Tuấn Khanh                                                                     | 1  | Đức Tài             | - 42816    | 12,000  |
| 14511 | 100189606 | - Sổ tay tóm tắt các đại lượng hóa lý                                                                                                                                    | 2  |                     | - 5413     |         |
| 1006  | 100038476 | - Sổ tay tóm tắt kiến thức tiếng Anh Dừng cho trường Trung học cơ sở - Đặng Trần Cường                                                                                   | 4  | Hoàng Văn Sít       | - 42207    | 8,700   |
| 1033  | 100038958 | - Sổ tay tra cứu và thay thế vi mạch (IC) = - Modern IC data and substitution manual                                                                                     | 3  | Đào Công Tiến       | - 62138153 | 34,000  |
| 58    | 100000903 | - Sổ tay từ đồng nghĩa và trái nghĩa Anh - Việt và Việt - Anh                                                                                                            | 1  | Nguyễn Dương Khư    | - 42331    | 18,000  |
| 2422  | 100064771 | - Sổ tay xử lý nước T2 = - Memento technique de l'eau                                                                                                                    | 1  |                     | - 6281     | 98,000  |
| 11994 | 100149454 | - Specialized english for industrial machinery and equipment - mechanical engineering, heat engineering refrigeration, industrial machinery and equipment - Ly Ngọc Minh | 50 |                     | - 6218     |         |
| 1109  | 100039779 | - Streamline English Connections - Viney Peter                                                                                                                           | 2  | Harms Henry R       | - 422      | 9,000   |
| 4928  | 100110155 | - SQL Server 2000 Lập trình T-SQL - Toàn tập - Tập 6B - Dương Quang Thiện                                                                                                | 1  | Dương Quang Thiện   | - 00543    | 90,000  |
| 13    | 100000411 | - Streamline English Departures - Viney Peter                                                                                                                            | 1  | Harms Henry R       | - 422      | 15,000  |
| 5144  | 100112398 | - Stress và Sức Khỏe                                                                                                                                                     | 1  | Đặng Phương Kiệt    | - 616852   | 31,000  |
| 435   | 100019991 | - Student's dictionary of English có CD kèm theo sách                                                                                                                    | 2  |                     | - 423      | 50,000  |
| 945   | 100037334 | - Sự cố môi trường trách nhiệm không của riêng ai                                                                                                                        | 1  | Nguyễn Đức Khiển    | - 628      | 25,000  |
| 15743 | 100198302 | - Study english ielts preparation - Anna Shymkiw, David Larbalestier                                                                                                     | 1  |                     | - 4211     |         |
| 2130  | 100056773 | - Sử dụng AutoCAD 2002 T1 - Cơ sở vẽ thiết kế hai chiều (2D)                                                                                                             | 2  | Nguyễn Hữu Lộc      | - 00668    | 58,000  |
| 1049  | 100039097 | - Sử dụng Autocad 2002 T2 - Hoàn thiện bản vẽ thiết kế hai chiều                                                                                                         | 3  | Nguyễn Hữu Lộc      | - 00668    | 56,000  |
| 4238  | 100101193 | - Sử dụng công cụ tìm kiếm trên Internet - Bùi Thị Như Quỳnh                                                                                                             | 5  | Đỗ Tuấn Phong       | - 0062     | 11,000  |
| 4463  | 100104466 | - Sử dụng AutoCAD 2007 (cập nhật AutoCAD 2008) T1 Cơ sở vẽ thiết kế hai chiều                                                                                            | 1  | Nguyễn Hữu Lộc      | - 00668    | 59,000  |
| 4470  | 100104525 | - Sử dụng AutoCAD 2006 T2 Hoàn thiện bản vẽ thiết kế hai chiều                                                                                                           | 1  | Nguyễn Hữu Lộc      | - 00668    | 59,000  |
| 4209  | 100101008 | - Sử dụng mail trong Lotus Notes                                                                                                                                         | 3  | Phạm Thị Nguyệt     | - 004692   | 7,500   |
| 4122  | 100100364 | - Sử dụng Media Center trong Windows XP 2005                                                                                                                             | 3  | Nguyễn Văn Khoa     | - 00543    | 7,500   |
| 4193  | 100100825 | - Sử dụng Microsoft Outlook 2003                                                                                                                                         | 4  | Phan Đăng Duy Thịnh | - 004692   | 7,500   |
| 4391  | 100103705 | - Sử dụng Microsoft Office Excel 2003 T2 Vi tính dùng trong học đường Có CD kèm theo sách - Đặng Thị Thu Hương                                                           | 1  | Trần Mỹ             | - 00515    | 24,500  |
| 5094  | 100111791 | - Sử dụng Microsoft Office Word 2003 Có CD kèm theo sách - Đặng Thị Thu Hương                                                                                            | 1  | Trần Mỹ             | - 00515    | 27,500  |



|       |           |                                                                                                                                                                      |    |                   |            |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|------------|--------|
| 4298  | 100101648 | - Sử dụng Windows Media Player Căn bản và nâng cao                                                                                                                   | 3  | Võ Xuân Vỹ        | - 005713   | 7,500  |
| 4914  | 100109993 | - Sử dụng thiết bị điện trong gia đình                                                                                                                               | 1  | Lê Hoàng Minh     | - 62131042 | 22,000 |
| 4957  | 100110439 | - Sử dụng ProEngineer Wildfire xây dựng bản vẽ và lập trình CNC - Ngô Tấn Thống                                                                                      | 1  | Ngô Văn Yên       | - 621902   | 60,000 |
| 4500  | 100104856 | - Sử dụng Word 2007 - 14 bài thực hành nâng cao - Lê Quốc Bảo Anh                                                                                                    | 2  | Lê Quốc Bảo Anh   | - 00515    | 32,000 |
| 14495 | 100189526 | - Sự lan truyền sóng ứng suất trong vật thể - Nguyễn Văn Vượng                                                                                                       | 2  |                   | - 531      |        |
| 1375  | 100043534 | - Sửa chữa các kiểu xe gắn máy đời mới nhãn hiệu Kymco - Hoàng Kiệt                                                                                                  | 1  | Đường Nhân        | - 629234   | 69,000 |
| 1376  | 100043543 | - Sửa chữa các kiểu xe gắn máy nhãn hiệu SYM Sanyang - Vương Trường Hoa                                                                                              | 1  | Lưu Bàn           | - 629234   | 62,000 |
| 1384  | 100043652 | - Sự thức tỉnh của loài người Thời thượng xanh - Vương Mộng Bưu                                                                                                      | 1  | Trần Trung Nguyên | - 57727    | 46,000 |
| 1486  | 100045974 | - Sửa chữa các kiểu xe gắn máy đời mới nhãn hiệu SYM (San Yang) - Lưu Văn Bàn                                                                                        | 1  | Lưu Bàn           | - 62928    | 62,000 |
| 1718  | 100052228 | - Sửa chữa điện dân dụng và điện công nghiệp                                                                                                                         | 1  |                   | - 621319   | 21,000 |
| 4894  | 100109813 | - Sửa chữa đầu máy CD, VCD, DVD                                                                                                                                      | 1  | Nguyễn Văn Huy    | - 62138833 | 19,000 |
| 1482  | 100045937 | - Sửa chữa điện máy công nghiệp                                                                                                                                      | 5  | Bùi Văn Yên       | - 62146    | 32,000 |
| 296   | 100011746 | - Sửa chữa điện ô tô T2- Kỹ thuật sửa chữa ô tô = Electrical devices maintenance Series II- Automobile Repair Technology                                             | 12 | Han Sang Don      | - 629254   | 27,500 |
| 295   | 100011727 | - Sửa chữa động cơ T2- Kỹ thuật sửa chữa ô tô = Gasoline Engine Maintenance Series II - Automobile Repair Technology                                                 | 6  | Han Sang Don      | - 62925    | 27,500 |
| 3047  | 100081213 | - Sửa chữa điện xí nghiệp điện tử công nghiệp                                                                                                                        | 1  | Trần Nhật Tân     | - 621319   | 35,000 |
| 4603  | 100106143 | - Sửa chữa máy điện và máy biến áp                                                                                                                                   | 2  | Nguyễn Đức Sỹ     | - 6213121  | 23,500 |
| 222   | 100009711 | - Sửa chữa máy đốt trong Tàu thủy và ô tô                                                                                                                            | 5  | Dương Đình Đối    | - 62143    | 30,000 |
| 3553  | 100092906 | - Sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí                                                                                                                            | 3  | Nguyễn Đức Lợi    | - 62156    | 35,000 |
| 943   | 100037331 | - Sửa chữa và quản lý động cơ điện                                                                                                                                   | 6  | Bùi Văn Yên       | - 621462   | 20,000 |
| 1105  | 100039715 | - Sửa chữa, lắp đặt quạt và động cơ điện T2 - Bổ sung, nâng cấp ấn phẩm "Tự học quản lý quạt và động cơ điện"                                                        | 2  | Đỗ Ngọc Long      | - 621462   | 21,500 |
| 604   | 100029151 | - Sửa radio cassette                                                                                                                                                 | 3  | Phan Tấn Uẩn      | - 62138418 | 29,000 |
| 5051  | 100111410 | - Sửa chữa, nâng cấp và cài đặt máy tính xách tay (laptop) - Kiến thức bách khoa phần cứng máy tính cho người mới bắt đầu - Tập 2 - Nguyễn Nam Thuận, Trịnh Tấn Minh | 1  | Nguyễn Nam Thuận  | - 00416    | 73,000 |
| 717   | 100031356 | - Sửa radio cassette CD player                                                                                                                                       | 1  | Phan Tấn Uẩn      | - 62138418 | 29,000 |
| 728   | 100031521 | - Sức bền vật liệu                                                                                                                                                   | 2  | Nguyễn Bá Đường   | - 6201121  | 57,000 |
| 5011  | 100111013 | - Sửa radio cassette CD player - Phan Tấn Uẩn                                                                                                                        | 1  | Phan Tấn Uẩn      | - 62138418 | 39,500 |
| 239   | 100009847 | - Sức bền vật liệu - Bùi Công Thành                                                                                                                                  | 1  |                   | - 620112   |        |
| 2740  | 100072407 | - Sức bền vật liệu - Nguyễn Văn Vượng                                                                                                                                | 1  | Lê Quang Minh     | - 6201121  | 14,000 |
| 4607  | 100106202 | - Sức bền vật liệu - Tập 1 - Lê Quang Minh, Nguyễn Văn Vượng                                                                                                         | 1  | Lê Quang Minh     | - 6201121  | 34,500 |
| 2541  | 100067150 | - Sức bền vật liệu T1 - Bùi Đình Nghi                                                                                                                                | 3  | Vũ Đình Lai       | - 6201121  | 45,000 |
| 1768  | 100052661 | - Sức bền vật liệu T1 - Nguyễn Văn Vượng                                                                                                                             | 1  | Lê Quang Minh     | - 6201121  | 13,000 |
| 2434  | 100065035 | - Sức bền vật liệu T1 - Nhữ Phương Mai                                                                                                                               | 3  | Đặng Việt Cường   | - 6201121  | 25,500 |
| 3647  | 100093581 | - Sức bền vật liệu T1 - Nhữ Phương Mai                                                                                                                               |    | Đặng Việt Cường   | - 6201121  | 27,500 |
| 3648  | 100093587 | - Sức bền vật liệu T1 - Nhữ Phương Mai                                                                                                                               |    | Đặng Việt Cường   | - 6201121  | 27,500 |



|       |           |                                                                                                                                  |    |                   |           |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|-----------|--------|
| 2543  | 100067173 | - Sức bền vật liệu T2 - Bùi Đình Nghi                                                                                            | 3  | Vũ Đình Lai       | - 6201121 | 45,000 |
| 1634  | 100050823 | - Sức bền vật liệu T2 - Nguyễn Văn Vượng                                                                                         | 1  | Lê Quang Minh     | - 6201121 | 10,200 |
| 3642  | 100093555 | - Sức bền vật liệu T2 - Nhữ Phương Mai                                                                                           | 2  | Đặng Việt Cường   | - 6201121 | 27,500 |
| 1692  | 100051771 | - Sức bền vật liệu T3 - Nguyễn Văn Lượng                                                                                         | 1  | Lê Quang Minh     | - 6201121 | 14,000 |
| 3035  | 100080609 | - Sức khỏe môi trường - Trịnh Thị Thanh                                                                                          | 1  |                   | - 628     | 25,500 |
| 4421  | 100104048 | - Tài chính doanh nghiệp Lý thuyết, bài tập, bài giải                                                                            | 1  | Nguyễn Minh Kiều  | - 658152  | 58,500 |
| 4867  | 100109511 | - Tài chính công ty những vấn đề thiết yếu                                                                                       | 1  | Nguyễn Đỗ         | - 658152  | 48,000 |
| 4960  | 100110467 | - Tài chính - kế toán trường học và văn bản hướng dẫn thi hành                                                                   | 1  | Nguyễn Thành Long | - 343034  | 24,500 |
| 5079  | 100111633 | - Tài chính quốc tế - Dành cho sinh viên các trường Đại học - Nguyễn Văn Tiến                                                    | 1  | Nguyễn Văn Tiến   | - 332042  | 80,000 |
| 5142  | 100112358 | - Sức khỏe trong tay bạn                                                                                                         | 1  | Ân Đại Khuê       | - 613     | 14,000 |
| 5334  | 100115463 | - Tài chính quốc tế - Nguyễn Quốc Khanh                                                                                          | 1  |                   | - 332042  |        |
| 17560 | 100211546 | - Tài chính quốc tế - Phan Thị Cúc [và những người khác]                                                                         | 50 |                   | - 332042  |        |
| 3832  | 100095282 | - Tài liệu giáo dục an toàn giao thông cho sinh viên, học sinh các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp             | 76 |                   | - 343094  | 10,000 |
| 5090  | 100111754 | - Tài chính Việt Nam 2001-2010                                                                                                   | 1  | Đỗ Đức Minh       | - 336     | 40,000 |
| 1630  | 100050287 | - Tài liệu giáo dục giới tính, phòng chống tệ nạn mại dâm cho HSSV các trường ĐH, CĐ và THCN                                     | 5  |                   | - 370114  | 20,000 |
| 358   | 100013490 | - Tài liệu học tập luật lệ giao thông đường bộ Việt Nam Dành để học thi lấy giấy phép lái xe                                     | 3  |                   | - 343094  | 15,000 |
| 21    | 100000457 | - Tài liệu luyện thi CCQG tiếng Anh - Môn đọc hiểu Trình độ B                                                                    | 1  | Nguyễn Trung Tánh | - 42284   | 14,000 |
| 68    | 100001116 | - Tài liệu luyện thi CCQG tiếng Anh - Môn Nghe Trình độ A                                                                        | 1  | Lê Huy Lâm        | - 422     | 10,000 |
| 1544  | 100047496 | - Tài liệu luyện thi Chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh - Môn Nói trình độ B                                                           | 7  | Nguyễn Trung Tánh | - 422     | 26,000 |
| 2726  | 100072203 | - Tài liệu tập huấn luật kế toán                                                                                                 | 6  |                   | - 34307   | 6,000  |
| 14549 | 100189817 | - Tài liệu thí nghiệm vi - hóa sinh ứng dụng trong công nghệ môi trường - Nguyễn Thị Sơn, Trần Lê Minh                           | 2  |                   | - 628     |        |
| 3517  | 100092539 | - Tăng áp động cơ đốt trong - Lê Anh Tuấn                                                                                        | 1  | Võ Nghĩa          | - 62143   | 38,000 |
| 4509  | 100104933 | - Tâm lý học quản trị kinh doanh                                                                                                 | 1  | Thái Trí Dũng     | - 1587    | 29,000 |
| 14509 | 100189596 | - Tâm lý trong quản lý doanh nghiệp - Đỗ Văn Phúc                                                                                | 2  |                   | - 658     |        |
| 4032  | 100099656 | - Tăng tốc toàn diện máy tính                                                                                                    | 5  | Nguyễn Công Minh  | - 00416   | 8,500  |
| 4244  | 100101296 | - Tạo ảnh nghệ thuật với Photoshop                                                                                               | 10 | Trần Nguyên Nhã   | - 00668   | 9,500  |
| 4144  | 100100552 | - Tạo ảnh nghệ thuật với Photoshop T1                                                                                            | 5  | Trần Nguyên Nhã   | - 00668   | 8,500  |
| 3993  | 100099314 | - Tạo dựng Web Portal trên nền NuKeviet                                                                                          | 5  | Nguyễn Thế Hùng   | - 004693  | 78,000 |
| 1570  | 100048459 | - Tạo, tô màu các đối tượng căn bản trong CorelDraw 11                                                                           | 3  |                   | - 00668   |        |
| 5138  | 100112327 | - Tạo khối và in ấn trong Autocad 2004 Các bước tắt học nhanh máy tính                                                           | 1  | Lê Bá An          | - 00668   | 20,500 |
| 776   | 100033309 | - Tập bài giảng kinh tế vĩ mô                                                                                                    | 3  | Trần Quang Lâm    | - 339     | 24,000 |
| 11524 | 100146514 | - Tập bài giảng pháp luật đại cương - dành cho hệ Đại học, Cao đẳng - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh Khoa Mác - Lênin | 10 |                   | - 340597  |        |



|       |           |                                                                                                                              |    |                   |            |         |
|-------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|------------|---------|
| 11484 | 100146214 | - Tập bài giảng pháp luật đại cương - dùng cho các lớp học nghề - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh Khoa Mác - Lênin | 10 |                   | - 340579   |         |
| 3467  | 100092036 | - Tập bài giảng pháp luật đại cương - Dương Văn Minh                                                                         | 10 | Nguyễn Hồng Ánh   | - 340597   | 11,500  |
| 6808  | 100126093 | - Tập bài giảng pháp luật đại cương Dành cho hệ đại học, cao đẳng                                                            | 29 |                   | - 340597   |         |
| 5404  | 100116485 | - Tạp chí hóa học = - Journal of Chemistry                                                                                   | 1  |                   | - 54005    |         |
| 5410  | 100116527 | - Tạp chí Các Khoa Học về Trái Đất - Nguyễn Thị Kim Thoa                                                                     | 1  |                   | - 55005    |         |
| 2652  | 100069608 | - Tập slide bài giảng Môn tin học (Dành cho sinh viên toàn trường)                                                           | 10 |                   | - 0050202  | 11,000  |
| 5409  | 100116521 | - Tạp chí tin học và điều khiển học = - Journal of Computer Science and Cybernetics                                          | 1  |                   | - 00405    |         |
| 5411  | 100116543 | - Tạp chí khoa học và công nghệ biển                                                                                         | 1  |                   | - 55146    |         |
| 14541 | 100189766 | - Ten - xơ & ứng dụng - Nguyễn Trọng Giảng                                                                                   | 2  |                   | - 5301     |         |
| 432   | 100019757 | - Thái độ và tác phong nơi làm việc                                                                                          | 6  |                   | - 331259   | 10,000  |
| 593   | 100029017 | - Tham khảo toàn diện Autocad 2000 T1 - Dũng Tâm                                                                             | 2  | Trịnh Anh Toàn    | - 00668    | 65,000  |
| 623   | 100029405 | - Tham khảo toàn diện Autocad 2000 T2 - Dũng Tâm                                                                             | 1  | Trịnh Anh Toàn    | - 00668    | 80,000  |
| 1599  | 100048796 | - Tham khảo toàn diện Autocad 2000 T3 - Dũng Tâm                                                                             | 2  | Trịnh Anh Toàn    | - 00668    | 55,000  |
| 512   | 100024564 | - Thần tượng Tập phóng sự -Truyện ngắn                                                                                       | 1  | Nguyễn Cao Thâm   | - 895923   | 20,000  |
| 2265  | 100060475 | - Thang máy                                                                                                                  | 1  | Nguyễn Danh Sơn   | - 62187    | 20,500  |
| 2486  | 100066488 | - Thang máy Cầu tạo - lựa chọn - lắp đặt và sử dụng - Hoa Văn Ngũ                                                            | 1  | Vũ Liêm Chính     | - 62187    | 24,000  |
| 5190  | 100112843 | - Thần tích Hà Nội và tín ngưỡng thị dân - Nguyễn Duy Hinh                                                                   | 1  | Nguyễn Vinh Phúc  | - 2911     | 22,200  |
| 8133  | 100127787 | - Thành công trong quản lý                                                                                                   | 15 |                   | - 658      |         |
| 677   | 100030235 | - Thành ngữ và giới từ Anh văn thông dụng                                                                                    | 3  | Trần Văn Hải      | - 42582    | 9,500   |
| 2456  | 100065790 | - Thành ngữ và giới từ Anh văn thông dụng Tuyển thi chứng chỉ B, C và TOEFL                                                  | 3  | Trần Văn Hải      | - 4258     | 9,500   |
| 1516  | 100046287 | - Thấp một ngọn lửa lòng - Nhất Cư                                                                                           | 2  | Lưu Dung          | - 8951301  | 14,000  |
| 2412  | 100064363 | - Thành thạo oracle 9i quản trị cơ sở dữ liệu T2 - Phương Lan                                                                | 1  | Nguyễn Thiên Bằng | - 0057406  | 109,000 |
| 568   | 100027799 | - Thế giới ASUS bo mạch chủ số 1 thế giới                                                                                    | 5  |                   | - 62138132 | 5,000   |
| 1581  | 100048599 | - Thế giới đồ họa - Hướng dẫn sử dụng Flash 50 - Hồ Chí Hoà                                                                  | 3  | Phạm Quang Huy    | - 00668    | 66,000  |
| 384   | 100016565 | - Thế giới đồ họa Hướng dẫn sử dụng Painter 3D (Phần cơ bản) - Phạm Quang Huy                                                | 3  | Phạm Quang Hân    | - 00668    | 63,000  |
| 1011  | 100038530 | - Thế giới đồ họa Hướng dẫn sử dụng Painter 3D (Phần nâng cao) - Phạm Quang Huy                                              | 3  | Phạm Quang Hân    | - 00668    | 63,000  |
| 526   | 100025821 | - Thế giới ngầm                                                                                                              | 1  | Võ Liên Phương    | - 801      | 23,000  |
| 3100  | 100084244 | - Thế giới Photoshop Chuyên đề 1 Hiệu ứng có CD kèm theo sách - Quang Huy                                                    | 3  | Ánh Tuyết         | - 00668    | 60,000  |
| 2158  | 100057800 | - Thí nghiệm công nghệ sinh học T2 Thí nghiệm vi sinh vật học - Phan Thị Huyền                                               | 1  | Nguyễn Đức Lượng  | - 57401    | 39,000  |
| 2890  | 100074178 | - Thí nghiệm công nghệ sinh học T1 - Thí nghiệm hóa sinh học - Cao Cường                                                     | 1  | Nguyễn Đức Lượng  | - 574192   | 15,000  |
| 4949  | 100110358 | - Thi công cấp và hầm hố cấp viễn thông - Bùi Thanh Giang chủ biên[và những người khác]                                      | 1  | Bùi Thanh Giang   | - 621382   | 65,000  |
| 17070 | 100205484 | - Thí nghiệm điều khiển tự động - Huỳnh Minh Ngọc                                                                            | 60 |                   | - 6298     |         |
| 10773 | 100141954 | - Thí nghiệm kỹ thuật xung - sử dụng cho hệ đại học - Nguyễn Thế Kỳ Sương, Phạm Hữu Lộc                                      | 50 |                   | - 62130843 |         |
| 12648 | 100153354 | - Thí nghiệm linh kiện điện tử - sử dụng cho hệ Đại học - Trịnh Thị Sáng                                                     | 50 |                   | - 621381   |         |
| 12748 | 100153954 | - Thí nghiệm mạch điện tử 1 - sử dụng cho hệ Đại học - Trương Năng Toàn, Phạm Hữu Lộc                                        | 50 |                   | - 62138132 |         |



|       |           |                                                                                                          |    |                    |            |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------|--------|
| 15671 | 100196523 | - Thí nghiệm mạch điện tử 2 - Sử dụng cho hệ Đại học - Bùi Thu Cao, Phạm Hữu Lộc, Nguyễn Hoàng Việt      | 60 |                    | - 62138132 |        |
| 16351 | 100201904 | - Thí nghiệm mạng và truyền dữ liệu - sử dụng cho hệ Đại học - Đinh Quang Tuyền                          | 60 |                    | - 0046     |        |
| 2668  | 100069753 | - Thí nghiệm máy điện Dành cho hệ cao đẳng                                                               | 10 | Ngô Đình Tiến      | - 62146    | 9,000  |
| 2235  | 100059763 | - Thí nghiệm vật liệu học và xử lý                                                                       | 1  | Đặng Vũ Ngoạn      | - 620112   | 7,500  |
| 2369  | 100063756 | - Thí nghiệm ô tô                                                                                        | 1  | Nguyễn Hữu Cẩn     | - 6292     | 20,000 |
| 12598 | 100153054 | - Thí nghiệm vi xử lý - sử dụng cho hệ đại học - Phạm Quang Trí, Phạm Hữu Lộc                            | 50 |                    | - 0056     |        |
| 5067  | 100111538 | - Thị trường bất động sản - Vũ Thị Hào                                                                   | 2  | Hoàng Văn Cường    | - 333332   | 25,000 |
| 5194  | 100112885 | - Thị pháp Thơ Đường                                                                                     | 1  | Lương Duy Thứ      | - 8951     | 12,000 |
| 2501  | 100066670 | - Thiết bị điện từ Máy biến năng, máy biến áp và máy điện - Nguyễn Phước Hậu                             | 5  | Slemon Gordon R    | - 62134    | 95,000 |
| 4542  | 100105277 | - Thị trường chứng khoán                                                                                 | 1  | Lê Văn Tư          | - 33265    | 80,000 |
| 4545  | 100105314 | - Thị trường chứng khoán Dành cho những người mới bắt đầu - Tạ Văn Hùng                                  | 1  | Nguyễn Anh Dũng    | - 33265    | 43,000 |
| 4605  | 100106161 | - Thiết bị đầu cuối thông tin                                                                            | 1  | Vũ Đức Thọ         | - 62138284 | 16,200 |
| 3093  | 100083161 | - Thiết bị may công nghiệp và bảo trì - Lê Quang Bình                                                    | 5  | Võ Phước Tấn       | - 646302 8 | 19,000 |
| 3540  | 100092760 | - Thiết bị đóng cắt trung áp                                                                             | 1  | Huỳnh Bá Minh      | - 621317   | 18,000 |
| 4983  | 100110698 | - Thiết bị hệ thống điện -sản xuất & truyền điện Sổ tay chi tiết thiết kế điện - Tạ Văn Hùng             | 1  | Trịnh Thanh Toàn   | - 621319   | 22,000 |
| 14581 | 100189976 | - Thiết bị tiết lưu và thiết bị phụ - Nguyễn Đức Lợi                                                     | 2  |                    | - 62156    |        |
| 1108  | 100039759 | - Thiết bị trong công nghiệp may - Nguyễn Phương Hoa                                                     | 1  | Nguyễn Trọng Hùng  | - 646204   | 33,000 |
| 4877  | 100109633 | - Thiết bị và công nghệ đúc phôi thép - Ngô Trí Phúc, Nguyễn Sơn Lâm                                     | 3  | Ngô Trí Phúc       | - 67225    | 37,000 |
| 2967  | 100078107 | - Thiết bị và thiết kế xưởng nhiệt luyện                                                                 | 5  | Nguyễn Chung Càng  | - 6699     | 72,000 |
| 3991  | 100099306 | - Thiết kế Blog                                                                                          | 5  | Nguyễn Trần Huy Vũ | - 0062     | 7,500  |
| 2910  | 100074581 | - Thiết kế các mạng và hệ thống điện                                                                     | 6  | Nguyễn Văn Đạm     | - 62132    | 39,000 |
| 2892  | 100074270 | - Thiết kế cấp điện Dự toán - Thủ tục thiết kế - Thiết kế thực tế - Lắp đặt - Vũ Văn Tầm                 | 4  | Ngô Hồng Quang     | - 621319   | 39,000 |
| 2548  | 100067326 | - Thiết kế chi tiết máy - Nguyễn Văn Lãm                                                                 | 6  | Nguyễn Trọng Hiệp  | - 621815   | 43,200 |
| 1041  | 100039048 | - Thiết kế cơ khí với Autocad Mechanical (Mechanical Desktop) Autocad Mechanical 2000, 2000i, 60 và 2004 | 3  | Nguyễn Hữu Lộc     | - 00668    | 45,000 |
| 866   | 100036218 | - Thiết kế cơ khí với AutoCAD Mechanical 2000 (Machanical Desktop)                                       | 4  | Nguyễn Hữu Lộc     | - 00668    | 45,000 |
| 2970  | 100078148 | - Thiết kế đồ án công nghệ chế tạo máy                                                                   | 3  | Trần văn Định      | - 621815   | 29,000 |
| 14611 | 100190365 | - Thiết kế hệ thống cấp thoát nước công trình - Theo tiêu chuẩn Nhật Bản - Nguyễn Thanh Hào              | 30 |                    | - 6961     |        |
| 13098 | 100159954 | - Thiết kế lò hơi - Nguyễn Thanh Hào                                                                     | 50 |                    | - 62151    |        |
| 2903  | 100074524 | - Thiết kế logic mạch số                                                                                 | 3  | Nguyễn Thúy Vân    | - 6213811  | 45,000 |
| 4053  | 100099796 | - Thiết kế logo và giao diện với Photoshop                                                               | 3  | Nguyễn kim Hải     | - 00668    | 7,500  |
| 4446  | 100104302 | - Thiết kế logo mẫu quảng cáo với coreldraw - Thế giới đồ họa - Trần Tường Thụy, Kim Hải                 | 1  | Trần Tường Thụy    | - 00668    | 70,000 |



|       |           |                                                                                      |    |                     |            |        |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|--------|
| 3569  | 100093091 | - Thiết kế mạch bằng máy tính                                                        | 2  | Nguyễn Linh Giang   | - 621395   | 37,000 |
| 3525  | 100092614 | - Thiết kế mạch đầu cuối viễn thông - Nguyễn Hoàng Hải                               | 1  | Phạm Minh Việt      | - 6213821  | 58,500 |
| 10873 | 100142554 | - Thiết kế mạch điện tử Orcad - sử dụng cho hệ Trung cấp - Đặng Quang Minh           | 50 |                     | \$62138132 |        |
| 4286  | 100101504 | - Thiết kế mẫu vật với Photoshop                                                     | 3  | Nguyễn kim Hải      | - 00668    | 7,500  |
| 4280  | 100101481 | - Thiết kế mẫu với Corel Draw                                                        | 10 | Nguyễn Văn Lương    | - 00668    | 7,500  |
| 2710  | 100071331 | - Thiết kế máy biến áp điện lực                                                      | 4  | Phan Tử Thụ         | - 621313   | 27,000 |
| 4678  | 100107028 | - Thiết kế máy biến áp - Lê Văn Doanh                                                | 1  | Phạm Văn Bình       | - 621313   | 62,000 |
| 4786  | 100108319 | - Thiết kế máy biến áp điện lực - Phan Tử Thụ                                        | 2  | Phan Tử Thụ         | - 621313   | 40,000 |
| 2252  | 100060177 | - Thiết kế máy cắt kim loại                                                          | 1  | Nguyễn Ngọc Cẩn     | - 62193    | 31,500 |
| 4408  | 100103908 | - Thiết kế mô hình ba chiều với AutoCad                                              | 1  | Nguyễn Hữu Lộc      | - 00668    | 38,000 |
| 9431  | 100134073 | - Thiết kế nhà máy - Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí MinhTrung tâm máy thiết bị | 50 |                     | - 6602812  |        |
| 4571  | 100105767 | - Thiết kế nhà máy điện và trạm biến áp Phần điện                                    | 2  | Nguyễn Hữu Khái     | - 62131213 | 58,000 |
| 4566  | 100105704 | - Thiết kế phần điện nhà máy điện và trạm biến áp - Phạm Ngọc Hùng                   | 2  | Phạm Văn Hòa        | - 62131213 | 35,000 |
| 545   | 100026300 | - Thiết Kế Sáng Tạo Trên Máy Vi Tính                                                 | 1  | Lumgair Christopher | - 0041     | 25,000 |
| 5040  | 100111292 | - Thiết kế sản phẩm với Solidworks 2006                                              | 1  | Nguyễn Trọng Hữu    | - 00668    | 69,000 |
| 4000  | 100099392 | - Thiết kế thiệp điện tử với Macromedia Flash 8                                      | 5  | Hương Tinh Vệ       | - 00668    | 15,000 |
| 621   | 100029361 | - Thiết kế trang web                                                                 | 4  | Nguyễn Thu Hiền     | - 004693   | 25,000 |
| 2360  | 100063641 | - Thiết kế thông gió công nghiệp                                                     | 1  | Hoàng Thị Hiền      | - 69792    | 49,000 |
| 631   | 100029481 | - Thiết kế trang web - Gởi e-mail và xử lý đồ họa với Word 2002 - Minh Sang          | 5  | Lê Dũng             | - 004693   | 35,000 |
| 590   | 100028930 | - Thiết kế trang web và ứng dụng Web TV và kinh doanh trên web - Minh Sang           | 4  | Lê Dũng             | - 0062     | 30,000 |
| 553   | 100026632 | - Thiết kế trang Web với HTML 4                                                      | 1  | Thu Nhi             | - 004693   | 66,000 |
| 4940  | 100110259 | - Thiết kế và phân tích hệ thống cơ khí theo độ tin cậy - Nguyễn Hữu Lộc             | 1  | Nguyễn Hữu Lộc      | - 621815   | 35,000 |
| 3894  | 100098667 | - Thiết kế Website chuyên nghiệp với công cụ hỗ trợ trực tuyến                       | 5  | Lương Bảo Khánh     | - 004693   | 9,500  |
| 4226  | 100101102 | - Thiết kế Website với ASP NET 20                                                    | 5  |                     | - 004693   | 7,500  |
| 4352  | 100102167 | - Thiết lập mạng cho phòng Internet - Game - Nhất Khai                               | 5  | Vương Phúc          | - 00467    | 11,000 |
| 4435  | 100104183 | - Thiết lập các chương trình trên bảng tính bằng microsoft excel 2003 2002 2000      | 1  | Đậu Quang Tuấn      | - 00515    | 50,000 |
| 356   | 100013365 | - Thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp                                          | 1  | Trần Hiếu Nhuệ      | - 628119   | 34,500 |
| 708   | 100030979 | - Thời trang mới T11 = - 254                                                         | 1  | Yến Nga             | - 64632    | 40,000 |
| 2469  | 100066189 | - Thời trang (tiếng Thái)T192                                                        | 1  |                     | - 6463     | 55,000 |
| 2489  | 100066516 | - Thời trang (tiếng Thái)T198                                                        | 1  |                     | - 6463     | 65,000 |
| 5193  | 100112869 | - Thơ khúc đồng quê                                                                  | 1  | Lê Minh Hoài        | - 895921   | 16,000 |
| 3048  | 100081222 | - Thông gió và kỹ thuật xử lý khí thải                                               | 2  | Nguyễn Duy Động     | - 69792    | 26,000 |
| 711   | 100031019 | - Thư ngỏ gửi tuổi đôi mươi - Nguyễn Hiến Lê                                         | 1  | Maurois Andres      | - 1555     | 16,000 |
| 3528  | 100092655 | - Thông tin di động - Nguyễn Bích Lân                                                | 1  | Trần Hồng Quân      | - 62138254 | 62,000 |
| 4415  | 100103956 | - Thông tin vô tuyến = - Radio Communications - Nguyễn Trung Kiên                    | 1  | Nguyễn Văn Đức      | - 62138    | 3,500  |
| 4875  | 100109616 | - Thông tin di động                                                                  | 1  | Trịnh Anh Vũ        | - 62138254 | 32,000 |



|       |           |                                                                                                                                                  |    |                    |            |         |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------|---------|
| 8884  | 100130193 | - Thống kê doanh nghiệp Giáo trình                                                                                                               | 1  |                    | - 33001021 |         |
| 4198  | 100100919 | - Thủ thuật lập trình PHP                                                                                                                        | 6  | Phạm Mạnh Lân      | - 005133   | 12,000  |
| 671   | 100030128 | - Thủ thuật PageMaker Dàn trang, xử lý text trong PageMaker                                                                                      | 4  | Lữ Đức Hào         | - 00515    | 10,000  |
| 665   | 100030112 | - Thủ thuật PageMaker In ấn và các tính năng cao cấp                                                                                             | 5  | Lữ Đức Hào         | - 00515    | 8,000   |
| 664   | 100030106 | - Thủ thuật PageMaker Khảo sát và sử dụng các công cụ trong PageMaker                                                                            | 1  | Lữ Đức Hào         | - 00515    | 7,500   |
| 667   | 100030122 | - Thủ thuật PageMaker Sử dụng Adobe table - nhập, xuất dữ liệu và quản lý màu                                                                    | 5  | Lữ Đức Hào         | - 00515    | 10,000  |
| 4012  | 100099477 | - Thủ thuật sử dụng đĩa cứng                                                                                                                     | 5  | Hồ Huy Điền        | - 00464    | 7,500   |
| 4262  | 100101373 | - Thủ thuật sử dụng máy tính                                                                                                                     | 3  | Nguyễn Thành Công  | - 0041     | 7,500   |
| 647   | 100029781 | - Thủ thuật thiết kế giao diện ứng dụng trên môi trường Windows - Nguyễn Phước Lành                                                              | 1  | Phạm Hồng Tài      | - 00543    | 35,000  |
| 4045  | 100099728 | - Thủ thuật thiết kế Web với Photoshop                                                                                                           | 6  | Nguyễn Anh Tú      | - 00668    | 12,000  |
| 4179  | 100100770 | - Thủ thuật truy vấn trong Access                                                                                                                | 5  | Huỳnh Tấn Kiệt     | - 0057406  | 8,500   |
| 3841  | 100098217 | - Thủ thuật với các thiết bị xuất nhập - Thủ thuật khởi động                                                                                     | 5  | Phan Lê Anh Quân   | - 0041     | 10,500  |
| 4066  | 100099969 | - Thủ thuật Web - Email                                                                                                                          | 6  | Phạm Anh Liêm      | - 004692   | 10,500  |
| 4332  | 100101937 | - Thủ thuật Word-Excel                                                                                                                           | 5  | Trần Đại Minh Trí  | - 00515    | 12,000  |
| 176   | 100007242 | - Thực hành bảo dưỡng máy tính Công nghệ xử lý thông tin = - Computer maintenance practice                                                       | 3  | Moon Hwang Up      | - 0041     | 18,200  |
| 734   | 100031945 | - Thuật giao tiếp ứng xử giữa nam và nữ                                                                                                          | 1  | Lý Dung            | - 153      | 30,000  |
| 2698  | 100070835 | - Thuật toán trong tin học                                                                                                                       | 1  | Vũ Đức Thi         | - 005131   | 19,000  |
| 5275  | 100114867 | - Thuật ngữ trong kinh doanh Anh - Việt - Nguyễn Thành Lam                                                                                       | 1  | Nguyễn Thanh Thuận | - 65803219 | 80,000  |
| 4526  | 100105110 | - Thực hành chế tạo Robot điều khiển từ xa - Trần Thế San, Tăng Văn Mùi, Nguyễn Ngọc Phương                                                      | 1  | Trần Thế San       | - 629892   | 20,000  |
| 15191 | 100193825 | - Thực hành chuyên ngành công nghệ hóa học - Lê Thị Thanh Hương                                                                                  | 50 |                    | - 6602     |         |
| 379   | 100016462 | - Thực hành điện & điện tử - Nguyễn Đức Phần                                                                                                     | 5  | Trần Thế Sang      | - 6213     | 60,000  |
| 643   | 100029707 | - Thực hành frontpage 2002 bằng hình ảnh                                                                                                         | 5  | Ngọc Trâm          | - 004693   | 26,000  |
| 3021  | 100080099 | - Thực hành kế toán và quản lý tài chính trong Quicken 2005 (Tin học thực hành)                                                                  | 1  | Lê Đức Vinh        | - 00515    | 72,000  |
| 4412  | 100103932 | - Thực hành hàn từ căn bản - nâng cao Hồ quang-Mig-Tig-Plasma - Trần Văn Niên                                                                    | 1  | Trần Thế San       | - 67152    | 45,000  |
| 4959  | 100110466 | - Thực hành kiểm toán                                                                                                                            | 1  |                    | - 658151   |         |
| 5078  | 100111619 | - Thực hành kế toán doanh nghiệp                                                                                                                 | 1  | Nghiêm Văn Lợi     | - 6571     | 110,000 |
| 4359  | 100102245 | - Thực hành kỹ xảo với Macromedia Flash 8                                                                                                        | 5  | Hương Tinh Vệ      | - 00668    | 9,500   |
| 532   | 100025981 | - Thực hành lắp đặt điện dân dụng                                                                                                                | 4  | Xuân Hùng          | - 6213192  | 29,000  |
| 158   | 100006477 | - Thực hành lập trình IT2- Công nghệ xử lý thông tin = - Progaming Practice I Series II Information Processing Technology                        | 2  | Moon Hwang Up      | - 005113   |         |
| 165   | 100006750 | - Thực hành phần mềm gói kinh doanh T3 - Công nghệ sử lý thông tin = - Business Package Pra ctice Series III - Information Processing Technology | 5  | Moon Hwang Up      | - 004692   | 11,500  |
| 4407  | 100103899 | - Thực hành Microsoft Windows Vista trong 15 giờ - Gia Việt                                                                                      | 1  | Gia Việt           | - 00543    | 47,500  |



|       |           |                                                                                                                                       |     |                       |            |        |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------|------------|--------|
| 4443  | 100104259 | - Thực hành nhanh & tắt trên máy tính dành cho người mới làm quen máy tính                                                            | 1   | Đào Nguyễn Minh Hoàng | - 00515    | 54,000 |
| 12698 | 100153654 | - Thực hành phân tích mạch AC - DC - sử dụng cho hệ Đại học - Cao đẳng - Nguyễn Chương Đình                                           | 50  |                       | - 62138132 |        |
| 12397 | 100151854 | - Thực hành sửa chữa máy tính - Nguyễn Đức Hiệp, Phạm Hữu Lộc                                                                         | 50  |                       | - 0041     |        |
| 4993  | 100110800 | - Thực hành sửa chữa tivi màu                                                                                                         | 1   | Nguyễn Văn Huy        | - 62138804 | 14,000 |
| 15431 | 100195223 | - Thực hành thiết bị đầu cuối viễn thông - Sử dụng cho bậc Đại học - Trần Minh Hồng, Phạm Hữu Lộc, Trần Ngọc Anh                      | 60  |                       | - 621382   |        |
| 14691 | 100190875 | - Thực hành truyền thanh - truyền hình - Phạm Hữu Lộc, Nguyễn Đức Hiệp                                                                | 110 |                       | - 621388   |        |
| 1535  | 100047244 | - Thực phẩm tươi lạnh                                                                                                                 | 1   |                       | - 664028   | 7,500  |
| 2157  | 100057743 | - Thực tập hóa sinh học - Phan Tuấn Nghĩa                                                                                             | 1   | Nguyễn Quang Vinh     | - 574192   | 14,000 |
| 2513  | 100066773 | - Thực tập kỹ thuật số                                                                                                                | 5   | Lê Xuân Thê           | - 62138159 | 24,200 |
| 352   | 100013183 | - Thực tập sinh hóa cơ sở - Phạm Thị Ánh Hồng                                                                                         | 1   | Trần Mỹ Quan          | - 66063    | 7,000  |
| 3079  | 100082672 | - Thực tập vật lý chất rắn - Nguyễn Hoài Anh                                                                                          | 2   | Tạ Đình Cảnh          | - 5315     | 19,600 |
| 14941 | 100192385 | - Thuế - Đã cập nhật, bổ sung các luật thuế mới hiện hành và lý thuyết, bài tập, bài giải, đáp án - Phan Thị Cúc[và những người khác] | 50  |                       | - 3362     |        |
| 3285  | 100088267 | - Thuế Sách chuyên khảo - Nguyễn Thị Mỹ Linh                                                                                          | 6   | Phan Thị Cúc          | - 3362     | 24,000 |
| 8252  | 100128043 | - Thuế và kế toán thuế Áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam                                                                          | 30  |                       | - 3362     |        |
| 112   | 100002721 | - Thuế vụ đại cương - Trần Hoàng Giang                                                                                                | 9   | Võ Hồng Đức           | - 33629    | 10,000 |
| 3645  | 100093575 | - Thuộc tính cơ học của vật rắn                                                                                                       | 1   |                       | - 531      |        |
| 5400  | 100116292 | - Thương mại điện tử - Bùi Văn Danh                                                                                                   | 40  |                       | - 380      |        |
| 1110  | 100039787 | - Thương mại điện tử Dùng cho đào tạo, bồi dưỡng về Quản lý Nhà nước và Hành chính doanh nghiệp - Nguyễn Xuân Thái                    | 6   | Nguyễn Ngọc Hiến      | - 380      | 24,500 |
| 1477  | 100045860 | - Thương mại điện tử với VB,SQL70,ASP,MTS T1                                                                                          | 5   |                       | - 004693   | 58,000 |
| 4874  | 100109610 | - Thương mại điện tử thực tế và giải pháp - Nguyễn Văn Khoa                                                                           | 1   | Nguyễn Duy Quang      | - 3801     | 85,000 |
| 897   | 100036642 | - Thương mại điện tử với VB,SQL70,ASP,MTS T2                                                                                          | 5   |                       | - 004693   | 45,000 |
| 3054  | 100081550 | - Thương phẩm hàng thực phẩm (Dùng trong các trường THPT)                                                                             | 1   | Nguyễn Thị Tuyết      | - 6413     | 14,500 |
| 4943  | 100110300 | - Tiền tệ ngân hàng                                                                                                                   | 1   | Nguyễn Minh Kiều      | - 3321     | 52,500 |
| 5185  | 100112784 | - Tiền sử nho học Thăng Long - Hà Nội (1075-1919)                                                                                     | 1   | Bùi Xuân Đỉnh         | - 920009   | 21,000 |
| 5292  | 100115031 | - Thương mại quốc tế Vấn đề cơ bản                                                                                                    | 1   | Nguyễn Thành Danh     | - 337      | 80,000 |
| 5316  | 100115278 | - Tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính                                                                                            | 1   |                       | - 332401   |        |
| 694   | 100030493 | - Tiếng anh cho người bán hàng - Quang Vinh                                                                                           | 4   | Công Bình             | - 422      | 23,000 |
| 476   | 100023621 | - Tiếng anh cho người làm khoa học = - Basic English For Scientists                                                                   | 3   | Hoàng Phương          | - 4228     | 30,000 |
| 2707  | 100071236 | - Tiếng anh chuyên ngành công nghệ thông tin = - English for it & computer users - Hồ Xuân Ngọc                                       | 1   | Thạc Bình Cường       | - 004      | 44,000 |



|       |           |                                                                                                                                                               |    |                  |            |        |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------|------------|--------|
| 3595  | 100093216 | - Tiếng anh chuyên ngành công nghệ thông tin = - English for it & computer users - Thạc Bình Cường                                                            | 2  | Hồ Xuân Ngọc     | - 00402    | 44,000 |
| 1582  | 100048602 | - Tiếng Anh hàng hải trong giao dịch thương mại quốc tế = - An English marine book of business transaction                                                    | 2  | Đỗ Hữu Vinh      | - 4228     | 36,000 |
| 1623  | 100049059 | - Tiếng anh dành cho tài xế                                                                                                                                   | 1  | Nguyễn Tấn Lực   | - 42216    | 18,000 |
| 14583 | 100189986 | - Tiếng Anh kỹ thuật - Dùng cho sinh viên năm thứ 1 và 2 trường Đại học kỹ thuật - Tập 1, - Khoa học cơ bản - Hoàng Bá Chư, Nguyễn Công Hân, Trương Ngọc Tuấn | 2  |                  | - 420      |        |
| 750   | 100032436 | - Tiếng Anh tự học = - English on your own - Trần Giáng Hương                                                                                                 | 1  | Trần Anh Kim     | - 422      | 14,000 |
| 2699  | 100070908 | - Tiếng Anh trong giao tiếp khách sạn nhà hàng -thương mại = - Hotel English - Thu Hà                                                                         | 1  | Tuyết Sơn        | - 42216    | 46,000 |
| 2702  | 100071096 | - Tiếng Anh và cách ứng xử khi phỏng vấn xin việc                                                                                                             | 1  | Nguyễn Bách      | - 422      | 15,000 |
| 5050  | 100111402 | - Tiếp cận thị trường và kinh doanh chứng khoán                                                                                                               | 1  | Phạm Minh        | - 33265    | 27,000 |
| 5148  | 100112434 | - Tiếng sấm Điện Biên Phủ - Đỗ Thiện                                                                                                                          | 1  | Đinh Kim Khánh   | - 95970494 | 48,000 |
| 7825  | 100127137 | - Tiếp thị bằng quan hệ công chúng - Đinh Công Chúng                                                                                                          | 20 |                  | - 65881    |        |
| 244   | 100010041 | - Tiêu chuẩn Việt Nam Kim loại phương pháp thử uốn ,xoắn                                                                                                      | 1  |                  | - 67183    | 2,000  |
| 287   | 100011600 | - Tiêu chuẩn nhà nước - Bu lông đai ốc TCVN1876-76 TCVN1915-76                                                                                                | 1  |                  | - 62182    | 15,000 |
| 5312  | 100115244 | - Tiếp thị thực hành cạnh tranh bằng hiệu quả - Vũ Thu Phương, Đỗ Thủy Vân                                                                                    | 1  |                  | - 65881    |        |
| 5333  | 100115454 | - Tìm hiểu các quy chế mới về quản lý doanh nghiệp                                                                                                            | 1  |                  | - 658      |        |
| 2580  | 100068549 | - Tìm hiểu luật cạnh tranh năm 2004                                                                                                                           | 2  | Trần Minh Sơn    | - 3430721  | 16,000 |
| 2586  | 100068613 | - Tìm hiểu những quy định mới về thuế - Ngô Quỳnh Hoa                                                                                                         | 2  | Nguyễn Văn Cường | - 34304    | 34,000 |
| 4846  | 100109339 | - Tìm hiểu luật đấu thầu                                                                                                                                      | 1  |                  | - 34307    | 10,000 |
| 4927  | 100110151 | - Tìm hiểu luật giao dịch điện tử - Hồng Lan                                                                                                                  | 1  | Thy Anh          | - 340      | 9,000  |
| 4958  | 100110445 | - Tìm hiểu luật thương mại                                                                                                                                    | 1  |                  | - 34308    |        |
| 5171  | 100112658 | - Tìm hiểu luật tổ tụng hình sự Việt Nam                                                                                                                      | 1  |                  | - 345597   | 40,000 |
| 5313  | 100115252 | - Tìm hiểu luật kinh tế - Lý Thiên Thiên                                                                                                                      | 1  |                  | - 34307597 |        |
| 5330  | 100115418 | - Tìm hiểu luật kinh doanh bảo hiểm                                                                                                                           | 1  |                  | - 34307597 |        |
| 972   | 100037877 | - Tìm hiểu văn kiện đại hội VIII của Đảng Hỏi và đáp                                                                                                          | 4  |                  | - 33551    | 5,000  |
| 127   | 100002849 | - Tín dụng và nghiệp vụ ngân hàng - Trầm Xuân Hương                                                                                                           | 6  | Nguyễn Đăng Dờn  | - 3327     | 15,000 |
| 4512  | 100104966 | - Tín dụng ngân hàng nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Nguyễn Quốc Anh                                                                                         | 1  | Nguyễn Đăng Dờn  | - 3327     | 29,000 |
| 5036  | 100111262 | - Tìm hiểu về chứng khoán và thị trường chứng khoán - Nguyễn Minh                                                                                             | 1  | Nguyễn Minh      | - 33265    | 29,000 |
| 139   | 100004417 | - Tín học B - Trần Đức Huyền                                                                                                                                  | 1  | Hồ Sỹ Dự         | - 005133   | 30,000 |
| 2129  | 100056739 | - Tín học cơ bản                                                                                                                                              | 1  | Nguyễn Tiến Huy  | - 0050202  | 12,500 |
| 2136  | 100056911 | - Tín học chỉ tận tay làm ngay sẽ biết                                                                                                                        | 1  | Dương Mạnh Hùng  | - 0050202  | 20,000 |
| 2233  | 100059645 | - Tín học đại cương                                                                                                                                           | 1  | Phạm Hữu Khiêm   | - 0050202  | 16,500 |
| 2249  | 100060069 | - Tín học II                                                                                                                                                  | 1  | Đặng Thành Tín   | - 0050202  | 21,000 |
| 4461  | 100104442 | - Tín học cơ sở                                                                                                                                               | 1  | Hoàng Chí Thành  | - 0050202  | 25,000 |
| 4523  | 100105096 | - Tín dụng và thẩm định tín dụng ngân hàng - Nguyễn Minh Kiều                                                                                                 | 1  | Nguyễn Minh Kiều | - 3327     | 58,500 |
| 4981  | 100110688 | - Tín học cơ sở - Bùi Thế Duy                                                                                                                                 | 1  | Đào Kiến Quốc    | - 0050202  | 46,000 |



|       |           |                                                                                                        |    |                  |             |         |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------|-------------|---------|
| 3931  | 100098872 | - Tin học thực hành                                                                                    | 9  | Võ Xuân Vũ       | - 004       | 10,500  |
| 3066  | 100082082 | - Tin học ứng dụng Mastering Microsoft office 2003 - Hồng Phúc                                         | 1  | Nguyễn Ngọc Tuấn | - 0053      | 90,000  |
| 4473  | 100104552 | - Tin học trình độ A                                                                                   | 1  | Lê Đức Hùng      | - 00515     | 28,000  |
| 4849  | 100109357 | - Tin học ứng dụng Tập 2 vẽ 2D với Autocad 2000 giáo trình cao đẳng sư phạm                            | 1  | Nguyễn Tân Ân    | - 00668     | 15,000  |
| 13795 | 100167987 | - Tin học ứng dụng trong công nghệ hóa học - Lê Thị Thanh Hương chủ biên                               | 50 |                  | - 540       |         |
| 5343  | 100115601 | - Tin học ứng dụng trong hóa học - Trần Hoài Đức                                                       | 60 |                  | - 540       |         |
| 9933  | 100137074 | - Tin học văn phòng - Nguyễn Minh Tuấn, Hà Trọng Quang                                                 | 50 |                  | - 00515     |         |
| 2438  | 100065129 | - Tinh bột sắn và các sản phẩm từ tinh bột sắn - Nguyễn Xích Liên                                      | 1  | Hoàng Kim Anh    | - 6414      | 25,000  |
| 3948  | 100098997 | - Tinh chỉnh hệ thống và khai thác Windows Explorer - Trường Khánh                                     | 6  | Bảo Sơn          | - 0051      | 15,000  |
| 4950  | 100110366 | - Tính nhiệt tuabin khí - Hoàng Bá Chư, Trương Ngọc Tuấn                                               | 3  | Hoàng Bá Chư     | - 6214      | 78,000  |
| 1615  | 100048980 | - Tinh thần doanh nghiệp giá trị định hướng của văn hoá kinh doanh Việt Nam                            | 2  | Trần Quốc Dân    | - 3387      | 12,000  |
| 1617  | 100048993 | - Tinh thần doanh nghiệp giá trị định hướng của Văn hóa kinh doanh Việt Nam                            | 2  | Trần Quốc Dân    | - 3387      | 12,000  |
| 2932  | 100075948 | - Tính toán chiếu sáng với LUXICON Tự động thiết kế điện và điện tử có CD kèm theo sách - Phương Hoa   | 2  | Quang Huy        | - 6213028   | 75,000  |
| 951   | 100037502 | - Tính toán dự án đầu tư Kinh tế kĩ thuật                                                              | 3  | Đặng Minh Trang  | - 330       | 38,000  |
| 3529  | 100092664 | - Tính toán chính xác kết cấu trên máy tính                                                            | 1  | Nguyễn Xuân Hùng | - 69021     | 54,000  |
| 199   | 100009283 | - Tính toán phân tích hệ thống điện                                                                    | 4  | Đỗ Xuân Khôi     | - 6213191   | 27,000  |
| 2204  | 100059087 | - Tính toán kết cấu bằng phần mềm phần tử hữu hạn                                                      | 1  | Phan Đình Huân   | - 620105    | 8,500   |
| 4691  | 100107181 | - Tính toán mạng thông tin di động số Cellular                                                         | 1  | Vũ Đức Thọ       | - 62138254  | 33,000  |
| 436   | 100020579 | - Tính toán thiết kế chế tạo máy cán thép và các thiết bị trong nhà máy cán thép                       | 1  | Đỗ Hữu Nhơn      | - 621914    | 23,000  |
| 4675  | 100106999 | - Tính toán thiết kế hệ thống điều hòa không khí theo phương pháp mới                                  | 2  | Bùi hải          | - 69793     | 39,000  |
| 1450  | 100044804 | - Tổ chức bản vẽ trong Autocad 2004                                                                    | 1  | Phạm Thanh Đường | - 00668     | 38,500  |
| 4929  | 100110168 | - Tính toán thiết kế thiết bị điện tử công suất - Trần Văn Thịnh                                       | 1  | Trần Văn Thịnh   | - 62138152  | 31,500  |
| 14529 | 100189706 | - Tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương - Đỗ Văn Phúc                                                   | 2  |                  | - 6583      |         |
| 5524  | 100117212 | - Tổ chức sản xuất - Nguyễn Thị Tuyên Truyền                                                           | 19 |                  | - 338       |         |
| 4890  | 100109761 | - Toán cao cấp                                                                                         | 1  | Nguyễn Hồ Quỳnh  | - 510       | 30,000  |
| 5401  | 100116391 | - Toàn cảnh kinh tế-xã hội Thái Bình                                                                   | 1  |                  | - 330959716 |         |
| 10633 | 100141124 | - Toán cao cấp A1 - C1 - khối công nghệ và kinh tế - Nguyễn Phú Vinh, Ngô Thành Phong                  | 20 |                  | - 510       |         |
| 5350  | 100115628 | - Toán cao cấp A1 - C1 Khối công nghệ và kinh tế - Ngô Thành Phong                                     | 43 |                  | - 510       |         |
| 10183 | 100138574 | - Toán cao cấp A2 - C2 - Đại số tuyến tính khối kỹ thuật và kinh tế - Nguyễn Phú Vinh, Ngô Thành Phong | 50 |                  | - 512       |         |
| 5368  | 100115867 | - Toán cao cấp A2-C2 Đại số tuyến tính - Ngô Thành Phong                                               | 43 |                  | - 512       |         |
| 10233 | 100138874 | - Toán cao cấp A3 - Hàm nhiều biến - Nguyễn Phú Vinh, Ngô Thành Phong                                  | 50 |                  | - 515       |         |
| 3443  | 100091587 | - Toán cao cấp hàm nhiều biến                                                                          | 40 | Nguyễn Phú Vinh  | - 515       | 12,000  |
| 4756  | 100107939 | - Toán cao cấp T2 Phép tính giải tích một biến số - Nguyễn Hồ Quỳnh                                    | 2  | Nguyễn Đình Trí  | - 515       | 21,400  |
| 4969  | 100110564 | - Toán học rời rạc ứng dụng trong tin học - Đặng Hữu Thịnh                                             | 1  | Rosen Kenneth H. | - 005131    | 166,000 |



|       |           |                                                                                                           |    |                       |            |        |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------|------------|--------|
| 14487 | 100189486 | - Toán kinh tế - Bùi Minh Trí                                                                             | 2  |                       | - 5198     |        |
| 4494  | 100104771 | - Toán tài chính & ứng dụng Lý thuyết và bài tập có lời giải - Nguyễn Thanh Sơn                           | 2  | Nguyễn Văn Nông       | - 336      | 25,000 |
| 766   | 100032761 | - Toefl CBT - Shanks J A                                                                                  | 1  | Rychtera M.           | - 42207    | 50,000 |
| 954   | 100037527 | - Toefl workbook Tài liệu luyện thi Toefl - Lê Huy Lâm                                                    | 1  | Rymniak Marilyn J.    | - 42207    | 60,000 |
| 5152  | 100112478 | - Tối ưu hoá đa tiêu chuẩn trong chế tạo máy                                                              | 1  | Lê Ngọc Hương         | - 621815   | 37,000 |
| 5183  | 100112776 | - Tội phạm Cổ Cồn Trắng Công nghệ rửa tiền - Anh Côi                                                      | 1  | Macximuv AA           | - 364133   | 34,000 |
| 4658  | 100106697 | - Tối ưu hóa T1                                                                                           | 5  | Bùi Minh Trí          | - 5198     | 45,000 |
| 3572  | 100093108 | - Tối ưu hóa tổ hợp                                                                                       | 2  | Bùi Minh Trí          | - 519      | 30,000 |
| 353   | 100013246 | - Tối ưu hóa trong công nghiệp thực phẩm                                                                  | 1  | Hoàng Đình Hòa        | - 664      | 20,000 |
| 3840  | 100098214 | - Tối ưu hóa Windows XP                                                                                   | 5  | Nguyễn Lê Phương Toàn | - 00543    | 9,500  |
| 3026  | 100080206 | - Tổng hợp hữu cơ                                                                                         | 1  | Nguyễn Minh Thảo      | - 547      | 24,000 |
| 4837  | 100109251 | - Tổng hợp mạch điện trong nhà                                                                            | 1  | Nguyễn Đức Ánh        | - 62138132 | 21,000 |
| 4114  | 100100291 | - Tổng quan về 3D Studio Max 70                                                                           | 3  | Nguyễn Trần Hùng      | - 00667    | 7,500  |
| 4239  | 100101198 | - Tra cứu Hàm Excel                                                                                       | 5  | Trần Thị Kim Hoài     | - 00515    | 6,000  |
| 2145  | 100057063 | - Trắc nghiệm luyện thi chứng chỉ A tiếng Anh                                                             | 4  | Nguyễn Trường Khánh   | - 422      | 19,000 |
| 4455  | 100104388 | - Tra cứu nhanh JAVA tin học thực hành - Gia Việt                                                         | 1  | Hạo Nhiên             | - 005133   | 38,000 |
| 4648  | 100106625 | - Trang bị điện - điện tử Máy công nghiệp dùng chung - Vũ Quang Hồi, Nguyễn Văn Chất, Nguyễn Thị Liên Anh | 1  | Vũ Quang Hồi          | - 62131042 | 18,700 |
| 5013  | 100111034 | - Trang bị điện - Điện tử máy gia công kim loại - Nguyễn Mạnh Tiến, Vũ Quang Hồi                          | 2  | Nguyễn Mạnh Tiến      | - 62130284 | 39,000 |
| 256   | 100010547 | - Trang bị điện - Điện tử máy gia công kim loại - Vũ Quang Hồi                                            | 13 | Nguyễn Mạnh Tiến      | - 621902   | 13,500 |
| 4819  | 100108598 | - Trang bị động lực Diesel tàu thủy                                                                       | 6  | Phạm Văn Thê          | - 62382    | 32,000 |
| 5056  | 100111451 | - Trang bị điện điện tử công nghiệp                                                                       | 1  | Vũ Quang Hồi          | - 62131042 | 48,900 |
| 1508  | 100046175 | - Trí tuệ tính toán Tiếp cận bằng logic T1 - Mackworth Alan                                               | 3  | Poole David           | - 005131   | 42,000 |
| 4667  | 100106832 | - Trí tuệ nhân tạo máy học - Hoàng Đức Hải                                                                | 1  | Nguyễn Đình Thúc      | - 00631    | 32,000 |
| 846   | 100035784 | - Trí tuệ tính toán Tiếp cận bằng logic T2 - Mackworth Alan                                               | 2  | Poole David           | - 005131   | 42,000 |
| 722   | 100031485 | - Trình biên dịch thiết kế và cài đặt                                                                     | 4  | Trần Đức Quang        | - 00512    | 39,000 |
| 16038 | 100200158 | - Trichobakin và Immunotoxin tái tổ hợp - Phan Văn Chi, Nguyễn Bích Nhi                                   | 1  |                       | - 61537    |        |
| 528   | 100025854 | - Trường ca Lê Đan                                                                                        | 1  | Kiều Văn              | - 895921   | 12,000 |
| 805   | 100033699 | - Trò chuyện với tình yêu                                                                                 | 1  | Anh Bồ Câu            | - 15241    | 18,000 |
| 4726  | 100107601 | - Trường điện từ và truyền sóng                                                                           | 1  | Phan Anh              | - 5387     | 50,000 |
| 5053  | 100111425 | - Trường điện từ - Nguyễn Khuyến                                                                          | 1  | Lâm Hồng Thạch        | - 5387     | 24,500 |
| 4599  | 100106128 | - Truyền động - tự động khí nén - Phạm Văn Khảo                                                           | 3  | Phạm Văn Khảo         | - 62151    | 27,000 |
| 4645  | 100106594 | - Truyền động điện - Nguyễn Thị Hiền                                                                      | 3  | Bùi Quốc Khánh        | - 621462   | 26,000 |
| 3716  | 100094156 | - Truyền động điện thông minh - Andreas Dittrich                                                          | 2  | Nguyễn Phùng Quang    | - 621462   | 43,000 |



|       |           |                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |                  |            |         |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------------|------------|---------|
| 4693  | 100107191 | - Truyền nhiệt - Trần Văn Phú                                                                                                                                                                                                                                        | 5 | Đặng Quốc Phú    | - 621402   | 26,800  |
| 2400  | 100064212 | - Truyền tải điện năng và tiêu thụ điện Nguyên lý và ứng dụng thực tiễn - Hoàng Thọ                                                                                                                                                                                  | 2 | Đức Minh         | - 62131    | 50,000  |
| 674   | 100030171 | - Từ điển Anh - Việt - Pháp - Trần Thị Thu Trúc                                                                                                                                                                                                                      | 1 | Lê Phúc          | - 4239592  | 34,000  |
| 2385  | 100063949 | - Tự chữa bệnh trong gia đình bằng thức ăn hàng ngày - Phan Kim Huê                                                                                                                                                                                                  | 1 | Nguyễn Văn Phần  | - 63388    | 16,000  |
| 2411  | 100064343 | - Tự bảo trì & sửa chữa máy in laser - Lê Phụng Long                                                                                                                                                                                                                 | 1 | Nguyễn Minh Đức  | - 00477    | 26,000  |
| 2420  | 100064700 | - Từ điển 1001 món ăn Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                       | 1 | Trần Kim Mai     | - 6415     | 168,000 |
| 2449  | 100065605 | - Từ điển Anh Việt Chuyên ngành công nghệ ô tô                                                                                                                                                                                                                       | 1 | Đỗ Văn Dũng      | - 629203   | 140,000 |
| 15732 | 100197719 | - Từ điển Anh Việt khoảng 300000 từ - English - Vietnamese dictionary The best seller international edition - Bạch Thanh Minh, Nguyễn Thanh Yên                                                                                                                      | 1 |                  | - 4239592  |         |
| 15737 | 100197745 | - Từ điển Anh-Anh-Việt--Việt-Anh - English-English-Vietnamese--Vietnamese-English dictionary - Quang Hùng                                                                                                                                                            | 1 |                  | - 4239592  |         |
| 15741 | 100197774 | - Từ điển Anh - Anh - Việt - 165000 từ                                                                                                                                                                                                                               | 1 |                  | - 4239592  |         |
| 983   | 100037931 | - Từ điển các lệnh trong AutoCad 2004                                                                                                                                                                                                                                | 3 | Phạm Thanh Đường | - 00668    | 72,500  |
| 3065  | 100082066 | - Từ điển điện tử tin học Anh-Việt - Ngọc Tuấn                                                                                                                                                                                                                       | 1 | Hồng Phúc        | - 621380 3 | 38,000  |
| 3729  | 100094257 | - Từ điển điện và kỹ thuật điện Anh - Việt = - English - Vietnamese dictionary of electrical engineering                                                                                                                                                             | 2 |                  | - 6213103  | 120,000 |
| 475   | 100023603 | - Từ điển hóa học phổ thông - Hoàng Minh Châu                                                                                                                                                                                                                        | 1 | Nguyễn Thạc Cát  | - 54003    | 28,000  |
| 5150  | 100112472 | - Từ điển Lịch sử- chính trị-văn hóa Đông Nam Á                                                                                                                                                                                                                      | 1 | Phan Ngọc Liên   | - 403      | 65,000  |
| 5299  | 100115112 | - Từ điển kế toán - kiểm toán thương mại Anh - Việt = - Accounting - auditing commercial dictionary English - Vietnamese - Vân Hạnh                                                                                                                                  | 1 |                  | - 65703    |         |
| 8792  | 100129889 | - Từ điển kế toán - kiểm toán thương mại Anh - Việt                                                                                                                                                                                                                  | 1 |                  | - 65703    |         |
| 15736 | 100197735 | - Từ điển khoa học tổng hợp Anh - Việt Khoảng 9000 thuật ngữ, có giải nghĩa và minh họa - English - Vietnamese dictionary of comprehensive sciences About 9000 terms, with explanations and illustrations - Nguyễn Văn Bảo [và những người khác]                     | 1 |                  | - 603      |         |
| 15738 | 100197762 | - Từ điển giải thích thuật ngữ vật liệu nội thất - hệ thống kết cấu và vận chuyển trong xây dựng Anh - Anh -Việt = - English - English Vietnamese dictionary of Furning - Special Structures and Ceveying Systems used in Constrution - Tống Phước Hằng, Tạ Văn Hùng | 1 |                  | - 691      |         |
| 5272  | 100114838 | - Từ điển ngân hàng Anh - Trung Việt                                                                                                                                                                                                                                 | 3 | Ngọc Thái        | - 33203    | 100,000 |
| 2122  | 100056467 | - Từ điển thuật ngữ thị trường chứng khoán Anh-Anh-Việt = - Dictionary of stock market terms in English - Vietnamese                                                                                                                                                 | 1 | Lê Công Thượng   | - 3326503  | 60,000  |
| 2347  | 100062661 | - Từ điển tiếng anh thương mại dùng cho người học tiếng anh = - Business english dictionary For learners of english                                                                                                                                                  | 1 | Nguyễn Quốc Hùng | - 422      | 95,000  |
| 3022  | 100080147 | - Từ điển viết tắt Anh Việt - Tạ Hùng, Hoàng Phương                                                                                                                                                                                                                  | 1 | Tạ Hùng          | - 4239592  | 70,000  |
| 3064  | 100082011 | - Từ điển thuật ngữ chuyên ngành Anh - Việt thị trường kỳ hạn, tài chính - hàng hóa - chứng khoán = - Professional terms dictionary for commodity and financial furtures, options, securities markets                                                                | 1 | Trần Vũ Khanh    | - 425      | 50,000  |



|       |           |                                                                                                                                                                                              |   |                      |            |         |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------|------------|---------|
| 5278  | 100114887 | - Từ điển thuật ngữ kinh tế thương mại Anh - Việt - English - Vietnamese international trade terms dictionary - Đỗ Hữu Vinh                                                                  | 1 | Đỗ Hữu Vinh          | - 4228     | 170,000 |
| 15733 | 100197726 | - Từ điển thuật ngữ khoa học công nghệ giao thông vận tải Anh - Việt (Khoảng 65000 từ) - Comprehensive dictionary of communications and transport English - Vietnamese (About 65000 entries) | 1 |                      | - 62503    |         |
| 15734 | 100197727 | - Từ điển viết tắt Anh Việt - Tạ Hùng, Hoàng Phương                                                                                                                                          | 1 |                      | - 4239592  |         |
| 15735 | 100197729 | - Từ điển tin học & công nghệ thông tin Anh-Anh-Việt - The English-English-Vietnamese dictionary of informatics and information technology - Nguyễn Ngọc Tuấn, Trương Văn Thiện              | 1 |                      | - 00403    |         |
| 15739 | 100197769 | - Từ điển Vật lý Anh - Hoa - Việt giải thích - minh họa = - English - Chinese - Vietnamese dictionary - Quang Huy                                                                            | 1 |                      | - 50321959 |         |
| 15740 | 100197772 | - Từ điển Vật lý Anh - Anh - Việt - Hoàng Thanh Toàn, Phan Sơn                                                                                                                               | 1 |                      | - 50321959 |         |
| 1757  | 100052544 | - Từ đồng âm, từ đồng nghĩa và từ phản nghĩa = - Homonymes, synonymes et antonymes                                                                                                           | 1 | Đoàn Phùng Thúy Liên | - 445      | 9,000   |
| 3700  | 100094064 | - Từ điển viết tắt tin học điện tử viễn thông Anh-Việt = - English-Vietnamese abbreviation dictionary of informatics,electronics and telecommunication                                       | 1 | Phạm Quang Nhượng    | - 00403    | 60,000  |
| 4774  | 100108163 | - Tự động điều khiển hệ thống điều hòa không khí                                                                                                                                             | 2 | Bùi Hải              | - 69793    | 19,500  |
| 4690  | 100107179 | - Tự động hóa hệ thống lạnh                                                                                                                                                                  | 3 | Nguyễn Đức Lợi       | - 62156    | 33,500  |
| 1518  | 100046337 | - Tự động hóa quá trình sản xuất - Giáo trình dùng cho sinh viên cơ khí                                                                                                                      | 1 | Trần Văn Định        | - 629892   | 52,000  |
| 4626  | 100106399 | - Tự động hóa sản xuất                                                                                                                                                                       | 1 | Trần Văn Định        | - 629892   | 60,000  |
| 2997  | 100079325 | - Tự động hóa thiết kế cơ khí - Trịnh Chất, Trịnh Đồng Tính                                                                                                                                  | 2 | Trịnh Chất           | - 621815   | 40,000  |
| 2972  | 100078157 | - Tự động hóa tính toán thiết kế chi tiết máy                                                                                                                                                | 1 | Ngô Văn Quyết        | - 621815   | 24,000  |
| 8797  | 100129933 | - Tự động hóa trong công nghiệp với S7 và protocol                                                                                                                                           | 3 |                      | - 62989    |         |
| 2357  | 100063622 | - Tự động hóa với Simatic S7-300 - Vũ Văn Hà                                                                                                                                                 | 5 | Nguyễn Doãn Phước    | - 62989    | 37,500  |
| 675   | 100030219 | - Tự học chuẩn đoán sự cố và sửa chữa máy tính - Trương Văn Thiện                                                                                                                            | 3 | Cao Vinh             | - 0041     | 34,000  |
| 891   | 100036527 | - Tự học dàn trang với PageMaker 70                                                                                                                                                          | 1 | Văn Phú              | - 00515    | 50,000  |
| 3111  | 100084333 | - Tự học EDGE CAM bằng hình ảnh - Thế giới CAD CAM vẽ 3D & gia công khuôn - Quang Huy                                                                                                        | 1 | Quang Huy            | - 621902   | 60,000  |
| 4385  | 100103566 | - Tự học lập trình cơ sở dữ liệu access 2003 & visual basicnet một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất qua các chương trình mẫu                                                                | 2 | Đặng Quang Tuấn      | - 005101   | 50,000  |
| 4836  | 100109248 | - Tự học internet và thư điện tử trong 30 ngày phổ cập tin học căn bản                                                                                                                       | 1 | Lê Bảo Anh           | - 00467    | 42,000  |
| 2428  | 100064953 | - Tự học Linux - Lê Trần Diễm Quý                                                                                                                                                            | 1 | Nguyễn Công Tuấn     | - 00543    | 26,000  |
| 4546  | 100105327 | - Tự học lập trình Visual C++ 60 dùng cho học sinh cấp 3, kỹ thuật viên và sinh viên                                                                                                         | 1 | Đậu Quang Tuấn       | - 005133   | 40,000  |
| 4699  | 100107284 | - Tự học lập trình Visual C++ MFC qua các ví dụ - Nguyễn Anh Tuấn                                                                                                                            | 1 | Nguyễn Đình Tế       | - 005133   | 49,500  |
| 2930  | 100075928 | - Tự học LUXICON bằng hình ảnh - Tính toán chiếu sáng với sự trợ giúp của máy tính - Quang Long, Quang Huy                                                                                   | 2 | Phương Hoa           | - 6213028  | 75,000  |
| 1364  | 100043394 | - Tự học nhanh về kỹ thuật điện                                                                                                                                                              | 1 | Đặng Hồng Quang      | - 62131    | 23,000  |



|       |           |                                                                                                                                                                                              |   |                   |            |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------|------------|--------|
| 2410  | 100064333 | - Tự học ngôn ngữ lập trình AutoLisp 2005 - Phạm Đăng Khoa                                                                                                                                   | 1 | Nguyễn Công Sơn   | - 005133   | 50,000 |
| 1083  | 100039439 | - Tự học proengineer 2000i bằng hình ảnh vẽ và gia công khuôn Thiết kế khuôn mẫu với sự trợ giúp của máy tính                                                                                | 4 | Phạm Quang Huy    | - 00668    | 70,000 |
| 1449  | 100044788 | - Tự học thiết kế trang Web                                                                                                                                                                  | 3 | Thành Phú         | - 004693   | 31,500 |
| 2211  | 100059227 | - Tự học soạn thảo văn bản với Microsoft Word 2003                                                                                                                                           | 1 | Đậu Quang Tuấn    | - 00515(W) | 45,000 |
| 4432  | 100104166 | - Tự học soạn thảo văn bản với Microsoft Word 2000-2002-2003                                                                                                                                 | 1 | Đậu Quang Tuấn    | - 00515    | 45,000 |
| 4856  | 100109411 | - Tự học quần dây máy điện phần động cơ Roto ngắn mạch                                                                                                                                       | 1 | Nguyễn Bán Đông   | - 62146    | 49,000 |
| 3115  | 100085049 | - Tự học thiết kế trang Web bằng HTML một cách nhanh chóng và có hiệu quả nhất qua các chương trình mẫu( Dùng cho học sinh, kỹ thuật viên và sinh viên )                                     | 1 | Đậu Quang Tuấn    | - 004693   | 22,000 |
| 4247  | 100101301 | - Tự học thiết kế Web                                                                                                                                                                        | 3 | Trung Hiếu        | - 004693   | 8,500  |
| 898   | 100036675 | - Tự học và sử dụng ngoại ngữ                                                                                                                                                                | 6 | Nguyễn Huy Côn    | - 418      | 22,000 |
| 14517 | 100189646 | - Từ học và vật liệu từ - Thân Đức Hiền, Lưu Tuấn Tài                                                                                                                                        | 2 |                   | - 538      |        |
| 2073  | 100055444 | - Tự học VBScript trong 21 ngày - Lương Quỳnh Mai                                                                                                                                            | 1 | Vũ Thái Hà        | - 004693   | 60,000 |
| 4489  | 100104734 | - Tự học Windows XP & Internet một cách nhanh chóng và có hiệu quả                                                                                                                           | 1 | Đậu Quang Tuấn    | - 00543    | 45,000 |
| 14545 | 100189786 | - Tủ lạnh và máy điều hòa gia dụng - Nguyễn Đức Lợi                                                                                                                                          | 2 |                   | - 62157    |        |
| 4558  | 100105447 | - Tủ lạnh,máy kem,máy đá, máy điều hòa nhiệt độ - Phạm Văn Tuyền                                                                                                                             | 3 | Nguyễn Danh Lam   | - 62157    | 25,000 |
| 2506  | 100066709 | - Tự lắp đặt thiết kế hệ thống điện gia dụng                                                                                                                                                 | 2 | Hoàng Sơn         | - 6213192  | 26,000 |
| 960   | 100037709 | - Từ nổi tiếng Anh = - Linking words - Lê Tấn Thi                                                                                                                                            | 6 | Cobuild Collins   | - 425      | 17,000 |
| 423   | 100019391 | - Tủ sách tin học thiếu nhi Em học toán trên máy vi tính - Nguyễn Duy Linh                                                                                                                   | 1 | Nguyễn Hạnh       | - 0050202  | 8,500  |
| 2320  | 100061665 | - Tủ sách mạch điện tử ứng dụng dùng cho các trường dạy nghề và trung cấp kỹ thuật điện - điện tử - Tập 3, - Các thiết bị điện sử dụng trong nhà bếp và nhà tắm - Nguyễn Minh Đức            | 1 | Nguyễn Minh Đức   | - 62131042 | 14,000 |
| 3017  | 100079936 | - Tự sửa xe gắn máy Honda                                                                                                                                                                    | 1 | Nguyễn Oanh       | - 62928    | 45,000 |
| 4254  | 100101332 | - Tự thiết kế Website & Forum                                                                                                                                                                | 3 | Trần Lê Anh Minh  | - 004693   | 7,500  |
| 4371  | 100102300 | - Tự xây dựng website nhạc online                                                                                                                                                            | 5 | Trần Đại Minh Trí | - 004693   | 9,500  |
| 8868  | 100130069 | - Tư tưởng Hồ Chí Minh về các giá trị văn hoá cơ bản của Đảng cộng sản Việt Nam - Lê Hải Triều [và những người khác]                                                                         | 1 |                   | - 3355271  |        |
| 1517  | 100046290 | - Tủ bin nhiệt điện                                                                                                                                                                          | 5 | Phạm Quang Xung   | - 621816   | 29,500 |
| 3004  | 100079581 | - Tủ bin nước - Nguyễn Thị Xuân Thu                                                                                                                                                          | 1 | Võ Sỹ Huỳnh       | - 62126    | 34,000 |
| 4535  | 100105219 | - Từng bước tự học lập trình Visual C++net Có đĩa mềm kèm theo sách                                                                                                                          | 1 | Phương Lan        | - 005133   | 69,000 |
| 4202  | 100100931 | - Tủ biến giao điện Windows XP                                                                                                                                                               | 3 | Lê Khánh Vinh     | - 00543    | 7,500  |
| 962   | 100037816 | - Tuyển chọn 1800 bài tập toán rời rạc - Lipson Marc Lars                                                                                                                                    | 4 | Lipschutz Seymour | - 005131   | 60,000 |
| 466   | 100023320 | - Tuyển chọn 3000 bài toán về mạch điện có lời giải - Q2                                                                                                                                     | 4 | Tạ Quang Hùng     | - 62138132 | 85,000 |
| 622   | 100029368 | - Tuyển chọn 302 Mạch điện thông dụng                                                                                                                                                        | 5 | Lê Ngọc Cương     | - 62138132 | 25,500 |
| 15765 | 100198737 | - Tuyển chọn các bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm tiếng anh theo chủ điểm - Có bài giải và đáp án , 80 units of grammar exercises, english tests - Tập 4 - Trịnh Thanh Toàn, Tạ Nguyên Ngọc | 2 |                   | - 428      |        |



|       |           |                                                                                                                                                                                                    |   |                   |            |        |
|-------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------|------------|--------|
| 15771 | 100198791 | - Tuyển chọn các bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm tiếng anh theo chủ điểm - Có bài giải và đáp án, 40 units of grammar exercises, English tests - Tập 3 - Trịnh Thanh Toàn, Tạ Nguyên Ngọc        | 3 |                   | - 428      |        |
| 15767 | 100198764 | - Tuyển chọn các bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm tiếng anh theo chủ điểm - Có bài giải và đáp án, 80 units of grammar exercises, English tests - Tập 2 - Trịnh Thanh Toàn, Tạ Nguyên Ngọc        | 4 |                   | - 428      |        |
| 15754 | 100198678 | - Tuyển chọn các bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm tiếng anh theo chủ điểm - Giúp ôn thi tốt nghiệp và tuyển sinh - Tập 1 - Tạ Nguyên Ngọc, Trịnh Thanh Toàn                                       | 2 |                   | - 428      |        |
| 15774 | 100198818 | - Tuyển chọn các bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm tiếng anh theo chủ điểm - Giúp ôn thi tốt nghiệp và tuyển sinh - Tập 2 - Trịnh Thanh Toàn, Tạ Nguyên Ngọc                                       | 4 |                   | - 428      |        |
| 15760 | 100198725 | - Tuyển chọn các bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm tiếng anh theo chủ điểm - Giúp ôn thi tốt nghiệp và tuyển sinh - Tập 3 - Tạ Nguyên Ngọc, Trịnh Thanh Toàn                                       | 5 |                   | - 428      |        |
| 15749 | 100198642 | - Tuyển chọn các bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm tiếng anh theo chủ điểm - Giúp ôn thi tốt nghiệp và tuyển sinh - Tập 4 - Trịnh Thanh Toàn, Tạ Nguyên Ngọc                                       | 5 |                   | - 428      |        |
| 15750 | 100198657 | - Tuyển chọn các bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm tiếng anh theo chủ điểm - Giúp ôn thi tốt nghiệp và tuyển sinh - Tập 5 - Trịnh Thanh Toàn, Tạ Nguyên Ngọc                                       | 4 |                   | - 428      |        |
| 173   | 100007158 | - Tuyển chọn các bài thực hành tin học ứng dụng chuyên mục Autocad R13, R13C4 và Autocad R14 - 300 tác vụ giúp học và thực hành nhanh AutoCad R13, R13C4 và Autocad R14 - Hà Thanh Tâm             | 2 | Hoàng Phương      | - 00668    | 28,000 |
| 179   | 100008518 | - Tuyển chọn các bài thực hành tin học ứng dụng Chuyên mục Coreldraw 60 & 70, Coreldraw 80 gồm cả photo-paint 80 - 300 tác vụ giúp học và thực hành nhanh coreldraw 60- 70 & 80 - Nguyễn Quang Huy | 2 | Hoàng Phương      | - 00668    | 28,000 |
| 134   | 100003900 | - Tuyển truyện ngắn Trung Quốc                                                                                                                                                                     | 1 | Ông Văn Tùng      | - 8951301  | 47,000 |
| 727   | 100031507 | - Ứng dụng PLC siemens và moeller trong tự động hóa                                                                                                                                                | 1 | Nguyễn Tấn Phước  | - 629892   | 20,000 |
| 4480  | 100104634 | - Ứng dụng mã nguồn mở T2 Word trong Linux - Đoàn Thiện Ngân                                                                                                                                       | 1 | Nguyễn Thiên Hằng | - 00543    | 49,000 |
| 4998  | 100110854 | - TV màu phân tích 100 pan                                                                                                                                                                         | 1 | Phan Tuấn Uẩn     | - 62138804 | 35,000 |
| 5089  | 100111743 | - Ứng dụng mã nguồn mở T1 Windows trong Linux Có CD kèm theo sách - Hoàng Đức Hải                                                                                                                  | 1 | Đoàn Thiện Ngân   | - 00543    | 65,000 |
| 5093  | 100111778 | - Ứng dụng mã nguồn mở T3 Excel trong Linux Có CD kèm theo sách - Đoàn Thiện Ngân                                                                                                                  | 1 | Nguyễn Thiên Hằng | - 00543    | 65,000 |
| 15742 | 100198174 | - Tuyển tập bài tập điền từ đặt câu biến đổi câu tiếng anh - Trình độ ABC - Lê Văn Sự                                                                                                              | 1 |                   | - 425      |        |
| 16036 | 100200138 | - Tuyển trùng ký sinh gây bệnh côn trùng ở Việt Nam - Nguyễn Ngọc Châu                                                                                                                             | 1 |                   | - 57865    |        |
| 463   | 100023038 | - Ứng dụng Word 2002 trong tin học văn phòng                                                                                                                                                       | 4 | Nguyễn Tùng Anh   | - 00515    | 30,000 |
| 494   | 100024035 | - Vận hành và khai thác Windows 2000 làm chủ Microsoft Windows 2000 Server - Hoàng Đức Hải                                                                                                         | 1 | Phạm Hoàng Dũng   | - 00543    | 89,000 |
| 1052  | 100039125 | - Vai trò của nước và hệ thống tẩy rửa khử trùng (CIP) trong nhà máy thực phẩm - Bùi Bích Thủy                                                                                                     | 1 | Nguyễn Thị Hiền   | - 6641     | 14,000 |
| 4386  | 100103587 | - Vận hành hệ thống điện                                                                                                                                                                           | 1 | Trần Quang Khánh  | - 62131912 | 38,000 |
| 4760  | 100107971 | - Unix - Hệ điều hành và một số vấn đề quản trị mạng                                                                                                                                               | 1 | Lê Tuấn           | - 00543    | 87,000 |



|       |           |                                                                                                                                                  |    |                   |            |        |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------|------------|--------|
| 5143  | 100112389 | - Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới                                                                            | 1  | Phan Thanh Diễn   | - 335502   | 16,000 |
| 4947  | 100110332 | - Vận hành và sửa chữa máy phát điện nhỏ - Bùi Văn Yên                                                                                           | 2  | Bùi Văn Yên       | - 62146    | 32,000 |
| 984   | 100037932 | - Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI                                                                                                 | 5  |                   | - 33551    | 10,000 |
| 5189  | 100112842 | - Văn hóa Nam Chiếu Đại lý                                                                                                                       | 1  | Chiêm Toàn Hữu    | - 30651    | 45,000 |
| 970   | 100037870 | - Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII                                                                                               | 5  |                   | - 33551    | 10,000 |
| 971   | 100037876 | - Văn kiện hội nghị lần thứ bảy ban chấp hành Trung ương khóa VIII                                                                               | 5  |                   | - 33551    | 5,000  |
| 7     | 100000347 | - Văn phạm vui tiếng Anh dành cho học sinh = - Joyful english grammar for pupils - Macaulay M                                                    | 1  | EckersleyC.E.     | - 425      | 15,000 |
| 397   | 100017406 | - Văn phạm tiếng Anh thực hành = Practical English grammar course                                                                                | 1  | Trần Văn Điền     | - 425      | 16,000 |
| 403   | 100018228 | - Văn phạm tiếng Anh căn bản tóm lược                                                                                                            | 1  | Trần Văn Hải      | - 425      | 8,500  |
| 1403  | 100043912 | - Vật dụng gia đình                                                                                                                              | 1  | Nguyễn Mạnh Linh  | - 6437     | 27,000 |
| 2209  | 100059187 | - Vật liệu dệt                                                                                                                                   | 1  | Nguyễn Văn Lân    | - 6770283  | 24,500 |
| 3738  | 100094321 | - Vật liệu học cơ sở Giáo trình cho các ngành cơ khí của các trường Đại học                                                                      | 1  | Nghiêm Hùng       | - 62011    | 54,000 |
| 4627  | 100106404 | - Vật lý đại cương T 2 Điện-dao động-sóng - Nguyễn Hữu Hồ                                                                                        | 1  | Lương Duyên Bình  | - 531      | 17,400 |
| 5342  | 100115551 | - Văn kiện Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới ( WTO)                                                                                  | 1  |                   | - 3371     |        |
| 3538  | 100092752 | - Vật liệu kim loại màu                                                                                                                          | 2  | Nguyễn Khắc Xương | - 6692     | 55,000 |
| 2427  | 100064902 | - Vật liệu kỹ thuật - Trương Văn Trường                                                                                                          | 1  | Đặng Vũ Ngoạn     | - 620112   | 27,500 |
| 2976  | 100078293 | - Vật liệu kỹ thuật điện                                                                                                                         | 2  | Nguyễn Đình Thắng | - 62131042 | 48,000 |
| 190   | 100009220 | - Vật liệu kỹ thuật điện - Hồ Xuân Thanh                                                                                                         | 4  | Nguyễn Xuân Phú   | - 62130284 | 30,000 |
| 14459 | 100189346 | - Vật liệu kỹ thuật nhiệt lạnh - Nguyễn Đức Lợi, Vũ Diễm Hương, Nguyễn Khắc Xương                                                                | 2  |                   | - 6215     |        |
| 14479 | 100189446 | - Vật liệu Polyme phân hủy sinh học - Phạm Ngọc Lân                                                                                              | 2  |                   | - 5472     |        |
| 2074  | 100055466 | - Vật lý chuyển pha                                                                                                                              | 1  | Nguyễn Hữu Đức    | - 5311     | 27,800 |
| 2281  | 100060804 | - Vật liệu và vật liệu mới                                                                                                                       | 1  | Phạm Phổ          | - 669042   | 12,000 |
| 3067  | 100082220 | - Vật lý các hiện tượng từ                                                                                                                       | 1  | Nguyễn Phú Thùy   | - 5315     | 20,000 |
| 4823  | 100108641 | - Vật liệu và công nghệ hàn                                                                                                                      | 1  | Nguyễn Văn Thông  | - 67152    | 46,000 |
| 1949  | 100053862 | - Vật lý đại cương - T1 Cơ - Nhiệt                                                                                                               | 35 |                   | - 531      |        |
| 14470 | 100189397 | - Vật lý đại cương - Tập 1, - Cơ - Nhiệt - Nguyễn Xuân Chi, Đặng Quang Khang                                                                     | 2  |                   | - 531      |        |
| 4711  | 100107416 | - Vật lý đại cương Dùng cho các trường đại học khối kỹ thuật công nghiệp T3, Phần 1 - Quang học , vật lý nguyên tử và hạt nhân - Nguyễn Hữu Tăng | 2  | Lương Duyên Bình  | - 535      | 12,800 |
| 1405  | 100043945 | - Vật lý đại cương T2 - Điện - Từ                                                                                                                | 3  |                   | - 538      |        |
| 3083  | 100082784 | - Vật lý đại cương- T1 Cơ học và nhiệt học - Phan Văn Thích                                                                                      | 1  | Nguyễn Viết Kính  | - 531      | 23,600 |
| 2401  | 100064217 | - Vật lý linh kiện và sensor bán dẫn                                                                                                             | 5  | Phạm Văn Nho      | - 62138104 | 21,200 |
| 5028  | 100111188 | - Vật lý điện tử - Nguyễn Minh Hiền, Vũ Linh                                                                                                     | 1  | Nguyễn Minh Hiền  | - 5375     | 19,800 |
| 4775  | 100108196 | - Vẽ kỹ thuật cơ khí - Nguyễn Văn Tuấn                                                                                                           | 2  | Trần Hữu Quế      | - 6042     | 28,500 |
| 4862  | 100109472 | - Vật lý siêu dẫn                                                                                                                                | 1  | Nguyễn Huy Sinh   | - 53976    | 25,000 |
| 14563 | 100189882 | - Vẽ kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế Trần Hữu Quế, Nguyễn Văn Tuấn                                                                              | 2  |                   | - 6042     |        |



|       |           |                                                                                       |    |                      |             |         |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------|-------------|---------|
| 8896  | 100130677 | - Vẽ và thiết kế mạch in với Orcad 10                                                 | 5  |                      | - 668       |         |
| 15111 | 100193355 | - Vi điều khiển MCS - Phạm Hữu Lộc, Phạm Quang Trí                                    | 30 |                      | - 621381    |         |
| 3490  | 100092262 | - Vi tích phân hàm một biến - Trịnh Anh Ngọc                                          | 10 | Ngô Thành Phong      | - 510       | 12,500  |
| 5149  | 100112459 | - VI Lê-nin Bàn về thanh niên                                                         | 1  |                      | - 3354      | 48,000  |
| 8951  | 100131173 | - Vi xử lý - Sử dụng cho hệ đại học - Phạm Quang Trí, Phạm Hữu Lộc                    | 50 |                      | - 0056      |         |
| 4778  | 100108222 | - Vi xử lý và cấu trúc máy vi tính                                                    | 2  | Nguyễn Nam Trung     | - 0056      | 31,500  |
| 4920  | 100110078 | - Viba số T2 - Cao Phán                                                               | 1  | Bùi Thiện Minh       | - 6213813   | 44,100  |
| 4966  | 100110531 | - Viba số T1 - Cao Phán                                                               | 1  | Bùi Thiện Minh       | - 6213813   | 50,400  |
| 5098  | 100112066 | - Việt Nam hướng tới nền giáo dục hiện đại                                            | 40 | Nguyễn Đình Hương    | - 370       | 55,000  |
| 1865  | 100053152 | - Việt sử giai thoại T4 - 62 giai thoại thời Lê sơ                                    | 2  | Nguyễn Khắc Thuần    | - 895923081 | 5,000   |
| 1868  | 100053188 | - Việt sử giai thoại T5 - 71 giai thoại thời Trần                                     | 2  | Nguyễn Khắc Thuần    | - 895923081 | 7,500   |
| 1866  | 100053173 | - Việt sử giai thoại T7 - 69 giai thoại thế kỉ XVIII                                  | 2  | Nguyễn Khắc Thuần    | - 895923081 | 9,800   |
| 5403  | 100116427 | - Vietnam Journal of Mathematics                                                      | 1  |                      | - 510       |         |
| 5412  | 100116545 | - Vietnam journal of mathematics Tạp chí toán học                                     | 2  |                      | - 510       |         |
| 4109  | 100100243 | - Virus & Spam-Những điều cần biết                                                    | 3  | Phạm Tấn liêm        | - 00516     | 7,500   |
| 633   | 100029514 | - Virus tin học huyền thoại và thực tế                                                | 1  | Ngô Anh Vũ           | - 00516     | 21,000  |
| 3010  | 100079749 | - Visual AutoLisp 2006 - Hồng Phúc                                                    | 1  | Nguyễn Ngọc Tuấn     | - 005133    | 57,000  |
| 4479  | 100104623 | - Virus tin học huyền thoại và thực tế - Ngô Anh Vũ                                   | 1  | Ngô Anh Vũ           | - 00516     | 24,000  |
| 15371 | 100194923 | - Visual basic - Sử dụng cho bậc Đại học - Bùi Thư Cao, Phù Trần Tín                  | 60 |                      | - 005133    |         |
| 4369  | 100102291 | - VMware Workstation căn bản                                                          | 10 | Quách Lượm           | - 00465     | 7,500   |
| 5063  | 100111524 | - Visual C++ toàn tập tin học phổ thông - Hồng Phúc                                   | 1  | Nguyễn Ngọc Tuấn     | - 005133    | 100,000 |
| 520   | 100025475 | - Vô tuyến chuyển tiếp kỹ thuật số = - Digital radio-relay technology                 | 4  | Nguyễn Phạm Anh Dũng |             | 56,700  |
| 699   | 100030522 | - Vui học tiếng Anh qua bài hát = - Learn english the pleasant way                    | 5  | Tôn Thất Lan         | - 428       | 9,000   |
| 4062  | 100099906 | - Windows - Linux tấn công và phòng thủ                                               | 6  | Quách Lượm           | - 00543     | 7,500   |
| 2186  | 100058497 | - Windows server 2003 toàn tập T3 Quản lý và phục hồi sự cố trong Windows server 2003 | 1  | Lữ Đức Hào           | - 00543     | 41,000  |
| 3947  | 100098996 | - Windows XP Tùy biến - bảo mật - mạng                                                | 5  | Đinh Phan Chí Tâm    | - 00543     | 7,500   |
| 1032  | 100038951 | - Xác định các hư hỏng phụ tùng - Đỗ Tấn Dân                                          | 1  | Chung Thế Quang      | - 62928     | 28,500  |
| 4398  | 100103767 | - Xác suất thống kê Giáo trình cao Đẳng sư phạm                                       | 1  | Phạm Văn Kiều        | - 519       | 34,000  |
| 4525  | 100105109 | - Xác suất thống kê                                                                   | 1  | Nguyễn Văn Hộ        | - 519       | 13,300  |
| 4902  | 100109880 | - Xác suất thống kê - Đào Hữu Hồ                                                      | 1  | Đào Hữu Hồ           | - 519       | 24,000  |
| 4054  | 100099828 | - Xây dựng Forum với WebWizforum                                                      | 3  | Võ Xuân Vỹ           | - 004693    | 9,000   |
| 4271  | 100101438 | - Xây dựng FTP Server với giải pháp Dynamic DNS                                       | 3  | Vương Phúc           | - 00465     | 7,500   |



|       |           |                                                                                                           |    |                     |            |         |
|-------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------|---------|
| 4313  | 100101736 | - Xây dựng mạng VPN với giao thức PPTP                                                                    | 5  | Vương Phúc          | - 00467    | 8,500   |
| 4268  | 100101421 | - Xây dựng website Dreamwaver 8                                                                           | 5  | Hương Tinh Vệ       | - 004693   | 9,500   |
| 5009  | 100111000 | - Xây dựng mô hình 3D solid trong AutoCAD 2007 mô hình ba chiều                                           | 1  | Thu Trọng           | - 00668    | 12,000  |
| 4861  | 100109464 | - Xử lý ảnh chuyên nghiệp với Adobe Photoshop 60 Phần căn bản - Giáo trình thực hành                      | 2  | Ông Văn Thông       | - 00668    | 32,000  |
| 5154  | 100112506 | - Xin đừng quên lời nhà báo Hồ Chí Minh                                                                   | 1  | Đinh Chương         | - 335502   | 34,000  |
| 3975  | 100099233 | - Xử lý ảnh trong Photoshop                                                                               | 9  | Nguyễn Kim Hải      | - 00668    | 7,500   |
| 12347 | 100151554 | - Xử lý Audio - Video - Nguyễn Văn An, Phạm Hữu Lộc                                                       | 50 |                     | - 621388   |         |
| 852   | 100035873 | - Xử lý đối tượng 2D trong Autocad 2004                                                                   | 1  | Phạm Thành Đường    | - 00668    | 41,000  |
| 1064  | 100039230 | - Xử lý các đối tượng 3D trong AutoCAD 2004 Các bước tắt sử dụng nhanh Autorcad 2004                      | 1  | Lê Bá An            | - 00668    | 18,500  |
| 1563  | 100048331 | - Xử lý các đối tượng 3D và thiết kế kỹ thuật trong AutoCAD 2004                                          | 1  | Phạm Thành Đường    | - 00668    | 41,000  |
| 707   | 100030956 | - Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa                                                             | 1  | Trần Đức Hạ         | - 62816    | 30,000  |
| 824   | 100034330 | - Xử lý nước thải                                                                                         | 1  | Hoàng Huệ           | - 6283     | 21,000  |
| 860   | 100035973 | - Xử lý đối tượng 3D trong Autocad 2004                                                                   | 3  | Phạm Thành Đường    | - 00668    | 40,000  |
| 1099  | 100039528 | - Xử lý số tín hiệu Phương pháp truyền thống kết hợp với phần mềm MATLAB                                  | 8  | Hồ Văn Sung         | - 62138223 | 21,300  |
| 2288  | 100060884 | - Xử lý nước thải bằng bùn hoạt tính                                                                      | 1  | Nguyễn Thế Lực      | - 62816    | 3,500   |
| 2713  | 100071463 | - Xử lý nước cấp sinh hoạt & công nghiệp                                                                  | 1  | Nguyễn Thị Thu Thủy | - 6281     | 32,000  |
| 2736  | 100072329 | - Xử lý số tín hiệu Phương pháp truyền thống kết hợp với phần mềm MATLAB T1                               | 4  | Hồ Văn Sung         | - 62138223 | 21,300  |
| 3053  | 100081524 | - Xử lý số liệu bằng thống kê toán học trên máy tính - Nguyễn Thị Hồng Minh                               | 1  | Đào Hữu Hồ          | - 005131   | 13,600  |
| 4918  | 100110056 | - Xử lý số tín hiệu - Tập 1, - Phương pháp truyền thống kết hợp với phần mềm MATLAB - Hồ Văn Sung         | 1  | Hồ Văn Sung         | - 62138223 | 23,500  |
| 5066  | 100111534 | - Xử lý số tín hiệu đa tốc độ và dàn lọc lý thuyết và ứng dụng                                            | 1  | Hồ Văn Sung         | - 62138223 | 40,000  |
| 11534 | 100146644 | - Xử lý số tín hiệu = - digital signal processing sử dụng cho hệ Đại học - Đào Thị Thu Thủy, Phạm Hữu Lộc | 50 |                     | - 62138223 |         |
| 1096  | 100039523 | - Xử lý số tín hiệu Phương pháp truyền thống kết hợp với phần mềm MATLAB T2                               | 6  | Hồ Văn Sung         | - 62138223 | 24,900  |
| 1349  | 100043205 | - Xử lý tín hiệu số = - Digital signal processing                                                         | 4  | Nguyễn Hữu Phương   | - 62138223 | 100,000 |
| 1773  | 100052679 | - Xử lý tín hiệu số T2 - Phương pháp truyền thông kết hợp với phần mềm MATLAB                             | 1  | Hồ Văn Sung         | - 62138223 | 21,300  |
| 3693  | 100093984 | - Xử lý tín hiệu và lọc số - Tập 1 - Nguyễn Quốc Trung                                                    | 2  | Nguyễn Quốc Trung   | - 62138223 | 54,000  |
| 3758  | 100094656 | - Xử lý tín hiệu và lọc số                                                                                | 2  | Nguyễn Quốc Trung   | - 62138223 | 69,000  |
| 4524  | 100105103 | - Xử lý sự cố điện tử tổng hợp các hỏng hóc điện tử - Nguyễn Việt Hùng                                    | 2  |                     | - 6213     |         |
| 4637  | 100106506 | - Xử lý số tín hiệu và ứng dụng - Phạm Thượng Hàn                                                         | 2  | Phạm Thượng Hàn     | - 62138223 | 25,500  |
| 4807  | 100108498 | - Xử lý tín hiệu số T1 - Phương pháp truyền thông kết hợp với phần mềm MATLAB                             | 1  | Hồ Văn Sung         | - 62138223 | 23,500  |
| 4816  | 100108566 | - Xử lý tín hiệu số - Tập 2, - Phương pháp truyền thông kết hợp với phần mềm MATLAB - Hồ Văn Sung         | 1  | Hồ Văn Sung         | - 62138223 | 28,000  |



|       |           |                                                                                                                                                                          |     |                   |            |         |
|-------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------------|------------|---------|
| 5049  | 100111398 | - Xúc tiến thương mại với doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập                                                                                                          | 1   | Nguyễn Tiến Thuận | - 3801     | 35,000  |
| 5054  | 100111431 | - Xử lý sự cố và sửa chữa máy Audio và Video Cassette                                                                                                                    | 1   | Trung Minh        | - 62138833 | 60,000  |
| 189   | 100009205 | Hướng dẫn thực hành lắp đặt điện nhà                                                                                                                                     | 1   | Nguyễn Quân       | - 6213192  | 19,000  |
| 374   | 100016233 | Kỹ thuật truyền thanh                                                                                                                                                    | 1   | Mai Thanh Thụ     | - 6213841  | 35,000  |
| 3563  | 100093038 | Cơ học ứng dụng Phần lý thuyết Giáo trình cho sinh viên các trường Đại học Kỹ thuật đã được hội đồng duyệt sách trường Đại học Bách khoa Hà Nội duyệt - Nguyễn Văn Vượng | 1   | Đỗ Sanh           | - 531      | 42,000  |
| 4591  | 100105964 | Linh kiện bán dẫn và vi mạchHỗ Văn Sung                                                                                                                                  | 1   | Hồ Văn Sung       | - 62138152 | 23,000  |
| 4820  | 100108606 | Lập trình bằng ngôn ngữ Assembly cho máy tính PC - IBM                                                                                                                   | 1   | Nguyễn Mạnh Giang | - 005133   | 41,500  |
| 5283  | 100114953 | Luật chứng khoán (C:Ccó hiệu lực 01012007)                                                                                                                               | 1   |                   | - 343037   | 18,000  |
| 14465 | 100189376 | - Y học hạt nhân và kỹ thuật xạ trị - Nguyễn Thái Hà, Nguyễn Đức Thuận                                                                                                   | 2   |                   | - 615842   |         |
| 982   | 100037927 | Tìm hiểu Văn kiện đại hội VIII của Đảng Hỏi và đáp                                                                                                                       | 1   |                   | - 33551    | 5,000   |
| 5276  | 100114873 | Luật doanh nghiệp năm 2005 (có hiệu lực 172006)                                                                                                                          | 1   |                   | - 34307    | 27,000  |
| 5279  | 100114906 | Hệ thống kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp theo chế độ kế toán mới và mục lục ngân sách mới                                                                            | 1   | Phạm Quốc Lợi     | - 6571     | 236,000 |
| 17610 | 100264579 | Dạy học & tư vấn trong đào tạo đại học, cao đẳng                                                                                                                         | 200 |                   | 378.17     |         |



